

## *Chương VI*

# **HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC VỚI XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN**

Hy vọng chấn hưng dân tộc được gửi gắm ở giáo dục, hy vọng chấn hưng giáo dục lại được gửi gắm lại cho đội ngũ giáo viên. Trình độ phát triển giáo dục xét trên bình diện lớn quyết định phần lớn bởi tố chất chung của đội ngũ giáo viên. Cần tiếp thu rộng rãi kinh nghiệm có ích của các quốc gia trên thế giới trong xây dựng đội ngũ giáo viên cho sự nghiệp giáo dục, căn cứ theo yêu cầu hiện đại hóa giáo dục để nghiên cứu xác định nhiệm vụ, mục tiêu của đội ngũ giáo viên, thiết thực áp dụng các biện pháp nhằm nỗ lực xây dựng một đội ngũ giáo viên thích ứng với yêu cầu hiện đại hóa giáo dục, có đạo đức sư phạm cao thượng, nghiệp vụ tinh thông, đầy sức sống.

## **I- VAI TRÒ CỦA XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TRONG HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC**

Đội ngũ giáo viên chính là nền tảng của giáo dục, là cái gốc để chấn hưng giáo dục. Không ngừng nâng cao tố

chất của đội ngũ giáo viên, xây dựng một đội ngũ giáo viên nghiệp vụ tinh thông, cơ cấu hợp lý, tương đối ổn định là điều kiện tiên đề và nội dung quan trọng để thực hiện hiện đại hóa giáo dục. Cần nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng và tính cấp bách trong vấn đề tăng cường xây dựng đội ngũ giáo viên, áp dụng các biện pháp mạnh hơn nữa nhằm kiên quyết thực hiện xây dựng đội ngũ giáo viên nhân dân, đưa nhiệm vụ xây dựng đội ngũ giáo viên đi lên một tầm cao mới.

### **1. Xây dựng đội ngũ giáo viên là cái gốc để hiện đại hóa giáo dục**

Trong thế giới ngày nay, khoa học - kỹ thuật phát triển mau chóng, các quốc gia trên thế giới đều coi nâng cao năng lực sáng tạo là biện pháp chiến lược nhằm tăng cường sức mạnh tổng hợp, nâng cao sức cạnh tranh hạt nhân. Môi trường cạnh tranh quốc tế gay gắt đã đặt ra cho dân tộc Trung Hoa nhiệm vụ xây dựng đất nước theo mô hình sáng tạo. Muốn xây dựng một đất nước theo mô hình sáng tạo, giáo dục phải là yếu tố hàng đầu, nhân tài là mấu chốt quan trọng. Để bồi dưỡng nên một đội ngũ nhân tài sáng tạo trên các mặt, đáp ứng nhu cầu của thời đại và yêu cầu xây dựng hiện đại hóa chủ nghĩa xã hội, đội ngũ giáo viên là nhân tố mang tính mấu chốt quyết định. Giáo viên phải giàu tính sáng tạo mới có thể bồi dưỡng nên những nhân tài sáng tạo. Tình hình mới nhiệm vụ mới xây dựng toàn diện xã hội khá giả và xây dựng quốc gia theo mô hình sáng tạo yêu cầu rất bức

thiết tăng cường hơn một bước nữa xây dựng đội ngũ giáo viên, làm cho đông đảo đội ngũ giáo viên có thể gánh vác tốt hơn nữa trọng trách lịch sử bồi dưỡng nên đội ngũ nhân tài chất lượng cao, cống hiến nhiều hơn nữa cho sáng tạo tri thức, sáng tạo khoa học - kỹ thuật và sáng tạo về mặt chế độ.

Trong quá trình thúc đẩy hiện đại hóa giáo dục, buộc phải tập trung làm tốt ba nhiệm vụ công tác trọng tâm là: phổ cập và củng cố chắc giáo dục bắt buộc, ra sức phát triển giáo dục dạy nghề, thiết thực nâng cao giáo dục đại học, cao đẳng. Đội ngũ giáo viên là mấu chốt trong thực hiện ba nhiệm vụ nêu trên. Vấn đề "trào lưu lựa chọn trường" - một vấn đề hiện đang được dư luận xã hội hết sức chú ý, liên quan mật thiết tới lợi ích của quần chúng nhân dân thực chất chính là việc lựa chọn giáo viên, nói chính xác hơn nữa là lựa chọn giáo viên tốt. Sau khi bước vào giai đoạn đại chúng hóa giáo dục cao đẳng, đại học, quần chúng nhân dân đã quan tâm nhiều hơn tới vấn đề chất lượng giáo dục cao đẳng, đại học. Thực chất vấn đề chất lượng giáo dục cao đẳng, đại học cũng chính là vấn đề liên quan tới chất lượng của giáo viên. Muốn ra sức phát triển giáo dục dạy nghề, trước tiên cần bồi dưỡng cho tốt một đội ngũ giáo viên giỏi hai mặt: vừa có nền tảng lý luận vững chắc lại vừa có kỹ năng tương đối cao. Trong giải quyết rất nhiều mâu thuẫn nằm sâu bên trong của sự nghiệp giáo dục, biện pháp căn bản chính là bồi dưỡng nên một đội ngũ giáo viên chất lượng tốt hơn, đồng thời phân bổ một cách hợp lý tài nguyên giáo viên.

Giáo viên là người thừa hành cụ thể công tác dạy học trong các nhà trường. Sự nâng cao tố chất văn hóa, khoa học - kỹ thuật của học sinh, việc hình thành phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt đẹp của các em cho tới sự hình thành nên một cơ thể cường tráng, tố chất tâm lý lành mạnh... tất cả đều thực hiện thông qua thực tiễn lấy chính hành động, lời nói để truyền thụ, dạy dỗ cho học sinh trong quá trình dạy học của người giáo viên. Tố chất chính trị, tâm lý, trình độ kiến thức của người giáo viên ảnh hưởng quan trọng, trực tiếp tới bồi dưỡng nhân tài. Đặng Tiểu Bình chỉ ra: "Một nhà trường có thể bồi dưỡng được các nhân tài đủ tiêu chuẩn cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội hay không, bồi dưỡng nên đội ngũ người lao động có văn hóa, có đủ đức, trí, thể phát triển toàn diện, có giác ngộ chủ nghĩa xã hội. Mấu chốt nằm ở giáo viên"<sup>1</sup>. Tố chất của người giáo viên ảnh hưởng trực tiếp tới thực hiện mục tiêu giáo dục của trường học. Chỉ có không ngừng tăng cường xây dựng đội ngũ giáo viên, không ngừng nâng cao tố chất của người giáo viên trên các mặt tư tưởng chính trị, năng lực nghiệp vụ mới có thể bảo đảm cho chất lượng dạy học của nhà trường. Giáo viên là người tổ chức và người thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục. Cho dù là sự xác lập quan niệm giáo dục hiện đại, sự cải cách về nội dung, phương pháp, biện

---

1. Đặng Tiểu Bình: "Bài phát biểu trong Hội nghị công tác giáo dục toàn quốc", trích từ "Văn tuyển Đặng Tiểu Bình (1975-1982)". Nxb. Nhân dân, 1983, tr.105.

pháp giáo dục hay sự nâng cao chất lượng dạy học, tất cả đều được thể hiện thông qua yêu cầu đối với giáo viên, đều được thực hiện thông qua đội ngũ giáo viên. Tố chất và hình tượng chung của giáo viên trực tiếp ảnh hưởng tới diện mạo chung của sự nghiệp giáo dục, ảnh hưởng tới chất lượng và quy cách của việc bồi dưỡng nhân tài. Nên giáo dục hiện đại không thể tách rời kỹ thuật giáo dục hiện đại. Giáo viên là những người nắm vững, sử dụng kỹ thuật giáo dục hiện đại. Việc phát huy tác dụng của kỹ thuật giáo dục hiện đại quyết định bởi đội ngũ giáo viên, máy móc và thiết bị cho dù thông minh tới mấy đi chăng nữa đều không thể thay thế được tác dụng định hướng, dẫn dắt của giáo viên.

## **2. Xu thế quốc tế của đào tạo giáo viên**

Tăng cường xây dựng đội ngũ giáo viên, đào tạo giáo viên là mấu chốt quan trọng. Đào tạo giáo viên là cách gọi chung đối với công tác bồi dưỡng, huấn luyện giáo viên. Sự nghiệp đào tạo giáo viên trên thế giới hiện nay đang trải qua một cuộc cách mạng sâu sắc, biểu hiện nổi bật là sự chuyên nghiệp hóa của nghề giáo viên, học vấn ngày càng cao hơn, đào tạo suốt đời đối với giáo viên.

*Thứ nhất*, xu thế chuyên nghiệp hóa của nghề giáo viên. Từ trước tới nay, rất nhiều người cho rằng, chỉ cần có một hàm lượng tri thức nhất định là có thể làm giáo viên, giáo viên tiểu học, trung học là công việc ai ai cũng có thể làm. Quan niệm trên là phiến diện, có hại. Cùng với phân công nghề nghiệp xã hội ngày càng rõ ràng hơn, giới giáo

dục trên thế giới về cơ bản đã đạt được nhận thức chung cho rằng giáo viên là một công việc chuyên nghiệp hóa. Ngay từ năm 1955, Hội nghị Tổ chức giáo viên chuyên nghiệp đã đưa ra và đi đầu nghiên cứu vấn đề chuyên nghiệp hóa đội ngũ giáo viên. Sau đó, xác nhận tính chuyên nghiệp của nghề giáo viên, thúc đẩy tiến trình chuyên nghiệp hóa đội ngũ giáo viên luôn là mục tiêu nỗ lực chung của chính phủ các nước và các tổ chức quốc tế có liên quan. Kể từ những năm 80 của thế kỷ XX trở lại đây, thúc đẩy chuyên nghiệp hóa đội ngũ giáo viên đã phát triển thành một trong những nội dung và xu thế quan trọng của cải cách giáo dục quốc tế.

Hàm nghĩa cơ bản của chuyên nghiệp hóa nghề giáo viên là: chuyên nghiệp trong chuyên ngành học và chuyên nghiệp về giáo dục. Việc giao nhiệm vụ của Nhà nước cho giáo viên được thực hiện vừa theo tiêu chuẩn quy định về học lực lại vừa có những yêu cầu tất yếu về kiến thức, kỹ năng giáo dục và đạo đức nghề nghiệp. Nhà nước có cơ cấu chuyên môn, nội dung, biện pháp giáo dục riêng chuyên đảm trách giáo dục, đào tạo đội ngũ giáo viên, đồng thời cũng có chế độ đánh giá, quản lý đối với tư cách của giáo viên và cơ cấu giáo dục. Hàm nghĩa cơ bản nhất biểu đạt qua khái niệm chuyên nghiệp hóa đội ngũ giáo viên chính là coi dạy học là công việc chuyên môn, coi giáo viên là những nhân viên chuyên nghiệp.

Trách nhiệm đào tạo đội ngũ giáo viên nằm ở bồi dưỡng nên các giáo viên đã được rèn luyện về tố chất, đã đạt tới tiêu chuẩn chuyên nghiệp hóa. Thông qua sự

chuyên nghiệp hóa của giáo viên để thực hiện sự chuyên nghiệp hóa trong việc dạy học nhằm bảo đảm đáp ứng nhu cầu đối với đội ngũ giáo viên của các nhà trường trong tương lai. Chuyên nghiệp hóa đội ngũ giáo viên là vấn đề trung tâm trong cải cách công tác đào tạo giáo viên của các quốc gia trên thế giới. Để thúc đẩy sự phát triển chuyên nghiệp hóa đội ngũ giáo viên, rất nhiều quốc gia đã tiến hành các cải cách, tìm tòi về các vấn đề như xác nhận tư cách để bổ nhiệm làm nghề giáo viên, cấp phép cho cơ sở đào tạo giáo viên, cấp phép cho những người được phép tham gia đào tạo giáo viên. Tất cả các quốc gia đều cố gắng đưa ra những yêu cầu cao về tiêu chuẩn đối với nghề giáo viên để đẩy nhanh tiến trình chuyên nghiệp hóa đội ngũ giáo viên.

Tại Trung Quốc, những tìm tòi, thử nghiệm về chuyên nghiệp hóa đội ngũ giáo viên bắt đầu từ giữa những năm 90 của thế kỷ XX. Năm 1995, Quốc Vụ viện ban hành "Điều lệ tư cách giáo viên nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa". Điều lệ này quy định rõ: "Công dân Trung Quốc làm công tác dạy học trong các cơ sở giáo dục như các trường học ở mọi cấp học, bậc học cần có tư cách giáo viên theo quy định của pháp luật". Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm công tác thí điểm về quá độ thực hiện chế độ tư cách giáo viên và hướng tới giao cho xã hội xác nhận tư cách giáo viên, vào năm 2000, Bộ Giáo dục Trung Quốc đã ban hành quy định mang tính thao tác về việc giao cho xã hội xác định tư cách giáo viên: "Biện pháp thực hiện "Điều lệ tư cách giáo viên

nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa". Từ đây, chế độ xác định tư cách giáo viên được triển khai toàn diện. Kể từ khi bước vào thế kỷ mới tới nay, các địa phương của Trung Quốc đã thực hiện được một lượng lớn công việc với nhiều thành quả tốt trên các mặt như hoàn thiện cơ chế bồi dưỡng giáo viên, cơ chế tuyển dụng, cơ chế đào tạo... Các nhà trường, cơ sở đào tạo có nhiệm vụ bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ giáo viên căn cứ theo yêu cầu chuyên nghiệp hóa đội ngũ giáo viên đã tích cực thúc đẩy các nội dung cải cách như thay đổi quy cách, nội dung, mô hình đào tạo giáo viên, thu được nhiều thành tựu rõ rệt, thúc đẩy sự phát triển của sự nghiệp chuyên nghiệp hóa đội ngũ giáo viên.

*Thứ hai*, xu thế học vấn cao hơn của đội ngũ giáo viên. Cùng với sự nâng lên của trình độ phát triển giáo dục, yêu cầu cộng đồng quốc tế về học lực của đội ngũ giáo viên trung học, tiểu học cũng đã không ngừng được nâng cao. Kể từ thế kỷ XX tới nay, đào tạo giáo viên của các quốc gia, khu vực phát triển trên thế giới đã lần lượt trải qua sự thay đổi từ đào tạo trong các trường sư phạm với trình độ trung cấp chuyển sang đào tạo trong các học viện sư phạm với trình độ cao đẳng, đại học; từ đào tạo độc lập tại các học viện sư phạm chuyển sang đào tạo trình độ đại học với các kỹ năng tổng hợp, kết hợp với những chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn sau đại học, đồng thời dần hình thành nên cơ chế học vị giáo dục cho đội ngũ giáo viên như cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ giáo dục. Từ năm 1900, Mỹ đã bắt đầu giao cho các học viện sư phạm đào tạo đội



ngũ giáo viên trung học, tiểu học với trình độ cử nhân. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các học viện sư phạm đã được chuyển đổi sang thành các học viện hoặc trường đại học với nhiều mục tiêu đào tạo khác nhau. Bắt đầu từ thời gian đó cho tới hiện nay, chức năng bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ giáo viên trung học, tiểu học đều do các học viện, trường đại học thông thường đảm nhiệm. Năm 1943, Nhật Bản đã cho nâng cấp các trường sư phạm lên thành trường chuyên ngành sư phạm (tương đương với các trường đại học ngắn hạn hiện nay). Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, toàn bộ giáo viên trung học, tiểu học tại Nhật Bản đều do các trường cao đẳng, đại học đào tạo. Pháp có hệ thống giáo dục sư phạm rất hoàn chỉnh. Bắt đầu từ những năm 90 của thế kỷ XX trở đi, Pháp đã bắt đầu mở các lớp nghiên cứu sinh chuyên ngành sư phạm trong các học viện đào tạo sư phạm. Khuynh hướng học vấn cao hơn của đội ngũ giáo viên cũng thể hiện ngày một rõ hơn tại các quốc gia đang phát triển. Các nước như Malaixia, Syria đều quy định giáo viên tiểu học ít nhất phải có trình độ cử nhân đại học trở lên. Ai Cập, Ấn Độ, Nigêria cũng đang nỗ lực nâng thời gian bồi dưỡng, đào tạo một giáo viên tiểu học lên từ 3-5 năm.

Cơ cấu đội ngũ giáo viên thế giới cũng đang phát sinh những thay đổi lớn trên phương diện yêu cầu về học lực của giáo viên. Phần lớn các quốc gia công nghiệp đều yêu cầu đội ngũ giáo viên tiểu học của mình phải có trình độ từ tốt nghiệp đại học trở lên. Điều này không nghi ngờ gì nữa đã phản ánh xu thế lâu dài của hệ thống giáo dục

toàn thế giới, cho dù con đường mà các quốc gia đang phát triển cần đi vẫn còn tương đối dài, nhưng đây là xu thế tất yếu.

*Thứ ba*, xu thế đào tạo suốt đời đối với giáo viên. Giáo dục suốt đời, học tập suốt đời chính là dòng chủ lưu, xu thế phát triển trong tương lai của giáo dục thế giới. Yêu cầu tiếp tục học tập nâng cao của nghề giáo viên đối với đội ngũ giáo viên làm cho quan niệm đào tạo cả đời được quán triệt, thực hiện đầu tiên trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, từ đó hình thành nên xu thế quan trọng đào tạo suốt đời đối với giáo viên. Năm 1996, Đại hội Giáo dục thế giới đã thông qua Kiến nghị thư số 80, trong phần đề cập tới đào tạo tiếp theo đối với đội ngũ giáo viên đã chỉ ra rõ ràng rằng: Trong một thế giới đang thay đổi nhanh chóng, bồi dưỡng tại chức đã trở thành một việc làm tối quan trọng trong tất cả các hoạt động, các chuyên ngành. Đây vừa là một quyền lợi, đồng thời cũng là một trách nhiệm đối với đội ngũ công nhân viên giáo dục. Các sách lược để thúc đẩy bồi dưỡng suốt đời đối với đội ngũ giáo viên chủ yếu gồm có: xây dựng mạng lưới bồi dưỡng tại chức đối với đội ngũ giáo viên trên toàn quốc; xây dựng cơ chế cổ vũ giáo viên học tập suốt đời; xây dựng mô hình giáo dục tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ giáo viên học tập suốt đời.

Đào tạo suốt đời đối với giáo viên đã đặt ra yêu cầu mới đối với hệ thống đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, từ đó làm xuất hiện xu thế hợp nhất giữa đào tạo trước khi tham gia công việc và đào tạo tại chức. Khái niệm đào

tạo giáo viên hiện nay được hiểu theo nghĩa, dưới tư tưởng chỉ đạo bồi dưỡng suốt đời, căn cứ các giai đoạn phát triển khác nhau của phát triển chuyên ngành giáo dục, nó là tên gọi chung của đào tạo trước khi ra ngành và bồi dưỡng tại chức đối với giáo viên. Kể từ những năm 70 của thế kỷ XX tới nay, rất nhiều quốc gia đã tiến hành hợp nhất giữa đào tạo trước khi ra ngành và bồi dưỡng tại chức cho giáo viên, thông qua điều chỉnh sắp xếp việc bồi dưỡng, giao việc và đào tạo nâng cao, thúc đẩy sự tiếp tục nâng cao tố chất và năng lực của đội ngũ giáo viên.

### **3. Tình hình xây dựng đội ngũ giáo viên tỉnh Giang Tô**

Từ cải cách mở cửa tới nay, tỉnh Giang Tô đã coi xây dựng đội ngũ giáo viên là kế sách cơ bản nhằm phát triển, nâng cao sự nghiệp giáo dục, coi tăng cường xây dựng các trường sư phạm là trọng điểm chiến lược trong phát triển sự nghiệp giáo dục, từ đó thu được những thành tựu nổi bật. Ưu thế giáo dục của tỉnh Giang Tô có được chính là nhờ vào ưu thế tố chất của đội ngũ giáo viên trong tỉnh.

Có làm tốt công tác đào tạo đội ngũ sư phạm mới có được nguồn giáo viên. Căn cứ theo yêu cầu nêu trong "Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách thể chế giáo dục": "Xây dựng một đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đạt tiêu chuẩn, ổn định là kế sách căn bản để thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm", vào giữa những năm 80 của thế kỷ XX, tỉnh Giang Tô đã đưa ra

quyết định chuyên về lĩnh vực này, quy định rõ trong phân phối nhân lực, vật lực và tài chính cho sự nghiệp giáo dục, đều cần làm nổi rõ trọng điểm đào tạo đội ngũ giáo viên. Dưới sự chỉ đạo của tư tưởng và chính sách tu chất đội ngũ giáo viên đi trước, toàn tỉnh đã quy hoạch một cách khoa học, bố trí hợp lý, kiện toàn tương đối sớm hệ thống giáo dục sư phạm cơ bản thích ứng với sự phát triển của sự nghiệp giáo dục tỉnh nhà, đồng thời còn thúc đẩy xây dựng tiêu chuẩn hóa trong các nhà trường, học viện sư phạm, không ngừng cải thiện điều kiện giảng dạy của các trường này. Căn cứ theo yêu cầu "hướng tới tương lai", Giang Tô đã dẫn đầu cả nước trong thực hiện thí điểm chế độ đào tạo giáo viên với thời gian 5 năm. Trên cơ sở các kinh nghiệm đã có được, tới năm 2005, toàn tỉnh đã hoàn thành sự quá độ từ đào tạo giáo viên sư phạm 3 cấp sang còn 2 cấp. Toàn tỉnh đã tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi dưỡng giáo viên, trọng tâm tập trung vào bồi dưỡng ngay trong trường học, chú trọng tới hiệu quả thực tế, không ngừng nâng cao tố chất toàn diện của đội ngũ giáo viên. từ đó, hàng loạt những nhân vật dẫn đầu trong các ngành khoa học, một đội ngũ giáo viên cốt cán giàu năng lực sáng tạo, có tiềm năng phát triển đã ra đời. Theo thống kê, năm 2005, tỷ lệ giáo viên mẫu giáo, tiểu học có trình độ từ trung cấp chuyên nghiệp trở lên ở hai cấp học lần lượt đạt 51%, 61%, tỷ lệ giáo viên phổ thông cơ sở có trình độ từ đại học trở lên đạt 41%, giáo viên các trường phổ thông trung học, phổ thông trung học nghề có trình độ đại học trở lên lần lượt đạt 87%, 78%.

Trong phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo, giáo viên là mấu chốt. Nhiều năm trở lại đây, các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp đã vô cùng coi trọng sự nghiệp giáo dục cũng như xây dựng đội ngũ giáo viên, đầy tâm huyết cố gắng thông qua hành động thực tế, làm nhiều việc tốt hơn cho đội ngũ giáo viên và những người làm công tác giáo dục, quan tâm tới sự tiến bộ trưởng thành của họ, giải quyết các khó khăn trong thực tiễn, nỗ lực gây dựng trong toàn xã hội tác phong tốt đẹp tôn sư trọng đạo. Đông đảo đội ngũ giáo viên và những người làm công tác giáo dục trong tỉnh cũng không quên trọng trách mà Đảng và nhân dân giao phó, coi bồi dưỡng đội ngũ nhân tài ưu tú là trách nhiệm quan trọng của bản thân, tự giác tăng cường tự tu dưỡng tư tưởng, đạo đức, nỗ lực không ngừng nghiên cứu nâng cao nghiệp vụ, không ngừng nâng cao trình độ đào tạo kiến thức, dạy dỗ con người, xuất hiện nhiều tấm gương điển hình tiên tiến. Tác phong tôn sư trọng đạo trong toàn tỉnh đã dần hình thành, hệ thống bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đội ngũ giáo viên đã ngày một hoàn thiện hơn, điều kiện làm việc và điều kiện sống của giáo viên không ngừng được cải thiện, đông đảo đội ngũ giáo viên nêu gương xứng đáng làm thầy, tập trung dạy tri thức, đào tạo con người, được xã hội tôn trọng.

Trong thời kỳ xã hội có sự chuyển biến mau chóng hiện nay, đặc biệt là cùng với việc triển khai các cải cách về cơ chế như chiêu sinh, tìm kiếm việc làm, hộ tịch..., xây dựng đội ngũ giáo viên trong toàn tỉnh vừa gặp được cơ hội

hiếm có, lại cũng phải đối diện với rất nhiều khó khăn, thách thức.

*Thứ nhất*, việc thu hút các nhân tài ưu tú theo học ngành sư phạm, làm giáo viên đã trở nên tương đối khó khăn. Vị trí công tác của người giáo viên phải gánh vác trọng trách bồi dưỡng nhân tài cho đất nước, là người dẫn đường cho thế hệ sau phát triển lành mạnh, do đó cần có một đội ngũ nhân tài ưu tú làm công tác dạy học. Chỉ khi đưa công việc giáo viên thành một công việc được xã hội thực sự hâm mộ thì mới có thể thu hút nhiều hơn nữa các nhân tài ưu tú theo học chuyên ngành sư phạm, làm nghề giáo viên. Cùng với việc đẩy mạnh thực hiện cơ chế thu phí trong các trường cao đẳng, đại học, trong những năm sau thập niên 90 của thế kỷ XX, các nhà trường sư phạm cũng đã bắt đầu thực hiện chính sách cùng chia sẻ gánh nặng giáo dục, cũng thu học phí như tại các trường khác, chính sách ưu đãi miễn học phí với sinh viên sư phạm thực hiện trong suốt thời gian dài từ trước tới nay đã không còn nữa, thêm vào đó mức đãi ngộ cho giáo viên thấp, điều này đã dẫn tới hiện tượng chất lượng đầu vào sinh viên ngành sư phạm giảm sút. Những học sinh ưu tú không muốn đăng ký thi vào ngành sư phạm, những sinh viên sư phạm giỏi sau khi tốt nghiệp cũng không muốn trở về làng quê dạy học. Cần căn cứ đặc điểm mới của thời kỳ mới, áp dụng những biện pháp đặc thù để thu hút các học sinh giỏi, đặc biệt là các học sinh giỏi tới từ các gia đình nghèo theo học ngành sư phạm, làm giáo viên.

*Thứ hai*, công tác bồi dưỡng với các giáo viên tại chức cũng cần được tăng cường thêm. Trong giai đoạn hiện nay, biên chế giáo viên cho các trường trung học, tiểu học trong toàn tỉnh đã tương đối chặt, mâu thuẫn giữa công việc và học tập của giáo viên nổi lên rất rõ. Các giáo viên ở tuyến đầu ở nông thôn có rất ít cơ hội tham gia các lớp bồi dưỡng ở bậc cao hơn vì thế nên việc học nâng cao trình độ còn ở mức rất hạn chế. Hơn nữa việc bồi dưỡng tại chức cho các giáo viên lại thiếu nguồn kinh phí ổn định. Một số địa phương do ngân sách khó khăn, ngân sách dành cho đào tạo, bồi dưỡng giáo viên liên tiếp nhiều năm không có.

*Thứ ba*, trình độ chuyên nghiệp hóa của đội ngũ giáo viên trung học, tiểu học không cao. Đối chiếu với yêu cầu "giáo viên cần trở thành người thúc đẩy học sinh học tập, người gợi mở trước mỗi bài học, là người nghiên cứu" nêu trong cải cách giáo trình dạy học ở bậc học cơ sở ở Trung Quốc, đông đảo đội ngũ giáo viên tại Trung Quốc hiện nay còn cách xa yêu cầu trên về cả năng lực và tố chất chuyên môn, năng lực giảng bài, năng lực sắp xếp nội dung bài học và năng lực khai thác, nghiên cứu còn rất yếu. Để có thể duy trì việc dạy học một cách bình thường, một số trường học tại các làng bản xa xôi còn mời một số người không đủ tư cách đứng lớp.

Trong quá trình thúc đẩy hiện đại hóa giáo dục, cần phải đặt xây dựng đội ngũ giáo viên vào vị trí chiến lược quan trọng nổi bật, đẩy nhanh sáng tạo về mặt cơ chế và tổ chức, tiếp đó quy hoạch, xây dựng các cơ sở giáo dục, đội

ngũ giáo viên. cải cách mô hình đào tạo giáo viên. nâng cao toàn diện trình độ chuyên môn và tố chất giáo viên ở mọi cấp: tăng cường công tác bồi dưỡng. không ngừng đổi mới và nâng cao trình độ văn hóa, tri thức của đội ngũ giáo viên lên một tầm cao mới.

## II- MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ TRONG XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN

Trong quá trình thúc đẩy hiện đại hóa giáo dục, cần lấy tăng cường đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, bồi dưỡng tại chức làm trọng điểm, ra sức thực hiện chiến lược tăng cường giáo dục, đào tạo nhân tài, thúc đẩy đi sâu hơn nữa cải cách. sáng tạo cơ chế, nâng cao chất lượng toàn diện tố chất chung của đội ngũ giáo viên, nỗ lực xây dựng một đội ngũ giáo viên có phẩm chất tốt, nghiệp vụ tinh thông, cơ cấu hợp lý, tràn đầy sức sống, làm vừa lòng nhân dân. làm chỗ dựa vững chắc cho ưu tiên phát triển sự nghiệp giáo dục, phát triển đi trước, đẩy nhanh phát triển khoa học của tỉnh Giang Tô.

### 1. Mục tiêu chủ yếu trong xây dựng đội ngũ giáo viên thời kỳ mới

Tới năm 2010. toàn tỉnh Giang Tô về cơ bản đã xây dựng nên hệ thống đào tạo giáo viên tương đối hiện đại, số lượng giáo viên đã có thể đáp ứng nhu cầu cải cách. phát triển sự nghiệp giáo dục, cơ cấu đội ngũ giáo viên đã được nâng cao rõ rệt: bố trí tài nguyên giáo viên cơ bản hợp lý;



**địa vị, đãi ngộ của giáo viên được nâng cao thêm một bước; đông đảo đội ngũ giáo viên có phẩm chất sư phạm tốt đẹp, tư tưởng giáo dục tiên tiến, trình độ lên lớp tốt; tổ chức tổng thể của đội ngũ giáo viên đã thích ứng với nhu cầu cơ bản hiện đại hóa sự nghiệp giáo dục.**

Hệ thống đào tạo giáo viên đã được hoàn thiện thêm một bước. Hình thành nên cục diện các trường đại học, cao đẳng sư phạm làm chủ thể trong đào tạo đội ngũ giáo viên. Ba bậc đào tạo giáo viên là trung cấp, đại học, nghiên cứu sinh đã có sự phát triển hài hòa, đào tạo trước khi ra ngành và bồi dưỡng tại chức đã có mối liên hệ gắn kết bền chặt với nhau, đào tạo có cấp bằng và các hình thức bồi dưỡng ngắn hạn không cấp bằng được tổ chức song song, có lợi cho sự phát triển chuyên nghiệp hóa của đội ngũ giáo viên và hệ thống giáo dục, đào tạo đội ngũ giáo viên hiện đại, trong đó tập trung chú trọng bồi dưỡng cả đời.

Cơ cấu đội ngũ giáo viên đã có sự cải thiện rõ rệt. Đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông đã có xu hướng hợp lý hơn về cơ cấu, thể hiện cả ở cấp học, giai đoạn học, chuyên ngành. Lý do chọn học ngành sư phạm, học lực, kết cấu chức vụ của đội ngũ giáo viên cũng đã được tối ưu hóa thêm một bước nữa. Tỷ lệ giáo viên "vừa giỏi chuyên môn nghiệp vụ sư phạm, vừa có kiến thức chuyên sâu" trong giáo dục ở các trường cao đẳng, trung cấp nghề lần lượt lên tới 70%, 60%.

Học vấn của giáo viên ở tất cả các cấp học, bậc học đều được nâng cao rõ rệt. Trong giai đoạn thực hiện "Quy

hoạch 5 năm lần thứ 11", trên cơ sở toàn bộ giáo viên các cấp mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở trong toàn tỉnh đã đạt học vấn quy định của quốc gia, tỷ lệ giáo viên mầm non, tiểu học có trình độ từ trung cấp chuyên nghiệp trở lên đã lần lượt đạt trên 70% và trên 90%. Tỷ lệ giáo viên bậc trung học cơ sở có trình độ từ đại học trở lên đã ở mức trên 60%. Số các giáo viên phổ thông trung học và trung học chuyên nghiệp có trình độ đại học trở lên lần lượt ở mức trên 95% và trên 90%, trong đó tỷ lệ có bằng nghiên cứu sinh đều đạt trên 5%.

Tỷ lệ số giáo viên trong các trường đại học, cao đẳng trọng điểm, các trường đại học thông thường, các trường trung cấp chuyên nghiệp có bằng nghiên cứu sinh lần lượt đạt trên 85%, trên 70% và trên 40%. Trong số các giảng viên của các trường đại học trọng điểm, tỷ lệ có học vị tiến sĩ đã lên tới trên 40%.

Đội ngũ giáo viên bổ sung cho các trường đại học, cao đẳng chủ yếu có trình độ nghiên cứu sinh, đội ngũ giáo viên bổ sung trong các trường trung học chuyên nghiệp chủ yếu có trình độ đại học. Đối với bậc học tiểu học, mẫu giáo, đội ngũ này chủ yếu có trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

## **2. Tăng cường công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trung học, tiểu học mới vào nghề**

Lên kế hoạch và xây dựng các cơ sở đào tạo giáo viên. Ưu tiên hơn một bước về cơ cấu, quy hoạch, sắp xếp các nhà trường chuyên đảm nhiệm bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ giáo viên, nâng cao chất lượng đào tạo, lựa chọn và

xác định một số cơ sở chuyên đảm nhiệm bồi dưỡng đội ngũ giáo viên mẫu giáo, tiểu học, đào tạo giáo viên trung học và giáo viên trung học chuyên nghiệp. Căn cứ theo quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục, kiên trì căn cứ theo nguyên tắc bồi dưỡng, xác định một cách hợp lý quy mô và kết cấu đào tạo đội ngũ sinh viên sư phạm, tăng cường bồi dưỡng đội ngũ giáo viên ở các chuyên ngành như ngoại ngữ, kỹ thuật, tin học, nghệ thuật và giáo viên tổng hợp. Tích cực phát triển loại hình đào tạo giáo viên ở bậc trung cấp chuyên nghiệp với thời gian đào tạo là 5 năm, bổ sung cho các cấp mầm non, tiểu học đội ngũ giáo viên đủ tư cách. Tiếp tục hoàn thiện hơn một bước nữa các phương pháp tuyển sinh, nâng cao chất lượng đầu vào cho ngành sư phạm. Mở rộng quy mô loại hình đào tạo nghiên cứu sinh tại chức cho cấp trung học, tiểu học, trung học chuyên nghiệp. Cổ vũ các trường đại học lớn tham gia đào tạo nghiên cứu sinh chuyên ngành sư phạm.

Đẩy nhanh cải cách mô hình và giáo trình bồi dưỡng, đào tạo giáo viên. Điều chỉnh và hoàn thiện khung mục tiêu bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trung học, tiểu học, thúc đẩy sự đa dạng hóa về mô hình. Đối với đội ngũ giáo viên giai đoạn trung học phổ thông, cần từng bước thực hiện bồi dưỡng phân đoạn kiến thức khoa học và kiến thức nghiệp vụ sư phạm, thử nghiệm các mô hình đào tạo học thẳng từ đại học lên thạc sĩ theo dạng hai học vị "4+1" và "4+2". Việc bồi dưỡng giáo viên các giai đoạn mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở chủ yếu cần thực hiện theo mô

hình đào tạo tổng hợp có sự kết hợp hữu cơ giữa bồi dưỡng kiến thức nền về văn hóa và bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

Tăng cường kết hợp chặt chẽ giữa cải cách đào tạo đội ngũ giáo viên với cải cách nội dung chương trình học ở bậc trung học, tiểu học, điều chỉnh kết cấu chuyên ngành trong đào tạo đội ngũ giáo viên, đặt ra tiêu chuẩn về chương trình đào tạo, xây dựng hệ thống giáo trình và nội dung dạy học mới cho bậc đào tạo này. Tăng cường huấn luyện thực tiễn cho các sinh viên sư phạm, nâng cao năng lực sư phạm cho các em. Xây dựng hệ thống đánh giá và cơ chế giám sát chất lượng đào tạo, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên sư phạm. Các trường đại học, cao đẳng chuyên về sư phạm cần tăng cường mối liên hệ với các trường đào tạo giáo viên sư phạm ở bậc cơ sở, kết hợp với thực tiễn để triển khai nghiên cứu về khoa học giáo dục, tổ chức cho giáo viên định kỳ tới các trường trung học, tiểu học để tiến hành các hoạt động giáo dục thực tiễn.

### **3. Tăng cường đào tạo tiếp theo đối với đội ngũ giáo viên trung học, tiểu học**

Hoàn thiện cơ chế đào tạo tiếp theo đối với đội ngũ giáo viên trung học, tiểu học. Xây dựng cơ chế cổ vũ khích lệ giáo viên học tập cả đời và cổ vũ họ phát triển trong nghề nghiệp của mình, thúc đẩy đội ngũ giáo viên tự học. Thực hiện cơ chế cấp giấy chứng nhận cho các lớp đào tạo tiếp theo đối với giáo viên, coi việc tham gia các lớp đào

**tạo tiếp theo là một trong những nội dung quan trọng để khảo sát, đánh giá giáo viên. Việc đào tạo, bồi dưỡng tiếp theo đối với giáo viên trung học, tiểu học cần thực hiện chế độ 5 năm một chu kỳ, trong 5 năm này, thời gian đào tạo đối với các giáo viên tại chức nhất định không được thấp hơn 240 học trình. Hoàn thiện cơ chế đào tạo tiếp tục từ bậc đại học lên nghiên cứu sinh trong các trường cao đẳng, đại học, tăng cường chỉ đạo và quản lý đối với công tác đào tạo nâng cao học hàm, học vị trong hệ thống trường sư phạm, thúc đẩy xây dựng tổ chức trường học ở các cấp học theo mô hình học tập, làm cho mô hình học tập tiếp theo từ đại học lên thạc sĩ, tiến sĩ trở thành con đường tiến thân quan trọng trong nghề giáo viên. Hoàn thiện cơ chế bồi dưỡng khi được bổ nhiệm đối với hiệu trưởng các trường tiểu học, trung học và cơ chế bồi dưỡng nâng cao. Các hiệu trưởng mới được bổ nhiệm cần được tiếp nhận không dưới 300 học trình đào tạo khi nhậm chức. Các hiệu trưởng đương nhiệm cứ mỗi 5 năm tại chức cần tiếp nhận không dưới 240 học trình bồi dưỡng nâng cao.**

Thực hiện bồi dưỡng toàn diện đối với giáo viên trung học, tiểu học. Kiên trì phương châm "hướng tới toàn diện, làm nổi bật đội ngũ cốt cán, nghiêng về ưu tiên cho nông thôn", lấy "quan niệm mới, giáo trình mới, kỹ thuật mới và đào tạo đạo đức sư phạm" làm trọng điểm đào tạo, lựa chọn một đội ngũ giáo viên cấp cao và các giáo viên trẻ cốt cán ưu tú có năng lực sáng tạo và tiềm năng phát triển để tiến hành bồi dưỡng trọng điểm, đặt nền móng vững chắc để họ phát triển trở thành các chuyên gia giáo dục trung

học, tiểu học giai đoạn sau này. Ra sức triển khai bồi dưỡng các giáo viên trung học, tiểu học cốt cán, nâng cao năng lực và trình độ thực hiện đào tạo tổ chức cho học sinh của đội ngũ này, xây dựng một đội ngũ giáo viên cốt cán đáp ứng yêu cầu thời đại, có thể phát huy tác dụng nhân rộng điển hình. Tiếp tục triển khai bồi dưỡng hợp tác quốc tế, trong giai đoạn thực hiện "Quy hoạch 5 năm lần thứ 11", mỗi năm cần tài trợ kinh phí cho một lớp giáo viên và hiệu trưởng cốt cán ra nước ngoài bồi dưỡng. Tăng cường hơn nữa bồi dưỡng, đào tạo giáo viên với các lĩnh vực đặc thù như giáo dục mầm non, giáo dục với trẻ em đặc biệt, giáo dục dân lập. Đưa đào tạo giáo viên chủ nhiệm lớp và cán bộ đội thiếu niên tiên phong thành một nội dung trong chương trình đào tạo giáo viên.

Tăng cường xây dựng các cơ sở đào tạo. Tiếp tục cải thiện điều kiện dạy học của các trường cao đẳng, đại học chuyên ngành sư phạm và các trường đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, phát huy đầy đủ tác dụng nòng cốt của các cơ sở này trong lĩnh vực bồi dưỡng hiệu trưởng và các giáo viên trung học, tiểu học. Điều chỉnh hợp lý các tài nguyên đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu dạy học, nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo dục thông qua các phương tiện truyền thông hiện đại ở cấp huyện, thị, hình thành các trung tâm nghiên cứu, đào tạo nâng cao cho giáo viên ở cấp huyện, giao cho các trung tâm này đảm nhiệm chức năng quản lý tổ chức, phục vụ hiệp đồng trong bồi dưỡng các hiệu trưởng, giáo viên trong toàn huyện. Kết hợp thực hiện "Kế hoạch liên minh mạng đào tạo giáo viên", tăng

cường xây dựng các cơ sở đào tạo giáo dục từ xa thông qua hệ thống máy vi tính và các trang web chuyên về giáo dục, nỗ lực cung cấp các tài nguyên chất lượng tốt và sự trợ giúp về kỹ thuật cho đào tạo, bồi dưỡng giáo viên. Sử dụng hết sức các tài nguyên giáo dục chất lượng tốt cả ở trong và ngoài nước; trên cơ sở quan hệ hợp tác, xây dựng các cơ sở bồi dưỡng bên ngoài tỉnh và ở nước ngoài.

#### **4. Ra sức tăng cường xây dựng đội ngũ giáo viên cho nông thôn**

Tích cực thúc đẩy các giáo viên ở thành thị hỗ trợ đào tạo các giáo viên ở nông thôn. Xây dựng cơ chế giáo viên thành thị (ở cấp huyện thị trở lên) hỗ trợ đào tạo giáo viên nông thôn, lựa chọn và cử xuống nông thôn một đội ngũ vào khoảng 10.000 giáo viên ưu tú ở thành thị để chi viện cho các cơ sở giáo dục nông thôn, lựa chọn và cử khoảng 10.000 sinh viên ưu tú xuống nông thôn dạy học. Tổ chức kết nghĩa, giao lưu giữa các trường trọng điểm, điển hình của thành thị với các trường trung học, tiểu học ở nông thôn, tăng cường giao lưu, trao đổi thông tin giữa các trường. Có chế độ ưu tiên thích hợp khi bổ nhiệm, đề bạt cho các giáo viên ở thành thị có thành tích công tác tốt trong chi viện giáo viên ở nông thôn. Đối với các sinh viên ưu tú tốt nghiệp đại học tình nguyện tới công tác tại các trường ở cấp huyện trở xuống tại khu vực xa xôi, hẻo lánh phía đông bắc tỉnh, nếu công tác đủ 3 năm sẽ được tỉnh cấp ngân sách bồi hoàn toàn bộ kinh phí đào tạo trong thời gian học đại học. Lựa chọn và cử một cách có kế hoạch các

hiệu trưởng ưu tú tại thành thị xuống chi viện cho các trường ở nông thôn, lựa chọn cử các hiệu trưởng ưu tú vùng nông thôn lên rèn luyện tại huyện thị.

Thực hiện chương trình nâng cao tổ chất giáo viên nông thôn. Căn cứ theo nhu cầu phát triển thực tế của đội ngũ giáo viên nông thôn tại khu vực xa xôi, hẻo lánh chậm phát triển phía bắc tỉnh Giang Tô, thực hiện đào tạo định hướng đối với giáo viên ở các chuyên ngành, môn học đang có sự khuyết thiếu nghiêm trọng. Sinh viên học các chuyên ngành sư phạm này trong quá trình học tại trường sẽ được cấp học bổng định hướng, sau khi tốt nghiệp sẽ được phân công tới dạy học tại khu vực nông thôn phía bắc tỉnh theo kế hoạch đào tạo định hướng đã ký khi vào trường. Trong giai đoạn thực hiện "Quy hoạch 5 năm lần thứ 11", về cơ bản thực hiện xong luân phiên, điều chuyển công tác một đợt đối với các giáo viên ở giai đoạn giáo dục bắt buộc, bảo đảm cho các giáo viên ở khu vực xa xôi hẻo lánh phía bắc tỉnh trong 5 năm này ít nhất sẽ được tham gia một đợt đào tạo được tổ chức tốt. Tăng cường mức độ đào tạo, bồi dưỡng đối với các giáo viên cốt cán tại khu vực nông thôn, từ đó thúc đẩy toàn diện việc xây dựng tổng thể đội ngũ giáo viên nông thôn. Cổ vũ giáo viên nông thôn thông qua các con đường như tự thi, học hàm thụ, học giáo dục từ xa để nâng cao trình độ học vấn một cách có kế hoạch, có bước đi phù hợp. Tại các huyện, thị có kinh tế còn chưa phát triển, cần lập các chế độ hỗ trợ, trợ cấp tiền đứng lớp, trợ cấp khu vực đối với giáo viên cốt cán ở nông thôn, thông qua phương thức



tuyển sinh công khai, thi tuyển có cạnh tranh cho các chức danh để ổn định và thu hút một đội ngũ giáo viên cốt cán bám trụ dạy học tại nông thôn. Nâng cao một cách thích đáng tỷ lệ giáo viên trung, cao cấp tại các bậc học trung học, tiểu học tại nông thôn.

### **5. Đẩy nhanh xây dựng đội ngũ giáo viên cho các trường dạy nghề**

Tổ chức thực hiện kế hoạch nâng cao tổ chất cho đội ngũ giáo viên các trường dạy nghề. Tăng cường hơn một bước nữa xây dựng cơ sở vật chất cho các nhà trường đào tạo giáo viên dạy nghề, ra sức triển khai đào tạo toàn diện cho đội ngũ giáo viên, với trọng điểm là các giáo viên cốt cán, nâng cao toàn diện năng lực thực tiễn, trình độ dạy học và học vấn cho đội ngũ giáo viên này. Lựa chọn và cử đi đào tạo có trọng điểm các giáo viên trẻ ưu tú tại các trường dạy nghề, gây dựng một nhóm các giáo viên dạy nghề ưu tú dẫn đầu có lý luận, thực tiễn tốt. Giáo viên dạy nghề cứ hai năm một ít nhất phải có hai tháng tới rèn luyện, bồi dưỡng thực tế tại các đơn vị doanh nghiệp hoặc hệ thống sản xuất, dịch vụ. Thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao "kỹ sư thực tế - tu nghiệp sinh", tổ chức cho đội ngũ giáo viên chuyên nghiệp thâm nhập vào các cơ sở sản xuất thực tế, các ngành, triển khai hợp tác nghiên cứu phát triển đối với các lĩnh vực kỹ thuật mấu chốt.

Đẩy nhanh bồi dưỡng đội ngũ giáo viên "hai ưu tú". Ra sức bồi dưỡng đội ngũ giáo viên "hai ưu tú": vừa có

tư cách giáo viên, vừa có chức vụ công tác tại các vị trí kỹ thuật chuyên nghiệp không thuộc lĩnh vực giáo dục hoặc từng có kinh nghiệm công tác thực tế tại các xí nghiệp tuyến đầu. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với nâng cao trình độ dạy học cho các giáo viên các trường dạy nghề. Đối với các trường đại học, cao đẳng chuyên đảm nhiệm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng các giáo viên dạy nghề, cần căn cứ đặc điểm của từng chuyên môn, ngành học, lựa chọn các doanh nghiệp lớn và vừa có điều kiện kỹ thuật, trang thiết bị tương đối tốt để thực hiện cơ chế kết hợp liên kết đào tạo giáo viên dạy nghề giữa trường học và doanh nghiệp. Mở các lớp nghiên cứu sinh cho giáo viên dạy nghề, lựa chọn các nhân viên kỹ thuật có lòng đam mê với lĩnh vực sư phạm để gửi tới các trường đại học trọng điểm đào tạo nghiên cứu sinh. Đối với các giáo viên dạy nghề có trình độ thực tiễn giỏi tại các trường đại học, cao đẳng chuyên ngành, có thể căn cứ theo các chức vụ kỹ thuật chuyên môn để thí điểm thực hiện quy định riêng, cho phép họ thi lấy bằng kỹ thuật thứ hai (ngoài chuyên môn sư phạm), cũng có thể căn cứ theo các quy định liên quan để cho họ thi lấy chứng chỉ nghiệp vụ tương đương. Hoàn thiện các phương pháp đánh giá tư cách trình độ bậc nghề tại các trường đào tạo giáo viên dạy nghề. thực hiện đánh giá phân loại trình độ độc lập. Nghiên cứu ban hành và hoàn thiện chính sách tuyển dụng giáo viên trong các trường dạy nghề kiêm nhân viên kỹ thuật, ủng hộ thực hiện cơ chế cho phép các trường dạy nghề

mời nhân viên kỹ thuật bên ngoài, các nhân tài khoa học - kỹ thuật vào làm giáo viên dạy nghề hoặc chỉ đạo viên trong các lớp dạy nghề.

## **6. Ra sức thúc đẩy xây dựng đội ngũ giáo viên các trường đại học, cao đẳng**

Ra sức bồi dưỡng các giáo viên cốt cán và đội ngũ lãnh đạo, dẫn đầu các chuyên ngành. Làm tốt công tác tuyển chọn bồi dưỡng nhân tài ưu tú nổi bật, nhân tài dẫn đầu các lĩnh vực cho các trường đại học, cao đẳng, xây dựng có trọng điểm đội ngũ giáo viên giàu tố chất học thuật, trình độ cao, giàu khả năng sáng tạo. Tiếp tục thực thi "Chương trình cái nôi đào tạo, bồi dưỡng thanh niên" tại các trường đại học, cao đẳng, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ trong các trường đại học, cao đẳng. Tăng cường hợp tác và giao lưu quốc tế, mỗi năm đều trợ giúp kinh phí một cách có trọng điểm để gửi một lượng nhất định các giảng viên trẻ cốt cán có tiềm năng ra các trường đại học nổi tiếng ở nước ngoài để nghiên cứu, đào tạo nâng cao. Cổ vũ và khích lệ các trường đại học, cao đẳng xây dựng mối liên hệ mật thiết với các xí nghiệp, các cơ sở nghiên cứu khoa học theo nhiều kênh, nhiều hình thức khác nhau để cùng bồi dưỡng nên các nhân tài sáng tạo. Ủng hộ giảng viên các trường cao đẳng, đại học tham gia giảng dạy ở nhiều đơn vị khác nhau ngoài trường gốc của mình, tham gia các hoạt động giao lưu học thuật quốc tế, bồi dưỡng nên một đội ngũ chuyên gia giáo dục có tầm ảnh hưởng. Tăng cường xây

dụng các cơ sở lưu động cho đối tượng đào tạo sau tiến sĩ tại các trường đại học để bồi dưỡng và thu hút một đội ngũ nhân tài chất lượng cao. Hoàn thiện cơ chế đào tạo nâng cao đối với giảng viên các trường đại học, cao đẳng, lấy nâng cao năng lực sáng tạo trong dạy học, năng lực sáng tạo về khoa học - kỹ thuật làm trọng điểm, triển khai các lớp bồi dưỡng với nhiều hình thức, mang tính hướng đối tượng cao.

Ra sức thu hút đội ngũ nhân tài chất lượng cao tham gia vào công tác giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng. Kiên trì các nguyên tắc tuyển chọn giảng viên theo nhu cầu, làm nổi bật trọng điểm, coi trọng hiệu quả thực tế; áp dụng các phương thức như thu hút cả nhóm, thu hút dựa vào sức lôi cuốn của nhân tài hạt nhân, thu hút thông qua các chương trình khai thác khoa học - kỹ thuật công nghệ cao để thu hút các nhân tài trình độ cao và nhân tài ở các lĩnh vực hiện đang thiếu hụt nghiêm trọng vào công tác trong các trường đại học, cao đẳng. Trong giai đoạn thực hiện "Quy hoạch 5 năm lần thứ 11", tại các trường đại học đào tạo cử nhân trong tình, thực hiện chế độ mời các học giả thỉnh giảng trình độ cao, tập trung thu hút các nhân tài kiệt xuất trong và ngoài nước có trình độ giảng dạy tốt, nghiên cứu học thuật sâu, có thể giúp mang lại sự phát triển vượt bậc của một lĩnh vực, một chuyên ngành nào đó trong nhà trường. Các trường đại học, cao đẳng có đủ điều kiện cần áp dụng các hình thức linh hoạt như thuê giảng dạy trong thời gian ngắn, hợp tác kỹ thuật để thu

rút nguồn tài nguyên trí tuệ và các nhân tài ưu tú trong và ngoài Trung Quốc tới giảng dạy, làm việc. Tích cực, chủ động làm tốt công tác đối với các giảng viên đi du học, ủng hộ các giảng viên du học này thông qua nhiều hình thức khác nhau để cống hiến cho sự phát triển của sự nghiệp giáo dục tỉnh Giang Tô.

Tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý cốt cán trong các trường đại học, cao đẳng ở Giang Tô. Lấy năng lực thi hành nhiệm vụ làm trọng tâm, trọng điểm, tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa một bước công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý, lãnh đạo cốt cán trường đại học, cao đẳng. Lựa chọn một cách có kế hoạch các cán bộ ưu tú ở độ tuổi trung niên và thanh niên để gửi họ xuống địa phương rèn luyện. Hàng năm đều sắp xếp cho một đội ngũ cán bộ lãnh đạo các trường đại học, cao đẳng ra nước ngoài nghiên cứu, học tập nâng cao, ra sức nâng cao năng lực quán triệt quan điểm phát triển khoa học, năng lực bao quát toàn cục và năng lực sáng tạo thiết thực cho cán bộ lãnh đạo các trường đại học, cao đẳng. Hoàn thiện cơ chế lựa chọn, bồi dưỡng và quản lý đội ngũ nhân tài làm công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong các trường đại học, cao đẳng, tăng cường công tác bồi dưỡng cho đội ngũ này, ra sức xây dựng một đội ngũ giảng viên, hướng dẫn viên và chủ nhiệm lớp có năng lực giảng dạy tốt các môn chính trị, tư tưởng. Áp dụng các biện pháp có hiệu quả, thiết thực tăng cường xây dựng đội ngũ quản lý dạy học và đội ngũ trợ giảng, nâng cao trình độ quản lý và hiệu quả quản lý của đội ngũ này.

### III- XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO ĐỘI NGŪ GIÁO VIÊN

Tố chất của người giáo viên bao gồm tố chất tư tưởng đạo đức, tố chất văn hóa, khoa học - kỹ thuật, tố chất kỹ năng chuyên nghiệp, tố chất thể chất, tâm lý. Trong đó, tố chất tư tưởng đạo đức là quan trọng nhất. Tố chất đạo đức của người giáo viên là tiêu chí về đạo đức cho toàn xã hội học tập. Thành bại của giáo dục quyết định ở chính người giáo viên. Tố chất của người giáo viên chủ yếu quyết định ở đạo đức sư phạm. Cần phải tăng cường định hướng đạo đức, đặt xây dựng đạo đức sư phạm vào vị trí hàng đầu trong xây dựng đội ngũ giáo viên.

#### 1. Ý nghĩa của đạo đức sư phạm đối với người giáo viên

Đặc điểm nghề nghiệp của nghề dạy học, dạy người yêu cầu giáo viên không chỉ là người học rộng biết nhiều mà còn phải là những người có phẩm chất đạo đức cao thượng, thông qua hình tượng đạo đức sư phạm tốt đẹp của mình để dẫn dắt học sinh, nỗ lực trở thành người truyền bá tri thức, trí tuệ, gợi mở, hun đúc tinh thần, ảnh hưởng nhân cách tới thế hệ sau, người thể hiện các giá trị đạo đức của xã hội. Vào dịp Kỷ niệm 22 năm ngày nhà giáo Trung Quốc, hãng thông tấn Trung Quốc Tân Hoa Xã đã cho đăng lá thư của Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào trả lời thư của cô Mạnh Phi, con gái giáo sư Mạnh Nhị Đông thuộc trường Đại học Bắc Kinh, nhà giáo ưu tú cấp toàn

quốc của Trung Quốc. Trong lá thư trả lời này, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào đã đánh giá cao giáo sư Mạnh Nhị Đông, người có chí hướng cao đẹp đã "dùng toàn bộ sinh mệnh có hạn của mình để báo hiếu Tổ quốc, báo hiếu nhân dân", có "tinh thần cần cù, thiết thực trong dạy học", "đạo đức cao đẹp của người giáo viên nhân dân". Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào nhấn mạnh, giáo sư Mạnh Nhị Đông "không chỉ toát lên sức cuốn hút từ học thức mà còn toát lên sức hấp dẫn của nhân cách"<sup>1</sup>. Lời đánh giá, tán dương rất cao của Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào về tinh thần cao thượng và thành tích trong hoạt động của giáo sư Mạnh Nhị Đông chính là cách diễn đạt mới, khái quát mới về tinh thần đạo đức sư phạm trong thời kỳ mới, là mục tiêu, yêu cầu mới trong nâng cao tố chất toàn diện đối với đội ngũ giáo viên, là kim chỉ nam hành động cho tăng cường xây dựng đạo đức sư phạm, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên vừa giỏi đức vừa giỏi tài trong thời kỳ mới, giai đoạn mới.

Đạo đức sư phạm ở đây không chỉ gồm đạo đức đơn thuần mà còn bao gồm thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị quan, lập trường và thái độ chính trị, quan niệm và hành vi chấp hành pháp luật... Chữ "đức" ở trong đạo đức sư phạm đã vượt qua phạm vi ngành sư phạm, vượt qua phạm vi đạo đức thông thường, nó đã trở thành tố chất cần có của một công dân tiên tiến trong xã hội.

---

1. "Lá thư trả lời con gái giáo sư Mạnh Nhị Đông của Tổng bí thư Hồ Cẩm Đào gây phản hồi mạnh trong đội ngũ giáo viên", *Nhân dân nhật báo* số ra ngày 6-9-2006.

Đạo đức sư phạm là mấu chốt trong sự phát triển của ngành sư phạm. Sự chuyên nghiệp hóa của người giáo viên không chỉ bao gồm chuyên môn hóa về mặt tri thức, kỹ thuật mà còn thể hiện ở đạo đức chuyên môn, tức là những yêu cầu về đạo đức sư phạm. Đạo đức sư phạm là một thứ đạo đức chuyên môn được thể hiện và thăng hoa trong hoạt động giáo dục của người giáo viên, là một tiêu chí quan trọng trong chuyên nghiệp hóa đội ngũ giáo viên.

Khác biệt lớn nhất giữa ngành giáo viên với các ngành khác là, cái mà người giáo viên phải đối diện là một cuộc sống đầy sinh động, là các thiếu niên, nhi đồng, thanh, thiếu niên đang trong độ tuổi hình thành nhân cách, trí tuệ, ham học hỏi, bất chước. Tư tưởng của các em còn rất thuần chất, thơ ngây, tâm hồn còn non nớt, đầy khát khao trước thế giới tri thức, các em cần được sự định hình về tư tưởng. Đạo đức sư phạm không chỉ là yêu cầu về mặt hành vi cá nhân của giáo viên mà còn là một biện pháp quan trọng trong hoạt động giáo dục. Giáo viên cần nêu gương cho học sinh trên mọi mặt của đời sống, thông qua phẩm chất, tài năng và đạo đức cao thượng của mình để ảnh hưởng học sinh, bồi dưỡng, thúc đẩy sự trưởng thành về đạo đức của các em. Nghề giáo viên là một hoạt động đạo đức thực tiễn. Đối với sự trưởng thành của giáo viên, đạo đức sư phạm có tác dụng là động lực, định hướng và bảo đảm cho nâng cao tố chất của người giáo viên. Đạo đức sư phạm là thể hiện trực tiếp, căn bản nhất đặc trưng của chuyên ngành sư phạm.



## **2. Nội hàm đạo đức sư phạm đối với giáo viên hiện đại**

Nội hàm của đạo đức sư phạm rất phong phú, bao trùm lên toàn bộ các phương diện trong cuộc sống của người giáo viên. Thực tiễn giáo dục cho thấy, người giáo viên muốn làm tốt công việc dạy học của mình, mấu chốt quan trọng nhất, cơ bản nhất là phải xử lý tốt ba mối quan hệ: *Thứ nhất* là mối quan hệ giữa cá nhân người giáo viên với sự nghiệp giáo dục, tức giáo viên phải yêu nghề, làm tốt nhiệm vụ đứng lớp; *Thứ hai*, phải xử lý tốt mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh, tức giáo viên phải yêu thương học sinh, dạy cả chữ lẫn người; *Thứ ba*, giải quyết tốt mối quan hệ giữa đặc thù lao động của ngành giáo viên với tu dưỡng bản thân, tức giáo viên phải lấy chính bản thân mình làm tấm gương cho học sinh. Yêu thương học sinh, yêu nghề, dạy chữ dạy người, làm tấm gương sáng cho học sinh noi theo, đây chính là nội hàm cơ bản, nội dung chính của đạo đức sư phạm.

Yêu thương học sinh, yêu nghề là hạt nhân đạo đức của nghề giáo viên. Muốn có được đạo đức nghề nghiệp cao thượng, trước tiên người giáo viên phải yêu thương học sinh, yêu ngành. Nếu không yêu thương sẽ không thể dạy dỗ được, không có tinh thần yêu ngành yêu nghề sẽ không thể trở thành một giáo viên đạt tiêu chuẩn. Yêu thương học trò, yêu ngành yêu nghề đã trở thành linh hồn của đạo đức sư phạm. Với vai trò là hạt nhân của đạo đức sư phạm, yêu thương học trò, yêu ngành yêu nghề yêu cầu người giáo viên phải tự xây dựng cho

mình một ý thức nghề nghiệp rất cao. Ý thức nghề nghiệp ở đây còn có thể gọi là tinh thần yêu nghề, nó là một thứ niềm tin, thái độ, quyết tâm thôi thúc người ta toàn tâm toàn ý đầu tư cho công việc, không ngừng nỗ lực để phấn đấu. Nó là bảo đảm cho nỗ lực phấn đấu đi lên và thành công trong sự nghiệp của mỗi người. Ý thức nghề nghiệp của người giáo viên chính là kiên định công việc mà mình đang làm là một công việc cao thượng, từ đó một lòng một dạ dốc tâm thực hiện, quyết tâm thông qua công tác dạy học để lập thành tích lớn nhất, cống hiến nhiều nhất cho nhân dân. Ý thức nghề nghiệp chính là động lực thôi thúc bên trong để người giáo viên làm tốt công việc giáo dục, nó đem lại cho họ sức mạnh, thúc đẩy họ kiên cường và phấn đấu đi lên. Với vai trò là nội dung hạt nhân trong đạo đức sư phạm, yêu thương học trò, yêu ngành yêu nghề yêu cầu người giáo viên phải có tinh thần trách nhiệm cao. Đây vừa là một thứ tình cảm nghề nghiệp cao thượng, vừa là động lực to lớn để giáo viên làm tốt bổn phận của mình. Tinh thần trách nhiệm của người giáo viên nằm ở chỗ họ coi giáo dục tốt thế hệ sau là trách nhiệm không thể chối từ của bản thân, coi đó là thiên chức của mình. Tinh thần trách nhiệm này yêu cầu người giáo viên không chỉ phải dạy chữ mà còn phải dạy người, không chỉ phụ trách học sinh khi các em ở trường mà còn phải phụ trách cả đời đối với học sinh của mình.

Dạy chữ, dạy người là trọng điểm đạo đức của ngành sư phạm. Tiêu chuẩn của người giáo viên căn cứ vào yêu

cầu phát triển của xã hội và quy luật phát triển tâm lý, thể chất của học sinh, hoàn thành hết chức trách, tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp của mình, vừa truyền đạt cho học sinh kiến thức văn hóa, vừa giáo dục tư tưởng, đạo đức cho các em, bồi dưỡng các em trở thành thế hệ mới phát triển toàn diện các mặt đức, trí, thể. Đây vừa là chức trách cơ bản của người giáo viên, cũng là quy phạm đạo đức nghề nghiệp mà người giáo viên cần tôn trọng. Dạy chữ là một phần trong công tác dạy người. Dạy tốt kiến thức cho học sinh là chức trách chủ yếu của người giáo viên. Người dạy chữ trước tiên cần có kiến thức vững chắc. Muốn dạy học cho tốt, giáo viên phải có kiến thức sư phạm nền chắc. Kiến thức sư phạm nền này là năng lực dạy học cơ bản nhất, xuyên suốt các khâu trong quá trình dạy học, cũng là yêu cầu tối thiểu đối với một giáo viên, là nền tảng cho việc nâng cao tố chất tự thân của người giáo viên. Giáo viên là "người kỹ sư tâm hồn" của nhân loại, do đó dạy tốt con người chính là thiên chức của người giáo viên. Dạy người bao gồm nhiều mặt như dạy chữ, dạy đạo đức, giáo dục thể chất... Muốn làm tốt công tác này, người giáo viên phải tuân theo quy luật giáo dục, làm theo quy luật giáo dục, không ngừng đổi mới quan niệm giáo dục, gây dựng cho mình quan niệm giáo dục lấy dạy con người làm gốc, quan niệm về chất lượng giáo dục, trong đó coi trọng phát triển toàn diện cả đức - trí - thể - mỹ cho học sinh; gây dựng quan niệm giá trị giáo dục đặt nền móng cho sự phát triển và hạnh phúc cả đời của học sinh. Đồng thời, giáo viên cũng cần phải có được

nhiều loại năng lực, kỹ năng giáo dục. Dưới sự chỉ đạo của lý luận giáo dục hiện đại, thông qua thực tiễn của bản thân để tìm tòi phương pháp giáo dục sao cho hiệu quả nhất.

Làm gương cho học sinh là nền tảng cho đạo đức sư phạm, đồng thời là yêu cầu đặc thù mà ngành sư phạm nêu ra đối với nhân cách của người giáo viên. Học sinh hy vọng rằng thầy, cô giáo không chỉ có kiến thức rộng rãi mà còn có nhân cách cao thượng, không chỉ giỏi dạy học mà còn tích cực chú trọng dạy người. Ngành giáo viên là một ngành đặc thù với yêu cầu về mặt hàm lượng đạo đức tương đối cao. Một giáo viên giỏi không chỉ cần có sức ảnh hưởng đối với học sinh về mặt học thuật mà quan trọng hơn là phải có sức thuyết phục, khả năng truyền cảm tới học sinh về mặt nhân cách. Đạo đức sư phạm cao thượng chính là một cuốn sách giáo khoa sinh động về nhân sinh cho học sinh. Khổng Tử nói rằng: "Nếu tấm thân của người thầy là chính trực thì cho dù có không cần mệnh lệnh, học sinh vẫn cứ nghe theo". So với các nội dung đạo đức sư phạm khác, giá trị đặc thù của việc làm gương cho học sinh thể hiện ở chỗ giá trị này mang chức năng giáo dục rất to lớn. Để làm gương cho học sinh, trước hết người giáo viên phải nghiêm khắc với chính bản thân mình, tức là bất cứ việc gì giáo viên yêu cầu học sinh làm thì trước tiên người giáo viên phải làm được điều đó. Lấy bản thân làm tấm gương cho học trò được thể hiện rất sinh động, rất chân thực, lại mang đầy giá trị thực quan. Điều này không cần dựa vào bất cứ tín

liều hay niềm tin nào, chỉ thông qua các hoạt động giao tiếp bình đẳng, ngấm dần qua từng lời nói, hành động, chuyển hóa dần, không mang theo bất cứ áp lực nào, do đó dễ kích thích sự kính trọng, tín nhiệm, cộng hưởng, quan tâm và bất chước của học sinh. Hành động lấy mình làm gương cho học sinh của giáo viên thể hiện chính ở việc giáo viên tự giác đem chuyển hóa đạo đức của chính bản thân mình, thể hiện nó ra ngoài để trở thành một phương pháp giáo dục. Hiệu quả cao của phương pháp này là điều mà không có bất cứ một lực lượng giáo dục nào khác có thể so sánh được. Đây chính là cảnh giới cao nhất của giáo dục.

### **3. Cách thức cơ bản để xây dựng đạo đức nghề nghiệp cho giáo viên**

Từ xưa tới nay, Giang Tô luôn là vùng đất hội tụ tinh anh, văn hóa giáo dục sớm phát triển của Trung Quốc, nơi đây đã từng đào tạo, bồi dưỡng ra nhiều nhân tài rường cột của quốc gia, cũng là nơi khởi nguồn của nhiều danh nhân giáo dục. Từ Diệp Thánh Đào cho tới Trần Hạc Cầm, từ Tư Hà cho tới Lý Cát Lâm, tất cả họ không ai không thông qua sự tu dưỡng đạo đức sư phạm cao thượng, trình độ giáo dục siêu phàm của mình để ảnh hưởng hết thế hệ học trò này tới thế hệ học trò khác. Kể từ cải cách mở cửa tới nay, nhờ có sự coi trọng cao của Đảng ủy và chính quyền các cấp trong tỉnh, công tác xây dựng đạo đức sư phạm của đội ngũ giáo viên trong toàn tỉnh đã giành được nhiều thành tích nổi bật, xuất hiện

những tấm gương giáo viên điển hình như **Ân Tuyết Mai**.  
Đông đảo đội ngũ giáo viên trung thành với chức nghiệp  
của mình, chuyên cần lao động, yêu ngành yêu nghề, vô  
tư cố gắng, đặt cơ sở vững chắc cho sự phát triển mạnh  
mẽ của ngành giáo dục tỉnh Giang Tô, có cống hiến quan  
trọng cho sự nghiệp cải cách, phát triển của tỉnh, giành  
được sự ca ngợi của toàn xã hội, sự tôn trọng của học sinh.  
Xét một cách tổng thể, yêu nước, tôn trọng pháp luật, yêu  
thương học sinh, yêu nghề, dạy chữ, dạy người, làm  
gương cho học sinh noi theo vẫn là dòng chủ lưu trong  
đạo đức sư phạm của giáo viên trong toàn tỉnh. Nhưng  
cũng cần lưu ý thấy rằng, so với yêu cầu thực hiện một  
nền giáo dục làm hài lòng nhân dân, so với mục tiêu xây  
dựng đội ngũ giáo viên, đạo đức sư phạm của đội ngũ  
giáo viên ngày nay tỏ ra còn tương đối yếu. Chúng ta cần  
tích cực quán triệt thực hiện yêu cầu của Trung ương  
đảng về thực hiện xây dựng đạo đức, tư tưởng cho sinh  
viên và trẻ vị thành niên, thiết thực tăng cường, cải tiến  
công tác xây dựng đạo đức sư phạm.

*Thứ nhất*, xây dựng đạo đức sư phạm trọng tâm tập  
trung ở giáo dục, cần tập trung định hướng, gợi mở ý  
thức tự giác đạo đức của giáo viên. "Người giáo viên trước  
tiên phải tự làm mình mạnh lên, tốt hơn, người dạy  
người khác trước hết phải nghiêm khắc với chính mình  
trước". Cần thông qua các biện pháp có hiệu quả để tuyên  
truyền về tầm quan trọng và tính tất yếu phải xây dựng  
đạo đức sư phạm, định hướng cho đội ngũ giáo viên tự  
giác tăng cường học tập lý luận, tăng cường ý thức tự

giáo dục, ràng buộc bản thân, kích thích tinh thần sù mệnh và lòng vinh dự, tự hào được cống hiến cho sự nghiệp giáo dục; không ngừng nâng cao tính chủ động và tự giác trong thực hiện chức trách người giáo viên. Cần lấy giáo dục đạo đức sư phạm làm nội dung quan trọng hàng đầu trong đào tạo sinh viên sư phạm và bồi dưỡng tại chức cho giáo viên, dẫn dắt định hướng cho giáo viên coi yêu thương học sinh là hạt nhân trong đạo đức của ngành mình. Trong quá trình giáo dục, dạy học, dồn toàn bộ tình cảm của mình cho học sinh, vừa yêu cầu nghiêm khắc với học sinh, vừa tôn trọng, tin tưởng học sinh, giúp các em phát triển những hứng thú, sở thích và sở trường tốt đẹp. Cần ra sức tuyên truyền và phát huy tấm gương điển hình của cô giáo Ân Tuyết Mai, ra sức tuyên truyền về tấm gương giáo dục, dạy dỗ học sinh của một số giáo viên tiêu biểu, phát huy đầy đủ tác dụng làm gương, khích lệ và định hướng của các điển hình tiên tiến này. Hình thành trong toàn bộ đội ngũ giáo viên tác phong tốt đẹp biết tôn thờ, học tập, cố gắng vươn lên trở thành tấm gương điển hình tiên tiến.

*Thứ hai*, xây dựng đạo đức sư phạm trọng tâm tập trung ở việc quy phạm, do đó cần không ngừng tối ưu hóa các cơ chế bảo đảm. Xây dựng đạo đức sư phạm cần phải dựa vào giáo dục, cũng cần dựa vào sự ràng buộc về mặt chế độ. Cần xây dựng, hoàn thiện mọi cơ chế liên quan xây dựng đạo đức sư phạm, xây dựng cơ chế làm việc lấy giáo dục làm nền tảng, lấy xây dựng cơ chế làm trọng tâm, lấy đôn đốc, đánh giá làm biện pháp thực hiện; thúc đẩy quy

phạm hóa, thường xuyên hóa, chế độ hóa xây dựng đạo đức sư phạm.

Cơ chế ràng buộc trong xây dựng đạo đức sư phạm. Cần phát huy tác dụng mang tính cơ sở của các biện pháp đôn đốc, giám sát như hệ thống pháp luật, quy chế, chế độ, dư luận xã hội, lấy *Luật giáo dục nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Luật giáo viên nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Luật giáo dục bắt buộc nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Luật giáo dục đại học nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Quy phạm đạo đức ngành đối với giáo viên trung, tiểu học...* làm chỗ dựa, định hướng cho giáo viên đi sâu nghiên cứu học tập, tự giác tuân thủ các luật, quy định này. Trên cơ sở đó, tiến hành nghiên cứu cụ thể hóa các yêu cầu về mục tiêu, cơ chế công tác, giải pháp thực hiện, tiêu chuẩn đánh giá, thi đua khen thưởng trong công tác xây dựng đạo đức sư phạm, đề ra những quy định, chế độ mang tính định hướng, khả thi cao; đặt nền móng cho thúc đẩy xây dựng đạo đức sư phạm một cách có hiệu quả cao, quy phạm hóa, diễn ra một cách có trình tự.

Kiện toàn các cơ chế kiểm tra, giám sát đạo đức sư phạm. Đồng thời với việc tăng cường một cách có hiệu quả các biện pháp kiểm tra, giám sát mang tính hành chính, cần hết sức coi trọng giám sát của xã hội, tích cực cổ vũ học sinh, phụ huynh học sinh và các ban, ngành xã hội có liên quan tiến hành đánh giá, giám sát tình trạng đạo đức sư phạm của giáo viên. Cơ quan hành chính giáo dục,



trường học và giáo viên cần tích cực lắng nghe ý kiến và kiến nghị của các phía, tích cực cải tiến công tác. Công đoàn giáo viên cần phát huy tác dụng nhiều hơn nữa trong tự kiểm soát ngành nghề mình, đồng thời với duy trì quyền lợi chính đáng cho giáo viên còn cần thông qua các quy phạm đạo đức để tiến hành định hướng và tự đốc thúc ngành mình.

Hoàn thiện cơ chế khích lệ đạo đức sư phạm. Xây dựng và hoàn thiện các cơ chế khảo sát đạo đức sư phạm, trừng phạt và biểu dương định kỳ; kiên trì coi trọng cả hai mặt khảo sát về nghiệp vụ và khảo sát về đạo đức; coi biểu hiện về mặt đạo đức sư phạm là cơ sở cho việc bổ nhiệm, thăng tiến chức vụ. Đối với các hành vi đi ngược đạo đức sư phạm, gây ra ảnh hưởng không tốt cần xử lý nghiêm khắc, đối với những người vi phạm có tình tiết nghiêm trọng, cần kiên quyết khai trừ khỏi đội ngũ giáo viên.

*Thứ ba*, xây dựng đạo đức sư phạm cần tập trung vào việc triển khai thực hiện, cần thiết thực tăng cường công tác tổ chức lãnh đạo. Xây dựng đạo đức sư phạm là quá trình yêu cầu có sự kết hợp, thống nhất giữa giáo dục và thực tiễn, cũng là một sự nghiệp xã hội cần tiến hành một cách có hệ thống. Lãnh đạo đảng, chính quyền các cấp cần coi xây dựng đạo đức sư phạm là một sự nghiệp lớn liên quan tới toàn cục, đưa vào làm một mục quan trọng trong chương trình nghị sự của mình, đặt xây dựng đạo đức nghề nghiệp vào vị trí ngang hàng với tăng

cường xây dựng đội ngũ nhà giáo, từ đó quy hoạch thống nhất, đạt mục tiêu thực hiện cơ chế, thực hiện tổ chức và thực hiện nội dung. Các cơ quan chủ quản hành chính giáo dục cần quán triệt toàn diện phương châm giáo dục và tư tưởng giáo dục tổ chức của đảng, gây dựng quan điểm phát triển khoa học, thay đổi khuynh hướng phiến diện chỉ theo đuổi một mục tiêu duy nhất là tỷ lệ lên lớp cao, tạo ra một môi trường dạy học thoải mái cho giáo viên. Trường học là trận địa chủ yếu để xây dựng đạo đức sư phạm, các trường học ở mọi cấp học khác nhau cần khắc phục khuynh hướng trong xây dựng đội ngũ giáo viên chỉ coi trọng xây dựng nghiệp vụ mà coi nhẹ xây dựng đạo đức sư phạm, nỗ lực hình thành cục diện các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể (công đoàn) cùng nhau phối hợp, cùng nhau thực hiện, quản lý công việc, đưa xây dựng đạo đức sư phạm vào trong mỗi khâu công tác, mỗi công việc nhỏ của trường học. Muốn nâng cao trình độ đạo đức tổng thể của đội ngũ giáo viên, cần phải có môi trường xã hội tốt đẹp. Đồng đạo đội ngũ phụ huynh học sinh cần nhìn nhận, đánh giá một cách đúng đắn về sự trưởng thành và phát triển của con cái mình trong nhà trường, phối hợp, ủng hộ nhà trường và thầy cô triển khai công việc. Các phương tiện truyền thông đại chúng cũng cần kiên trì nguyên tắc khách quan, công bằng, định hướng về cái tốt, cái tích cực, ra sức tuyên truyền về các điển hình đạo đức sư phạm, gây dựng định hướng dư luận đúng đắn.

## **IV- BẢO ĐẢM VỀ MẶT CƠ CHẾ CHO XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN**

Xây dựng đội ngũ giáo viên là một công trình mang tính hệ thống đầy khó khăn, phức tạp. Muốn thúc đẩy công tác này cần có một hệ thống cơ chế đi kèm, chủ yếu bao gồm việc hoàn thiện cơ chế cấp chứng chỉ tư cách giáo viên, xây dựng cơ chế chứng nhận cơ cấu giáo dục, hoàn thiện cơ chế giáo dục tiếp tục cho giáo viên tại chức, cùng với đi sâu cải cách cơ chế nhân sự trong lĩnh vực giáo dục.

### **1. Hoàn thiện cơ chế cấp chứng chỉ tư cách giáo viên**

Cơ chế cấp chứng chỉ tư cách giáo viên là cơ chế đánh giá đầu vào cho ngành giáo dục hiện tại đang được rất nhiều quốc gia thực hiện. Đây là cơ chế cho phép hành nghề giáo dục được nhà nước công nhận, là yêu cầu cơ bản của nhà nước đối với những người chuẩn bị bước vào hàng ngũ giáo viên, làm công tác giáo dục, cũng là một biện pháp nhằm bảo đảm cho sự phát triển chuyên nghiệp của người giáo viên và mức độ chuyên môn hóa sâu của công tác dạy học. Tư cách giáo viên là một loại điều kiện, thân phận đặc thù mà nhà nước quy định những người làm công tác dạy học cần có, nó đại diện cho việc người giữ chứng chỉ này có đủ phẩm chất, tri thức và năng lực để làm công việc dạy học. Tư cách giáo viên là "thẻ thông hành" của giáo viên, chỉ khi giành được tư

cách này, người giáo viên mới có thể có đủ tư cách để đứng lớp.


Cơ chế cấp chứng chỉ tư cách giáo viên được thực hiện đầu tiên tại các quốc gia Tây Âu. Cơ chế này có ý nghĩa quan trọng giúp quy phạm hóa tiêu chuẩn bổ nhiệm giáo viên, tăng cường tính chuyên môn hóa của đội ngũ giáo viên, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Cơ chế cấp chứng chỉ tư cách giáo viên bao gồm các nội dung trên ba mặt sau: cơ chế quản lý chứng chỉ tư cách giáo viên; cơ chế giám định chứng chỉ tư cách giáo viên; cơ chế cấp phát chứng chỉ tư cách giáo viên.

Trung Quốc bắt đầu thực hiện cơ chế cấp chứng chỉ tư cách giáo viên từ những năm 90 của thế kỷ XX. Trong nhiều văn bản pháp quy như *Đề cương phát triển và cải cách giáo dục Trung Quốc*, *Luật giáo dục nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*, *Luật giáo viên nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa* đều đề cập tới cơ chế cấp chứng chỉ tư cách giáo viên. Ngày 12-12-1995, Quốc Vụ viện Trung Quốc ban hành *Điều lệ tư cách giáo viên nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*. Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm công tác quá độ sang thực hiện cơ chế cấp chứng chỉ tư cách giáo viên và thí điểm việc để cho xã hội thẩm định việc cấp chứng chỉ tư cách giáo viên, ngày 23-10-2000, Bộ Giáo dục Trung Quốc đã ban hành quy định về thao tác thực hiện việc giao cho xã hội nhận định tư cách giáo viên-quy định mang tên "Biện pháp thực thi *Điều lệ tư cách giáo viên nước Cộng hòa Nhân*

*dân Trung Hoa*". Biện pháp thực thi này quy định, kể từ sau ngày 1-1-1994, các công dân Trung Quốc phù hợp điều kiện tiêu chuẩn tư cách giáo viên có thể thông qua trình tự pháp định xin cấp chứng chỉ tư cách giáo viên. Điều này là tiêu chí cho việc công tác thực thi toàn diện cơ chế cấp chứng chỉ đủ tư cách giáo viên đã được chính thức khởi động trên phạm vi toàn quốc.

Việc thực thi toàn diện cơ chế cấp chứng chỉ tư cách giáo viên có ý nghĩa sâu xa đối với xây dựng đội ngũ giáo viên, phát triển sự nghiệp giáo dục của Trung Quốc, là tiêu chí cho thấy sự nghiệp giáo dục của Trung Quốc đã bước vào giai đoạn mới. Thực hiện cơ chế cấp chứng chỉ tư cách giáo viên làm cho công tác bổ nhiệm, giao việc cho giáo viên trở nên khoa học hơn, quy phạm hơn và đi lên con đường pháp chế hóa, cung cấp bảo đảm về mặt cơ chế cho hình thành hệ thống bồi dưỡng giáo viên kiểu mới. Cơ chế cấp chứng chỉ tư cách giáo viên đã mở ra con đường cho nhiều công dân trong xã hội tham gia vào công tác giảng dạy, từ đó có thể thu hút nhiều nhân tài ưu tú trong xã hội tham gia dạy học. Cơ chế cấp chứng chỉ tư cách giáo viên là biện pháp mang tính cơ chế nhằm thúc đẩy cải cách sự nghiệp giáo dục, thực hiện chế độ bổ nhiệm giáo viên, điều chỉnh đội ngũ này, có lợi cho việc củng cố, bổ sung mới đội ngũ giáo viên, bảo đảm sự năng động, sức sống cho đội ngũ này.

Trong thực hiện cơ chế cấp chứng chỉ tư cách giáo viên, cần tích cực triển khai thực hiện các quy định của pháp



luật về quyền và nghĩa vụ của giáo viên. Mức lương bình quân của giáo viên không thấp hơn mức lương bình quân của đội ngũ công chức cùng địa phương, đồng thời phải bảo đảm cấp đủ, cấp đúng thời gian. Sự tôn nghiêm và quyền dạy học của giáo viên cần được tôn trọng, giáo viên cũng không được xâm phạm tới quyền và lợi ích của học sinh. Chỉ khi dựa vào cơ chế và quy định chặt chẽ, xây dựng đội ngũ giáo viên mới có thể đi lên con đường pháp chế hóa, quy phạm hóa.

## **2. Xây dựng cơ chế cấp phép chứng nhận cơ sở giáo dục**

Liên quan mật thiết tới cơ chế cấp chứng chỉ tư cách giáo viên là tiêu chuẩn liên quan tới cơ sở giáo dục. Mở cửa hệ thống giáo dục tất yếu sẽ yêu cầu xây dựng nên một hệ thống tiêu chuẩn chặt chẽ liên quan tới các cơ sở giáo dục. Nếu không có tiêu chuẩn chặt chẽ liên quan tới các cơ sở giáo dục, việc nhận định tư cách giáo viên và thực thi việc tái cấp chứng chỉ tư cách giáo viên sẽ không có bảo đảm.

Cơ cấu giáo dục bao hàm cả cơ cấu bồi dưỡng giáo viên, cơ cấu bồi dưỡng tại chức của ngành giáo dục. Việc cấp phép chứng nhận cơ sở giáo dục chính là quá trình giám định, đánh giá chất lượng đối với cơ cấu giáo dục, cấp cho các cơ sở qua giám định được chứng nhận đủ yêu cầu giấy phép hoạt động, chứng nhận cơ sở đó phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Cơ chế cấp phép chứng nhận cơ sở giáo dục là cơ chế bảo đảm quan trọng giúp thúc đẩy chuyên nghiệp hóa đội ngũ giáo viên và ngành giáo dục, có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với xây dựng mô hình mở trong bồi dưỡng, đào tạo giáo viên, nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên sư phạm và bồi dưỡng giáo viên tại chức. Cùng với việc mở cửa cơ chế bồi dưỡng, đào tạo của ngành sư phạm, đào tạo giáo viên đã không chỉ là nhiệm vụ duy nhất của các trường sư phạm, đã có rất nhiều các trường đại học, cao đẳng cùng tham gia đào tạo giáo viên. Trong bối cảnh đó, xây dựng cơ chế cấp phép chứng nhận cơ sở giáo dục mới có thể bảo đảm chắc chắn cho chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục. Xây dựng cơ chế cấp phép chứng nhận cơ sở giáo dục, định hướng cho cơ cấu đào tạo giáo viên, tiến hành hoạt động đánh giá nội bộ định kỳ sẽ có thể thúc đẩy một cách có hiệu quả việc không ngừng nâng cao chất lượng dạy học của các cơ sở đào tạo.

Cấp phép chứng nhận cơ sở giáo dục bao gồm cấp phép về điều kiện dạy học của cơ sở đào tạo giáo viên, cấp phép chứng nhận tiêu chuẩn về tư cách giáo viên, chứng nhận tiêu chuẩn về thiết kế nội dung chương trình đào tạo, chứng nhận tiêu chuẩn về kiểm soát, đánh giá chất lượng. Mỹ thông qua Hội đồng chứng nhận cơ sở đào tạo giáo viên toàn quốc và Hội đồng tiêu chuẩn dạy học chuyên nghiệp toàn quốc để tiến hành quản lý việc đào tạo giáo viên. Hội đồng chứng nhận cơ sở đào tạo giáo viên toàn quốc của Mỹ có quy định rất chặt chẽ về trình tự chứng

nhận cơ sở đào tạo giáo viên, chia thành hai loại là chứng nhận ban đầu và chứng nhận tiếp theo. Sau khi thông qua giai đoạn thẩm duyệt chứng nhận ban đầu, cơ sở giáo dục sẽ nhận được tư cách đào tạo giáo viên, cách 5 năm lại phải tiếp tục thông qua thẩm duyệt tiếp theo để có thể duy trì tư cách này. Cách làm rất thành công nói trên đáng cho chúng ta học tập.

### **3. Kiện toàn cơ chế bồi dưỡng tiếp tục cho đội ngũ giáo viên**

Trong toàn bộ sự nghiệp dạy học của mình, giáo viên cần không ngừng học tập những tri thức và kỹ năng mới mới có thể không ngừng nâng cao trình độ sư phạm của mình. Điều này dẫn tới yêu cầu xây dựng cơ chế bồi dưỡng tiếp tục cho đội ngũ giáo viên.

Cần tăng cường bồi dưỡng tại chức cho giáo viên. Đối với tất cả mọi giáo viên, bồi dưỡng tại chức vừa là quyền lợi đồng thời là trách nhiệm. Mỗi giáo viên đều cần không ngừng đổi mới quan niệm giáo dục, tri thức chuyên môn của bản thân, tăng cường nhận thức về những vấn đề mới nhất trong lĩnh vực giáo dục và chuyên ngành hẹp của mình, từ đó nâng cao năng lực dạy học. Chính phủ cần xây dựng cơ chế bồi dưỡng tại chức cho giáo viên, lập quỹ riêng, lên kế hoạch bồi dưỡng tại chức cho giáo viên. Nhà trường cũng cần coi bồi dưỡng giáo viên là một nội dung quan trọng trong tăng cường xây dựng đội ngũ giáo viên, cổ vũ và ủng hộ giáo viên tham gia các loại hình học



lâng cao bằng cấp và các lớp bồi dưỡng chuyên môn, tích ực triển khai bồi dưỡng ngay tại trường học. Cùng với iệc thực hiện về cơ bản mục tiêu đội ngũ giáo viên có ằng cấp theo quy định của nhà nước, việc thực hiện cơ iế chứng nhận tư cách giáo viên, đào tạo tiếp tục đối với áo viên đang trở thành nội dung chủ yếu trong bồi ưỡng giáo viên. Bồi dưỡng tiếp theo đối với giáo viên chủ ứu thực hiện các chức năng sau: Giúp giáo viên bổ sung à đổi mới tri thức, nâng cao năng lực dạy học và năng ic nghiên cứu, nâng cao trình độ học vấn. Cần xây dựng iện toàn hệ thống giáo dục theo mô hình mở đối với giáo iên với chủ thể là các nhà trường sư phạm, có sự tham ia rộng rãi của các trường cao đẳng, đại học và các cơ ấu có liên quan khác. Cần nghiên cứu đề ra chính sách ở vũ khích lệ giáo viên tham gia bồi dưỡng tiếp theo, cổ ũ giáo viên thông qua các phương thức khác nhau để ham gia học tập và bồi dưỡng tại chức. Cần đi sâu triển hai một đợt bồi dưỡng giáo viên toàn diện với trọng tâm, rọng điểm là quan niệm mới, giáo trình mới, kỹ thuật nói cùng với giáo dục đạo đức sư phạm (phong trào "Ba nói - đạo đức sư phạm"), tổ chức cho các giáo viên ưu tú iến hành nghiên cứu chuyên sâu, bồi dưỡng các giáo ien cốt cán, không ngừng nâng cao trình độ học vấn, học iảm, học vị cho đội ngũ giáo viên tại chức, nâng cao năng ực thực hiện giáo dục tố chất. Cần đẩy nhanh thúc đẩy ậy dựng hệ thống liên minh mạng lưới đào tạo tiếp theo cho giáo viên, xây dựng một mạng lưới liên minh đào tạo

giáo viên mở hiệu quả cao, trong đó lấy các trường đại học chất lượng cao làm điểm tựa, lấy các trường sư phạm và cơ cấu bồi dưỡng, đào tạo giáo viên làm lực lượng nòng cốt, thực hiện đồng nhất giữa đào tạo sinh viên sư phạm và bồi dưỡng tại chức, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo có học hàm, học vị với đào tạo không học hàm, học vị, cung cấp dịch vụ và hỗ trợ có hiệu quả cho đào tạo, bồi dưỡng các giáo viên toàn diện, đặc biệt là đào tạo tiếp theo cho đội ngũ giáo viên ở nông thôn.

## *Chương VII*

# **HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC VỚI CẢI CÁCH CƠ CHẾ GIÁO DỤC**

Vấn đề cơ bản của cải cách cơ chế giáo dục là ai đứng ra dạy học, quản lý ra sao. Hạt nhân của vấn đề là phương thức bố trí tài nguyên nào có lợi nhất cho phát triển bền vững sự nghiệp giáo dục và phát triển bền vững của toàn xã hội. Cải cách và đổi mới thể chế giáo dục là nội dung và động lực quan trọng của hiện đại hóa giáo dục. Phạm vi đề cập của cải cách thể chế giáo dục rất rộng, trọng điểm là cải cách thể chế mở trường, lớp, cải cách cơ chế đầu tư giáo dục, cải cách quản lý vĩ mô và cải cách quản lý của chính các cơ sở đào tạo. Trong cải cách thể chế giáo dục, cần nhận thức và xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa vai trò của chính quyền và vai trò của thị trường, vạch rõ hơn nữa trách nhiệm của chính quyền, trường học và xã hội, tìm kiếm sự cân bằng, hài hòa giữa hiệu quả và công bằng, xây dựng cơ chế quản lý và cơ chế mở trường, lớp thích ứng với thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, thỏa mãn có hiệu quả nhu

câu đáp ứng dịch vụ công của toàn xã hội, phát triển bền vững.

## **I- CẢI CÁCH CƠ CHẾ GIÁO DỤC LÀ ĐỘNG LỰC QUAN TRỌNG CỦA HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC**

Thể chế giáo dục là cơ chế tổ chức và quản lý mang tính căn bản, toàn diện trong công tác giáo dục. Đây là "điểm nổi trội nhất" trong sự nghiệp giáo dục. Một cơ chế giáo dục ra sao sẽ định hình cục diện giáo dục tương đương thế. Chỉ có khắc phục những trở ngại mang tính cơ chế cản trở sự phát triển của sự nghiệp giáo dục thì toàn bộ sự nghiệp giáo dục mới có được sức sống dồi dào, mới có thể đem lại nhiều cơ hội giáo dục tốt hơn cho quần chúng nhân dân, cung cấp đội ngũ nhân tài và tri thức phục vụ đắc lực hơn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

### **1. Khái niệm và các yếu tố cấu thành cơ chế giáo dục**

Triển khai hoạt động giáo dục, cần thiết phải triển khai và mở mang các cơ sở đào tạo, bảo đảm trường học và các cơ sở giáo dục vận hành hiệu quả, muốn vậy phải đề ra các quy tắc được mọi người tôn trọng. Cơ cấu và các quy tắc trên tác động tương hỗ lẫn nhau sẽ làm nảy sinh các vấn đề về mặt cơ chế như mở trường lớp ra sao, quản lý thế nào? Cơ chế là "tên gọi chung cho hệ thống, chế độ, phương pháp, hình thức các cơ quan nhà nước, đơn vị sử

ngiệp sử dụng trong bố trí sắp xếp cơ cấu, thiết lập các mối quan hệ lãnh đạo - lệ thuộc và phân chia quyền hạn quản lý"<sup>1</sup>. "Cơ chế giáo dục tức là cơ chế quản lý giáo dục, à tổng hòa của hình thức, phương pháp và chế độ để quốc gia tổ chức, quản lý giáo dục. Thực chất của cơ chế giáo dục chính là vấn đề làm thế nào tổ chức, quản lý nguồn lao động và bồi dưỡng nhân tài chuyên môn"<sup>2</sup>.

Trong thực tiễn, mọi người đã quen hiểu cơ chế giáo dục là cơ chế quản lý, tổ chức mang tính căn bản, toàn diện trong công tác giáo dục. Nó gồm hai yếu tố cấu thành cơ bản: Thứ nhất là "thể" - theo cách phân tích chiết tự thì đây chính là cơ cấu giáo dục. Xét một cách tổng thể, cơ cấu này lại có thể chia thành cơ cấu quản lý và cơ cấu thực thi giáo dục. Cơ cấu thực thi giáo dục lại có thể chia thành ba loại chính là các trường mẫu giáo, hệ thống các trường trung học, tiểu học và khối các trường đại học, cao đẳng. Điểm thứ hai trong cơ chế nêu trên chính là "chế", theo chiết tự thì đây có nghĩa là quy phạm, chế độ, nó là các quy tắc chuẩn mực hành vi hay quy trình thực hiện vấn đề gì đó, yêu cầu mọi người cùng tuân thủ. Cơ chế tồn tại khắp nơi, xuất phát từ đặc trưng "mang tính căn bản, toàn diện". Cơ chế trong giáo dục lại có thể chia thành: cơ chế đầu tư giáo dục, cơ chế mở trường, cơ chế quản lý vĩ mô và cơ chế vận hành của trường học... Trong hai yếu tố cấu

---

1. *Từ hải*, Nxb. Từ thư Thượng Hải, 2000, tr.274.

2. Cố Minh Viễn chủ biên: *Đại từ điển giáo dục* (bản giản lược), Nxb. Giáo dục Thượng Hải, 1999, tr.219.

thành nói trên của cơ chế giáo dục, cơ sở giáo dục có vai trò là một vật dẫn, chất trung gian còn cơ chế giáo dục lại là hạt nhân. Cơ chế giáo dục được đặt ra nhằm phục vụ sự tồn tại và vận hành của các cơ sở giáo dục. Nếu không có các cơ sở giáo dục, cơ chế giáo dục sẽ mất đi cơ sở để tồn tại, phát triển. Ngược lại, nếu không có các quy phạm giáo dục (tức cơ chế), việc thiết lập và vận hành các cơ sở giáo dục sẽ rơi vào tình trạng hỗn loạn. Trên thế giới, không tồn tại bất cứ một cơ cấu giáo dục nào thoát khỏi sự ràng buộc của các quy phạm giáo dục, cũng không có các quy phạm giáo dục tồn tại tách rời cơ cấu giáo dục. Cơ chế giáo dục của các quốc gia khác nhau là khác nhau, nguyên nhân không phải là do sự khác nhau về cơ chế giáo dục mà chủ yếu là do quy phạm giáo dục tại các quốc gia này là khác nhau. Bất nguồn từ đó, chúng ta có thể coi cơ chế giáo dục là "thể kết hợp hay thể thống nhất giữa cơ cấu giáo dục và quy phạm giáo dục"<sup>1</sup>. Quy phạm giáo dục nếu kết hợp với cơ cấu giáo dục cơ sở sẽ cho ra đời cơ chế giáo dục cơ sở; nếu kết hợp với cơ cấu giáo dục dạy nghề sẽ cho ra đời cơ chế giáo dục hướng nghiệp; kết hợp với cơ cấu giáo dục đại học, cao đẳng sẽ cho ra đời cơ chế giáo dục đại học, cao đẳng; kết hợp với cơ cấu quản lý hành chính giáo dục sẽ cho ra đời cơ chế hành chính giáo dục.

Cơ chế giáo dục là cơ chế quản lý, tổ chức mang tính căn bản, toàn cục trong công tác giáo dục. Đối với một

---

1. Tôn Cẩm Đào: "Cách hiểu mới về lý luận cơ chế giáo dục", Tạp chí *Nghiên cứu giáo dục*, số 12, 2004.

quốc gia, chính quyền trung ương và chính quyền địa phương trong phát triển và quản lý giáo dục có chức trách và quyền hạn ra sao trong quản lý giáo dục là một vấn đề mang tính rất căn bản. Xuất phát từ góc độ này, người ta đem chia cơ chế giáo dục trong phạm vi toàn thế giới thành hai loại là cơ chế tập quyền và cơ chế phân quyền. Cơ chế tập quyền giống như cơ chế giáo dục tại Pháp, cơ chế phân quyền giống như cơ chế giáo dục tại Mỹ, Canada. Vấn đề trung tâm của cơ chế giáo dục là vấn đề bố trí phân bổ tài nguyên giáo dục, là vấn đề nguồn đầu tư tới từ đâu, mở trường như thế nào? Vấn đề chức trách quyền hạn của chính quyền trung ương và chính quyền địa phương cũng được triển khai xung quanh các vấn đề cơ bản nêu trên. Cơ chế giáo dục chịu sự chi phối của thể chế kinh tế, thể chế chính trị, nó được điều chỉnh, cải cách tùy theo sự thay đổi của thể chế kinh tế, thể chế chính trị.

Cải cách cơ chế giáo dục với vai trò là thay đổi, điều chỉnh đối với phương thức và kết cấu của tổ chức giáo dục, đề cập đến quyền và lợi ích của rất nhiều phía, do đó trong tiến hành cần phải tôn trọng ý nguyện và yêu cầu của quảng đại quần chúng nhân dân, buộc phải xây dựng quy hoạch cải cách, luận chứng cải cách, các buổi điều trần lấy ý kiến, cơ chế quản lý giám sát, trình tự tiếp thu phản hồi, điều chỉnh cải cách cơ chế giáo dục một cách hoàn thiện. Cải cách với vai trò là sự điều chỉnh, thay đổi về mặt phương thức và kết cấu của tổ chức xã hội, có thể quy thành vấn đề mang tính căn bản: lập pháp và chỉnh

sửa pháp luật. Tổng kết quá trình cải cách của các quốc gia văn minh trên thế giới, mọi cuộc cải cách đều được tiến hành thông qua con đường pháp chế. Trong thực tiễn thực hiện hiện đại hóa giáo dục, "cần nắm chắc thời cơ thúc đẩy cải cách, thiết thực đẩy mạnh mức độ cải cách, có những đột phá mới trong cải cách ở một số lĩnh vực và khâu quan trọng, đồng thời chú trọng nâng cao tính khoa học trong việc ra quyết sách cải cách, tăng cường tính hài hòa giữa các biện pháp cải cách với nhau, làm cho cải cách có thể bao quát toàn diện lợi ích của các bên, quan tâm tới lợi ích của tất cả các bên liên quan, thực sự giành được sự ủng hộ và giúp đỡ của quảng đại quần chúng nhân dân"<sup>1</sup>.

## **2. Hướng đi cải cách giáo dục cơ bản của Trung Quốc**

Sau khi nước Trung Quốc mới thành lập, Trung Quốc đã dần xây dựng cho mình một cơ chế giáo dục thích ứng với nền kinh tế bao cấp, chủ yếu thông qua các mệnh lệnh hành chính để phân bổ tài nguyên giáo dục, đồng thời chỉ đạo sự vận hành của hệ thống giáo dục. Cho tới năm 1978, mặc dù đã có sự điều chỉnh vài lần đối với cơ chế giáo dục theo sự thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội nhưng Trung Quốc vẫn giữ lại đặc trưng cơ bản

---

1. Lời phát biểu của Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào tại cuộc họp đánh giá lại chính sách của Đoàn đại biểu Thượng Hải, *Nhân dân nhật báo*, số ra ngày 7-3-2006.



ia thể chế kinh tế kế hoạch, tức là tập trung cao độ, có r tách biệt giữa thành thị và nông thôn, thực hiện cơ chế quản lý, mở trường lớp dạy học khác nhau giữa giáo dục thành thị với giáo dục nông thôn, giữa giáo dục cao đẳng, đại học với giáo dục trung học chuyên nghiệp, giáo dục trung học, tiểu học. Ngược lại với thể chế kinh tế chủ yếu lấy sở hữu toàn dân làm cơ bản ở thành thị, tại khu vực nông thôn chủ yếu vẫn áp dụng thể chế kinh tế sở hữu tập thể. Về mặt giáo dục, trong thời gian này, Trung uốc thực hiện phương châm "đi trên hai chân": thực hiện đồng thời việc Nhà nước mở trường đào tạo với tập thể mở trường. Đối với bậc giáo dục trung học, tiểu học, tại các thành phố, chủ yếu do Nhà nước đứng ra chủ đạo; tại vùng nông thôn chủ yếu lại do các tổ chức kinh tế tập thể tại nông thôn đứng ra mở lớp, Nhà nước có khoản hỗ trợ thích đáng. Giáo dục cao đẳng, đại học chủ yếu do Bộ Giáo dục và các bộ, ngành khác mở trường, về sau còn phát triển thành các cơ quan hành chính giáo dục và các cơ quan ban, ngành khác ở tỉnh cùng đứng ra mở trường đào tạo, thực hiện cơ chế quản lý lấy các "điều lệ" làm chủ yếu. Toàn bộ công tác bồi dưỡng nhân tài được tiến hành theo kế hoạch của Nhà nước, thực hiện chiêu sinh đồng nhất, phân phối thống nhất. Cơ chế này đã từng phát huy tác dụng quan trọng đối với sự nghiệp giáo dục của Trung Quốc, nhưng nó cũng tồn tại nhiều điểm yếu nghiêm trọng như quá tập trung, thiếu sức sống...

Năm 1978, Đảng Cộng sản Trung Quốc khai mạc Đại hội toàn thể Trung ương 3, Đại hội XI - hội nghị

mang ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với sự phát triển của Trung Quốc. Hội nghị đã đưa ra quyết sách chiến lược chuyển trọng tâm công tác của Trung Quốc sang xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, đồng thời còn xuất phát từ tầm nhìn xa trông rộng, Đảng đã đề ra nhiệm vụ cải cách đất nước trong từng lĩnh vực cụ thể. Từ năm 1978 tới năm 1992, cùng với việc dần triển khai cải cách thể chế kinh tế, cải cách cơ chế giáo dục cũng dần được triển khai. Trong những năm đầu tiên của thời kỳ này, trọng điểm của cải cách cơ chế giáo dục là phục hồi và xây dựng lại hệ thống giáo dục. Sau năm 1984, khi Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đưa ra quyết định về cải cách thể chế kinh tế, năm 1985, Trung ương tiếp tục đưa ra quyết định về cải cách cơ chế giáo dục, chỉ đạo cải cách cơ chế giáo dục trên toàn quốc. Cải cách được triển khai chủ yếu ở các tầng nấc sau: thực hiện nguyên tắc giáo dục cơ sở do địa phương phụ trách quản lý, phân cấp quản lý, từng bước thực hiện chế độ giáo dục bắt buộc 9 năm; điều chỉnh kết cấu giáo dục ở bậc trung học, ra sức phát triển giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề ở bậc trung học nghề, quảng đại quần chúng thanh, thiếu niên thông thường đã bắt đầu có sự phân lập ngay khi bước vào giai đoạn trung học. Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở sẽ có một bộ phận bước vào học tại các trường trung học phổ thông bình thường, một bộ phận sẽ được học tại các trường trung học nghề. Cải cách cơ chế tuyển sinh và cơ chế phân phối tốt nghiệp đối với các trường đại học, cao đẳng; mở rộng quyền tự

chủ cho các trường cao đẳng, đại học; các trường cao đẳng, đại học thực hiện chiêu sinh dưới ba hình thức khác nhau: chiêu sinh theo kế hoạch của Nhà nước, chiêu sinh theo sự ủy thác của các đơn vị dùng người và chiêu sinh học sinh, sinh viên tự phí. Xét một cách tổng thể, cải cách thể chế giáo dục tiến hành tại Trung Quốc vào cuối những năm 80 của thế kỷ XX chủ yếu thể hiện ở sự chuyển đổi cơ chế quản lý từ "trọng tâm ở phía trên" chuyển sang "trọng tâm tập trung ở phía dưới", chú trọng thay đổi các sai lầm quá tập trung, quá ôm đồm trong giai đoạn trước đây. Đồng thời với tăng cường quản lý vĩ mô, thực hiện chính sách phân chia quyền lực nhiều hơn cho bên dưới, đơn giản hóa cơ cấu, bộ máy quản lý, quản lý theo phân cấp, phát huy tính tích cực của chính quyền các cấp, đội ngũ thầy, cô giáo và học sinh, cùng với sự ủng hộ của toàn xã hội; mở rộng quyền tự chủ của nhà trường, chủ yếu là các trường đại học, cao đẳng. Trong điều kiện nguồn lực tài chính, nguồn vật chất có hạn, đẩy nhanh phát triển sự nghiệp giáo dục; chuẩn bị trên quy mô lớn đội ngũ nhân tài các loại, ở các cấp khác nhau cho sự phát triển bền vững của kinh tế, xã hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc khai mạc năm 1992 đã xác lập mục tiêu cải cách thể chế kinh tế xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, yêu cầu phát huy tác dụng mang tính nền tảng của thị trường trong phân phối tài nguyên xã hội. Từ đây, sự nghiệp cải cách mở cửa tại Trung Quốc bước

sang một giai đoạn mới. Thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa yêu cầu có một cơ chế giáo dục thích ứng với nó. Năm 1993, Trung ương Đảng, Quốc Vụ viện Trung Quốc đã ban hành *Cương lĩnh phát triển và cải cách giáo dục Trung Quốc*, chỉ đạo cải cách cơ chế giáo dục trong tình hình mới.

Dưới tinh thần chỉ đạo của *Cương lĩnh phát triển và cải cách giáo dục Trung Quốc*, các cấp học từ trung cấp chuyên nghiệp trở xuống đã tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp mở trường, phân cấp quản lý. Từ năm 1985 trở đi, Trung Quốc bắt đầu thực hiện cơ chế quản lý giáo dục cơ sở "địa phương phụ trách, phân cấp mở trường, phân cấp quản lý". Cơ chế này được đề ra trong bối cảnh đặc biệt, tỷ lệ nguồn thu ngân sách nhà nước trên tổng giá trị sản phẩm quốc nội quá hạn chế, tỷ lệ giữa thu ngân sách nhà nước trên tổng thu ngân sách cũng quá thấp. Từ sau năm 1994, khi Trung Quốc thực hiện chế độ phân cấp thu thuế, nguồn tài chính mới bắt đầu có xu hướng dần dần lên trên, lúc này, trụ đỡ cho đầu tư giáo dục ở nông thôn vẫn là nguồn thu ngân sách cấp huyện, thị và đầu tư trực tiếp của nông dân. Chính điều này đã gây nên rất nhiều mâu thuẫn, dẫn tới hiện tượng nợ lương giáo viên diễn ra đồng loạt trên phạm vi toàn quốc. Để bảo đảm sự phát triển lành mạnh của giáo dục cơ sở, năm 2001, Quốc Vụ viện Trung Quốc đã ban hành "Quyết định về phát triển và cải cách giáo dục cơ sở", thực hiện cơ chế mới theo đó địa phương phụ trách, phân cấp quản lý, lấy cấp huyện làm chủ thể quản lý, dưới sự lãnh đạo, chỉ huy

thống nhất của Quốc vụ viện. Quyết định này đã thay đổi cơ chế "giáo dục nông thôn do nông dân phụ trách" sang thành "giáo dục nông thôn do chính phủ thực hiện". Đây chính là một biện pháp nhằm giảm nhẹ đi gánh nặng cho nông dân của chính quyền, là một đợt cải cách cơ chế mang ý nghĩa căn bản trong vòng 50 năm trở lại đây kể từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập.

Dưới tinh thần chỉ đạo của *Cương lĩnh phát triển và cải cách giáo dục Trung Quốc*, cải cách thể chế giáo dục tại các trường đại học, cao đẳng đã tập trung chú trọng vào giải quyết các vấn đề như do quá nhiều bộ ngành quản lý, chia thành nhiều mảng nhỏ, quy mô nhỏ nhưng lại bao quát lĩnh vực đào tạo quá rộng, nhỏ lẻ và phân tán; coi thúc đẩy liên kết mở trường đào tạo dưới nhiều hình thức khác nhau làm nội dung chủ yếu, thực chất chính là tiến hành tái cơ cấu, sắp xếp lại giáo dục cao đẳng, đại học theo từng "mảng", từng nhóm riêng biệt. Thông qua các phương thức như cùng xây dựng, sáp nhập, hợp tác, điều chỉnh, tới năm 2000, toàn Trung Quốc đã hình thành nên khung cơ chế quản lý giáo dục cao đẳng, đại học mới, trong đó kết hợp chặt chẽ với chính sách của Trung Quốc, lấy chính quyền tỉnh làm cơ quan mở trường, quản lý chủ yếu. Kết một cách tổng thể, cải cách cơ chế giáo dục tại Trung Quốc sau năm 1992 đã có sự chuyển đổi mạnh. Trên phương diện mở trường, đã có sự chuyển biến từ chủ thể đơn nhất sang các chủ thể đa dạng, thực hiện cơ chế cùng tồn tại song song nhiều chủ thể sở hữu trong các cơ sở giáo

dục; cơ chế đầu tư tại các trường công cũng đã chuyển từ hình thức đơn nhất do Nhà nước đầu tư sang nhiều hình thức đầu tư đa dạng; thực hiện cơ chế chia sẻ gánh nặng đào tạo.

Dưới tinh thần chỉ đạo của *Cương lĩnh phát triển và cải cách giáo dục Trung Quốc*, sự nghiệp giáo dục dân lập cũng đã có sự phát triển nhanh chóng. Dưới sự chỉ đạo, trù tính chung của Nhà nước, một số trường trung học, tiểu học vốn trước đây được thành lập bởi các doanh nghiệp, xí nghiệp, đơn vị quốc doanh đã dần được bàn giao cho xã hội quản lý. Các trường cao đẳng, đại học, trung cấp chuyên nghiệp và trường dạy nghề đã thực hiện cơ chế học sinh nộp học phí, sinh viên tự tìm việc sau khi tốt nghiệp. Toàn bộ sự nghiệp giáo dục hình thành nên cục diện chung, Nhà nước là đầu mối chủ yếu đứng ra tổ chức sự nghiệp giáo dục, các giới trong xã hội cùng chung sức tham gia sự nghiệp này.

Trung Quốc là một quốc gia lớn với dân số đông, tài nguyên tương đối thiếu, do đó tất cả mọi vấn đề muốn giải quyết được đều chỉ có nhờ vào phát triển. Muốn giải phóng và phát triển sức sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc nhằm đem lại lợi ích cho hơn 1 tỉ dân, Trung Quốc buộc phải đẩy nhanh phát triển giáo dục. Không phát triển là điều không thể chấp nhận được, phát triển chậm cũng không được. Kể từ sau cải cách mở cửa, đặc biệt là từ sau năm 1985 khi Trung Quốc ban hành "Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách cơ chế giáo dục" tới nay, sự

giệp giáo dục của Trung Quốc đã giành được những thành tựu làm cả thế giới phải khâm phục. Tính đến năm 2005, Trung Quốc đã thực hiện được mục tiêu "Hoàn thành hai điểm cơ bản: cơ bản thực hiện phổ cập giáo dục bắt buộc, cơ bản xóa bỏ nạn mù chữ ở thanh, thiếu niên". Tỷ lệ thực hiện hoàn thành hai mục tiêu trên chiếm tới 5% dân số. Tỷ lệ nhập học đầu vào đối với bậc trung học cơ sở đã tăng từ 54% năm 1985 lên tới 95% năm 2005. Tỷ lệ nhập học đầu vào đối với bậc trung học phổ thông cũng đã tăng từ 14% năm 1985 lên tới 53% năm 2005. Tỷ lệ nhập học đầu vào đối với bậc đại học, cao đẳng tăng từ 14,4% năm 1985 lên tới 21% vào năm 2005 (bao gồm cả tỷ lệ nhập học trong các cơ sở đào tạo tại chức, các trường quân sự, các hình thức tự thi đại học, cao đẳng với người tự học thành).

**Bảng 14: Khái quát tình hình phát triển của giáo dục Trung Quốc từ năm 1978 - 2005**

Năm		Giáo dục tiểu học	Giáo dục trung học cơ sở	Giáo dục trung học phổ thông	Giáo dục cao đẳng, đại học
1978	Số học sinh tại trường (vạn)	14.624	4.995	1.642	85
	Số dân ở độ tuổi đến trường (vạn)	17.728	7.377	6.020	9.884
	Tỷ lệ nhập học đầu vào (%)	82	68	27	0,8

Năm		Giáo dục tiểu học	Giáo dục trung học cơ sở	Giáo dục trung học phổ thông	Giáo dục cao đẳng, đại học
1980	Số học sinh tại trường (vạn)	14.627	4.538	1.139	114
	Số dân ở độ tuổi đến trường (vạn)	14.949	7.429	7.681	7.720
	Tỷ lệ nhập học đầu vào (%)	98	61	15	1,5
1985	Số học sinh tại trường (vạn)	13.370	3.964	1.128	170
	Số dân ở độ tuổi đến trường (vạn)	12.017	7.359	8.075	12.338
	Tỷ lệ nhập học đầu vào (%)	111	54	14	1,4
1990	Số học sinh tại trường (vạn)	12.261	3.868	1.369	206
	Số dân ở độ tuổi đến trường (vạn)	11.990	5.725	6.763	13.071
	Tỷ lệ nhập học đầu vào (%)	102	68	20	1,6
1995	Số học sinh tại trường (vạn)	13.195	4.657	1.721	290
	Số dân ở độ tuổi đến trường (vạn)	13.991	6.228	5.614	10.605
	Tỷ lệ nhập học đầu vào (%)	94	75	31	2,7



<b>Năm</b>		<b>Giáo dục tiểu học</b>	<b>Giáo dục trung học cơ sở</b>	<b>Giáo dục trung học phổ thông</b>	<b>Giáo dục cao đẳng, đại học</b>
2000	Số học sinh tại trường (vạn)	13.013	6.167	2.333	556
	Số dân ở độ tuổi đến trường (vạn)	14.912	7.404	6.080	9.836
	Tỷ lệ nhập học đầu vào (%)	87	83	38	5,7
2005	Số học sinh tại trường (vạn)	10.864	6.215	3.990	1.660
	Số dân ở độ tuổi đến trường (vạn)	9.499	6.504	7.591	11.027
	Tỷ lệ nhập học đầu vào (%)	114	95	53	21

*Chú thích:* Tổng số dân được tính căn cứ vào số liệu điều tra dân số Trung Quốc lần thứ năm, số liệu giáo dục tính theo "Niên giám thống kê giáo dục Trung Quốc". Do thiếu số liệu, tỷ lệ nhập học đầu vào của nhóm đại học, cao đẳng chưa xét tới hai yếu tố là số sinh viên thi đỗ các trường đại học quân sự và số thí sinh tự do thi đại học, cao đẳng sau khi đã trưởng thành. Số sinh viên đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng năm 2005 chỉ là số sinh viên đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng bình thường.

Cải cách cơ chế giáo dục đã thu được thành tích nổi bật, thúc đẩy có hiệu quả sự phát triển của sự nghiệp giáo dục, nhưng cũng phải đối diện với một số vấn đề, khó khăn ở tầng nấc sâu. Đầu tư cho giáo dục của Trung Quốc

tuy có sự tăng trưởng mạnh nhưng vẫn chưa thích ứng được với nhu cầu phát triển mau chóng của sự nghiệp giáo dục. Do nhiều nguyên nhân khác nhau, mục tiêu đặt ra trong *Cương lĩnh phát triển và cải cách giáo dục Trung Quốc*: Tới năm 2000, đầu tư cho giáo dục từ nguồn kinh phí nhà nước phải đạt tỷ lệ chiếm 4% tổng giá trị sản phẩm của nền kinh tế quốc dân vẫn chưa được hoàn thành đúng kỳ hạn. Một số địa phương chịu ảnh hưởng trái chiều của kinh tế thị trường, đem áp dụng mù quáng các biện pháp cải cách cơ chế trong doanh nghiệp sang lĩnh vực giáo dục hoặc đơn giản dùng phương pháp kinh doanh của doanh nghiệp để "kinh doanh" trường học.

Những mâu thuẫn, khó khăn ở tầng nấc sâu của cải cách cơ chế giáo dục yêu cầu chúng ta phải đi sâu suy nghĩ về một số vấn đề cơ bản sau: Muốn cải cách giáo dục, rút cuộc phải cải cách ra sao? Cần đặt ra mục tiêu thế nào? Cần tuân thủ những nguyên tắc cơ bản nào?

### **3. Cách làm cơ bản của quốc tế trong cải cách cơ chế giáo dục**

Trong rất nhiều vấn đề cơ bản của cải cách cơ chế giáo dục, cải cách cơ chế giáo dục trên phạm vi toàn thế giới có thể cung cấp cho chúng ta rất nhiều gợi ý quan trọng. Xét từ góc độ sự hình thành và hoàn thiện của cơ chế giáo dục quốc dân hiện đại, cuộc cải cách cơ chế giáo dục trên thế giới với quá trình thực hiện trên 200 năm, đặc biệt là cải cách cơ chế giáo dục đang được triển khai hiện nay đã sử dụng một số biện pháp chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, kiên trì tính công bằng của giáo dục hiện đại. Xét về căn bản, cơ chế giáo dục hiện đại chính là cơ chế giáo dục quốc dân. Cho dù giáo dục quốc dân có nội hàm rất rộng, nhưng nội hàm cơ bản của nó chính là giáo dục công. "Giáo dục quốc dân hay còn gọi là "giáo dục công", nó chỉ sự giáo dục trong nhà trường mà một quốc gia thực hiện cho nhân dân (hay công dân) nước mình"<sup>1</sup>. Nội hàm của khái niệm "công" ở đây cũng rất phong phú, cách giới hạn phạm vi của nó cũng tương đối phức tạp, nhưng hàm nghĩa cơ bản nhất của nó là "thuộc về xã hội, là tài sản chung, được dùng chung"<sup>2</sup>. Nhà nước cung cấp cho mình dịch vụ giáo dục công, đây là đặc trưng cơ bản của cơ chế giáo dục quốc dân hiện đại. Cung cấp dịch vụ giáo dục cho nhân dân lại là chức năng cơ bản của nhà nước hiện đại.

Cơ chế giáo dục quốc dân là hiện tượng mới dần được hình thành và phát triển từ sau thời cận đại. Xét trên nhiều phương diện, nó dần phát triển cùng với sự hình thành, xây dựng của nhà nước hiện đại. Khi thời kỳ Trung cổ gần kết thúc, một số nhân vật lãnh tụ cùng với các nhân sĩ trong xã hội khi phác thảo mô hình xã hội lý tưởng đã đưa ra chủ trương, tư tưởng nhà nước tiến hành giáo dục quốc dân, đứng ra đảm nhiệm việc

---

1. *Đại từ điển giáo dục*, Nxb. Giáo dục Thượng Hải, 1997, tr.526.

2. *Từ điển tiếng Hán hiện đại*, Thương Vụ ấn thư quán, 2005, bản lần thứ 5, tr.472.

giáo dục thiếu niên nhi đồng. Nửa sau thế kỷ 18, một số quốc gia đã bắt đầu chú trọng tới xây dựng cơ chế giáo dục quốc dân. Năm 1717, nước Đức đã bắt đầu mở các trường công lập tại vùng nông thôn. Tới năm 1794, trong luật pháp lúc đó, Đức đã quy định: Trường học và trường đại học là cơ cấu quốc gia, phụ trách việc dạy cho thanh niên những thông tin hữu ích và các tri thức khoa học. Sau "Đại cách mạng" năm 1789, nước Pháp bắt đầu xây dựng cơ chế giáo dục công lập chung cho mọi công dân, thành lập phổ biến các trường trung học và đại học, biến giáo dục trung học và giáo dục cao đẳng, đại học trở thành trách nhiệm của quốc gia. Sau năm 1870, nước Anh đã bắt đầu xây dựng các trường công. Trong quá trình lãnh đạo phong trào công nhân, C. Mác và Ph. Ăngghen đã rất quan tâm tới tình hình giáo dục của con em giai cấp công nhân, chú trọng tới xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* năm 1848, C. Mác và Ph. Ăngghen đã coi thực hiện giáo dục công là một trong những nguyên tắc cơ bản của xã hội hiện đại. Từ giữa thế kỷ XIX cho tới Chiến tranh thế giới thứ hai, các quốc gia phát triển tại Âu-Mỹ đã liên tiếp thông qua pháp luật, quy định xây dựng cơ chế giáo dục quốc dân hiện đại.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cơ chế giáo dục quốc dân hiện đại được tiếp tục phát triển, hoàn thiện trên phạm vi toàn thế giới. Ngay từ năm 1944, nước Anh đã công bố *Luật giáo dục*, tuyên bố nhà nước thực hiện cơ chế giáo dục công. Luật này quy định: "Nhà đương cục

địa phương có trách nhiệm bảo đảm cho việc thành lập các trường học ở bậc cơ sở và bậc trung học... Phụ trách việc mở đủ các trường học trong phạm vi mình phụ trách... Nếu các trường mở trong một khu vực nào đó không cung cấp đầy đủ cơ hội giáo dục cho học sinh trong vùng về số lượng, thiết bị dạy học hoặc tính chất của trường, không thể căn cứ theo độ tuổi, năng lực, trí tuệ của học sinh để cung cấp cho học sinh các bài học mà các em mong muốn trong các thời hạn học tập khác nhau, bao gồm cả nội dung thực hành và huấn luyện mà các em cần học, thì có thể nhận định rằng, khu vực đó chưa có đủ trường học"<sup>1</sup>. Sau khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai, trong *Luật giáo dục cơ bản*, Nhật Bản có quy định: "Các trường học được pháp luật công nhận là các trường học mang tính chất công cộng, do đó, ngoài nhà nước hay các đoàn thể công cộng ra, chỉ có những pháp nhân do pháp luật quy định mới được phép mở trường học"<sup>2</sup>. Giao cho giáo dục đặc tính công cộng đồng thời kiên định đặc tính này, đây là gợi ý quan trọng nhất mà lịch sử hình thành và phát triển cơ chế giáo dục thế giới đem đến cho chúng ta.

Trong giai đoạn hiện nay, các quốc gia có trình độ phát triển kinh tế và chế độ xã hội khác nhau phần lớn ủng hộ việc phát triển các loại hình nhà trường tư thục,

---

1, 2. Phòng Nghiên cứu chính sách Hội đồng Giáo dục quốc gia biên soạn: *Tuyển tập Luật giáo dục nước ngoài*, Nxb. Pháp luật, 1987, tr.84.

nhưng vẫn kiên trì địa vị chủ đạo của hệ thống trường công, đặc biệt là đối với giai đoạn giáo dục tiểu học và trung học. Các trường trung học, tiểu học trong xã hội phương Tây chủ yếu do giáo hội đứng ra thành lập, là cơ cấu công ích. Rất nhiều trường đại học tư thục tại phương Tây có lịch sử thành lập trường từ rất sớm, nó đã có lịch sử tồn tại hàng trăm năm trước khi có sự ra đời của cơ chế giáo dục quốc dân. Các nhà trường này đã hình thành nên truyền thống dạy học thể hiện yêu cầu công ích của xã hội và có uy tín rất lớn về mặt học thuật.

*Thứ hai*, kiên trì nguyên tắc do các pháp nhân công cộng hoặc pháp nhân công ích đứng ra cung cấp dịch vụ giáo dục công. Sự nghiệp giáo dục công có địa vị và tác dụng vô cùng quan trọng đối với một quốc gia hiện đại. Vậy rút cuộc tổ chức, cơ cấu nào nên đứng ra cung cấp dịch vụ giáo dục công? Kinh nghiệm của các quốc gia phát triển cho chúng ta biết rằng, cần do pháp nhân công cộng hoặc pháp nhân công ích đứng ra cung cấp dịch vụ giáo dục công, có như vậy mới có thể bảo đảm một cách có hiệu quả tính chất của loại hình dịch vụ công này.

Nhật Bản là quốc gia đầu tiên tại châu Á thông qua mô hình kinh tế lấy định hướng của nhà nước làm chủ đạo để thực hiện tăng trưởng kinh tế tốc độ cao, cũng là quốc gia đã đem kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa kinh tế thị trường với phát triển giáo dục, thực hiện thành công chiến lược phát triển giáo dục đi trước, làm tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội theo sau. Cách làm cơ bản của Nhật Bản là: Lấy các pháp nhân công cộng do chính phủ

thành lập hoặc các pháp nhân công ích do các tổ chức nhân dân lập ra làm chủ thể hành vi cho sự nghiệp công ích xã hội. Khi đó, trường công lập sẽ là một pháp nhân công cộng, còn trường tư thục sẽ được coi là một pháp nhân công ích. Giáo dục trung học, tiểu học và một phần lớn giáo dục đại học hầu hết đều do các pháp nhân công cộng do chính phủ thành lập đứng ra chịu trách nhiệm, nhân viên làm việc trong các cơ sở đào tạo dạng trên về cơ bản đều là các công chức chính quyền. Đặc điểm tổ chức và vận hành của những cơ cấu chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý trường công lập nói trên cũng gần giống như mọi cơ cấu chính quyền khác: việc thành lập, giải tán hay sáp nhập các cơ sở này đều phải do chính phủ quyết định; người đứng đầu các cơ sở này phải do cơ quan chủ quản của chính quyền bổ nhiệm; hoạt động nghiệp vụ thực hiện theo kế hoạch của chính quyền, đồng thời chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan chủ quản; ngân sách nhà nước bảo đảm chắc chắn nguồn đầu tư kinh phí cho hoạt động của các trường này, đồng thời chính quyền còn đem gộp kinh phí cho các trường vào dự toán ngân sách công; các cơ sở giáo dục công trên không được tiến hành các hoạt động thu lời; nếu trong một tình huống nào đó, các cơ sở trên có thu nhập, nguồn thu nhập đó phải được nộp vào ngân sách nhà nước, thực hiện quy trình phân tách nghiêm ngặt giữa thu và chi của cơ sở giáo dục công. Người đứng ra thành lập các cơ sở đào tạo tư thục trước tiên phải làm thủ tục hiến tặng, đem hiến toàn bộ tài sản trường sở do mình đầu tư làm tài sản chung của xã hội, không được giữ các

tài sản đó làm tài sản cá nhân, có như vậy trường học mới được đăng ký hoạt động, đồng thời mới được hưởng ưu đãi miễn thuế đối với một cơ cấu công ích. Lợi nhuận thu được từ các trường tư thục buộc phải dùng toàn bộ vào phát triển nhà trường. Nếu do một nguyên nhân nào đó nhà trường dừng giảng dạy, tài sản của trường sẽ thuộc về một tổ chức công ích xã hội nào đó khác<sup>1</sup>.

Cuối những năm thập niên 80, đầu những năm thập niên 90 của thế kỷ XX, Liên Xô và một số quốc gia khu vực Đông Âu nổ ra cuộc biến đổi mô hình xã hội, phần lớn các quốc gia này đều thực hiện bước chuyển từ nền kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường. Cơ sở kinh tế của các quốc gia này đã phát sinh sự thay đổi sâu sắc, nhưng các đơn vị sự nghiệp của xã hội về cơ bản vẫn giữ được tính chất công của mình. Ba Lan là quốc gia lớn nhất thực hiện bước chuyển từ nền kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường. Trong cải cách cơ chế bảo đảm xã hội và cải cách sự nghiệp công ích xã hội, cách làm của Ba Lan đã thu hút ngày một nhiều hơn sự chú ý của thế giới. Cách làm cải cách sự nghiệp xã hội, đặc biệt là sự nghiệp giáo dục của Ba Lan về cơ bản bao gồm mấy điểm sau: *Thứ nhất*, đối với sự nghiệp giáo dục trung học, tiểu học, loại hình đào tạo liên hệ trực tiếp tới lợi ích căn bản của công chúng, vẫn do chính phủ trực tiếp đứng ra tổ chức. Việc thành lập,

---

1. Cát Diên Phong: "Khảo sát cơ chế sự nghiệp công ích tại các quốc gia Ba Lan, Nhật Bản", [www.chinaaccer.com](http://www.chinaaccer.com), 12-7-2005.



giải tán, sáp nhập các cơ sở này vẫn phải do chính quyền quyết định, người lãnh đạo cơ cấu giáo dục nêu trên do cơ quan chủ quản của chính quyền bổ nhiệm. Cơ sở giáo dục trên phải vận hành theo mục tiêu do chính quyền xác định, đồng thời chịu sự quản lý, giám sát của chính quyền. Ngân sách chính phủ bảo đảm đầu tư kinh phí hoạt động cho các tổ chức này đồng thời đem gộp chúng vào dự toán ngân sách nhà nước. Về nguyên tắc, những cơ sở này không được phép có nguồn thu tự thân của mình dù dưới bất cứ hình thức gì. Nếu trong tình huống đặc thù nào đó, các cơ sở giáo dục này có được thu nhập, toàn bộ số thu nhập trên phải được giao nộp ngân sách nhà nước, thực hiện tách bạch nghiêm ngặt giữa thu và chi. Xét một cách tổng thể, phương thức tổ chức cơ bản của các cơ sở này không có sự khác biệt rõ rệt so với trước khi cải cách. Thứ hai, đối với các trường đại học, cao đẳng được giao quyền tự chủ khá lớn trong dạy học, về cơ bản được sắp xếp, vận hành theo mô hình tổ chức của một cơ sở kinh doanh. Xét về địa vị pháp luật, trường đại học đều được coi là pháp nhân độc lập có thể tự quyết định việc thành lập các cơ sở nội bộ của mình như khoa, phân viện trực thuộc, tự quyết định kế hoạch dạy học, kế hoạch đào tạo, tự quyết định việc thuê tuyển và trả lương cho nhân viên, tự quyết định về công tác quản lý tài chính và các công việc nội bộ liên quan đến hoạt động nghiệp vụ khác. Các trường đại học, cao đẳng đã chuyển đổi mô hình huy động vốn hoạt động từ nhận nguồn ngân sách do chính phủ cấp trong giai đoạn kinh tế kế hoạch sang

lấy hỗ trợ tài chính của chính quyền làm nền tảng, thông qua nhiều kênh khác để thu hút vốn. Hỗ trợ tài chính của chính phủ vẫn là nguồn thu chủ yếu của trường đại học, đối với các hoạt động nhằm tăng thu nhập khác của nhà trường, chỉ cần nguồn thu đó được dùng để phát triển sự nghiệp giáo dục, chính quyền sẽ cho hưởng ưu đãi miễn thuế. Thứ ba, tích cực bồi dưỡng phát triển các cơ sở phi doanh lợi nhân dân, cổ vũ các lực lượng xã hội tham gia xây dựng sự nghiệp giáo dục lấy đó làm nguồn bổ sung cho chức năng xã hội của chính quyền.

Thứ ba, kiên trì xuất phát từ cơ chế để bảo đảm tính phi doanh lợi của giáo dục. Một nguyên tắc cơ bản trong phát triển sự nghiệp giáo dục của quốc tế là tính phi doanh lợi. Không chỉ các trường công lập không được phép lấy thu lợi làm mục đích dạy học mà ngay cả các trường tư thục cũng như vậy. Có ba tiêu chí cơ bản để đánh giá cụ thể về "tính phi doanh lợi": thứ nhất, tôn chỉ của cơ sở giáo dục không được phép lấy doanh lợi làm mục đích; Thứ hai, lợi nhuận của tổ chức không được dùng để phân chia cho các thành viên của nó; thứ ba, tài sản của tổ chức không được chuyển thành tài sản của cá nhân dù dưới bất cứ hình thức nào. Chỉ có kiên trì tính phi doanh lợi của giáo dục mới có thể bảo đảm hoặc nâng cao tính công cộng của sự nghiệp giáo dục, đưa nó phục vụ tốt hơn lợi ích công cộng. Ở nước ngoài, các trường tư thục và các cơ sở phi doanh lợi khác đứng ra mở trường theo đúng nguyên tắc kiên trì tính phi doanh lợi đều được gọi chung dưới các tên gọi như: "Cơ quan phi doanh lợi", "Cơ quan công cộng phi

chính phủ", "Tổ chức thứ ba". Trong cuốn sách *Hệ thống hoạch toán kinh tế quốc dân* do Liên hợp quốc, Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế thế giới cùng biên soạn, các thực thể xã hội được chia làm bốn loại: thứ nhất, công ty; thứ hai, các tổ chức gần giống như công ty; thứ ba, các tổ chức phi doanh lợi; thứ tư, cơ cấu chính phủ. Các tổ chức phi doanh lợi với vai trò là "Tổ chức thứ ba" có những tính chất và đặc trưng chủ yếu sau: 1) Cung cấp dịch vụ mang tính công ích cho xã hội; 2) Do nhân dân quyết định và sử dụng, không lấy doanh lợi làm mục đích; 3) Đãi ngộ của nhân viên trong tổ chức không được vượt quá thu nhập của những người có hoàn cảnh làm việc tương tự, thực hiện chức trách tương tự, làm nhiệm vụ tương đương; 4) Được hưởng chính sách ưu đãi thuế của nhà nước bao gồm những thuế thu nhập; 5) Chịu sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của xã hội, có cơ chế quản lý, giám sát tài chính tương ứng; 6) Tài sản của các tổ chức này mang tính đặc thù, quyền sở hữu của các cơ sở phi doanh lợi không được phép đem tư hữu hóa, tài sản không được phép đem giao dịch trên thị trường. Do các tính chất và đặc trưng nêu trên của cơ sở phi doanh lợi, chúng có tác dụng vô cùng to lớn trong phát triển sự nghiệp công ích, vì thế, rất nhiều quốc gia phát triển đã sử dụng hình thức tổ chức của cơ sở phi doanh lợi để phát triển sự nghiệp giáo dục. Thông thường các trường công lập mang tính chất công, còn các trường tư thục ngay khi mới được thành lập đã không hề hoặc rất ít mang tính chất công cộng, phải dựa trên một cơ chế nhất định để nâng cao tính chất công

cộng của mình. Ngay trong Điều 1, Chương 1 *Luật trường tư thục* của Nhật Bản, khi giải thích về mục đích đặt ra luật này, Nhật Bản đã tuyên bố rõ ràng: "Mục đích của luật này là xuất phát từ đặc tính của trường tư thục. tôn trọng tính tự chủ của các trường này, nâng cao tính công cộng của chúng, mưu cầu sự phát triển lành mạnh của tổ chức". Tại Nhật Bản, cá nhân không được đứng ra tổ chức việc dạy học. Chỉ sau khi cá nhân đã làm thủ tục hiến tặng cơ sở đào tạo, xây dựng nên một cơ sở công ích, họ mới có thể xin phép mở trường tư thục theo trình tự đã quy định. Luật trường tư thục hoặc luật thuế của các quốc gia bao gồm Nhật Bản, Anh, Pháp, Hàn Quốc đều quy định một số điều kiện bắt buộc đối với trường tư thục. Các quy định tương đối quan trọng trong số đó bao gồm: nhà trường buộc phải được xây dựng thông qua hoạt động quyên tặng vốn, người quyên tặng tiền không được nhận trở lại bất cứ một khoản báo đáp nào, không được phân chia lợi nhuận, khi nhà trường giải thể hay ngừng dạy học, tài sản của nhà trường không được phép giao cho một cá nhân hay tổ chức mang tính kinh doanh nào đó sở hữu, nhà trường cũng bị dừng không được hưởng ưu đãi miễn thuế khác. Tại Mỹ, bất kể là trong giai đoạn giáo dục trung học, tiểu học hay giai đoạn giáo dục cao đẳng, đại học, đều có một số lượng trường tư thục nhất định. Người đứng ra thành lập các trường tư thục này phần lớn đều là quyên góp tiền để mở trường dạy học, họ coi giáo dục là một sự nghiệp công ích xã hội hay một hoạt động từ thiện, không yêu cầu bất cứ một khoản báo đáp nào. Tích lũy của

các trường này được dùng để tái phát triển. Tại Mỹ cũng tồn tại một số lượng nhất định các trường tư thục mang tính kinh doanh, phần lớn đây là các cơ sở bồi dưỡng, dạy nghề (ví dụ như lớp dạy làm đẹp tóc, nấu ăn...) và một số ít các nhà trẻ. Các trường học này phải nộp thuế lợi tức và thuế tài sản, được gọi là các trường nộp thuế. So với các trường phi kinh doanh, chính quyền kiểm soát ngặt nghèo hơn nhiều trong phê chuẩn và quản lý các trường tư thục mang tính kinh doanh. Quản lý tài chính trong các trường tư thục ở Mỹ được tiến hành dưới chế độ kiểm toán vô cùng chặt chẽ của toàn xã hội Mỹ. Quản lý tài chính của các trường tư thục ở Mỹ đều do các công ty tài chính đảm nhiệm, tất cả các khoản thu chi, kinh phí đều có ghi chép xác thực, cụ thể, đồng thời được các cơ sở kiểm toán tiến hành kiểm toán đột xuất. Chính do các quốc gia theo nền kinh tế thị trường có hệ thống quản lý tương đối hoàn thiện và khung cơ chế pháp luật chặt chẽ, các trường công lập tại đây mới có thể được giữ lại, đồng thời có sự phát triển mạnh trong quá trình nhà nước xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân, trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng không thể xem nhẹ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

#### **4. Mục tiêu cơ bản trong thực hiện cải cách giáo dục**

Các mâu thuẫn nổi bật xuất hiện trong cải cách cơ chế giáo dục của Trung Quốc và cách làm cơ bản của thế giới trong vấn đề này gợi ý chúng ta rằng: Cải cách cơ

chế giáo dục chính là một nội dung lớn trong cải cách các cơ quan hành chính công, buộc phải tuân thủ các yêu cầu cơ bản trong cải cách các cơ quan hành chính công, trên cơ sở đó căn cứ vào mức độ công ích khác nhau của các loại hình giáo dục để tiến hành tổ chức và thúc đẩy phân loại. Mục tiêu cơ bản của cải cách cơ chế giáo dục là thúc đẩy sự nghiệp giáo dục có thể gánh vác nhiều hơn chức năng công ích của xã hội, đáp ứng nhiều hơn nữa nhu cầu chung của xã hội. Cải cách cơ chế giáo dục buộc phải làm cho sự phát triển và vận hành của sự nghiệp giáo dục thích ứng với cơ chế thị trường xã hội chủ nghĩa, nhưng cũng không thể giao sự nghiệp giáo dục cho thị trường một cách giản đơn, phó mặc cho thị trường. Nếu một cơ cấu đảm nhiệm chức năng công ích xã hội bị đẩy ra thị trường, chắc chắn nó sẽ hoạt động với mục tiêu chủ yếu là kinh doanh kiếm lời, mục tiêu công ích vốn có của nó sẽ bị cắt giảm bớt hoặc từ bỏ hoàn toàn, cuối cùng gây ảnh hưởng tới chức năng và mục tiêu của nhà nước.

Cải cách cơ chế giáo dục của Trung Quốc là một quá trình dần nhận thức, tìm tòi, đi sâu thực hiện, cũng là một quá trình không ngừng tổng kết, sửa sai, hoàn thiện. Trong các giai đoạn khác nhau của cải cách, đảng và nhà nước luôn luôn coi trọng vấn đề phương hướng, nguyên tắc cải cách. Để đối phó với những tồn tại như tập trung quá nhiều, ô mồm trong giáo dục bị gây nên bởi nền kinh tế kế hoạch, trong "Quyết định của Trung ương Đảng về cải cách cơ chế giáo dục" ban hành năm 1985

đã nêu ra mục tiêu cải cách như sau: "Đồng thời với việc tăng cường quản lý vĩ mô, kiên quyết thực hiện rút gọn bộ máy quản lý hành chính, giao cho cấp dưới nhiều quyền tự quyết hơn, để nhà trường có nhiều quyền tự chủ hơn trong dạy học; điều chỉnh cơ cấu giáo dục, đi đôi với nó là cải cách cơ chế nhân sự của ngành. Cần cải cách những tư tưởng, nội dung, phương pháp giáo dục không còn phù hợp với yêu cầu hiện đại hóa chủ nghĩa xã hội. Thông qua cải cách, cần mở ra cục diện mới trong công tác giáo dục, làm cho giáo dục cơ sở được tăng cường một cách thiết thực, giáo dục dạy nghề được phát triển rộng rãi, tiềm lực và sức sống của giáo dục đại học, cao đẳng được phát huy đầy đủ, các hình thức giáo dục trong và ngoài nhà trường, giáo dục trên ghế nhà trường và sau khi tốt nghiệp đều được coi trọng như nhau. Các loại hình, các cấp học đều có thể chủ động thích nghi với nhu cầu đa dạng của sự phát triển kinh tế - xã hội". Để phòng tránh những lệch lạc có thể xuất hiện trong quá trình cải cách, Trung ương nhấn mạnh: "Trong toàn bộ quá trình cải cách cơ chế giáo dục, buộc phải ghi nhớ rõ mục tiêu căn bản của cải cách là nâng cao tố chất toàn dân, đào tạo ra nhiều hơn nữa những nhân tài, công dân tốt cho xã hội. Tiêu chuẩn cơ bản nhất để đánh giá công tác của trường học không phải là lợi ích kinh tế thu được mà chính là số lượng và chất lượng nhân tài trường học đó bồi dưỡng được. Chỉ cần nắm chắc điều này, cải cách sẽ không mất phương hướng... Trong cải cách cơ chế giáo dục, buộc phải tôn trọng những quy luật và đặc điểm của

công tác giáo dục, kiên trì "thực sự cầu thị, tất cả xuất phát từ thực tiễn". Phương châm lớn phải tập trung vào sự thống nhất, biện pháp cụ thể phải mang tính linh hoạt đa dạng, tuyệt đối không thể gượng ép, đánh đồng lẫn nhau. Cải cách vừa phải kiên quyết lại cần tiến hành cẩn thận, chú trọng thủ nghiệm. Đối với những biện pháp cải cách liên quan đến toàn cục, phạm vi ảnh hưởng rộng, phải được cấp trên phê chuẩn". Sau khi Đại hội XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra mục tiêu cải cách xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, trong *Cương lĩnh phát triển và cải cách giáo dục Trung Quốc* do Trung ương Đảng, Quốc Vụ viện ban hành năm 1993 đã xác định phương hướng cơ bản của cải cách cơ chế giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường: "Cải cách cơ chế ôm đồm, làm thay trước đây, sơ bộ xây dựng cơ chế giáo dục thích ứng với cải cách cơ chế kinh tế thị trường, thể chế chính trị, cơ chế khoa học - kỹ thuật xã hội chủ nghĩa". Cương lĩnh trên nhấn mạnh mục đích của cải cách cơ chế giáo dục là nhằm "tăng cường năng lực chủ động thích nghi với sự phát triển của kinh tế - xã hội, di con đường mới phát triển giáo dục, đặt nền móng cho xây dựng hệ thống giáo dục xã hội chủ nghĩa mang đặc sắc Trung Quốc". Cương lĩnh trên còn đưa ra những tiêu chuẩn để đánh giá cải cách như: "Cải cách cơ chế giáo dục phải có lợi cho kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng nên đội ngũ những người xây dựng và tiếp nối sự nghiệp phát triển của Trung Quốc với đức, trí, thể phát triển toàn diện; có lợi cho phát huy tính tích cực của



chính quyền các cấp, của toàn xã hội và đông đảo đội ngũ giáo viên, nâng cao chất lượng giáo dục, trình độ nghiên cứu khoa học và hiệu quả dạy học; có lợi cho thúc đẩy giáo dục phục vụ tốt hơn nữa sự nghiệp xây dựng hiện đại hóa chủ nghĩa xã hội".

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đưa ra mục tiêu phấn đấu và phương châm chính sách thực hiện các mặt công tác của Trung Quốc trong vòng 20 năm đầu của thế kỷ XXI. Báo cáo chính trị của Đại hội đã căn cứ yêu cầu cơ bản xây dựng toàn diện xã hội khá giả, đưa ra mục tiêu chung của cải cách, phát triển giáo dục trong thời kỳ mới: "Hình thành hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại, tương đối hoàn thiện... Nhân dân được hưởng cơ hội giáo dục tốt, về cơ bản thực hiện phổ cập trung học phổ thông, xóa mù chữ. Hình thành mô hình xã hội học tập với toàn dân học tập, học tập cả đời, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của con người". Xét từ góc độ cải cách cung cấp động lực, sức sống cho phát triển, việc thực hiện cải cách cơ chế giáo dục và xây dựng mục tiêu chủ yếu của nó trong thời kỳ mới chính là xây dựng khung chế độ cho thúc đẩy hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại hóa, đem lại nhiều cơ hội giáo dục tốt hơn nữa tới cho nhân dân, bao gồm các cơ chế như cơ chế đầu tư, cơ chế mở trường, cơ chế quản lý vĩ mô, cơ chế quản lý nội bộ của nhà trường.

Cải cách cơ chế giáo dục buộc phải nỗ lực thúc đẩy sự hoàn thiện của hệ thống giáo dục quốc dân, buộc phải nỗ lực thể hiện phương hướng tiên tiến của giáo dục quốc dân,

đem lại nhiều cơ hội giáo dục hơn cho nhân dân. Nhân dân hài lòng hay không chính là tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá thành bại của cải cách. Cải cách cơ chế giáo dục xét về căn bản chính là thực hiện một nền giáo dục làm nhân dân vừa ý.

Mâu thuẫn khó xử lý nhất trong cải cách cơ chế giáo dục chính là giải quyết mối quan hệ giữa công bằng và hiệu quả. Giáo dục vừa có chức năng giúp nâng cao hiệu quả kinh tế, lại có chức năng thúc đẩy công bằng xã hội. Giáo dục với vai trò là một hoạt động kinh tế sản xuất ra tài nguyên con người, bản thân nó cũng có yêu cầu phải chạy theo hiệu quả. Trong điều kiện có sự đầu tư nhất định ở đầu vào, sẽ xuất hiện vấn đề hiệu quả phân bổ tài nguyên giáo dục. Với vai trò là một hoạt động xã hội nhưng có thể tác động trở lại tới xã hội, giáo dục vừa có trách nhiệm thúc đẩy công bằng xã hội, nó buộc phải bảo đảm cho các công dân có quyền bình đẳng trong tiếp nhận cơ hội giáo dục, đồng thời cũng phải tạo điều kiện để thực hiện sự công bằng giữa các thế hệ. Khoảng cách giàu nghèo là vấn đề chung của xã hội hiện đại. Nguyên nhân đầu tiên quyết định tới khoảng cách giàu nghèo của xã hội chính là nguồn tài nguyên nhân lực được hình thành qua tích lũy tri thức. Nỗ lực thúc đẩy công bằng giáo dục, làm cho tài nguyên tri thức có thể được phân bổ tương đối đồng đều cho các thành viên thuộc các giai tầng khác nhau trong xã hội sẽ giúp thực hiện một cách có hiệu quả công bằng từ cấp cơ sở. Trong cải cách cơ chế giáo dục, cần nỗ lực theo đuổi sự thống nhất giữa công

bằng và hiệu quả, không được chạy theo "Chủ nghĩa lấy hiệu quả làm đầu" hoặc chỉ biết tôn thờ hiệu quả. Chính bởi vì giáo dục có thể mang lại hiệu ứng xã hội to lớn trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, do đó hoạt động giáo dục của bất cứ xã hội nào cũng cần được phát triển dưới sự chủ trì của chính phủ. Cũng chính do thị trường không thể thực hiện sự công bằng xã hội một cách thực sự có hiệu quả, thị trường chỉ có thể thực hiện trao đổi ngang giá, chỉ có thể đem lại tinh thần bình đẳng trên cơ sở giao dịch ngang giá nên bất cứ quốc gia nào cũng không được phép đem trao giáo dục cho thị trường một cách giản đơn. Đối với một số hành vi đưa biện pháp của thị trường vào trong phân phối tài nguyên giáo dục, chính phủ cần có quy định nghiêm ngặt về hoạt động không được mang tính thu lời của chúng.

Trong thực tiễn giáo dục, cũng có người đưa ra quan điểm phương hướng của cải cách cơ chế giáo dục chính là "ngành nghề hóa giáo dục". Mặc dù động cơ nhằm thúc đẩy sự phát triển của giáo dục là có thể hiểu được, nhưng thực tiễn cũng cho thấy hiệu quả xã hội của cách làm này không hề tốt. Một số địa phương coi "ngành nghề hóa giáo dục" làm tư tưởng chỉ đạo lĩnh vực giáo dục, giảm đầu tư cho giáo dục, gây ra hàng loạt các hiện tượng như loạn thu phí, thu phí cao, gây tổn hại tới lợi ích của quần chúng nhân dân. Giáo dục là sự nghiệp công ích của toàn xã hội. Tính tới hiện tại, chưa có bất kỳ quốc gia nào trên thế giới coi "ngành nghề hóa giáo dục" là một quốc sách.

## II- XÂY DỰNG CƠ CHẾ MỞ TRƯỜNG ĐA DẠNG, LẤY CHÍNH PHỦ LÀM CHỦ ĐẠO

Trong quá trình thúc đẩy hiện đại hóa giáo dục, buộc phải ra sức xây dựng cơ chế mở trường đa dạng, trong đó lấy chính phủ làm chủ đạo, đáp ứng yêu cầu giáo dục ngày càng tăng của quần chúng nhân dân.

### 1. Mục tiêu và phương hướng của cơ chế mở trường

Cơ chế mở trường là quy phạm chế độ về tư cách, quyền lợi, nghĩa vụ của chủ thể mở trường cho tới cục diện mở trường được hình thành nên bởi nhiều cơ cấu giáo dục do các chủ thể xã hội khác nhau đứng ra thành lập. Nó chủ yếu chỉ chủ thể xã hội nào cần đứng ra mở trường lớp, chủ thể xã hội nào nên mở trường, chủ thể xã hội nào có thể mở trường, muốn mở trường phải có những điều kiện nào, tuân theo các nguyên tắc ra sao, trong quá trình mở trường được hưởng quyền lợi gì, cần thi hành những nghĩa vụ gì. Xét từ góc độ chủ thể mở trường, toàn bộ hệ thống trường học được bố cục ra sao... Nhiệm vụ cơ bản của hệ thống giáo dục là mở trường dạy người, hình thức thực hiện cụ thể của phân bổ tài nguyên giáo dục là ai đứng ra chi tiền mở lớp, ai tổ chức trường học. Bất luận là nhiệm vụ cơ bản của sự nghiệp giáo dục hay phương thức phân bổ tài nguyên giáo dục, đều có liên quan mật thiết tới việc mở trường. Cải cách cơ chế mở trường là khâu trung tâm trong cải cách thể chế giáo dục.

Trước cải cách mở cửa, Trung Quốc thực hiện hình thức mở trường duy nhất do chính phủ thực hiện: do chính phủ chi toàn bộ tiền mở trường hoặc là do tổ chức kinh tế tập thể nào đó dưới sự chỉ đạo của chính phủ tham gia rộng rãi vào sự nghiệp mở trường. Trong "Mười năm biến động" - chỉ Cách mạng văn hóa, kinh tế Trung Quốc đứng bên bờ vực phá sản, Nhà nước đầu tư rất ít cho giáo dục nông thôn, nhưng giáo dục nông thôn vẫn có thể tồn tại như một kỳ tích, tỷ lệ lên lớp ở bậc tiểu học đã có sự nâng lên nhất định, có được điều này chủ yếu là do được sự hỗ trợ của các tổ chức kinh tế tập thể ở nông thôn. Hình thức đơn nhất chính phủ đứng ra mở lớp hay chỉ đạo mở lớp đã từng phát huy tác dụng quan trọng trong phát triển sự nghiệp giáo dục ở Trung Quốc, nhưng nó đã bóp chết tính tích cực muốn tham gia vào quá trình mở trường của toàn xã hội.

Sau cải cách mở cửa, cải cách thể chế giáo dục bắt đầu được triển khai, mục tiêu cũng dần được xác định rõ ràng hơn. Trong "Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách thể chế giáo dục" ban hành năm 1985 đã đưa ra yêu cầu, đối với giáo dục địa phương, cần thực hiện cơ chế địa phương phân cấp mở trường, giáo dục cao đẳng, đại học thực hiện cơ chế phân làm ba cấp quản lý mở trường là chính quyền trung ương, tỉnh và thành phố trung tâm. Mục đích của những quyết sách quan trọng này là thông qua sự mở rộng các chủ thể được phép tham gia mở trường, đẩy nhanh sự phát triển của sự nghiệp giáo dục. "Quyết định của Trung ương Đảng Cộng

sản Trung Quốc về cải cách thể chế giáo dục" còn đưa ra yêu cầu mang tính nguyên tắc: "Địa phương cần cố vũ và chỉ đạo các doanh nghiệp, đoàn thể trên toàn quốc cùng với các cá nhân tham gia vào quá trình mở trường. Đồng thời trên cơ sở tự nguyện, cố vũ các đơn vị, tập thể và cá nhân quyên góp tiền cho hoạt động giáo dục, nhưng không được cưỡng ép, thúc giục". Trong *Cương lĩnh phát triển và cải cách giáo dục Trung Quốc* do Trung ương Đảng Cộng sản cùng với Quốc Vụ viện ban hành năm 1993, lần đầu tiên đã chỉ ra rõ ràng rằng, "dẫn xây dựng cơ chế mở trường kết hợp nhiều hình thức, trong đó lấy chính phủ làm chủ yếu, có sự tham gia của các giới trong xã hội", xác định rõ mục tiêu và phương hướng cho cải cách cơ chế giáo dục. *Cương lĩnh phát triển và cải cách giáo dục Trung Quốc* còn quy hoạch khung cơ bản trong cơ chế mở trường của Trung Quốc như sau: "Mở trường cho bậc giáo dục cơ sở cần lấy chính quyền cấp cơ sở làm chủ chốt; đối với giáo dục cao đẳng, đại học, cần dần hình thành cơ chế trung ương, chính quyền tỉnh - thành (khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương) đứng ra mở trường làm chủ yếu, có sự tham gia của các giới trong xã hội. Giáo dục dạy nghề, giáo dục hoàn thiện cho đối tượng người trưởng thành chủ yếu do các đơn vị, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp đứng ra mở lớp, có sự hợp tác của các thành phần xã hội khác." Đối diện với tình hình trì trệ, lạc hậu của hệ thống giáo dục Trung Quốc, *Cương lĩnh phát triển và cải cách giáo dục Trung Quốc* lần đầu tiên còn chỉ rõ: "các đoàn thể xã hội và công dân có thể tham gia mở trường theo quy định của

pháp luật, thực hiện theo phương châm tích cực chủ động, ra sức ủng hộ, định hướng chính xác, tăng cường quản lý". Tháng 5-1995, Hội nghị lần thứ ba Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc khóa VIII đã thông qua *Luật giáo dục nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*, đưa phương châm mở trường "lấy chính phủ mở trường làm chủ yếu, có sự kết hợp với sự tham gia của các thành phần trong xã hội" thành ý chí quốc gia. *Luật giáo dục nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa* quy định: "Nhà nước nghiên cứu ban hành quy hoạch phát triển giáo dục đồng thời mở trường cùng các cơ sở giáo dục khác. Nhà nước cổ vũ các tổ chức đơn vị sự nghiệp, đoàn thể xã hội và các tổ chức xã hội khác cùng với các công dân mở trường học, thành lập các cơ sở giáo dục khác theo quy định của pháp luật". Tham khảo kinh nghiệm cơ bản của các quốc gia khác trong phát triển giáo dục dân lập, *Luật giáo dục nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa* đưa ra quy định về mặt pháp luật: "Bất cứ tổ chức hay cá nhân nào cũng không được mở trường học hay lập các cơ sở giáo dục với mục đích thu lời". Trong "Điều lệ mở trường của các tổ chức xã hội" do Quốc Vụ viện Trung Quốc ban hành năm 1997 đã tiến hành cổ vũ, ủng hộ, định hướng và quy phạm cho các tổ chức xã hội tham gia lập trường học. *Luật thúc đẩy giáo dục dân lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa* được thông qua bởi Hội đồng Thường trực Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc khóa IX năm 2002 đã đưa ra chỗ dựa về mặt pháp lý cho sự phát triển lành mạnh, bền vững của giáo dục dân lập. "Điều lệ thực thi

*Luật thúc đẩy giáo dục dân lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*" do Quốc Vụ viện Trung Quốc ban hành năm 2004 đã đưa ra quy định đối với các vấn đề xuất hiện trong quá trình thúc đẩy giáo dục dân lập. Dưới sự chỉ đạo của hàng loạt các phương châm, chính sách của Đảng và Nhà nước, cải cách cơ chế mở trường của Trung Quốc đã dần được thúc đẩy theo phương hướng cơ bản lấy Nhà nước làm chủ thể cơ bản trong mở trường, có sự tham gia của các giới trong xã hội, tạo thêm sức sống, động lực mới cho sự phát triển mau chóng của sự nghiệp giáo dục của Trung Quốc.

Cơ chế mở trường đa dạng, trong đó lấy chính phủ làm chủ yếu là lựa chọn tất yếu phù hợp với đặc điểm tình hình của Trung Quốc, là phương châm trọng điểm trong công tác giáo dục thời kỳ mới. Thực tiễn đã chứng minh, cơ chế mở trường đa dạng trong đó lấy chính phủ làm chủ yếu có lợi cho tăng cường ý thức giáo dục của xã hội, phát huy tính tích cực của toàn xã hội trong tham gia mở trường, đem lại nhiều cơ hội giáo dục hơn nữa cho các công dân, làm phong phú các phương thức cung cấp dịch vụ giáo dục, đem lại nhiều cơ hội hơn nữa cho các công dân trong lựa chọn hình thức giáo dục, đáp ứng nhu cầu giáo dục ngày càng đa dạng của Trung Quốc trong xây dựng kinh tế, phát triển xã hội. Xét từ xu thế phát triển hiện nay, xã hội càng phát triển thì nhu cầu về nội dung và hình thức giáo dục của công dân cũng càng phát triển đa dạng theo. Cơ chế mở trường đa dạng không phải là sách lược tạm thời để đối phó với



một số khó khăn về tài chính mà là phương châm cơ bản cần kiên trì thực hiện trong thời gian dài. Trong quá trình thúc đẩy hiện đại hóa giáo dục, cần không ngừng củng cố, hoàn thiện cơ chế mở trường đa dạng, trong đó lấy chính phủ làm đầu, thúc đẩy sự đa dạng hóa về chủ thể, hình thức mở trường, nỗ lực đem lại cho xã hội nhiều hơn nữa các tài nguyên giáo dục và cơ hội giáo dục phong phú hơn cho xã hội.

## **2. Tăng cường chức năng cung cấp giáo dục công của chính quyền**

Vấn đề trung tâm trong cải cách cơ chế giáo dục chính là phát huy đầy đủ sức mạnh của toàn xã hội, đẩy nhanh phát triển sự nghiệp giáo dục, đem lại nhiều dịch vụ giáo dục tốt hơn nữa cho nhân dân. Không những cần coi phát triển giáo dục là trách nhiệm của chính phủ mà còn cần coi trọng ảnh hưởng, vai trò quan trọng của xã hội, gia đình trong phát triển sự nghiệp giáo dục. Không những cần coi trọng tác dụng nòng cốt của giáo dục công mà còn cần coi trọng sức mạnh to lớn của giáo dục tư thục. Cần hỗ trợ để tất cả các tư tưởng có lợi cho phát triển sự nghiệp giáo dục đều được sinh sôi nảy nở mạnh mẽ, huy động mọi tài nguyên có lợi cho phát triển giáo dục; phát huy trọn vẹn toàn bộ các nhân tố tích cực có lợi cho sự phát triển của giáo dục, phát triển mạnh mẽ sự nghiệp giáo dục để đem lại hạnh phúc cho xã hội, đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Cải cách cơ chế mở trường cần kiên trì hai nguyên tắc cơ bản sau: Thứ nhất, kiên trì không dao động vai trò chủ

chốt của chính quyền; thứ hai, **kiên trì không dao động** đẩy nhanh sự nghiệp giáo dục dân lập. **Chỉ có kiên trì** hai nguyên tắc cơ bản trên, mới có thể đem lại **hiệu quả** giáo dục tốt hơn nữa cho nhân dân.

Trong mở trường, cần dựa trên vai trò **chủ yếu** của chính phủ, đây là yêu cầu cơ bản của cơ chế **giáo dục quốc dân**, là cách làm phổ biến của các quốc gia trên thế giới, là nguyện vọng chung của đông đảo quần chúng nhân dân. Bất cứ cách làm nào làm suy yếu nguyên tắc cơ bản trên đều đi ngược lại với tôn chỉ cải cách, đều gây nên sự nghi ngờ của quần chúng nhân dân đối với cải cách. Toàn bộ quá trình cải cách cơ chế mở trường đều buộc phải tránh làm xuất hiện hiện tượng "suy giảm vai trò, vị trí" của chính quyền, cần xác định rõ và tăng cường chức năng cung cấp giáo dục công của chính phủ.

Để có thể thúc đẩy cải cách cơ chế mở trường, trong ý kiến thực thi "Chương trình thực thi và cải cách giáo dục Trung Quốc" do Quốc Vụ viện Trung Quốc ban hành năm 1994 đã chỉ ra: "Đối với bậc giáo dục cơ sở, chủ yếu do chính quyền đứng ra mở trường, đồng thời cổ vũ các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các lực lượng xã hội khác căn cứ theo quy định của pháp luật nhà nước tham gia mở trường bằng nhiều kênh, nhiều hình thức khác nhau. Đối với các địa phương có điều kiện, có thể thực hiện các hình thức "dân làm, Nhà nước trợ giúp", "Nhà nước làm, dân trợ giúp". Dưới tiền đề bảo đảm tài nguyên giáo dục công không bị cắt giảm và một số tiền đề đặc biệt khác, thực hiện các hình thức "dân làm. Nhà

nước trợ giúp", "Nhà nước làm, dân trợ giúp" sẽ có thể đẩy nhanh sự phát triển của sự nghiệp giáo dục. Xuất phát từ góc độ thực tiễn, một số trường vừa được xây mới tại các khu vực theo cơ chế "chính phủ làm, dân trợ giúp" đã nhận được sự công nhận rộng rãi của quần chúng nhân dân. Xuất phát từ góc độ lịch sử, nhiều các trường tại Trung Quốc đã sớm mang tính chất "chính phủ làm, dân trợ giúp", ví dụ như rất nhiều trường trung học, tiểu học tại vùng nông thôn được xây dựng là do nhân dân góp tiền, sự "trợ giúp" của nhân dân ở đây là rất lớn. Một số năm trước đây, để giảm nhẹ gánh nặng tài chính của mình, một số địa phương đã đẩy lên phong trào "chuyển đổi cơ chế" đối với các trường công, thực hiện chuyển đổi trường học theo hướng bán đứt ra ngoài hoặc giao luôn cho tổ chức tư nhân nào đó. Một số địa phương không những không đầu tư tiền cho trường học mà còn rút bớt kinh phí vốn có của trường, coi trường học là một nơi kinh doanh. Để xử lý những lệch lạc xuất hiện trong quá trình cải cách, "Điều lệ thực thi Luật thúc đẩy giáo dục dân lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" do Quốc Vụ viện ban hành năm 2004 đã có phần quy định riêng rằng: Các trường công thực hiện giáo dục bắt buộc không được phép chuyển thành trường dân lập. Trong Luật giáo dục bắt buộc nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" mới được sửa đổi quy định rõ: Chính quyền và cơ quan hành chính giáo dục cấp huyện trở lên không được thông qua bất cứ danh nghĩa hay sửa đổi nào để thay đổi tính chất của trường công. "Các trường nổi tiếng đứng ra thành lập

trường dân lập" là một cách làm đặc sắc mới xuất hiện trong cải cách cơ chế giáo dục của Trung Quốc. Điều này có lợi cho việc thu hút nguồn vốn từ trong dân, mau chóng mở rộng các tài nguyên giáo dục chất lượng cao, đẩy nhanh nhịp độ phát triển của sự nghiệp giáo dục. Nguồn vốn tích lũy nhanh nhờ quá trình phát triển mau chóng của loại hình này nói chung là tài sản thuộc về xã hội, về cơ bản sẽ không được chuyển đổi thành tài sản cá nhân. Nhưng đồng thời, cách làm trên cũng có tác dụng phụ trái chiều. Một số địa phương thực hiện cơ chế "trường học ở trong trường học", "một trường hai cơ chế", "lớp học đặc biệt trong cùng một trường" gây nên sự bất mãn của quần chúng nhân dân. Để hạn chế những ảnh hưởng xấu có thể xuất hiện khi "trường nổi tiếng đứng ra thành lập trường dân lập", "Điều lệ thực thi Luật thúc đẩy giáo dục dân lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" quy định: "Các trường công lập khi tham gia vào việc mở trường dân lập không được phép sử dụng kinh phí thuộc ngân sách nhà nước, không được gây ảnh hưởng tới hoạt động giáo dục bình thường của trường công, đồng thời phải được sự phê chuẩn của cơ quan hành chính chủ quản giáo dục hoặc cơ quan hành chính bảo trợ xã hội, bảo hộ lao động theo quy định của pháp luật. Các trường công lập khi tham gia vào việc mở trường dân lập cần có tư cách pháp nhân độc lập, có cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị dạy học cơ bản hoàn toàn độc lập với trường công, thực hiện cơ chế kiểm toán tài chính độc lập, độc lập tuyển sinh, độc lập

cấp văn bằng chứng chỉ. Các trường công lập khi tham gia vào việc mở trường dân lập sẽ được hưởng quyền lợi như mọi tư cách pháp nhân đứng ra mở trường khác theo quy định của pháp luật, thực hiện nghĩa vụ quản lý tài sản công theo quy định của quốc gia, tránh để mất mát tài sản công". Trong quá trình thúc đẩy cải cách cơ chế mở trường, nhất định cần tuân thủ pháp luật, quy phạm các hành vi mở trường.

"Chương yếu quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa lần thứ 15" đã căn cứ vào các mâu thuẫn và vấn đề xuất hiện trong quá trình cải cách cơ chế mở trường, căn cứ yêu cầu đi sâu cải cách cơ chế giáo dục, nhấn mạnh một cách có trọng điểm "xác định rõ chức trách cung cấp dịch vụ giáo dục công của chính quyền các cấp", xác định rõ phương hướng để đi sâu thực hiện cải cách cơ chế giáo dục đặc biệt là cải cách cơ chế mở trường. Cải cách cơ chế mở trường là một công trình xã hội mang tính chính sách rất mạnh, liên quan tới nhiều mặt của cuộc sống xã hội, cho tới nay vẫn chưa có kinh nghiệm sẵn có để học tập. Để bảo đảm cải cách đi đúng hướng, giảm thiểu tới mức lớn nhất những ảnh hưởng có thể có từ những sai lệch trong quá trình thực hiện, chính quyền các cấp cần tập trung vào xây dựng cơ chế bảo đảm cho việc triển khai thực hiện quan điểm phát triển khoa học và thúc đẩy xã hội phát triển hài hòa, nỗ lực cung cấp nhiều sản phẩm và dịch vụ công không mang tính kinh doanh, thúc đẩy sự phát triển của giáo dục, thúc đẩy công bằng xã hội. Cần kiên trì các nguyên tắc: Cố gắng bố trí sắp xếp

ổn thỏa, trước tiên tiến hành thí điểm để tích lũy kinh nghiệm, sau đó từng bước nhân rộng, tôn trọng ý kiến của nhân dân, kiện toàn cơ chế, bảo đảm sự phát triển lành mạnh của cải cách cơ chế mở trường.

### **3. Cổ vũ, ủng hộ sự phát triển của giáo dục dân lập**

Kể từ cải cách mở cửa, đặc biệt là từ khi "Cương yếu phát triển và cải cách giáo dục" nêu ra phương châm "tích cực cổ vũ, ra sức ủng hộ, định hướng đúng đắn, tăng cường quản lý" tới nay, sự nghiệp giáo dục dân lập tại Trung Quốc đã có sự phát triển mạnh mẽ, đã hình thành nên một hệ thống các luật, quy định, quy phạm pháp luật liên quan tới giáo dục dân lập. Giáo dục dân lập là loại hình giáo dục đã có sự tích hợp giữa tài nguyên của xã hội với tài nguyên của nước ngoài để thành lập, thúc đẩy một cách có hiệu quả việc nâng cao mức độ phổ cập giáo dục tại Trung Quốc, đem lại nhiều cơ hội giáo dục đa dạng hơn nữa cho nhân dân, đã trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng không thể thiếu được trong sự nghiệp giáo dục của Trung Quốc. Cơ chế bên trong các cơ sở giáo dục dân lập tương đối linh hoạt, rất nhiều biện pháp triển khai của loại hình giáo dục này đã được giáo dục công lập tiếp thu, thúc đẩy sự phát triển đi lên của toàn bộ sự nghiệp giáo dục.

Sự nghiệp giáo dục Trung Quốc hiện đối diện và sẽ tiếp tục đối diện trong thời gian dài mâu thuẫn giữa thiếu hụt kinh phí với nhu cầu giáo dục ngày một tăng, do đó

rất cần ra sức phát triển giáo dục dân lập. Hơn nữa, Trung Quốc cũng rất khó dựa vào hình thức quyên góp, kêu gọi tài trợ của xã hội để mở các trường công lập. Trong sự lựa chọn khó khăn giữa một trong hai "quyên góp lấy tiền mở trường" và "đầu tư mở trường", Trung Quốc đã lựa chọn "con đường thứ ba": vừa kiên trì nguyên tắc không chạy theo lợi nhuận, vừa cho phép thu lại được một khoản hoa hồng hợp lý. Có thể nói, chính nguyên tắc này đã giúp hạn chế một cách có hiệu quả cách làm "đầu tư mở trường". Quy phạm đặc thù về mặt cơ chế này đã và sẽ tiếp tục phát huy tác dụng thúc đẩy to lớn sự phát triển của sự nghiệp giáo dục dân lập.

Trong quá trình thúc đẩy hiện đại hóa giáo dục, cần kiên trì bất di bất dịch nguyên tắc cổ vũ các lực lượng xã hội tham gia vào việc mở trường. Cần nỗ lực sáng tạo môi trường chính sách có lợi cho sự phát triển lành mạnh của giáo dục dân lập, thực hiện chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với giáo dục dân lập. Ngoài việc tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các chính sách ưu đãi trên các mặt như ưu đãi về thuế, đất đai, các địa phương có điều kiện còn có thể cung cấp một số sự hỗ trợ về mặt kinh phí nhất định cho các trường dân lập có mức thu học phí, trình độ quản lý, chất lượng giáo dục tương đương với các trường công lập chất lượng tương đối cao. Chính phủ khi ủy thác cho cơ sở đào tạo dân lập thực hiện nhiệm vụ giáo dục bắt buộc, cần căn cứ theo hiệp định ủy thác để cấp phát nguồn kinh phí tương đương. Cần có sự cổ vũ, khích lệ, khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có công

hiến tích cực cho thúc đẩy các lực lượng xã hội tham gia mở trường, cổ vũ các trường công lập tìm tòi, thử nghiệm mô hình mới trong giáo dục giai đoạn sau giáo dục bắt buộc miễn sao phù hợp với các quy định có liên quan của pháp luật; tích cực tìm tòi nhiều hình thức thực hiện của trường dân lập, không ngừng mở rộng không gian phát triển cho các trường dân lập, làm tăng cao rõ rệt tỷ lệ tham gia của các trường dân lập vào giáo dục giai đoạn sau giáo dục bắt buộc. Đồng thời với cổ vũ, ủng hộ sự phát triển của các trường dân lập, cần tăng cường quản lý giáo dục dân lập. Vừa kiên trì nguyên tắc không chạy theo lợi nhuận, lại vừa cho phép thu lại được khoản hoa hồng hợp lý, chính quy định này đã đem tới những khó khăn cho công tác quản lý. Trong thực tiễn, các trường chạy theo mục đích kinh doanh có sự hòa trộn, thẩm thấu với các trường không chạy theo mục đích lợi nhuận, tài sản cá nhân và tài sản công của nhà trường nhiều khi có sự lẫn lộn, do đó cần căn cứ theo các quy định, pháp luật có liên quan của Nhà nước, quy định rõ việc tham gia mở trường, quản lý điều hành của các lực lượng xã hội vào khuôn khổ của pháp luật. Cần thực hiện nghiêm công tác kiểm toán tài chính, cổ vũ sự phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy các trường dân lập không ngừng nâng cao trình độ và danh tiếng trong dạy học. Một số vấn đề trong phát triển giáo dục dân lập mà pháp luật hiện thời còn chưa giải thích hay quy định rõ ràng, cần tiếp tục hoàn thiện việc xây dựng pháp luật, kiện toàn cơ chế quản lý.



### **III- XÂY DỰNG CƠ CHẾ QUẢN LÝ VĨ MÔ PHÂN ĐỊNH RÕ CHỨC TRÁCH VÀ QUYỀN HẠN**

Môi trường diễn ra cải cách và phát triển giáo dục đang xuất hiện những thay đổi chưa từng có, quy mô của sự nghiệp giáo dục ngày một trở nên rộng lớn hơn, chủ thể đứng ra mở trường dạy học cũng ngày một đa dạng hơn, kết cấu giáo dục ngày càng phức tạp, nhu cầu giáo dục cũng ngày càng đa dạng, kỳ vọng của xã hội vào giáo dục ngày một cao hơn, trách nhiệm và chi phí của chính phủ cho giáo dục cũng ngày một nặng nề. Hơn nữa, phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia, khu vực cũng có xu hướng ngày một phụ thuộc nhiều hơn vào giáo dục. Sự thay đổi về môi trường vĩ mô của cải cách và phát triển giáo dục yêu cầu phải không ngừng đi sâu cải cách cơ chế quản lý giáo dục. Hạt nhân của vấn đề quản lý là phân bổ ra sao quyền lực, trách nhiệm. Cần thông qua cải cách cơ chế quản lý, xây dựng cơ chế quản lý giáo dục vĩ mô có sự phân định rõ chức trách và quyền hạn, thúc đẩy sự phát triển lành mạnh, bền vững của sự nghiệp giáo dục.

#### **1. Kiên trì nguyên tắc quản lý phân tách rõ chính quyền với đơn vị sự nghiệp, phân cấp quản lý**

Vấn đề trung tâm trong thể chế quản lý giáo dục chính là làm thế nào xử lý cho tốt mối quan hệ giữa chính quyền, nhà trường, xã hội và mối quan hệ về quyền hạn, chức trách giữa các cấp chính quyền. Dưới cơ chế

kinh tế kế hoạch, chính phủ kiêm hết toàn bộ các chức năng người đứng ra tổ chức, người mở trường, người quản lý, coi trường học như một cơ cấu bên dưới phụ thuộc mình, gần như lũng đoạn toàn bộ quyền mở trường dạy học của nhà trường dẫn tới hiện tượng thiếu sức sống của các nhà trường - tế bào vi mô trong sự nghiệp giáo dục. Một mặt, chính phủ đã một tay ôm trọn toàn bộ các vấn đề đáng ra mình không nên ôm đồm, không nên quản lý, có quản lý cũng không thể quản tốt; mặt khác chính quyền lại không thực sự chú tâm vào quản lý các vấn đề quan trọng khác.

Để xử lý các tiêu cực tồn tại trong cơ chế quản lý giáo dục của Trung Quốc, "Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách cơ chế giáo dục" ban hành năm 1985 đã đưa ra quyết sách quan trọng kiên định thực hiện đơn giản hóa bộ máy hành chính, trao thêm quyền lực cho cấp dưới, mở rộng quyền tự chủ của nhà trường trong mở trường lớp, đồng thời tiến hành quy định cụ thể về quyền lợi của các trường đại học, cao đẳng. *Cương lĩnh phát triển và cải cách giáo dục Trung Quốc* do Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Quốc Vụ viện Trung Quốc ban hành đã cụ thể thêm một bước nữa rằng: "Trong mối quan hệ giữa chính quyền với nhà trường, cần căn cứ theo nguyên tắc có sự tách biệt giữa chính quyền với cơ quan hành chính sự nghiệp, thông qua pháp luật để xác định rõ chức trách, quyền lợi của các trường đại học, cao đẳng, làm cho các trường đại học, cao đẳng thực sự trở thành chủ thể pháp nhân tự chủ trong mở

trường lớp, đi theo hướng xã hội hóa... Chính phủ cần chuyển đổi chức năng của mình từ quản lý hành chính trực tiếp đối với nhà trường sang tiến hành quản lý vĩ mô như: sử dụng các biện pháp hành chính cần thiết, lập pháp, quy hoạch, phục vụ thông tin, chỉ đạo chính sách". *Luật giáo dục nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa* ban hành năm 1995 đã quy định: "Quốc Vụ viện và các cấp chính quyền địa phương căn cứ nguyên tắc phân cấp quản lý, phân công phụ trách để lãnh đạo và quản lý công tác giáo dục. Giáo dục bậc trung cấp và trung cấp trở xuống đặt dưới sự chỉ đạo chung của Quốc Vụ viện, sự quản lý trực tiếp của chính quyền địa phương. Giáo dục bậc đại học, cao đẳng do Quốc Vụ viện và chính quyền tỉnh, thành phố, khu tự trị trực thuộc trung ương quản lý". Dưới sự chỉ đạo của hàng loạt phương châm chính sách do đảng, chính quyền ban hành, cải cách cơ chế giáo dục Trung Quốc đã không ngừng được thúc đẩy theo phương hướng phân tách rõ giữa chính quyền và đơn vị hành chính sự nghiệp, phân cấp quản lý, phân công phụ trách. Quản lý giáo dục ở cấp vĩ mô đã không ngừng được tăng cường và cải thiện.

Trong điều kiện mới kinh tế phát triển với tốc độ cao, mâu thuẫn trên các phương diện của đời sống xã hội ngày càng nổi bật hơn, đặc biệt cần thiết phải tăng cường, cải thiện quản lý vĩ mô đối với sự nghiệp giáo dục. Cần căn cứ theo các nguyên tắc tinh giản, thống nhất, hiệu quả và yêu cầu có sự phối kết hợp nhuần nhuyễn giữa quyết sách, chấp hành và giám sát, xây dựng cơ chế quản

lý hành chính giáo dục có quyết sách khoa học, quyền hạn đi đôi với nghĩa vụ, phân công hợp lý, thực hiện thông suốt, giám sát chặt chẽ. Xuất phát từ góc độ cung cấp dịch vụ công, cải cách thể chế quản lý giáo dục yêu cầu phải nghiên cứu và giải quyết một cách có trọng điểm các vấn đề chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, vấn đề nhà nước cần trả tiền ra sao cho lĩnh vực giáo dục. Giáo dục là sự nghiệp công cộng có tác dụng quan trọng, mang tính cơ sở, định hướng, toàn cục, do đó không thể đem giao cho thị trường một cách giản đơn, buộc phải đưa nó vào phạm vi cung cấp dịch vụ công. Chính phủ cần căn cứ yêu cầu xây dựng "chính quyền phục vụ, chính quyền chịu trách nhiệm, chính quyền pháp trị", thiết thực gánh vác trách nhiệm cung cấp dịch vụ công. Cần thông qua điều chỉnh cơ cấu thu chi tài chính, thiết thực bảo đảm ưu tiên sự phát triển của sự nghiệp giáo dục. Cần căn cứ vào trình độ phát triển kinh tế để xác định phạm vi, tiêu chuẩn cung cấp kinh phí cho giáo dục, đồng thời căn cứ vào sự nâng cao của trình độ phát triển kinh tế để không ngừng mở rộng phạm vi cấp ngân sách, tiêu chuẩn cấp ngân sách cho giáo dục. Cấp ngân sách của chính phủ cho giáo dục cần quán triệt nguyên tắc công bằng, dẫn thúc đẩy công bằng hóa trong cung cấp dịch vụ công, thúc đẩy công bằng xã hội, làm cho quần chúng nhân dân có thể hưởng thụ công bằng hơn các dịch vụ xã hội. Trong điều kiện các nhóm khác nhau trong xã hội có sự khác biệt tương đối lớn về cơ hội tiếp nhận giáo dục, việc cấp kinh phí giáo dục của chính phủ cần nghiêng dần

nhiều hơn về phía nông thôn, dồn nhiều hơn cho khu vực còn khó khăn, cấp nhiều hơn cho các trường có cơ sở vật chất còn lạc hậu, hỗ trợ nhiều hơn cho các gia đình học sinh gặp khó khăn.

*Thứ hai*, vấn đề phân chia trách nhiệm của chính phủ. Sau khi đã xác định phạm vi, nguyên tắc, tiêu chuẩn cấp kinh phí cho giáo dục, cần tiến thêm một bước xác định phân công giữa các cấp chính quyền: chính quyền tỉnh đảm nhiệm việc gì, chính quyền thành phố, thị trấn trực thuộc đảm nhiệm việc gì, chính quyền cấp huyện chịu trách nhiệm gì, hạng mục nào do duy nhất một cấp chính quyền đảm nhiệm, hạng mục nào cần có sự phân công, gánh vác chung giữa nhiều cấp chính quyền. Trong giai đoạn hiện nay, đối với giáo dục đại học, cao đẳng, chủ yếu vẫn vận dụng hình thức ba cấp: chính quyền trung ương, chính quyền cấp tỉnh, thành phố, khu tự trị trực thuộc trung ương và chính quyền một số thành phố trung tâm chịu trách nhiệm mở trường dạy học đối với giáo dục giai đoạn trung cấp trở xuống, hình thức quản lý chủ yếu do chính quyền cấp huyện đứng ra quản lý. Giữa các huyện có sự khác biệt tương đối lớn về kinh phí. Cơ chế chi tiêu, dịch chuyển ngân sách "trộn gói" cũng không có lợi cho việc lưu thông thuận lợi nguồn ngân sách còn dư thừa trong quá trình dịch chuyển vào các cơ quan cung cấp dịch vụ công. Khi điều chỉnh mối quan hệ về mặt ngân sách giữa các cấp chính quyền, có thể cần thiết đem chuyển một số hạng mục yêu cầu nhiều ngân sách lên cho chính quyền cấp trên.

*Thứ ba*, vấn đề kiểm soát và giám sát của chính quyền đối với hoạt động của nhà trường. Chính quyền trả phí cho giáo dục, nhưng chính quyền cũng không thể là "người cung cấp trực tiếp" dịch vụ giáo dục, ngược lại, người cung cấp trực tiếp dịch vụ giáo dục ở đây chính là nhà trường, bao gồm các trường công lập do Nhà nước trực tiếp đứng ra thành lập và các trường dân lập do Nhà nước phê chuẩn cho phép thành lập. Ngân sách do Nhà nước cấp thường là một phần hoặc là nguồn chủ yếu trong ngân sách hoạt động của các trường, nhà trường vẫn còn thu một khoản phí nhất định từ các gia đình học sinh. Để bảo đảm chất lượng của dịch vụ công, đặc biệt là tính chất công ích của giáo dục, cần thiết phải có sự kiểm soát, giám sát đối với hoạt động của các trường học, đặc biệt là đối với việc mở trường, chất lượng giáo dục, thu phí giáo dục, dần xây dựng nên một khung quản lý giám sát và các quy định pháp luật bao quát được nhiều chủ thể cung cấp dịch vụ giáo dục hơn nữa.

## **2. Tăng cường xây dựng pháp luật, thúc đẩy điều hành theo pháp luật**

Tăng cường xây dựng hệ thống pháp luật liên quan tới giáo dục, triển khai thực hiện toàn diện quản lý giáo dục theo pháp luật là yêu cầu tất yếu, bảo đảm cho cải cách, đẩy nhanh phát triển sự nghiệp giáo dục. Không có sự pháp chế hóa đối với lĩnh vực giáo dục, sẽ không có sự phát triển lành mạnh của hệ thống giáo dục, chưa nói gì tới thực hiện hiện đại hóa giáo dục. Cần đưa cải cách, phát

triển giáo dục vào quỹ đạo điều chỉnh của pháp chế, không ngừng mở ra cục diện mới điều chỉnh, quản lý giáo dục theo pháp luật.

Kể từ cải cách mở cửa tới nay, xây dựng hệ thống pháp luật về giáo dục của Trung Quốc đã thu được những thành tựu rõ rệt. Tuy còn chưa được hoàn thiện nhưng các quy phạm pháp luật này về cơ bản đã hình thành hệ thống, các vấn đề quan trọng trong công tác giáo dục đã có được chỗ dựa về mặt pháp luật. Vấn đề chủ yếu còn tồn tại là chấp hành pháp luật không nghiêm quản lý, giám sát thiếu hiệu quả. Tại một số địa phương, quan điểm hành vi chủ quan của cá nhân còn lấn át cả pháp luật. Trong quá trình tăng cường xây dựng hệ thống pháp luật về giáo dục, chính quyền và các cơ quan liên quan các cấp cần đi đầu tăng cường ý thức pháp trị thực hiện nghiêm túc trách nhiệm theo quy định của pháp luật, bảo đảm hành vi hành chính của mình không thiếu sót, không vượt quyền, không sai so với quyền hạn được giao, nỗ lực xây dựng chính quyền các cấp thành chính quyền pháp trị. Xây dựng cơ chế truy cứu trách nhiệm thúc đẩy thực hiện cơ chế chịu trách nhiệm của chính quyền là lựa chọn có thể mang lại hiệu quả tích cực thậm chí là hiệu quả to lớn trong nâng cao trình độ chấp hành pháp luật. Quyền lực của chính quyền là do nhân dân giao cho, nhân dân đem lại quyền lực cho chính quyền, chính quyền lại đem giao quyền cho các quan chức, do đó quan chức phải chịu trách nhiệm trước nhân

dân và chính quyền, còn chính quyền thông qua các quan chức để chịu trách nhiệm trước nhân dân. từ đó hình thành nên một hệ thống chịu trách nhiệm hoàn chỉnh. Công chúng có quyền truy cứu trách nhiệm của chính quyền, chính quyền lại có quyền truy cứu trách nhiệm của quan chức. Đại hội đại biểu nhân dân các cấp có thể thông qua nhiều hình thức khác nhau để thực hiện quyền truy cứu trách nhiệm, tiến hành các quyền giám sát, kiến nghị, phủ quyết các hành vi của chính quyền, thực hiện quyền bãi miễn đối với những người có trách nhiệm liên quan.

Cần nâng cao toàn diện trình độ chấp pháp của các cơ quan hành chính giáo dục. Kiện toàn việc quy phạm cơ chế về tính thực thể và mặt trình tự các hành vi hành chính trong hệ thống hành chính giáo dục, hoàn thiện cơ chế kiểm soát và giám sát đối với quyền lực hành chính, bảo đảm hệ thống hành chính giáo dục thực thi đúng quyền hạn và vận hành theo trình tự quy định của pháp luật liên quan tới giáo dục, thực hiện nghiêm túc trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Cần kiện toàn trình tự xét duyệt thủ tục hành chính, quy phạm hành chính, không được phép phê duyệt các hạng mục vượt ngoài thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không được phép thẩm định, phê duyệt hay ban hành các quy định, văn kiện không phù hợp với chính sách và các quy định có liên quan của pháp luật. Cần xây dựng cơ chế đánh giá, giám sát khoa học, căn cứ theo pháp luật để quy phạm hành vi dạy học



của nhà trường, thiết thực tăng cường mức độ giám sát đối với các hành vi dạy học và các hoạt động giáo dục.

Cần phát huy tác dụng quan trọng của đôn đốc, chỉ đạo, giám sát trong giám sát chấp hành pháp luật ở lĩnh vực giáo dục. Cơ chế đôn đốc, chỉ đạo giáo dục là một trong những cơ chế cơ bản của giáo dục Trung Quốc được quy định trong *Luật giáo dục nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*, là "vệ sĩ về mặt pháp luật" trong công tác giáo dục. Đôn đốc, chỉ đạo, giám sát ở đây đều là sự giám sát nội bộ bắt nguồn từ quan hệ phụ thuộc về quyền hạn, cần căn cứ theo pháp luật để thực hiện chức năng giám sát hành chính đối với các công tác giáo dục có liên quan. Cần căn cứ yêu cầu tăng cường chấp hành pháp luật hành chính, tập trung vào những vấn đề nóng, vấn đề khó ở các thời kỳ khác nhau để tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát, thúc đẩy hình thành hệ thống vận hành hành chính "có sự phối kết hợp hài hòa giữa quyết sách, thực hiện và đôn đốc"; hình thành cục diện điều hành quản lý giáo dục, chính quyền theo pháp luật.

#### IV- KIẾN TOÀN CƠ CHẾ VẬN HÀNH NHÀ TRƯỜNG TỰ CHỦ, TỰ CHIU TRÁCH NHIỆM

Nhà trường là đơn vị cấu thành cơ bản của hệ thống giáo dục. Nhà trường có giàu sức sống thì hệ thống giáo dục mới khỏe mạnh. Trong quá trình thúc đẩy, hiện đại hóa giáo dục, cần thông qua đi sâu cải cách, sáng tạo cơ chế, nỗ lực kiến toàn cơ chế vận hành nhà trường tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

## **1. Tìm tòi xây dựng cơ chế quản lý nhà trường hiện đại**

Nhà trường với vai trò là một tổ chức xã hội, bất kể là trường công lập hay trường tư thục đều cần phải là một hệ thống có sức sống, luôn biết tự đổi mới mình. Chỉ khi có một số quyền tự chủ nhất định, nhà trường mới có được sức sống, mới có sự thích ứng, tính chủ động và khả năng sáng tạo tương đối lớn. Dưới cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp trước đây, các nhà trường thường mất đi mục tiêu theo đuổi cá tính hóa, năng lực thích nghi với nhu cầu của xã hội và năng lực sáng tạo ngày càng giảm sút, nhà trường ngày một trở nên thiếu sức sống. Đương nhiên hành vi của nhà trường tất yếu phải chịu sự kiểm soát. Vấn đề trung tâm trong xây dựng cơ chế quản lý nhà trường hiện đại là phân định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của nhà trường trong mối liên hệ tương hỗ lẫn nhau giữa chính quyền, nhà trường và xã hội.

Kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các quốc gia trên thế giới đã dần hình thành nên cơ chế trường công. Cơ chế trường công này về cơ bản đều do chính phủ tổ chức, quản lý và duy trì. Kể từ những năm 80 của thế kỷ XX trở lại đây, phong trào cải cách các trường học trên thế giới đã đưa ra tư tưởng trường học tự quản lý, đề nghị chính quyền trao lại quyền cho trường học, xây dựng mối quan hệ kiểu mới giữa trường học với bên ngoài (cơ quan chủ quản cấp trên, chính quyền nơi đứng chân) và mối quan hệ bên trong trường học (hiệu trưởng, giáo viên và học sinh), thực hiện sự chuyển đổi trong

quản lý nhà trường từ mô hình "bên ngoài quản lý" sang mô hình "bên trong tự quản lý", thúc đẩy quyền tự phát triển của nhà trường. Tại rất nhiều quốc gia như Ôxtrâyli-a, Anh, Mỹ, Canada, Niu Dilân đều đã xuất hiện xu thế chuyển dịch quyền và trách nhiệm giáo dục xuống cho chính nhà trường.

Trong "Quyết định của trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách giáo dục" công bố năm 1980, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các chuyên gia, học giả, quy định này đã đề ra: Kiên quyết thực hiện tinh giảm bộ máy hành chính, trao quyền nhiều hơn cho cấp dưới, mở rộng quyền tự chủ trong dạy học ở các nhà trường. Trong *Cương lĩnh phát triển và cải cách giáo dục Trung Quốc* do Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quốc Vụ viện ban hành năm 1993 đã chỉ rõ: Trong mối quan hệ giữa chính quyền với nhà trường, cần căn cứ theo nguyên tắc có sự phân biệt giữa chính quyền với đơn vị sự nghiệp, thông qua xây dựng pháp luật xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các trường đại học, cao đẳng, làm cho nhà trường thực sự trở thành thực thể pháp nhân mở trường dạy học theo hướng xã hội hóa. Trong *Luật giáo dục nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa* được công bố năm 1995, pháp nhân nhà trường đã được mở rộng từ các trường đại học, cao đẳng trở thành toàn bộ các trường học có tư cách pháp nhân. "Kế hoạch hành động chấn hưng giáo dục Trung Quốc giai đoạn 2003 - 2007" tiếp tục đề ra: Đi sâu cải cách thể chế quản lý bên trong nhà trường, tìm tòi xây dựng cơ chế quản lý nhà trường hiện đại. Đây là lần

dầu tiên trong một văn kiện chính sách của quốc gia đã đưa ra nhận định về khái niệm cơ chế giáo dục hiện đại. Cải cách quản lý nhà trường tại Trung Quốc bắt đầu từ mở rộng quyền mở trường lớp của các nhà trường, dần đi sâu vào chủ đề xây dựng cơ chế nhà trường hiện đại. "Kế hoạch hành động chấn hưng giáo dục Trung Quốc giai đoạn 2003 - 2007" đã giải thích như sau về xây dựng cơ chế nhà trường hiện đại: "Tiếp tục đi sâu cải cách cơ chế quản lý trong nội bộ các nhà trường, hoàn thiện cơ chế pháp nhân cho nhà trường. Các trường đại học, cao đẳng cần kiên trì hoàn thiện cơ chế đảng ủy lãnh đạo, hiệu trưởng phụ trách, thúc đẩy mở trường dạy học theo pháp luật, quản lý trường học dân chủ, quyết sách khoa học, kiện toàn cơ chế quản lý lãnh đạo và cơ chế giám sát dân chủ trong các nhà trường. Đối với các trường trung học, tiểu học, cần thực hiện cơ chế hiệu trưởng phụ trách, tổ chức đảng phát huy tác dụng hạt nhân chính trị, hội đồng đại diện giáo viên tham gia công tác quản lý, giám sát. Đối với các trường trung cấp, dạy nghề, có thể xây dựng cơ chế hội đồng quản trị với các thành viên là nhân viên các ngành, xí nghiệp, đơn vị tham gia mở trường. Tích cực thúc đẩy địa phương, học sinh và phụ huynh tham gia công tác quản lý, giám sát trường học... Tuân thủ đúng nguyên tắc "quản lý giáo dục nghiêm khắc, quy phạm quản lý", tăng cường xây dựng cơ chế liên quan tới trường học, dần hình thành nên cơ chế "tự chủ quản lý, tự chủ phát triển, tự chủ ràng buộc, xã hội giám sát". Xây dựng cơ cấu nhà trường "tinh giản gọn nhẹ,

hiệu quả cao", hoàn thiện cơ chế công khai các hoạt động của trường, đi sâu cải cách cơ chế nhân sự và cơ chế phân phối trong nhà trường". Không khó nhận ra rằng, dưới tiền đề đi sâu đẩy mạnh cải cách cơ chế quản lý bên trong nhà trường, kế hoạch hành động mới này đã đi thẳng vào vấn đề xây dựng cơ chế trường học hiện đại. Đường hướng chính sách cơ bản ở đây là, coi hoàn thiện cơ chế pháp nhân của nhà trường làm xuất phát điểm cơ bản, tập trung tiến hành xây dựng cơ chế nội bộ của các nhà trường.

Xây dựng cơ chế quản lý nhà trường hiện đại là một trong những nội dung của đi sâu cải cách thể chế quản lý trong nội bộ trường học, hạt nhân của nó chính là hoàn thiện cơ chế pháp nhân của nhà trường. Cần tuân thủ các quy định có liên quan tới pháp nhân nhà trường trong *Luật giáo dục nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*, đi theo phương hướng cải cách quản lý công hiện đại, tăng cường xây dựng các quy định, chế độ pháp luật theo hướng coi trường học là một pháp nhân, quy phạm các mối quan hệ bên trong nội bộ nhà trường, không ngừng hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, cơ chế quản lý và cơ chế giám sát dân chủ. Quan hệ giữa chính quyền với nhà trường, nhà trường với xã hội là tiền đề quan trọng để tìm tòi xây dựng cơ chế quản lý nhà trường hiện đại. Xét từ mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau giữa nhà trường, xã hội và chính quyền, xu thế phát triển chung sẽ là chính quyền và các cơ quan quản lý hành chính giáo dục sẽ dần từ bỏ quyền quản lý giáo dục, giao chúng xuống cho các nhà trường, một bộ

phận quyền lực này sẽ giao cho xã hội, cổ vũ xã hội tham gia mở trường và giám sát việc dạy học. Một bộ phận quyền lực sẽ được giao cho trường học, cho phép và cổ vũ các trường tự mở trường chiêu sinh. Đối với nhà trường, việc có được quyền lực không phải là kết quả hay mục đích chính của cải cách cơ chế quản lý trường học hiện đại mà chỉ là một xuất phát điểm cho thực hiện quyền tự chủ của trường học. Quan trọng hơn là, cần có sự bảo đảm về quyền lực và cơ chế để cân bằng lại với nó nhằm bảo đảm cho việc sử dụng có hiệu quả quyền lực của nhà trường, thúc đẩy sự phát triển của nhà trường. Xét một cách tổng thể, cần thông qua tìm tòi cơ chế quản lý nhà trường hiện đại để hình thành nên cơ chế vận hành, trong đó chính phủ điều tiết, kiểm soát vĩ mô, nhà trường tự quản lý và có sự tham gia hiệu quả của xã hội. Vừa cần mở rộng mức độ tham gia vào việc mở trường dạy học của xã hội, lại cần tăng cường sự giám sát, can dự của xã hội đối với nhà trường, các thông tin liên quan tới nhà trường như tài sản, tài chính, các khoản phí thu...đều cần được công khai cho toàn xã hội biết.

Xây dựng cơ chế quản lý nhà trường hiện đại chịu sự ràng buộc của xu hướng chính sách giáo dục công. Sau khi một chính sách giáo dục công nào đó được định hình một cách cơ bản, phương hướng vận hành và mô hình điều hành của nhà trường về cơ bản cũng sẽ trở nên rõ ràng hơn, có thể không cần thiết phải tiếp tục tìm kiếm các chi tiết nhỏ hơn nữa quy định về cơ chế vận hành. Máy năm trở lại đây, có người cho rằng, xây dựng cơ chế

quản lý giáo dục hiện đại chính là để cho nhà trường trở thành một thực thể pháp nhân tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm lãi lỗ, tự phát triển và tự ràng buộc mình; thực hiện chế độ cổ phần hóa hoặc đi theo mô hình vận hành của công ty chính là phương hướng chiến lược quan trọng trong xây dựng cơ chế quản lý giáo dục hiện đại. Quan điểm và cách làm này xét về thực chất chính là một cách trực tiếp hay gián tiếp đem bộ nguyên si mô hình quản lý doanh nghiệp hiện đại vào lĩnh vực giáo dục. Nếu làm như vậy, toàn xã hội sẽ không còn tồn tại "cơ quan thứ ba" hoạt động theo nguyên tắc phi lợi nhuận nữa, toàn xã hội sẽ dần "thị trường hóa toàn bộ". Nguyên Tổng thống Pháp Lionel Jospin có một câu danh ngôn như sau: "Cần thực hiện kinh tế thị trường, nhưng không được thị trường hóa xã hội". Câu nói này rất đáng để Trung Quốc học tập.

## **2. Đi sâu cải cách cơ chế lãnh đạo trong các nhà trường**

Cơ chế lãnh đạo trong các nhà trường chỉ các quy phạm, cơ chế về lập các cơ sở nội bộ, phân chia quyền hạn, bổ nhiệm hay bãi miễn nhân sự, tổ chức quản lý... Đây chính là khâu hạt nhân trong sự phát triển, vận hành của các nhà trường. Tuy theo thông lệ, người ta gọi các nội dung này là cơ chế lãnh đạo trong các nhà trường, nhưng thực chất có rất nhiều nội dung, trong đó lại không chỉ đóng khung trong phạm vi nội bộ nhà trường, ví dụ việc bổ nhiệm, miễn nhiệm đã không còn

là vấn đề nội bộ của trường. Sau khi thành lập nước, Trung Quốc đã từng thực hiện các cơ chế lãnh đạo như cơ chế hội đồng quản lý các công việc của trường, cơ chế hiệu trưởng chịu trách nhiệm, cơ chế hiệu trưởng chịu trách nhiệm dưới sự lãnh đạo của đảng ủy (chi bộ) nhà trường. Kể từ sau năm 1985, dưới sự dẫn dắt, chỉ đạo của tinh thần "Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách giáo dục", trong các trường học tại Trung Quốc bắt đầu thực hiện cơ chế hiệu trưởng chịu trách nhiệm. Tại các trường đại học, cao đẳng thực hiện cơ chế hiệu trưởng chịu trách nhiệm dưới sự lãnh đạo của đảng ủy nhà trường, đảng ủy tiến hành thảo luận và quyết định các vấn đề quan trọng của trường, đồng thời bảo đảm người lãnh đạo hành chính của trường có thể phát huy trọn vẹn chức trách của mình. Tại các trường trung học, tiểu học và các trường học khác, tổ chức đảng phát huy vai trò là hạt nhân chính trị. Sau khi các cơ sở giáo dục dân lập phát triển mạnh như vũ bão, *Luật giáo dục nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa* ban hành năm 1995 đã quy định nguyên tắc về cơ chế quản lý trong các nhà trường là: Người đứng ra thành lập trường chịu trách nhiệm, đồng thời quy định "việc dạy học và các công việc quản lý hành chính khác do hiệu trưởng chịu trách nhiệm". Trong các văn bản luật ban hành về sau như *Luật giáo dục đại học, cao đẳng nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*, *Luật thúc đẩy giáo dục dân lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*, *Điều lệ thực thi Luật thúc đẩy giáo dục dân lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*



nói chung đều nhấn mạnh lại các quy định mang tính nguyên tắc này.

Cơ chế quản lý trong nhà trường là cơ chế cơ bản của trường học. Nó mang ý nghĩa căn bản hơn so với tác dụng cá nhân, trách nhiệm cá nhân, tư tưởng chủ quan và tác phong cá nhân của lãnh đạo nhà trường. Có thể nói rằng, nó chính là "trung khu thần kinh" trong quản lý nhà trường. Cơ chế lãnh đạo trực tiếp chi phối tới công tác quản lý, ảnh hưởng tới toàn cục của nhà trường. Những quy định pháp luật hiện hành mới chỉ tiến hành quy định về mặt nguyên tắc đối với một số mặt cơ bản nhất, chủ yếu nhất trong cơ chế lãnh đạo trong nhà trường, vẫn còn rất nhiều mối quan hệ về quyền lợi và nghĩa vụ còn chờ được quy phạm, thậm chí điều chỉnh, còn có rất nhiều mâu thuẫn còn chờ sự sáng tạo về mặt cơ chế để giải quyết. Tại rất nhiều trường đại học, cao đẳng tồn tại phổ biến vấn đề mối quan hệ giữa quyền lực hành chính với quyền lực học thuật. Tại các trường dân lập phổ biến tồn tại vấn đề phân chia quyền hạn, chức trách giữa hội đồng quản trị với hiệu trưởng. Tại một số trường dân lập, mối quan hệ này thậm chí còn diễn tiến thành mối quan hệ giữa "nhà doanh nghiệp" với "người hoạt động sự nghiệp", quan hệ giữa "phụ huynh" với hiệu trưởng. Cần thông qua giải quyết dần từng bước các vấn đề và mâu thuẫn này, đẩy mạnh hoàn thiện thêm một bước nữa cơ chế lãnh đạo trong các nhà trường.

Phương hướng cải cách cơ chế lãnh đạo trong các nhà trường là thúc đẩy dân chủ hóa, pháp chế hóa trong vận

hành, quản lý nhà trường, xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý "tinh giản, hiệu quả cao", dần hình thành nền cơ chế "tự quản lý, tự phát triển, tự ràng buộc, do xã hội giám sát". Cần hoàn thiện cơ chế pháp nhân cho nhà trường, căn cứ theo pháp luật để quy phạm các mối quan hệ bên trong nội bộ nhà trường, tăng cường xây dựng cơ chế, nội quy, thúc đẩy toàn diện xây dựng pháp chế hóa vận hành quản lý trong nhà trường. Cần căn cứ phương hướng cải cách quản lý công hiện đại để xây dựng và hoàn thiện cơ chế tổ chức quản lý và cơ chế giám sát dân chủ đối với trường học.

### **3. Đi sâu cải cách chế độ nhân sự trong trường học**

Cái đạo cốt lõi của công tác quản lý nằm ở việc dùng người. Con người là chủ thể của sự nghiệp, của sự phát triển. Các sai lầm sâu xa của nền kinh tế kế hoạch nằm ở chỗ nó đã dùng chủ nghĩa bình quân tuyệt đối để đè nén tính tích cực, chủ động và khả năng sáng tạo của con người. Xét một cách căn bản, cải cách chính là phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mọi người. Một khi tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mọi người được phát huy, sự phát triển của nhà trường có được nguồn động lực quan trọng nhất.

Cải cách cơ chế nhân sự là vô cùng quan trọng, nhưng cũng là vấn đề vô cùng khó khăn. Nó liên quan tới hàng loạt các mặt khác như giải quyết công ăn việc làm, thu nhập, bảo đảm xã hội... "Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách cơ chế giáo dục" ban hành năm 1985 hầu như đã không đề cập tới vấn đề cải

cách cơ chế nhân sự. Trong "Cương yếu phát triển và cải cách giáo dục Trung Quốc" do Quốc Vụ viện Trung Quốc ban hành năm 1993 mới bắt đầu đề ra nhiệm vụ cải cách cơ chế nhân sự lao động, yêu cầu phải "sử dụng các đòn bẩy chính sách như lương để thúc đẩy cải cách cơ chế giáo dục". Cùng với sự thúc đẩy cải cách cơ chế kinh tế, cải cách cơ chế nhân sự trong các trường học, đặc biệt là trong các trường đại học, cao đẳng đã có được những tiến triển mang tính đột phá vào những năm 90 của thế kỷ XX. Một loạt bộ phận hậu cần bảo đảm khổng lồ đã được tách bỏ khỏi các nhà trường, phương pháp phân phối thu nhập trong nhà trường với hai hình thức chủ yếu là lương chức vụ và phụ cấp chức vụ đã giúp phát huy một cách có hiệu quả tác dụng kích lệ của chế độ tiền lương lao động. Xét một cách tổng thể, trong tất cả các loại hình nhà trường đã bước đầu hình thành nên một cơ chế dùng người tương đối ổn định, có tính lưu động vừa phải, chú trọng việc kích lệ, động viên; hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên nhân tài và ích lợi của nhà trường đã được nâng cao không ngừng.

Cải cách cơ chế nhân sự bên trong nhà trường cần tập trung vào xây dựng cơ chế dùng người có sự điều chỉnh lên xuống linh hoạt, có vào có ra, động viên kích lệ một cách có hiệu quả, giám sát chặt chẽ, thông qua cạnh tranh để lựa chọn người ưu tú, có đủ sức sống và hình thành nên cơ chế phân phối coi trọng thành tích thực tế, coi trọng cống hiến. Cần loại bỏ cơ chế lãnh đạo trọn đời hiện đang còn tồn tại thực tế tại một số đơn vị sự nghiệp hiện nay, triển

khai toàn diện cơ chế thuê, tuyển lãnh đạo. Đơn vị và công nhân viên chức ngành giáo dục cần căn cứ theo các quy định, pháp luật có liên quan của Nhà nước, xác định rõ chức trách, nghĩa vụ và quyền hạn của cả hai bên, có như vậy mới vừa có thể bảo đảm quyền dùng người của đơn vị, lại vừa có thể bảo đảm quyền chọn việc của công nhân viên. Căn cứ các nguyên tắc "ưu tiên hiệu quả hoạt động, chú ý công bằng"; dần thực hiện cơ chế phân phối xác định lương dựa vào vị trí công tác, xác định lương theo nhiệm vụ, xác định mức lương theo thành tích công tác thực tế; dần hình thành nên cầu nối trực tiếp giữa thu nhập của công nhân viên giáo dục với chức trách, thành tích công tác, cống hiến thực tế cùng với hiệu quả kinh tế - xã hội do những thành quả lao động trên của người giáo viên mang lại; dần hình thành cơ chế phân phối mang tính kích lệ nghiêng về ưu tiên nhiều hơn cho nhân tài ưu tú, vị trí công tác quan trọng.

Cơ chế dùng người hiện tại của Trung Quốc còn được gọi là "cơ chế đơn vị sở hữu", là cơ chế dùng người "kiểu độc tôn", trong đó đơn vị dùng người quy định mức lương riêng cho từng chức vụ, mỗi công nhân viên đảm nhiệm một vị trí duy nhất. Xuất phát từ góc độ của đơn vị, điều này có lợi cho việc các công nhân viên ra sức tận tâm, tận lực cống hiến cho công việc thuộc chức trách của mình. Xuất phát từ góc độ xã hội, đây chưa chắc đã là phương pháp tối ưu để cổ vũ, kích lệ nhân tài. Cơ chế dùng người "kiểu xã hội cùng sử dụng", theo đó một nhân viên có thể đồng thời đảm nhiệm nhiều chức vụ và hưởng lương cho

tất cả các chức vụ mình đảm nhiệm, đã được các nước phương Tây phát triển, áp dụng từ lâu. Cơ chế này có thể dùng làm cơ chế bổ sung quan trọng cho cơ chế dùng người, mỗi người đảm nhiệm một vị trí cụ thể, hưởng lương cho vị trí công tác đó mà Trung Quốc đang thực hiện hiện nay. Một số trường học có điều kiện có thể căn cứ vào các nguyên tắc: ổn định tương đối, lưu động một cách hợp lý, có sự kết hợp linh hoạt giữa mỗi người đảm nhiệm một vị trí với một người cùng lúc đảm nhiệm nhiều vị trí, cùng dùng chung tài nguyên...để tiến hành tìm tòi và thử nghiệm cơ chế sử dụng, khai thác tài nguyên nhân lực giáo dục theo hướng kết hợp giữa đội ngũ cán bộ lãnh đạo tương đối ổn định với đội ngũ nhân viên lưu động có thể vào/ra tương đối trật tự cho một vị trí công việc mới.

## **Chương VIII**

# **HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NHÂN TÀI**

Nhân tài là nguồn tài nguyên hàng đầu trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội. Mục đích cơ bản nhất của việc thúc đẩy hiện đại hóa giáo dục là biến áp lực về gánh nặng dân số của Trung Quốc thành ưu thế về nguồn nhân lực. Do vậy, cần phải nhận thức rõ nhu cầu về nhân tài và tri thức trong sự phát triển xã hội và kinh tế; thực hiện giáo dục tố chất, đẩy mạnh việc xây dựng tư tưởng, đạo đức cho thanh, thiếu niên, đẩy nhanh quá trình cải cách hệ thống chương trình học và chế độ kiểm tra đánh giá, mở rộng môi trường giáo dục tố chất trong toàn xã hội, tạo điều kiện cho việc thúc đẩy sự phát triển toàn diện của con người, đáp ứng đủ nhu cầu nhân tài cho sự nghiệp hiện đại hóa.

### **I- MỤC ĐÍCH CƠ BẢN CỦA HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC LÀ ĐÀO TẠO NHIỀU NHÂN TÀI**

Đồng chí Giang Trạch Dân từng nói: "Thời nay, khoa học - kỹ thuật tiến bộ không ngừng, cạnh tranh với quốc tế

ngày càng khốc liệt. Trong sự cạnh tranh giữa các nước, xét cho cùng, là cạnh tranh về nhân tài, cạnh tranh về khả năng sáng tạo của dân tộc. Giáo dục chính là cơ sở của bồi dưỡng nhân tài và tăng cường khả năng sáng tạo của dân tộc, giáo dục cần phải được đặt vào vị trí quan trọng mang tính chiến lược, toàn cục trong sự nghiệp hiện đại hóa<sup>1</sup>. Vấn đề nhân tài là mục tiêu cuối cùng của hiện đại hóa giáo dục, quyết định vị trí mang tính chiến lược, cục bộ của hiện đại hóa giáo dục trong cả quá trình xây dựng hiện đại hóa.

### **1. Phát triển toàn diện: định hướng cơ bản của sự phát triển nhân tài xã hội hiện đại**

Xã hội hiện đại rất cần những nhân tài phát triển toàn diện. Phát triển toàn diện là nhu cầu cơ bản của xã hội hiện đại đối với nhân tài, đồng thời cũng là con đường phát triển cơ bản của nhân tài trong xã hội hiện đại.

Sự phát triển toàn diện của con người là một khái niệm mang tính lịch sử, nó được ra đời, phát triển và từng bước hình thành cùng với lịch sử.

Từ lâu, con người đã có xu hướng theo đuổi sự phát triển toàn diện đối với con người. Khi trả lời về tiêu chuẩn của "người trưởng thành" (con người hoàn mỹ), Khổng Tử đã nói: "Thông minh như Tạng Vũ Trọng, thanh liêm như Mạnh Công Xước, dũng cảm như Hạ Trang Tử, tài nghệ

---

1. Tuyển tập Giang Trạch Dân, Nxb. Nhân dân, 2006, t.3, tr.499.

như **Nhiệm Cầu**, thêm trang sức **bằng lễ và nhạc**. là có thể thành người hoàn mỹ"<sup>1</sup>. **Khổng Tử** lại nói: "**Người quân tử phải đạt được ba yêu cầu, nhân nghĩa sẽ không có lo âu, hiểu biết sẽ không bị mê hoặc, dũng cảm sẽ không lo sợ**"<sup>2</sup>. Tập hợp ưu điểm của các nhân vật kiệt xuất tạo nên một con người hoàn mỹ lý tưởng. Nhà triết học cổ Hy Lạp Aristoteles cho rằng, việc rèn luyện sức khỏe, trí đức một cách hài hòa sẽ làm cho con người phát triển một cách toàn diện. Chủ nghĩa nhân văn dưới thời văn hóa phục hưng ở châu Âu thì khẳng định giá trị của con người, chủ trương giải phóng con người, trong đó bao hàm ý phát triển toàn diện của con người. Những người thuộc chủ nghĩa xã hội không tưởng vào thế kỷ XVIII, XIX cũng chính thức nêu ra sứ mệnh lịch sử bồi dưỡng con người "phát triển toàn diện".

Vào giữa thế kỷ XIX, C. Mác và Ph. Ăngghen tiếp tục kế thừa và phát triển những tư tưởng trên, đưa ra học thuyết phát triển toàn diện của con người. Căn cứ vào bối cảnh lịch sử thời bấy giờ, cần chú ý ít nhất hai điểm: *Thứ nhất*, chỉ có một số ít giai cấp "nhàn rỗi" mới có quyền được tiếp nhận giáo dục văn hóa, đông đảo tầng lớp lao động nghèo khổ là giai cấp "bận rộn", cả ngày cặm cụi lo miếng cơm manh áo, làm việc trong môi trường lao động

---

1, 2. "Luận ngữ, hiến văn". Nguyên gốc là "Tử Lộ vấn thành nhân, Tử viết: "nhược Tạng Vũ Trọng chi tri, Công Xước chi bát dục, Hạ Trang Tử chi dũng, Nhiệm Cầu chi nghệ, văn chi dĩ lễ lạc, dĩ khả dĩ vi thành nhân hĩ"".



sản xuất tách biệt khỏi giáo dục, từ đó dẫn tới sự phát triển một cách phiến diện, không hoàn chỉnh. *Thứ hai*, trong nội bộ quá trình sản xuất công nghiệp, dưới điều kiện sản xuất toàn máy móc, người công nhân bị phân công một cách rập khuôn, rất nhiều công nhân thậm chí cả đời chỉ làm một công việc, lâu dần gần như trở thành một bộ phận của chiếc máy, cũng giống như vai diễn người công nhân của Charlie Chaplin trong "Thời đại tân kỳ", sau khi rời khỏi dây chuyền sản xuất vẫn liên tục lặp lại các động tác vận tốc nơ vít một cách vô thức, máy móc. Tình trạng này khiến đại bộ phận tiềm năng của người công nhân bị bỏ không, chỉ một phần rất nhỏ được phát triển. Xuất phát từ tình hình cuộc sống hiện thực của giai cấp công nhân, từ khao khát được giải phóng của con người, C. Mác và Ph. Ăngghen đã đề ra học thuyết phát triển toàn diện, nguyên lý giáo dục kết hợp giữa lao động sản xuất và giáo dục.

Những yêu cầu bên trong sự toàn diện của con người được biểu hiện dưới năm phương diện sau: *Thứ nhất*, sự phát triển về bản chất của con người, tức con người làm chủ hoàn toàn bản chất của mình, giải phóng toàn diện con người. Cụ thể hơn, là đánh thức các bản chất còn đang tiềm ẩn trong người như cá tính, nhân cách, thể lực, trí lực, làm cho chúng được phát triển một cách đầy đủ. *Thứ hai*, những quan hệ lệ thuộc của con người được giải thoát hoàn toàn giải thoát khỏi các quan hệ lệ thuộc vào người và vật, trở thành người tự do, tự do phát triển toàn bộ khả năng và năng lực của mình. *Thứ ba*, chuyển

biến toàn diện về chức năng công việc của con người có thể thích ứng với mọi yêu cầu của xã hội, có thể sinh tồn bằng cách thay đổi theo các chức năng công việc khác nhau trong xã hội. *Thứ tư*, không ngừng nâng cao tố chất của con người, phát triển năng lực, tố chất của con người, trong đó lấy thể lực và trí lực làm trọng tâm. *Thứ năm*, các nhu cầu cá nhân của con người phải được đáp ứng đầy đủ. Nhu cầu là động lực chính của phát triển, nhu cầu của con người rất đa dạng và vô hạn, nhưng đồng thời cũng chịu sự hạn chế của xã hội. Đến thời kỳ xã hội chủ nghĩa cộng sản, vật chất tài lực dồi dào phong phú, nhân cách đạo đức con người nâng cao rõ rệt, nhu cầu của cá nhân sẽ được đáp ứng đầy đủ<sup>1</sup>.

Học thuyết phát triển toàn diện con người của C. Mác và Ph. Ăngghen có ý nghĩa chỉ đạo quan trọng đối với giáo dục, nhưng bản thân học thuyết là khái niệm tổng hợp lấy triết học làm cơ sở, kết hợp với kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học. C. Mác và Ph. Ăngghen đã kết hợp sự phát triển toàn diện con người và sự tiến bộ của xã hội, hai sự phát triển này cùng thúc đẩy lẫn nhau. Trong học thuyết này, sự phát triển toàn diện của con người, sự giải phóng sau cùng của con người và sự thành công sau cùng của chủ nghĩa cộng sản, sẽ đều xảy ra cùng một thời điểm,

---

1. Trần Kim Minh: "Cam kết và hình thái đương đại giá trị phát triển toàn diện của con người", *Nguyên lý triết học* kỳ 1 năm 2005, Trung tâm Tư liệu sách báo Đại học Nhân dân Trung Quốc.

điều đó có nghĩa chỉ dưới chế độ xã hội phù hợp, chúng mới được thực hiện một cách triệt để.

Vào trước những năm 50 của thế kỷ XX, khái niệm "phát triển toàn diện của con người" từng được gọi là "phát triển toàn diện cá nhân" hoặc "phát triển toàn diện cá tính"<sup>1</sup>. Đối lập với "phát triển toàn diện" là "phát triển phiến diện", "phát triển dị hình", các khái niệm có liên quan chặt chẽ với "phát triển toàn diện" là "phát triển đầy đủ", "phát triển hài hòa", "phát triển tự do". "Phát triển đầy đủ" chỉ trong điều kiện và không gian do xã hội quy định, hoặc trong phạm vi điều kiện và không gian xã hội do cá nhân tích cực xây dựng nên, cá nhân tận dụng các yếu tố bên ngoài để tiềm năng của bản thân được phát triển một cách tốt nhất. "Phát triển hài hòa" tức là cá nhân phát triển trong tổ hợp ưu hóa các phương diện của phát triển toàn diện, bình đẳng hài hòa, thể hiện tính trật tự. "Phát triển tự do" là cá nhân căn cứ vào khả năng và sở thích của bản thân, phát huy tối đa cá tính của mình, trong điều kiện xã hội cho phép tự xác định sự phát triển cho mình<sup>2</sup>. Hàm ý của những khái niệm trên có liên quan đến nhau và có sự giao thoa, ví dụ: "phát triển toàn diện" và "phát triển tự do" là điều kiện của nhau; chỉ có đầy đủ các điều kiện của phát triển tự do mới có thể thực hiện

---

1. Trần Quế Sinh: *Lý luận phát triển toàn diện con người và thời hiện nay*, Nxb. Giáo dục Thượng Hải, 1988, tr.2.

2. Ô Chí Huy: *Tâm nhìn mới hiện đại hóa giáo dục Trung Quốc*, Nxb. Đại học Sư phạm Đông Bắc, 2000, tr.172.

phát triển toàn diện. Cũng như vậy, chỉ khi mọi cá nhân được phát triển toàn diện, loài người mới thực sự có được tự do, trở thành con người phát triển tự do. Các khái niệm trên miêu tả trạng thái lý tưởng về phát triển của con người theo chiều ngang, nếu nhìn theo chiều dọc, có khái niệm "phát triển tiếp tục", "phát triển hết đời", nhấn mạnh tính lâu bền và tính cải cách trong phát triển của con người.

Phát triển toàn diện có khởi nguồn từ lâu đời, ở các thời đại khác nhau, phát triển toàn diện có các hàm ý tương tự nhau. Phát triển toàn diện ở thời kỳ hiện đại, hoặc có thể nói sự phát triển toàn diện mà sự nghiệp hiện đại hóa giáo dục Trung Quốc theo đuổi có những đặc trưng của thời kỳ như thế nào? Có những học giả đã nghiên cứu vấn đề này và đưa ra các quan điểm dưới đây<sup>1</sup>:

- Cần có tính sáng tạo. Sáng tạo là bản tính của con người, là khởi nguồn của xã hội tiến bộ. Khai thác tối đa tiềm năng trí não không bao giờ cạn của con người, bồi dưỡng tính sáng tạo của con người là quy định cơ bản nhất trong việc hiện đại hóa tổ chức của con người. Một người có tính sáng tạo, thường có xu hướng tiếp nhận những sự vật, sự việc hợp lý hơn, có mong muốn thành công mãnh liệt, luôn không tự hài lòng với thực tại, có tinh thần phê bình, dám mạo hiểm, dám trả giá, có ý chí ngoan cường. đầu óc phóng khoáng, tư duy linh hoạt, có trí tưởng tượng phong

---

1. Ô Chí Huy: *Tâm nhìn mới hiện đại hóa giáo dục Trung Quốc*, Sđd, tr.173-174.

phú, dám hành động, dám khám phá, có tinh thần làm việc và sáng tạo không ngừng.

- Cần có tinh thần trách nhiệm. Cùng với những hiểu biết sâu sắc và tiếp xúc rộng rãi của con người với thế giới, quan hệ giữa con người và thế giới ngày càng phức tạp, ngày càng khăng khít. "Học cách quan tâm" được xuất phát từ lợi ích bảo vệ toàn thế giới, đưa ra quan điểm quan tâm đến người khác, quan tâm đến xã hội, quan tâm đến môi trường, nòng cốt của quan điểm này chính là nhấn mạnh việc bồi dưỡng tinh thần trách nhiệm và nghĩa vụ của con người.

- Cần lý tính hóa, bao gồm lý tính hóa toàn diện cả lý tính công cụ và lý tính giá trị, là đặc trưng bản chất của hiện đại hóa. Người lý tính hóa không chỉ có ý thức dân chủ, quan niệm pháp chế, tinh thần cạnh tranh lành mạnh, thái độ hợp tác, tinh thần khoa học và tính nhân văn, mà còn có khả năng hành động tương ứng. Cho dù trên thế giới xuất hiện phong trào phản lý tính hóa, nhưng Trung Quốc đối với những người thiếu những phẩm chất của con người hiện đại như tính dân chủ, pháp chế, khoa học, cạnh tranh..., cần phải được bồi dưỡng nhiều hơn.

- Cần mang đầy sức sống. Sức sống của con người không chỉ bao gồm thể chất khỏe mạnh, tâm lý khỏe mạnh, mà còn bao gồm thái độ lạc quan, theo đuổi điều đúng đắn. Sức sống căng tràn của con người có được qua quá trình học tập không ngừng. Thông qua học tập theo nghĩa rộng, tăng khả năng chống chọi với bệnh tật và khả năng tâm lý

thích ứng, xây dựng một thái độ nhân sinh lành mạnh, tích cực và cầu tiến.

## **2. Giáo dục hiện đại hóa tạo điều kiện tốt cho sự trưởng thành của nhân tài**

Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển của con người là di truyền, môi trường và giáo dục. Giáo dục là hoạt động mang tính định hướng có mục đích ảnh hưởng đến con người, đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của con người, được rất nhiều nhà giáo dục, nhà tư tưởng quan tâm. Nhà tư tưởng, nhà giáo dục người Pháp Jean Jacques Rousseau đã nói: "Cây lớn lên nhờ vun xới, người lớn lên nhờ giáo dục"<sup>1</sup>. Chỉ có thông qua giáo dục hợp lý, nhân tài tự nhiên mới trở thành nhân tài xã hội, trở thành con người xã hội yêu cầu. Tuy nhiên, giáo dục như con dao hai lưỡi, vừa có mặt phải, vừa có mặt trái. Nói một cách khác, không phải bất cứ giáo dục nào cũng đều có thể khiến con người phát triển toàn diện.

Chúng ta hãy xem xét mặt trái của giáo dục từ khảo sát phiến diện. Nhà giáo dục người Cộng hòa Séc Johann Amos Comenius đã từng đau khổ phê bình các trường học theo phương thức cũ là "lò sát sinh tài trí". Ông Đào Hành Tri từng phê bình giáo dục hương thôn của thời cũ ở Trung Quốc như sau: "Giáo dục hương thôn Trung Quốc đã đi sai đường, nó dạy con người rời quê hương lên

---

1. *Tuyển tập giáo dục luận giai cấp tư sản phương Tây*, Nxb. Giáo dục nhân dân, 1979, tr.95.

thành phố, dạy con người ăn cơm không trồng lúa, mặc áo không trồng bông, làm nhà không gậy rừng; nó dạy con người coi trọng phần hoa, coi thường nghề nông; nó dạy con người phân chia lợi nhuận chứ không tạo ra lợi nhuận, nó dạy con em nông dân thành một sách, dạy phú thành bần, bần thành càng bần hơn; dạy mạnh biến thành yếu, yếu biến thành yếu hơn"<sup>1</sup>. Sách *Học cách sinh tồn giáo dục thế giới hôm nay và ngày mai* cũng chỉ rõ rằng: "Vì mục đích rèn luyện, phương diện nhận thức lý trí của một người bị chia nhỏ ra thành từng mảnh, các phương diện khác không phải bị bỏ quên, mà là bị coi nhẹ, không phải bị quay trở lại tình trạng phôi thai, mà phát triển trong tình trạng không có tổ chức. Vì yêu cầu của nghiên cứu khoa học và chuyên môn hóa, lẽ ra nên bồi dưỡng toàn diện cho rất nhiều thanh niên, nhưng lại biến họ mang đầy khiếm khuyết. Để phục vụ cho các công việc hiệu quả không cao hoặc các nội dung được chia ra quá nhỏ, mà tiến hành rèn luyện, dự tính quá cao tầm quan trọng của khả năng kỹ thuật mà làm tổn hại đến các phẩm chất khác mang tính nhân sinh hơn". Không còn nghi ngờ gì, giáo dục kiểu cũ không những không thúc đẩy con người phát triển toàn diện, mà còn hạn chế con người phát triển. Điều đáng tiếc là hình bóng của giáo dục kiểu cũ vẫn còn phảng phất trong giáo dục thời nay. Ví dụ: nhấn mạnh chức năng truyền thụ kiến thức của

---

1. Đào Hành Tri: *Cải cách cơ bản giáo dục nông thôn Trung Quốc*, in trong *Tuyển tập Đào Hành Tri*, t.2, tr.670.

giáo dục, coi nhẹ chức năng phát triển trí lực và bồi dưỡng tình cảm; nhấn mạnh tính kế thừa của giáo dục. coi nhẹ tính sáng tạo của giáo dục; nhấn mạnh tính cộng đồng của người tiếp nhận giáo dục, coi nhẹ cá tính, tính đa nguyên của người đó; nhấn mạnh tính thụ động của người tiếp nhận giáo dục, coi nhẹ tính chủ động của họ; nhấn mạnh vào giáo dục của một số ít học sinh ưu tú, coi nhẹ giáo dục của đại đa số học sinh bình thường; nhấn mạnh thành tích thi lý thuyết, coi nhẹ trải nghiệm thực tế về đời sống xã hội và thực tiễn xã hội đối với người tiếp nhận giáo dục...

Giáo dục hiện đại hóa cung cấp các quan niệm giáo dục tiên tiến cho sự phát triển của nhân tài. Mấu chốt của giáo dục hiện đại hóa là hiện đại hóa quan niệm giáo dục. Quan niệm giáo dục hiện đại hóa không hoàn toàn phủ định các quan niệm giáo dục và thực tiễn giáo dục đã có, mà điều chỉnh sự sai lệch hướng lên trên, điều chỉnh vị trí coi trọng, xem nhẹ của nó, ví dụ: về mục đích giáo dục, vừa coi trọng chức năng truyền thụ kiến thức của giáo dục, vừa coi trọng chức năng khai thác trí lực, bồi đắp tình cảm; vừa coi trọng sự kế thừa về văn hóa của người tiếp thu giáo dục, lại càng coi trọng tính sáng tạo đối với văn hóa, coi trọng bồi dưỡng tinh thần cho người tiếp thu giáo dục. Về đối tượng giáo dục, chú ý đến toàn thể học sinh trong đó có các học sinh ưu tú. đặc biệt chú ý quan tâm đến các học sinh kém hơn, hướng dẫn các em đó sát sao, thiết thực hơn, để các em có thể hoàn thành nhiệm vụ học tập cơ bản nhất, từ đó thực hiện sự



công bằng trong kết quả giáo dục. Về con đường, phương pháp giáo dục, vừa ủng hộ tính cộng đồng của người tiếp thu giáo dục, chú ý thông qua các hoạt động tập thể bồi dưỡng ý thức chủ nghĩa tập thể và tinh thần hợp tác, khả năng hợp tác của học sinh, vừa coi trọng cá tính riêng của họ, xây dựng môi trường giáo dục có chọn lựa, cho học sinh tự do lựa chọn; vừa nhận thấy tính thụ động của người tiếp thu giáo dục, củng cố lòng tin và tinh thần trách nhiệm của giáo dục, vừa coi trọng tính chủ động của họ, làm cho học sinh học cách tự giáo dục mình trong thực tiễn giáo dục. Về phương diện đánh giá kết quả học tập, vừa coi trọng kết quả thi trên giấy, càng coi trọng trải nghiệm thực tế của người tiếp thu giáo dục trong đời sống xã hội và thực tiễn xã hội, làm cho học sinh trải qua các khó khăn phù hợp, để nâng cao khả năng chịu đựng, thích ứng với sự cạnh tranh khốc liệt của xã hội trong tương lai. Quan niệm giáo dục hiện đại là gạt bỏ biện chứng đối với quan niệm giáo dục truyền thống, bản thân nó cũng không ngừng tự phủ định mình, không ngừng phát triển. Chỉ dưới sự chỉ đạo của nền giáo dục có quan niệm giáo dục ở trạng thái động phát triển không ngừng, mới thúc đẩy sự phát triển toàn diện của con người. Nói một cách khác, chỉ ở trong nền giáo dục không ngừng thay đổi, mới tạo điều kiện cho phát triển toàn diện của con người,

Giáo dục hiện đại hóa cung cấp điều kiện cơ sở vật chất tốt cho nhân tài. Cùng với việc thúc đẩy hiện đại hóa quan niệm giáo dục, giáo dục hiện đại hóa cũng đồng

thời thực hiện hiện đại hóa về điều kiện vật chất. Trước tiên, từng bước xây dựng đội ngũ giáo viên có quan niệm và tri thức khoa học hiện đại. Những giáo viên này có lý tưởng trung thành tuyệt đối với sự nghiệp giáo dục, có niềm tin giáo dục được xây dựng trên cơ sở giáo dục khoa học, có tinh thần trách nhiệm truyền đạt tinh hoa văn hóa nhân loại, đào tạo nhân tài hiện đại, có tinh thần khoa học xây dựng nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục căn cứ theo tình hình khác nhau, có tính linh hoạt và khéo léo giảng dạy tùy từng nơi, tùy từng đối tượng, tùy từng thời điểm. Quan trọng hơn hết, trong thời đại sách báo khoa học toàn thư cập nhật hàng ngày, các giáo viên thi hệ mới không chỉ bó hẹp trong việc truyền thụ kiến thức mà còn phải chú ý khơi dậy niềm đam mê, tính hiếu kỳ và nhiệt huyết của học sinh, bồi dưỡng khả năng học tập khả năng sáng tạo của học sinh, giúp học sinh hình thành những nhân cách cần có trong thời đại mới. Tiếp theo, giáo dục hiện đại hóa bao gồm cả hiện đại hóa các điều kiện cơ sở vật chất. Trong môi trường cơ sở vật chất nghèo nàn, các hoạt động trên lớp và ngoại khóa đều bị hạn chế nghiêm trọng, thầy và trò đều cảm thấy đơn điệu tầm nhìn hạn hẹp, tư tưởng hạn chế, khó có thể phát triển chủ động, linh hoạt. Cơ sở vật chất được cải thiện các hoạt động trên lớp và ngoại khóa có không gian tự do thoáng đãng. Tài liệu trên thư viện phong phú. thầy và trò có nguồn dinh dưỡng tinh thần đầy đủ. toàn diện Kinh phí đầy đủ, trường học có thể tổ chức các hoạt động ngoại khóa đa dạng, mang tính sáng tạo. tham gia các

hoạt động thực tiễn trong xã hội, mở mang tầm nhìn cho sự phát triển của nhân tài.

### **3. Quán triệt phương châm giáo dục của Đảng và Nhà nước, bồi dưỡng nhân tài hiện đại hóa**

Báo cáo tại Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nêu rõ phương châm giáo dục trong thời kỳ mới như sau: "Kiên trì theo đuổi nền giáo dục phục vụ cho sự nghiệp xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, phục vụ cho nhân dân, phối hợp chặt chẽ với lao động sản xuất và thực tiễn xã hội, bồi dưỡng những con người xây dựng xã hội chủ nghĩa và tầng lớp kế cận phát triển toàn diện trí - đức - thể - mỹ". Phương châm giáo dục của thời kỳ mới đã phản ánh yêu cầu của thời đại là xây dựng xã hội khá giả toàn diện, đồng thời cũng quy định rõ ràng về đối tượng phục vụ của giáo dục, phương châm thực hiện của mục tiêu giáo dục và mục tiêu đào tạo. Đây chính là kim chỉ nam cho công tác bồi dưỡng nhân tài các cấp trong thời kỳ mới.

Để quán triệt phương châm giáo dục của Đảng, chủ yếu theo sát ba phương diện sau:

*Thứ nhất:* Cần kiên trì với định hướng đúng đắn của giáo dục. So với "giáo dục phục vụ cho sự nghiệp xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa", yêu cầu "giáo dục phục vụ cho sự nghiệp xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, phục vụ cho nhân dân" rõ ràng hơn, làm nổi bật tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền giáo dục Trung Quốc, nêu rõ lợi ích của nhân dân được đặt cao hơn tất cả nguyên tắc

hiến pháp, thể hiện Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn là đại diện cho quyền lợi của quần chúng nhân dân. Các cấp, các kiểu giáo dục cần đáp ứng yêu cầu của thời đại, bồi dưỡng cho học viên thành lớp người của thời đại mới có tinh thần yêu nước, tinh thần chủ nghĩa tập thể, yêu xã hội chủ nghĩa, kế thừa, phát huy truyền thống cách mạng và truyền thống ưu tú của dân tộc, có hiểu biết về pháp chế dân chủ xã hội chủ nghĩa, tuân thủ pháp luật, dần hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và giá trị quan đúng đắn, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần toàn tâm toàn ý phục vụ cho nhân dân, có lý tưởng, đạo đức, văn hóa và kỷ luật.

*Thứ hai:* Giáo dục phải kết hợp với lao động sản xuất và thực tiễn xã hội. So với giáo dục "kết hợp với lao động sản xuất", yêu cầu của giáo dục "kết hợp với lao động sản xuất và thực tiễn xã hội" thêm một bước mở rộng chức năng của giáo dục. Ở xã hội hiện nay, giáo dục ngày càng kết hợp chặt chẽ với kinh tế, khoa học - kỹ thuật, thực tiễn xã hội, trở thành một nhân tố quan trọng thúc đẩy khoa học - kỹ thuật tiến bộ và xã hội phát triển. Hướng phát triển và cải cách của giáo dục là kết hợp chặt chẽ với kinh tế - xã hội, cung cấp nhân tài và cống hiến tri thức cho sự nghiệp hiện đại hóa. Yêu cầu này mở rộng thêm nhận thức về con đường bồi dưỡng nhân tài. Lao động sản xuất vốn là hoạt động cơ bản nhất của con người, nhưng không phải là hoạt động thực tiễn duy nhất. Đào tạo bồi dưỡng nhân tài không chỉ bó hẹp trong phạm vi kết hợp với lao động sản xuất, mà còn phải kết hợp với cả thực tiễn xã hội

nỗ lực đào tạo nên các nhân tài đáp ứng được yêu cầu của xã hội phát triển.

*Thứ ba:* Tôn chỉ quan trọng nhất của giáo dục là đào tạo, bồi dưỡng những người xây dựng xã hội chủ nghĩa và lớp kế cận phát triển toàn diện trí - đức - thể - mỹ. Phương châm của nền giáo dục mới lần đầu tiên đã đưa ra yêu cầu hoàn chỉnh "phát triển toàn diện trí - đức - thể - mỹ", làm rõ vị trí và vai trò của yếu tố "mỹ" trong công tác giáo dục, đồng thời cũng cho thấy thời kỳ lịch sử mới có yêu cầu toàn diện hơn đối với tố chất cơ bản của đối tượng đào tạo. Cần phải chú trọng bồi dưỡng tố chất toàn diện, xây dựng lớp nhân tài toàn diện mới. Sự nghiệp hiện đại hóa ở Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay rất cần nhân tài ở các loại hình và tầng cấp, bao gồm hàng trăm triệu người lao động có tố chất, có văn hóa, am hiểu kỹ thuật, tinh thông nghiệp vụ; bao gồm hàng chục triệu nhân tài nắm giữ vai trò chủ chốt trong các cơ quan của Đảng và chính phủ, nhân tài quản lý doanh nghiệp và nhân tài chuyên ngành kỹ thuật có năng lực tốt, có kiến thức về quản lý kinh doanh và khoa học - kỹ thuật hiện đại; bao gồm rất nhiều nhân tài khoa học - kỹ thuật mũi nhọn có tính sáng tạo không ngừng. Quán triệt tuyệt đối phương châm giáo dục của Đảng, xét cho cùng là đào tạo ra nhiều người xây dựng và lớp kế cận có tri thức, kỹ năng, lao động mang tính sáng tạo, thúc đẩy quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa chính trị văn minh, tinh thần văn minh, vật chất văn minh, sẵn sàng cống hiến cho sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc.

## II- CHÍNH SÁCH QUỐC GIA THỨC ĐẨY TOÀN DIỆN GIÁO DỤC TỔ CHẤT

Trên thế giới hiện nay, sự cạnh tranh giữa nội lực của các quốc gia ngày càng khốc liệt. Giáo dục chiếm vị trí cơ bản trong sự hình thành nội lực tổng hợp của quốc gia, nội lực của quốc gia mạnh hay yếu ngày càng được quyết định bởi tố chất của người lao động, chất lượng và số lượng của các nhân tài, điều này đặt ra yêu cầu bức thiết về việc đào tạo ra lớp người mới cho Trung Quốc vào thế kỷ XXI. Kể từ khi Trung Quốc được thành lập, đặc biệt thời kỳ tiến hành cải cách mở cửa cho đến nay, sự nghiệp cải cách và phát triển giáo dục đã đạt được những thành tựu to lớn. Nhưng đối mặt với tình hình mới, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan, quan niệm giáo dục, thể chế giáo dục, cơ cấu giáo dục, mô hình đào tạo nhân tài, nội dung giáo dục và phương pháp giảng dạy tương đối lạc hậu, ảnh hưởng tới sự phát triển toàn diện của thanh, thiếu niên, không đáp ứng được yêu cầu nâng cao tố chất nhân dân. Xuất phát từ yêu cầu của sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc và phục hưng dân tộc, cần phải tiến hành cải cách giáo dục, đẩy mạnh giáo dục tố chất toàn diện.

### **1. Nội hàm cơ bản và các điểm chính của giáo dục tố chất**

"Giáo dục tố chất" là một bước tiến mới của các nhà giáo dục Trung Quốc trong thực tiễn cải cách giáo dục vào

những năm cuối thập niên 80 của thế kỷ XX. 20 năm trở lại đây, "giáo dục tố chất" đã được hoàn thiện và ngày càng phong phú trên lý thuyết và trong thực tiễn. Giáo dục tố chất chính là quán triệt phương châm giáo dục của Đảng, với tôn chỉ cơ bản là nâng cao tố chất nhân dân, trọng điểm là đào tạo khả năng tư duy độc lập, khả năng sáng tạo và năng lực thực tiễn của học sinh, tạo nên lớp người kế cận và người xây dựng xã hội chủ nghĩa phát triển toàn diện trí - đức - thể - mỹ, có văn hóa, đạo đức, lý tưởng và kỷ luật. Muốn thúc đẩy toàn diện giáo dục tố chất, cần chú ý các điểm sau:

*Thứ nhất:* Kiên trì theo hướng giáo dục "hướng tới hiện đại hóa, hướng ra thế giới, hướng tới tương lai", nỗ lực thực hiện "thống nhất bốn điều" do đồng chí Giang Trạch Dân phát biểu trong buổi lễ kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Trường Đại học Bắc Kinh: thống nhất mọi đối tượng tiếp nhận giáo dục đều kiên trì học tập khoa học, văn hóa và tăng cường tu dưỡng tư tưởng đạo đức; thống nhất học tập kiến thức trên sách vở kết hợp với thực tiễn xã hội; thống nhất thực hiện gìn giữ giá trị bản thân và tinh thần phục vụ cho tổ quốc, cho nhân dân; thống nhất xây dựng lý tưởng to lớn và ý chí phấn đấu vượt gian khổ.

*Thứ hai:* Kiên trì "hướng tới toàn thể" và "phát triển toàn diện". Giáo dục tố chất "hướng tới toàn thể", trước tiên nghĩa là giáo dục phải hướng tới toàn thể nhân dân, với tôn chỉ cơ bản là nâng cao tố chất cho cả dân tộc Trung Hoa. Giáo dục tố chất phải được đẩy mạnh rộng rãi trong các cấp, các loại hình đào tạo như giáo dục mầm

non, giáo dục tiểu học, trung học, giáo dục dạy nghề. giáo dục người trưởng thành, giáo dục trong các trường đại học, cao đẳng..., được thực hiện khắp mọi nơi như giáo dục ở nhà trường, giáo dục trong gia đình và giáo dục ngoài xã hội. Ngoài ra, trong các cấp, các trường giáo dục. giáo dục tổ chức phải hướng tới toàn thể học sinh, tạo mọi điều kiện cho sự phát triển toàn diện của học sinh, bảo hộ theo luật pháp quyền lợi cơ bản được học tập cho nhi đồng và thanh, thiếu niên, tôn trọng các đặc điểm phát triển của học sinh và quy luật giáo dục, làm cho học sinh nhanh nhẹn, hoạt bát, tích cực, chủ động phát triển. Thực hiện giáo dục tổ chức, cần thống nhất các yếu tố cơ bản như trí - đức - thể - mỹ, lao động kỹ thuật và thực tiễn xã hội vào mọi khâu của hoạt động giáo dục, làm cho các yếu tố đó hỗ trợ lẫn nhau, cùng nhau phát triển, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của học sinh. "Phát triển toàn diện" trong các trường đại học, cao đẳng còn có nghĩa cân bằng giữa giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục nhân văn, đây chính là tinh túy của giáo dục đại học, cao đẳng. Giáo sư Cố Minh Viễn đã từng nói: "Một người đã qua giáo dục đại học, cao đẳng, dù học chuyên ngành gì, sẽ đều có kiến thức tương đối phong phú về triết học, ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật, lịch sử..., có thể giới quan và nhân sinh quan đúng đắn, có tư tưởng trong sáng và tinh thần trách nhiệm với xã hội"<sup>1</sup>.

---

1. Cố Minh Viễn: *Tìm hiểu về giáo dục của tôi*. Nxb. Khoa học giáo dục, 1998, tr.433.



*Thứ ba:* Cần chú trọng hơn nữa công tác giáo dục "đức", lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông và lý luận Đặng Tiểu Bình làm kim chỉ nam, căn cứ theo mục tiêu giáo dục và quy luật phát triển của học sinh, xác định yêu cầu và nội dung giáo dục tùy theo lứa tuổi, khi bồi dưỡng tư tưởng phẩm chất đạo đức và hành vi chuẩn mực cho học sinh, cần lập ra các mục tiêu tăng dần theo các giai đoạn. Cần tăng cường giáo dục chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa lịch sử duy vật, tạo cho học sinh thế giới quan và nhân sinh quan khoa học. Cần triển khai định hướng giáo dục chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa xã hội; giáo dục truyền thống văn hóa ưu tú và truyền thống cách mạng của dân tộc; giáo dục lý tưởng, đạo đức và hình thành thói quen văn minh; giáo dục lịch sử Trung Quốc cận hiện đại, tình hình trong và ngoài nước; giáo dục pháp chế dân chủ. Kết hợp việc ca ngợi truyền thống ưu tú của dân tộc với việc tích cực học tập các thành quả văn minh ưu việt trên thế giới. Tiến hành cải cách phương pháp giáo dục "đức", kết hợp giữa giáo dục trong nhà trường với hoạt động của học sinh và thực tiễn xã hội, chú trọng vào hiệu quả thực tế, tránh xu hướng chủ nghĩa hình thức. Các trường đại học, cao đẳng cần chú trọng hai môn học (môn lý luận chủ nghĩa Mác và môn tư tưởng đạo đức), bảo đảm lý luận Đặng Tiểu Bình và tư tưởng "3 đại diện" được đưa vào giảng đường, vào tài liệu giảng dạy và tới sinh viên. Cần căn cứ vào đặc điểm trưởng thành của thanh, thiếu niên trong tình hình mới, đẩy mạnh giáo

dục tâm lý lành mạnh cho người học, tăng khả năng thích ứng với cuộc sống trong xã hội của thanh thiếu niên. Tăng cường giáo dục đoàn kết dân tộc, giáo dục quốc phòng, nâng cao ý thức của người học đối với an toàn quốc gia. Đẩy mạnh xây dựng văn minh trong trường, các công tác đoàn thanh niên, hội học sinh, sinh viên, góp vai trò ngày càng quan trọng trong việc bồi dưỡng và nâng cao tố chất cho người học.

*Thứ tư:* Chú trọng bồi dưỡng khả năng tư duy độc lập, khả năng sáng tạo và năng lực thực tiễn cho người học, nỗ lực nâng cao tố chất văn hóa, khoa học cho dân tộc Trung Hoa. Cần phổ cập rộng rãi kiến thức và phương pháp khoa học giáo dục sớm đối với trẻ sơ sinh. Giảm nhẹ gánh nặng trong học tập đối với học sinh tiểu học và trung học, khuyến khích các em chủ động phát triển nhanh nhẹn, hoạt bát. Cần thay đổi quan niệm giáo dục, cải cách phương thức đào tạo nhân tài, tích cực áp dụng các phương pháp mang tính gợi ý và thảo luận, kích thích người học tư duy độc lập và có ý thức sáng tạo, nâng cao chất lượng giảng dạy. Phải để người học cảm nhận và hiểu được quá trình ra đời và phát triển của tri thức, bồi dưỡng tinh thần khoa học và thói quen tư duy sáng tạo cho người học, coi trọng bồi dưỡng khả năng thu thập và xử lý thông tin, khả năng tiếp nhận kiến thức mới, khả năng phân tích và giải quyết vấn đề, khả năng biểu đạt ngôn ngữ và khả năng hợp tác, hoạt động xã hội của người học. Giáo dục đại học, cao đẳng còn chú trọng bồi dưỡng tinh thần hướng nghiệp cho sinh viên, nâng cao tố chất khoa học và

tố chất nhân văn cho sinh viên. Giáo dục dạy nghề và giáo dục người trưởng thành bên cạnh việc dạy cho người học nắm được các tri thức văn hóa, còn phải bồi dưỡng cho họ kỹ năng nghề nghiệp thành thục và khả năng thích ứng với thay đổi nghề nghiệp.

## **2. Các nhân tố xã hội ảnh hưởng đến việc thực hiện giáo dục tố chất**

Các chính sách về giáo dục tố chất của Đảng và Nhà nước đều rất rõ ràng, các nghiên cứu lý luận về giáo dục tố chất cũng có những thành tựu đáng kể, nhưng chúng ta không thể coi nhẹ hiện thực sau: xu hướng "giáo dục ứng phó thi cử" vẫn còn rất nghiêm trọng, ảnh hưởng tới sự phát triển toàn diện của người học, hạn chế lợi ích của giáo dục đem lại cho phát triển kinh tế - xã hội. Giáo dục tố chất khó được thực hiện vừa do nhân tố bên trong giáo dục, vừa do các nhân tố ngoài xã hội. Theo cách nói của một nhà giáo dục: "Việc bên ngoài trường quyết định việc trong trường".

Xét từ góc độ vật chất, nguồn phân bổ cho giáo dục không đủ khiến cho điều kiện của giáo dục tố chất còn thiếu. Vài năm gần đây, sự nghiệp giáo dục phát triển nhanh chóng, điều kiện đi học có cải thiện rõ rệt, nhưng vẫn chưa thể đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng lên của nhân dân. Giáo dục của xã hội khó có thể đáp ứng được ba phương diện dưới đây: *Thứ nhất*, giáo dục nghĩa vụ không cân bằng, khác biệt về nơi cư trú, thành thị và nông thôn, khác biệt giữa các trường còn khá lớn. *Thứ hai*,

nguồn giáo dục ưu tú không đủ, khó đáp ứng được nhu cầu hưởng sự giáo dục tốt hơn của nhân dân, đó chính là nhân tố quan trọng tạo nên phong trào chọn trường ngày càng phổ biến trong các thành phố lớn. Thứ ba, các loại hình trường học, phương thức nhập học đơn điệu, thiếu màu sắc riêng, khó đáp ứng được nhu cầu đa dạng hóa giáo dục của nhân dân, đồng thời cũng không đáp ứng được nhu cầu phát triển sở trường và cá tính của mỗi người học. Các vấn đề trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc giáo dục tổ chức ở các trường.

Xét từ góc độ chế độ, chính sách "Duy học lịch" đã dẫn đến thiếu sót trong chế độ giáo dục. Mặc dù chế độ tìm việc và nhân sự đã có những cải cách đáng kể, nhưng vẫn tồn tại các nhân tố ảnh hưởng tới việc thực hiện giáo dục tổ chức. Hiện nay, các giới trong xã hội đều hô hào có cái nhìn đúng về nhân tài, giữ nguyên tắc "đúc tài kiêm toàn", lấy tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá nhân tài là đức, tri thức, khả năng và thành tích học tập, nhưng xét về cơ bản, chính sách và chế độ của Trung Quốc vẫn theo cơ cấu "bản vị quá trình học tập" và "bản vị năng lực", những nhân tố này về khách quan đã khiến xã hội phiến diện theo đuổi học lực cao và các trường danh tiếng, từng bước hạn chế xu hướng "bản vị năng lực" mà giáo dục tổ chức đang thực hiện.

Xét về góc độ quan niệm, quan niệm giá trị xã hội theo chủ nghĩa thực dụng khiến giáo dục tổ chức bị hạn chế. Cùng với sự phát triển nhanh chóng của kinh tế, nền kinh tế thị trường đã được hình thành. Nhân sinh quan,

các quan niệm giá trị, lý tưởng, nhu cầu cũng thay đổi rõ rệt, trong đó có những điều tích cực nhưng cũng không ít điều tiêu cực. Nói về mặt tiêu cực, con người ngày càng chú trọng vào nhu cầu thực tế, chú trọng vào lợi ích trước mắt, thờ ơ thậm chí dần đánh mất tinh thần nhân văn, sự quan tâm đến nhân loại, xã hội và lý tưởng trong tương lai. Cùng với sự điều chỉnh về cơ cấu ngành nghề và tiến bộ trong kỹ thuật, số người thất nghiệp và chờ việc ngày càng tăng, cơ hội tìm việc ít, tình hình việc làm rất căng thẳng. Cuộc cạnh tranh tìm kế sinh tồn ngày càng khốc liệt đã khiến con người lựa chọn sự thực dụng, rất nhiều gia đình có xu hướng nâng cao cơ hội tìm được công việc lương cao thông qua con đường học hành, giành được ưu thế trong cuộc cạnh tranh sinh tồn. Chính sách một con của Trung Quốc đã khiến các gia đình đều gửi gắm trọn kỳ vọng của mình vào đứa con, các phụ huynh rất chú trọng vào giáo dục và cả quá trình học của con, tất cả dần trở thành tâm lý và hành vi của cả xã hội, trở thành một nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới giáo dục và các trường học.

### **3. Trách nhiệm cơ bản của lãnh đạo Đảng, Chính phủ đối với việc thúc đẩy giáo dục tổ chất**

Tháng 6-1999, Trung ương Đảng và Quốc vụ viện Trung Quốc đã công bố "Quyết định của Trung ương Đảng và Quốc vụ viện về vấn đề cải cách giáo dục thúc đẩy toàn diện giáo dục tổ chất", đây là văn kiện mang tính cương lĩnh để hiểu và thực hiện giáo dục tổ chất.

Tháng 6-2001, "Quyết định của Quốc vụ viện về việc cải cách và phát triển giáo dục cơ sở" đã đi sâu hơn vào lĩnh vực giáo dục cơ sở, thúc đẩy yêu cầu giáo dục tổ chất. *Luật giáo dục nghĩa vụ của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa* vừa sửa đổi đã đưa giáo dục tổ chất vào luật pháp, thực hiện giáo dục tổ chất đã trở thành quy định của pháp luật. "Quyết định của Trung ương Đảng và Quốc vụ viện về việc tăng cường nhân tài", "Kiến nghị của Trung ương Đảng về việc quy hoạch phát triển kinh tế và xã hội quốc dân 5 năm lần thứ 11", cũng là những chính sách làm căn cứ cho việc thúc đẩy giáo dục tổ chất. Các địa phương cần học tập tinh thần của các văn kiện này, nghiêm túc quán triệt và thi hành, kết hợp với tình hình thực tế ở địa phương, linh hoạt thực hiện giáo dục tổ chất.

*Thứ nhất*, tự giác đảm nhận trách nhiệm thúc đẩy giáo dục tổ chất. Cán bộ lãnh đạo các cấp cần thay đổi quan niệm, cần nhận thức rõ tính bức thiết và tầm quan trọng của giáo dục tổ chất, tập trung tư tưởng vào các văn kiện của Đảng và Chính phủ, nghiêm túc quán triệt và thực hiện. Lập nên hệ thống kiểm tra giáo dục tổ chất ở các nơi, đôn đốc và kiểm tra công tác thực hiện giáo dục tổ chất của đảng ủy, chính quyền và lãnh đạo cán bộ chủ chốt của các cấp xã, huyện, thành phố, tỉnh. Đảng ủy và chính quyền các cấp đồng tâm hiệp lực, tạo môi trường chính sách tốt cho việc thực hiện giáo dục tổ chất. chú ý nghiên cứu các vấn đề và tình hình mới, nỗ lực đương đầu với thực tiễn, tôn trọng tinh thần sáng tạo của nhân dân.

Chú trọng và tăng cường nghiên cứu khoa học, nâng cao tính khoa học trong các chính sách giáo dục và quản lý giáo dục của Chính phủ.

*Thứ hai*, nhanh chóng đưa ra các quy định và chế độ về giáo dục tổ chất, dần thực hiện chế độ hóa, pháp chế hóa việc giáo dục tổ chất. Cần nghiêm túc hành động theo pháp luật, bảo đảm phương châm của giáo dục được quán triệt thực hiện toàn diện. Phải tiến hành học tập giáo dục pháp luật, pháp quy, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao ý thức pháp luật, nghiêm khắc thực hiện trách nhiệm của pháp luật bảo đảm thiếu niên, nhi đồng và người học được phát triển khỏe mạnh cả về thể chất và tinh thần, kiên quyết ngăn trừ các hành vi xâm hại quyền lợi hợp pháp của người học, đẩy lùi mọi nhân tố của xã hội ảnh hưởng tới sự phát triển khỏe mạnh của các em.

*Thứ ba*, có định hướng đúng đắn cho xã hội. Cần xem xét các vấn đề giáo dục từ góc độ lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc và lợi ích căn bản của mỗi người học, đánh giá giáo dục căn cứ vào các tiêu chuẩn chính xác. Không được đánh giá người tài dựa vào thành tích thi trung học, đại học, không được xếp hạng các trường hoặc huyện, thành phố dựa vào tỷ lệ thi đại học hay tỷ lệ lên lớp, không được bình luận về các trường, hiệu trưởng, giáo viên theo thành tích thi đại học, càng không được căn cứ vào đó để khen thưởng hay phạt các trường, hiệu trưởng và giáo viên. Cần tích cực định hướng cho phụ huynh và dư luận xã hội có cái nhìn đúng đắn về tỷ lệ đỗ đạt, thi cử. Chính phủ nên

hướng dẫn các trường và phụ huynh đào tạo mỗi người học thành người xây dựng và lớp kế cận "đạt tiêu chuẩn" trong sự nghiệp xã hội chủ nghĩa.

*Thứ tư, đẩy mạnh cải cách chế độ việc làm lao động.* Chế độ việc làm lao động có vai trò định hướng quan trọng cho việc thực hiện giáo dục tổ chức. Cần đưa ra các tiêu chuẩn nghề nghiệp (kỹ năng) quốc gia căn cứ theo pháp luật, đặt ra yêu cầu rõ ràng về các loại công việc của người lao động, tích cực thực hiện chế độ chuẩn bị cho lao động, "đào tạo trước, làm việc sau". Tiếp tục cải cách chế độ tìm việc làm cho sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, tạo cho họ có định hướng đúng đắn khi tìm việc. Sở giáo dục chính quyền địa phương cần hợp tác với các ban, ngành nhân sự, lao động và xã hội, thực hiện chế độ bình đẳng giữa bằng tốt nghiệp và bằng tư cách nghề nghiệp, từ đó thay đổi quan niệm nhân tài truyền thống, tạo nên nếp sống coi trọng tổ chức, coi trọng năng lực thực tế trong khi sử dụng nhân tài.

### III- TĂNG CƯỜNG BỒI DƯỠNG TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC CHO THANH, THIẾU NIÊN

Thanh, thiếu niên là những người xây dựng tương lai cho Tổ quốc, là lớp kế cận sự nghiệp xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc, tư tưởng đạo đức của họ như thế nào, trực tiếp liên quan đến tình hình đội ngũ nhân tài tương lai, ảnh hưởng đến cả tổ chức của dân tộc Trung Hoa, đến tiến độ của đất nước và vận mệnh của dân tộc.



## **1. Ý nghĩa quan trọng của việc tăng cường và cải cách tư tưởng đạo đức thanh, thiếu niên**

Từ trước tới nay, Đảng và Chính phủ luôn kiên trì theo phương châm "hai tay nắm, hai tay phải chắc", trong quá trình đẩy mạnh toàn diện sự nghiệp xây dựng tinh thần xã hội chủ nghĩa văn minh, đã thực hiện hàng loạt biện pháp quan trọng, nỗ lực tăng cường bồi dưỡng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên, tiến hành giáo dục chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa tập thể, chủ nghĩa xã hội và tinh thần dân tộc, tăng cường giáo dục đạo đức công dân, cải cách công tác giáo dục "đức" trong nhà trường, triển khai rộng rãi tinh thần văn minh tạo nên các hoạt động đạo đức thực tiễn và thực tiễn xã hội đa dạng muôn hình muôn vẻ, tích cực tạo nên dư luận tốt và môi trường xã hội có lợi cho sự phát triển lành mạnh của thanh, thiếu niên, nhằm nâng cao tố chất tổng hợp cho các em. Yêu tố quốc, tích cực vươn lên, đoàn kết hữu hảo, lễ phép văn minh là trào lưu tinh thần thế giới của thanh, thiếu niên Trung Quốc thời nay.

Muốn thực hiện đại phục hưng dân tộc Trung Hoa, cần sự nỗ lực của lớp lớp người Trung Quốc, bắt đầu thế hệ thanh, thiếu niên, bồi dưỡng và tạo dựng hàng triệu triệu lớp người kế cận có tư tưởng phẩm chất tốt, có tu dưỡng đạo đức, vừa là nhiệm vụ chiến lược lâu dài, vừa là nhiệm vụ thực tế cấp thiết. Trung Quốc đứng từ góc độ bảo đảm có người kế tục sự nghiệp của Đảng và sự hưng thịnh của sự nghiệp xã hội chủ nghĩa, từ góc độ xây dựng xã hội khá giả và thực hiện đại phục hưng dân tộc Trung Hoa, từ

quan điểm xây dựng và thực hiện khoa học phát triển, kiên trì theo đuổi lấy dân làm gốc, ý thức tăng cường và cải thiện tầm quan trọng và bức thiết của việc xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên, đáp ứng với yêu cầu của tình hình mới, nhiệm vụ mới, tích cực đối mặt với thách thức, tăng cường các khâu còn yếu, trên cơ sở củng cố các thành quả đã có, áp dụng các biện pháp thiết thực, nỗ lực xây dựng cục diện mới cho công tác xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên.

## **2. Phân tích hiện trạng công tác xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên**

Hiện nay, công tác xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên vừa có những cơ hội mới, vừa đối mặt với những thách thức mới. Một mặt, để tạo điều kiện cho thanh, thiếu niên hiểu biết thêm về thế giới, tăng cường hiểu biết, mở rộng tầm mắt, Trung Quốc ngày càng mở cửa với thế giới; mặt khác, sự đấu tranh trong việc giành giật lớp người kế cận của các thế lực thù địch quốc tế với Trung Quốc ngày càng phức tạp, họ lợi dụng mọi cách để thâm nhập tư tưởng văn hóa, không thể đánh giá thấp ảnh hưởng của những lối sống hủ bại đối với thanh, thiếu niên. Ở Trung Quốc, nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa phát triển, các thành phần kinh tế, hình thức tổ chức, phương thức tìm việc, quan hệ lợi ích và phương thức phân phối ngày càng đa dạng hóa, mở ra không gian rộng lớn hơn cho sự phát triển toàn diện của thanh, thiếu niên, các tư tưởng mới, quan niệm mới tương ứng với

xã hội tiến bộ ngày càng làm phong phú hơn tinh thần thế giới của thanh, thiếu niên. Bên cạnh đó, trong một số lĩnh vực, đạo đức đi xuống, lòng tin giảm sút, lừa lọc giả mạo đang diễn ra; ở một số địa phương, các hiện tượng xấu trong xã hội như sự mê tín, tà giáo, bài bạc... vẫn tồn tại, trở thành một vấn nạn trong xã hội; quan niệm về giá trị của một số người trưởng thành sai lệch, tôn sùng chủ nghĩa vật chất, chủ nghĩa hưởng lạc, chủ nghĩa cá nhân cực đoan, ý quyền mưu lợi riêng..., tất cả những nhân tố đó đã gây ra ảnh hưởng không thể xem nhẹ đối với sự phát triển của thanh, thiếu niên. Sự phát triển nhanh chóng của mạng internet bên cạnh lợi ích đem lại cho thanh, thiếu niên một kênh học tập và giải trí, cũng bộc lộ nhiều bất cập như truyền bá các tư tưởng văn hóa xấu, làm tổn hại đến tâm lý và tinh thần của thanh, thiếu niên. Dưới ảnh hưởng của các nhân tố tiêu cực, một bộ phận thanh, thiếu niên đã có tinh thần hoang mang, hành vi lệch lạc, thậm chí một số còn bước chân vào con đường phạm tội.

Đứng trước tình hình và nhiệm vụ mới trong công cuộc xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên, Trung Quốc phát hiện ra các khâu còn yếu kém cần phải được điều chỉnh. Lãnh đạo ở một số ban, ngành địa phương có ý thức chưa đầy đủ, chưa coi trọng, chưa làm tròn trách nhiệm của lãnh đạo; trong xã hội vẫn chưa hình thành nếp sống quan tâm và ủng hộ phong trào xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên, hơn nữa còn tồn tại rất nhiều nhân tố bất lợi cho sự phát triển lành mạnh của

thanh, thiếu niên; hiện tượng trọng giáo dục trí hơn giáo dục đức, trọng bài giảng trên lớp hơn thực tiễn xã hội vẫn xuất hiện trong các trường; cùng với việc lưu chuyển lao động ngày càng nhiều, một số gia đình đã buông lỏng giáo dục con cái, một số lại có quan niệm và phương pháp nuôi dạy con đặc biệt đối với con một chưa đúng; trong quá trình xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên còn tồn tại một số vấn đề chưa đáp ứng được yêu cầu của thời đại như cơ chế thể chế, quan niệm tư tưởng, hình thức nội dung, xây dựng đội ngũ, phương pháp biện pháp, chi phí đầu tư, chính sách...

Công tác triển khai việc xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên ở các địa phương chưa đồng đều, các địa phương cần chú trọng vào những khâu còn yếu kém và các vấn đề đông đảo quần chúng phản ánh, phải tiến hành các điều tra nghiên cứu, nắm được đặc điểm mới xuất hiện trong tư tưởng phẩm chất của thanh, thiếu niên hiện nay, có phán đoán khoa học về các đặc điểm mới đó, đào sâu nghiên cứu các quy luật mới, đưa ra các đối sách mới, mở ra cục diện mới.

### **3. Nhiệm vụ, nguyên tắc và tư tưởng chỉ đạo của việc xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên**

Theo tinh thần của "Một số ý kiến về việc tăng cường và cải tiến công cuộc xây dựng tư tưởng đạo đức cho trẻ vị thành niên của Trung ương Đảng, Quốc vụ viện". hiện nay và sau đây một thời kỳ, tư tưởng chỉ đạo của việc tăng

cường và cải tiến công cuộc xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên là: lấy tư tưởng chỉ đạo chủ yếu là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình và tư tưởng "ba đại diện", quán triệt tinh thần "Đại hội lần thứ XVI", thực hiện toàn diện "cương lĩnh thực hiện giáo dục chủ nghĩa yêu nước", "cương lĩnh thực hiện xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa", kết hợp chặt chẽ với thực tế xây dựng xã hội khá giả, căn cứ vào đặc điểm phát triển tâm, sinh lý của thanh, thiếu niên, tích cực tìm ra các quy luật xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên trong giai đoạn mới, thế kỷ mới, giáo dục và hướng dẫn thanh, thiếu niên xây dựng niềm tin vào lý tưởng xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc, thế giới quan, nhân sinh quan và giá trị quan đúng đắn. Hình thành phẩm chất tư tưởng và đạo đức tốt, nỗ lực đào tạo lớp kế cận và người xây dựng sự nghiệp xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc có lý tưởng, có đạo đức, văn hóa, kỷ luật, phát triển toàn diện đức - trí - thể - mỹ.

Khi tăng cường và cải tiến công cuộc xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên, cần tuân thủ các nguyên tắc dưới đây:

Kiên trì với nguyên tắc luôn đồng nhất với mục tiêu bồi dưỡng người mới "tứ hữu", phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, hài hòa với quy định của pháp luật xã hội chủ nghĩa, kế thừa mỹ - đức truyền thống của dân tộc Trung Hoa. Vừa thể hiện truyền thống lịch sử, vừa phản ánh đặc điểm của thời đại.

Nguyên tắc sát với thực tế, gần với đời sống và gần với thanh, thiếu niên. Vừa phải tuân thủ các quy tắc phổ biến trong xây dựng tư tưởng đạo đức, vừa phải phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lý khi trưởng thành và khả năng tiếp thu của thanh, thiếu niên, xuất phát từ tư tưởng và đời sống thực tế của các em, vui vẻ học tập, tăng dần trình tự. Tích cực sử dụng ngôn ngữ đời sống, nêu ra các sự việc điển hình, dùng các hình thức mắt thấy tai nghe, áp dụng các phương pháp như hướng dẫn, tham dự, thảo luận, từng bước tăng cường tính thực tế và hiệu quả của công tác, tăng sức hút và sức lan truyền.

Nguyên tắc thống nhất giữa hiểu biết và thực hành. Vừa coi trọng giáo dục trên lớp, vừa chú trọng giáo dục trong thực tiễn, giáo dục qua trải nghiệm, tự giác trải nghiệm, chủ động tham gia, hướng dẫn thanh, thiếu niên bên cạnh việc học kiến thức đạo đức, còn phải tự giác tuân theo các quy phạm đạo đức.

Giai đoạn hiện nay, nhiệm vụ chủ yếu của xây dựng tư tưởng đạo đức là:

Xuất phát từ các quy chuẩn trong đời sống của nhân dân, xây dựng nên các quan niệm "vinh nhục" xã hội chủ nghĩa. Ngày 4-3-2006, khi tham gia ủy viên của Hội nghị Chính hiệp toàn quốc lần thứ 10, đồng chí Hồ Cẩm Đào cho biết, cần hướng dẫn quảng đại quần chúng nhất là thanh, thiếu niên hình thành quan niệm "vinh nhục" xã hội chủ nghĩa, coi: yêu tổ quốc là vinh, xâm hại đến tổ quốc là nhục; phục vụ cho nhân dân là vinh, quay lại với nhân dân là nhục; học tập khoa học là vinh, ngu muội

không tri thức là nhục; cần cù lao động là vinh, ham thanh nhàn lười lao động là nhục; đoàn kết tương ái là vinh, hại người lợi ta là nhục; thành thực giữ tín là vinh, thấy lợi quên nghĩa là nhục; tuân thủ luật pháp là vinh, vi phạm luật pháp là nhục; gian khổ phấn đấu là vinh, xa hoa dâm dăng là nhục. Lấy "tám vinh, tám nhục" ở trên làm nội dung chính cho quan niệm "vinh nhục" xã hội chủ nghĩa, kết hợp với các quan niệm đạo đức xã hội chủ nghĩa phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, hài hòa với quy định của pháp luật xã hội chủ nghĩa, kế thừa mỹ - đức truyền thống của dân tộc, tạo nên chuẩn tắc cho đời sống của nhân dân Trung Quốc trong thời đại mới. Cần triển khai rộng rãi giáo dục "tám vinh, tám nhục" trong thanh, thiếu niên, học sinh, đưa công tác xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên vào giới hạn mới. Cần bắt đầu từ việc tăng cường lòng yêu nước, hướng dẫn thanh, thiếu niên hình thành cho mình lòng tự tôn, tự tin và tự hào ngay từ khi còn nhỏ.

Bắt đầu từ việc xác lập chí hướng lớn, xây dựng và bồi dưỡng lý tưởng, niềm tin đúng đắn. Tiến hành giáo dục về lịch sử cách mạng Trung Quốc, lịch sử xây dựng và cải cách mở cửa, giáo dục tình hình trong nước, hướng dẫn thanh, thiếu niên nhận thức đúng về quy luật phát triển xã hội, tiền đồ và vận mệnh của đất nước, gắn kết chặt chẽ sự tiến bộ của cá nhân với sự nghiệp xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc và sự phồn vinh lớn mạnh của tổ quốc, chuẩn bị gánh vác trách nhiệm xây dựng đất nước, chấn hưng quang vinh Trung Hoa.

Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức tốt và hành vi văn minh bắt đầu từ việc quy phạm hóa thói quen. hành vi. Tích cực phổ cập quy phạm đạo đức cơ bản "yêu nước, tuân thủ pháp luật, văn minh thành tín, đoàn kết hữu hảo, cần kiệm tự cường, kính nghiệp cố gắng", tăng cường phổ biến tinh thần chủ nghĩa tập thể, tinh thần chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa, hướng dẫn thanh, thiếu niên hình thành ý thức trong lòng có tổ quốc, có tập thể, có mọi người xung quanh, hiểu được đạo lý cơ bản trong hành xử, nếp sống văn minh, học được cách xử lý các mối quan hệ cơ bản giữa người với người, người với xã hội, người với tự nhiên.

Thúc đẩy thanh, thiếu niên phát triển toàn diện, bắt đầu từ nâng cao tố chất cơ bản. Nỗ lực bồi dưỡng ý thức lao động, ý thức sáng tạo, ý thức hiệu quả, ý thức môi trường, tinh thần cầu tiến, tinh thần khoa học và quan niệm pháp chế dân chủ, tăng cường khả năng thực hành, khả năng tự chủ và khả năng tự bảo vệ mình, hướng dẫn thanh, thiếu niên luôn giữ nhiệt huyết, sự năng động và tinh thần hướng lên của mình, cổ vũ các em chăm chỉ học tập, can đảm trải nghiệm, dám sáng tạo, làm cho tố chất tư tưởng đạo đức, văn hóa, khoa học và tố chất thể lực được nâng cao toàn diện.

#### **4. Con đường cơ bản xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên**

Cần thay đổi cục diện công cuộc xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên đang "đơn thương độc mã" diễn



ra, phải thông qua mọi con đường cùng hợp lực, hợp tác để nâng cao hiệu quả.

*Thứ nhất*, tăng cường và cải tiến giáo dục tư tưởng đạo đức trong trường học. Trường học là kênh chủ đạo để tiến hành giáo dục tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên, cần căn cứ theo phương châm giáo dục của Đảng, đặt công tác giáo dục đức lên vị trí hàng đầu trong công tác giáo dục tổ chức, xuyên suốt mọi khâu trong quá trình giáo dục. *Thứ nhất*, cần đẩy nhanh xây dựng và cải tiến giờ học tư tưởng đạo đức, tư tưởng chính trị cho học sinh tiểu học, trung học, thống nhất đưa vào giáo trình giáo dục chủ nghĩa yêu nước, giáo dục truyền thống cách mạng, giáo dục mỹ - đức truyền thống của Trung Hoa và giáo dục pháp chế dân chủ, nỗ lực xây dựng hệ thống chương trình giáo dục đức cần thiết phù hợp với sự phát triển của thế kỷ XXI. Tích cực cải tiến phương pháp và hình thức dạy tư tưởng đạo đức, tư tưởng chính trị, kết hợp giữa truyền thụ kiến thức và bồi dưỡng tình cảm đạo đức, hình thành thói quen hành vi tốt. *Thứ hai*, phải chú ý đặc trưng lứa tuổi của thanh, thiếu niên, cần căn cứ vào nhu cầu thực tiễn của người giáo dục, lấy giáo dục trải nghiệm làm con đường chính, thiết kế và tổ chức triển khai các hoạt động có nội dung sinh động, hình thức đa dạng, có sức hút lớn, khiến cho tư tưởng, tình cảm của thanh, thiếu niên được bồi dưỡng, đời sống tinh thần phong phú, tham gia một cách tự giác. Trong giai đoạn đại học, lấy giáo dục lý tưởng niềm tin làm nòng cốt, xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan và giá trị quan đúng đắn

cho sinh viên. Kiên trì áp dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình và tư tưởng quan trọng "ba đại diện" giáo dục cho sinh viên, làm cho sinh viên nhận thức đúng quy luật phát triển của xã hội, nhận thức được vận mệnh tiền đồ của quốc gia, ý thức được trách nhiệm của mình với xã hội, xác lập được con đường xã hội chủ nghĩa mang đặc sắc Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, thực hiện lý tưởng và niềm tin đại phục hưng dân tộc Trung Hoa. *Ba là*, phát huy tối đa vai trò của tổ chức Đảng, đoàn thanh niên và đội thiếu niên trong công tác xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên, phát huy vai trò sư phạm gương mẫu của giáo viên, khích lệ toàn thể cán bộ, giáo viên hình thành tư tưởng dạy dỗ làm gốc, yêu quý sinh viên, giảng dạy nhiệt huyết, bản thân làm mẫu, lấy tư tưởng tình cảm tốt đẹp bồi dưỡng sinh viên phát triển toàn diện đức - trí - thể - mỹ.

*Thứ hai*, coi trọng hướng dẫn giáo dục trong gia đình, nâng cao hiệu quả giáo dục gia đình. Giáo dục gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên. Cần gắn kết chặt chẽ giáo dục gia đình với giáo dục xã hội, giáo dục trong nhà trường. Các tổ chức liên hiệp phụ nữ, ban, ngành hành chính, giáo dục và các trường tiểu học, trung học phải đảm nhận trách nhiệm hướng dẫn và thúc đẩy giáo dục gia đình. Hợp tác với địa phương, lập nên trường cho phụ huynh, trung tâm hướng dẫn giáo dục gia đình, tích cực tận dụng các phương tiện truyền thông, mạng internet tuyên truyền giáo dục

gia đình tới toàn xã hội, phổ cập kiến thức giáo dục gia đình, truyền đạt kinh nghiệm giáo dục gia đình thành công, giúp đỡ và hướng dẫn các phụ huynh hình thành quan niệm đúng về giáo dục gia đình, nắm được các phương pháp giáo dục gia đình khoa học, nâng cao khả năng giáo dục con cái khoa học. Cần lấy tình hình gia đình làm nội dung quan trọng để bình bầu nhân viên văn minh, gia đình văn hóa. Đặc biệt phải quan tâm đến giáo dục con cái trong các gia đình bà mẹ đơn thân, gia đình khó khăn, gia đình tạm trú, hướng dẫn và giúp đỡ họ.

*Thứ ba*, tăng cường xây dựng, sử dụng và quản lý các khu vui chơi, hoạt động cho thanh, thiếu niên, phát huy vai trò của các địa điểm giáo dục chủ nghĩa yêu nước trong giáo dục thanh, thiếu niên. Cần miễn phí tham quan tập thể các địa điểm giáo dục chủ nghĩa yêu nước cho học sinh tiểu học, trung học như viện bảo tàng, nhà tưởng niệm, triển lãm, khu tưởng niệm liệt sĩ. Tăng cường xây dựng và quản lý các khu dành cho hoạt động của thanh, thiếu niên như cung thanh, thiếu niên, trung tâm hoạt động nhi đồng, đặt lợi ích xã hội lên hàng đầu, định hướng theo tôn chỉ hướng tới thanh, thiếu niên, phục vụ thanh, thiếu niên, tích cực triển khai các hoạt động cho thanh, thiếu niên như giáo dục, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, trong đó cần lồng ghép các nội dung bồi dưỡng tư tưởng đạo đức, phát huy vai trò của hướng dẫn giáo dục đối với thanh, thiếu niên. Cần tiến hành cải cách, tăng cường phát triển, không ngừng nâng cao khả năng phục vụ cho xã hội. Các chi phí cần cho nơi tổ chức hoạt động

ngoại khóa cho thanh, thiếu niên thuộc sự nghiệp văn hóa. lợi ích công cộng, chính quyền địa phương cần bảo đảm và đưa ra các chính sách ưu đãi, thu hút vốn từ xã hội. động viên, ủng hộ các lực lượng trong xã hội xây dựng địa điểm hoạt động cho thanh, thiếu niên.

*Thứ tư*, tích cực tạo ra không khí xã hội có lợi cho xây dựng tư tưởng đạo đức thanh, thiếu niên. Các phương tiện truyền thông đại chúng cần tăng cường trách nhiệm xã hội, coi việc giáo dục tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên là chức trách quan trọng, tạo nên dư luận và không khí có lợi cho việc tăng cường và cải tiến xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên. Phải tạo nên các "món ăn tinh thần" phong phú, đa dạng hơn nữa cho thanh, thiếu niên, làm cho các em được mở rộng tầm mắt, nâng cao tố chất, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, lành mạnh tinh thần. Phải suy nghĩ đến nhu cầu khi trưởng thành của thanh, thiếu niên, thiết kế chọn lọc đề tài. sáng tạo, biên tập, xuất bản và tích cực giới thiệu các văn hóa phẩm mang tính tri thức, hấp dẫn, có tính khoa học. Làm tốt công tác sáng tác, phát hành, giới thiệu các bộ phim, bài hát và sách truyện hay. Tích cực cổ vũ, hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển phần mềm, triển khai và truyền bá rộng rãi các sản phẩm trò chơi phần mềm ca ngợi tinh thần dân tộc, phản ánh đặc điểm của thời đại, có lợi cho sự phát triển lành mạnh của thanh, thiếu niên. Cần tăng cường quản lý thị trường văn hóa. kiểm tra nghiêm túc nội dung trò chơi phần mềm cho thanh, thiếu niên, vừa chọn lựa giới thiệu các sản phẩm văn hóa xuất

sắc của các nước trên thế giới, vừa phải ngăn chặn sự xâm nhập của các văn hóa độc hại từ bên ngoài.

*Thứ năm*, tăng cường lãnh đạo xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên. Tăng cường và cải tiến việc xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên là một nhiệm vụ chiến lược có liên quan đến toàn cục, lãnh đạo Đảng, Chính phủ, các cấp cần liệt kê nhiệm vụ đó vào nội dung nghị sự hàng ngày. Cần hình thành thể chế lãnh đạo và cơ chế công tác đảng ủy thống nhất lãnh đạo, Đảng và Chính phủ cùng quản lý, các ban, ngành chịu trách nhiệm cho cơ quan mình, toàn xã hội tích cực tham gia. Đồng chí chịu trách nhiệm chính ở đảng ủy các địa phương cần chịu trách nhiệm chính trị, thường xuyên phân tích tình hình tư tưởng đạo đức của thanh, thiếu niên, kịp thời nắm bắt công tác xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên, nghiêm túc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề có liên quan. Chính quyền các địa phương cần đặt việc xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên lên vị trí hàng đầu, thực hiện các biện pháp hữu hiệu, kịp thời hỗ trợ về tài lực khi cần thiết. Cần xây dựng, kiện toàn hệ thống giáo dục tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên kết hợp giữa trường học, gia đình và xã hội, phối hợp hài hòa giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Ủy ban thành phố, huyện, xã và các tổ chức khác cần gánh vác trách nhiệm xã hội tăng cường xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên, nghiêm túc để công tác giáo dục hướng dẫn thanh, thiếu niên được thực hiện đến cấp cơ sở. Cần coi việc tạo môi trường xã hội tốt cho sự phát triển

lành mạnh của thanh, thiếu niên là **nội dung quan trọng** để xây dựng thành phố văn minh, **khu phố văn minh**, làng xóm văn minh, đơn vị văn minh.

Việc tăng cường và cải tiến xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên là nhiệm vụ chung cho toàn Đảng, toàn xã hội. Các ban, ngành và tổ chức xã hội đều phải đề cao tinh thần cầu thị, tác phong cầu thị, căn cứ nhiệm vụ và chức trách được giao, sử dụng các biện pháp hữu hiệu, mang tính sáng tạo, bảo đảm mọi khâu trong công tác tăng cường và cải tiến xây dựng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên được thực hiện một cách hiệu quả.

#### **IV- TÍCH CỰC TIẾN HÀNH CẢI CÁCH CHƯƠNG TRÌNH VÀ GIẢNG DẠY**

Chương trình và giáo trình là cơ sở của hoạt động dạy học, là sự thể hiện của tư tưởng giáo dục, mục tiêu đào tạo, là những ghi chép để thực hiện giáo dục tố chất, tăng cường công tác giáo dục "đức". Tích cực thúc đẩy cải cách chương trình và giảng dạy, xây dựng và phát triển hệ thống chương trình và giảng dạy hiện đại, là một vấn đề quan trọng của hiện đại hóa giáo dục, là mấu chốt để nâng cao chất lượng giáo dục.

##### **1. Ý nghĩa quan trọng của việc cải cách chương trình và giảng dạy**

Khoa học - kỹ thuật trong xã hội thời nay ngày càng hiện đại, kinh tế tri thức phát triển không ngừng. cạnh

tranh quốc tế khốc liệt hơn bao giờ hết. Trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, một đại diện nổi bật với tốc độ phát triển nhanh chóng là công nghệ thông tin, sự hiện đại của công nghệ thông tin và phương tiện truyền thông, cùng với xu hướng toàn cầu hóa do sự nhất thể hóa kinh tế mang lại đã phá vỡ ranh giới về không gian và thời gian của các mối giao tiếp. Ở lĩnh vực phát triển kinh tế, tri thức khoa học đã trở thành nhân tố mang tính quyết định tới sự tăng trưởng kinh tế, còn sáng tạo trở thành động lực cho sự phát triển của dân tộc. Về những biến đổi trong xã hội, sự phát triển của khoa học - kỹ thuật và chuyển dịch trong văn hóa đã khiến các lĩnh vực trong xã hội cũng có thay đổi nhất định, thời gian làm việc rút ngắn, thời gian nghỉ ngơi tăng lên, khiến cho việc học cả đời có thể thực hiện được, xây dựng mô hình xã hội học tập đã được vào nội dung của các buổi nghị sự. Có thể nói, thế kỷ XXI là thời đại của giáo dục và học tập. Trước xu hướng khoa học - kỹ thuật tiên tiến, kinh tế toàn cầu hóa và xã hội hóa giáo dục, mọi người càng ý thức được việc đào tạo lớp kế cận có tố chất và khả năng cạnh tranh đáp ứng được yêu cầu của thời đại mới là vấn đề quan trọng có liên quan đến tương lai của đất nước và vận mệnh của dân tộc, đồng thời cũng là trách nhiệm của các cấp, các loại hình giáo dục.

Trong quá trình cải cách giáo dục, cải cách chương trình và phương pháp giảng dạy là nội dung chính. Hệ thống chương trình hiện đại tập trung thể hiện tư tưởng giáo dục hiện đại, thực hiện ý tưởng mục tiêu đào tạo, là

căn cứ chính cho việc tổ chức hoạt động giảng dạy, giáo dục. Quan sát cải cách giáo dục trong và ngoài nước, chúng ta có thể nhận thấy rất nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là một số nước phát triển, đều coi cải cách chương trình là một biện pháp chiến lược làm tăng nội lực, tăng khả năng cạnh tranh trong tương lai cho đất nước. Ở các quốc gia này, trong quá trình cải cách giáo dục, vấn đề được quan tâm và nổi bật nhất là xây dựng chương trình hiện đại. Ví dụ: chú trọng nâng cao học lực cơ sở, bao gồm khả năng giải quyết vấn đề, khả năng di chuyển, khả năng giao tiếp, khả năng hợp tác hài hòa, khả năng sáng tạo, khả năng thực tiễn và thao tác, khả năng học tập lâu dài...; chú trọng bồi dưỡng tố chất thông tin, bao gồm vận dụng mạng thông tin hiện đại, kịp thời phát hiện, tìm hiểu, phân tích, cung cấp, trao đổi thông tin, hình thành khả năng sáng tạo độc lập; chú trọng bồi dưỡng tính sáng tạo và tư duy sắc bén, bao gồm bồi dưỡng tinh thần sáng tạo và khả năng sáng tạo với cơ sở là khả năng phán đoán, trí tưởng tượng, bồi dưỡng khả năng giao lưu đa văn hóa; nhấn mạnh giáo dục đạo đức và giáo dục giá trị quan, bao gồm hình thành giá trị quan cơ bản như công minh chính trực, dân chủ, pháp chế, có thể tiếp tục phát triển, hình thành tinh thần trách nhiệm, trung thành, chính nghĩa, chân lý, thể hiện lý luận đạo đức mang màu sắc thời đại và tinh thần cống hiến cho xã hội; tôn trọng kinh nghiệm của người học, phát triển cá tính của người học. yêu cầu người học tự giải phóng mình khỏi những trói buộc, tôn trọng tinh thần chủ động của người học, phát triển khả



năng tự chủ chọn lựa. Các xu hướng này cho thấy rất nhiều quốc gia phát triển đã bắt đầu cải cách giáo dục từ cải cách chương trình và giảng dạy, điều chỉnh mục tiêu đào tạo, thay đổi mô hình đào tạo nhân tài, nâng cao chất lượng bồi dưỡng nhân tài, nâng cao thực lực cạnh tranh quốc tế.

Theo tình hình thực tế, quá trình cải cách và phát triển giáo dục của Trung Quốc, chất lượng và hiệu quả của giáo dục vẫn còn có khoảng cách nhất định so với mục tiêu xây dựng hiện đại hóa. Các nghiên cứu và thực tiễn giáo dục tổ chức cho thấy, cải cách chương trình và giảng dạy là một khâu quan trọng để thúc đẩy giáo dục tổ chức có bước đột phá mới. Nhìn nhận lại hệ thống chương trình hiện nay của Trung Quốc, có thể phát hiện ra nó khó có thể đáp ứng được yêu cầu thúc đẩy toàn diện giáo dục tổ chức, yêu cầu phát triển của thời đại. Nhược điểm chủ yếu là: quan niệm giáo dục lạc hậu, mục tiêu đào tạo nhân tài chưa đáp ứng được hoàn toàn với yêu cầu của thời đại phát triển, tính hiệu quả và tính định hướng không cao, nội dung chương trình vẫn còn tình trạng "khó, phức tạp, lệch, cũ", kết cấu chương trình đơn điệu, hệ thống môn học tương đối khép kín, chưa phản ánh được nội dung của khoa học - kỹ thuật hiện đại và xã hội phát triển, rời xa thực tế và trải nghiệm của người học, tình trạng người học học vẹt, học luyện theo dạng đề vẫn còn phổ biến; chương trình được đánh giá quá nhấn mạnh vào thành tích học tập của người học và chức năng thi tuyển, tuyển chọn; điều này khiến chương trình không thể đáp ứng được yêu cầu của

xã hội và kinh tế phát triển cũng như yêu cầu phát triển toàn diện của người học. Những tình trạng trên đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện giáo dục tố chất. Có thể nói, cải cách giáo trình và giảng dạy phải được chú trọng, nếu không, khó có thể bàn tới nâng cao tố chất dân tộc, đào tạo nhân tài.

Vấn đề rất được quan tâm và nỗ lực nghiên cứu trong các năm tới đây của các nhà giáo dục và toàn xã hội sẽ là thúc đẩy cải cách chương trình cho phù hợp với yêu cầu của thời đại phát triển và đẩy mạnh quá trình giáo dục tố chất. Mặc dù chương trình có tính ổn định nhưng cần thiết phải không ngừng cải cách, không ngừng xây dựng, không ngừng làm mới. Xu hướng cải cách chương trình của các quốc gia phát triển trên thế giới vừa cung cấp những kinh nghiệm quý báu cho giáo dục Trung Quốc, vừa khiến Trung Quốc cảm thấy bị áp lực, càng khiến Trung Quốc phải gấp rút tiến hành cải cách. Trung Quốc cần nhìn nhận ý nghĩa quan trọng của cải cách chương trình và giảng dạy từ góc độ thực hiện chiến lược xây dựng đất nước giàu mạnh, nâng cao tố chất dân tộc và tăng cường nội lực quốc gia, cũng từ đó ý thức rõ sứ mệnh cao cả, trách nhiệm, tích cực tham gia và thực hiện tốt công tác cải cách chương trình và giảng dạy.

## **2. Cải cách chương trình và giảng dạy ở cấp giáo dục cơ sở**

Để thúc đẩy giáo dục tố chất ở cấp giáo dục cơ sở, được sự phê chuẩn của Quốc vụ viện, Bộ Giáo dục Trung Quốc

dã ban hành "Đề cương cải cách chương trình giáo dục cơ sở (thử nghiệm)", chỉ đạo cải cách chương trình và giảng dạy ở cấp giáo dục cơ sở. Cải cách có kim chỉ nam là tư tưởng "giáo dục phải hướng tới hiện đại hóa, hướng ra thế giới, hướng về tương lai" của Đặng Tiểu Bình và tư tưởng "ba đại diện" của Giang Trạch Dân, quán triệt phương châm của Đảng, thúc đẩy toàn diện giáo dục tố chất. Mục tiêu đào tạo của chương trình mới đáp ứng tối đa yêu cầu của thời đại: phải làm cho học sinh có tinh thần yêu nước, chủ nghĩa tập thể, yêu xã hội chủ nghĩa, kế thừa và phát huy truyền thống ưu tú của dân tộc Trung Hoa và truyền thống cách mạng; có ý thức pháp chế dân chủ xã hội chủ nghĩa, tuân thủ pháp luật và đạo đức xã hội; dần hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị quan đúng đắn; có tinh thần trách nhiệm với xã hội, có tư tưởng phục vụ cho nhân dân; có tinh thần sáng tạo, năng lực thực tiễn, tố chất khoa học, nhân văn và ý thức bảo vệ môi trường; có kiến thức, kỹ năng và phương pháp cơ bản thích hợp cho việc học tập suốt đời; có thể chất và tâm lý khỏe mạnh, tạo nếp sống lành mạnh, trở thành lớp người mới có lý tưởng, có đạo đức, có văn hóa, có kỷ luật.

Cải cách chương trình giáo dục cơ sở gồm sáu mục tiêu cụ thể sau đây: 1) thay đổi xu hướng chương trình quá chú trọng vào việc truyền thụ kiến thức, cần chú trọng hình thành cho học sinh thái độ học tập chủ động, tích cực, làm cho quá trình tiếp nhận kiến thức và kỹ năng cơ bản đồng thời cũng là quá trình giúp cho học sinh biết cách học và hình thành giá trị quan đúng đắn. 2) Thay đổi tình hình

kết cấu chương trình nhấn mạnh vào học vị, môn học nhiều và chưa hoàn chỉnh, xây dựng lại tỷ lệ chương trình các môn học, số giờ học trong 9 năm, thiết kế các môn học tổng hợp, sao cho phù hợp với sự phát triển của các vùng và đối tượng học sinh khác nhau, bảo đảm tính cân bằng, tổng hợp và được lựa chọn kỹ càng. 3) Cải cách tình trạng nội dung chương trình "khó, phức tạp, lệch, cũ" và quá chú trọng kiến thức sách vở, tăng thêm mối liên kết giữa nội dung chương trình với đời sống của học sinh, sự phát triển của xã hội hiện đại và khoa học - kỹ thuật, cần chú ý đến hứng thú và trải nghiệm trong học tập của học sinh, chọn lựa kỹ càng các kỹ năng và kiến thức cơ bản cần có cho việc học tập suốt đời. 4) Cải cách tình trạng chương trình chú trọng vào tiếp nhận học tập, học vẹt, rèn luyện một cách máy móc, hướng dẫn học sinh chủ động tham gia, vui vẻ nghiên cứu, chăm chỉ học tập, bồi dưỡng cho học sinh khả năng thu thập và xử lý thông tin, khả năng tiếp nhận kiến thức mới, khả năng phân tích và giải quyết vấn đề, khả năng giao lưu và hợp tác. 5) Cải cách cách đánh giá chương trình quá nhấn mạnh vào phân biệt và xếp hạng, cần phát huy vai trò của việc đánh giá là để khuyến khích học sinh phát triển, giáo viên nâng cao và cải tiến thực tiễn giảng dạy. 6) Cải cách tình trạng quản lý chương trình quá tập trung, thực hiện quản lý chương trình ở cấp quốc gia, địa phương và trường học, làm cho chương trình phù hợp hơn với địa phương, trường học và học sinh. Các mục tiêu trên cấu thành khung tổng thể cho việc cải cách chương trình giáo dục cơ

sở, qua đó cho thấy cải cách chương trình là một hệ thống công trình phức tạp và chi tiết.

Kể từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, giáo dục cơ sở đã trải qua bảy lần cải cách. Lần gần đây nhất cũng là lần đáng ghi nhớ nhất và cũng là lần cải cách có ảnh hưởng lớn nhất. Chương trình và giảng dạy vừa liên quan chặt chẽ đến nhau, lại vừa hạn chế lẫn nhau, nếu chỉ tiến hành cải cách một trong hai nhân tố trên sẽ không đạt được kết quả như mong muốn. Sự thay đổi trong tư tưởng và phương pháp giáo dục, đặc biệt là thay đổi trong phương pháp học tập của học sinh, là một minh chứng quan trọng bước đầu cho thấy hiệu quả của cải cách chương trình mới. Lần cải cách chương trình mới liên quan đến rất nhiều vấn đề như điều chỉnh mục tiêu đào tạo học tiểu học và trung học, thay đổi cơ cấu chương trình, đặt ra tiêu chuẩn chương trình quốc gia, cải cách việc thực hiện chương trình và giảng dạy, cải cách và khai thác nguồn tài nguyên giáo trình, xây dựng lại hệ thống kiểm tra đánh giá, đào tạo giáo viên... Giáo dục cơ sở đã được cải cách toàn diện nhờ vào cải cách chương trình, công cuộc cải cách này liên quan đến sự phát triển của hàng trăm triệu học sinh tiểu học, trung học. Tỉnh Giang Tô đã bắt đầu thực hiện cải cách chương trình phổ cập giáo dục vào năm 2001, năm 2004 triển khai cải cách chương trình trung học phổ thông, chương trình đã đạt được những kết quả ban đầu, nhưng đồng thời cũng bộc lộ một số khó khăn và mâu thuẫn. Khi đó cần giữ vững niềm tin, tăng cường lãnh đạo, quán triệt phương châm "cải cách

trước xóa bỏ cái cũ sau, thí nghiệm trước triển khai rộng sau", tăng cường đào tạo giáo viên và nghiên cứu khoa học, bảo đảm cải cách chương trình giáo dục cơ sở được tiến hành một cách thuận lợi.

Cải cách chương trình liên quan đến việc xây dựng lại giá trị giáo dục và văn hóa trường học, cần phải tuân thủ nguyên tắc tham gia dân chủ, có quyết sách khoa học, tích cực ủng hộ chuyên gia của các viện nghiên cứu, giảng viên đại học và giáo viên tiểu học, trung học tham gia vào công cuộc cải cách chương trình giảng dạy; phát huy tối đa vai trò lãnh đạo và tổ chức của các ban, ngành hành chính, giáo dục, kết hợp hài hòa ưu thế của các nhân tố, cùng đồng tâm hiệp lực thực hiện cải cách chương trình giáo dục cơ sở.

Tăng cường đào tạo giáo viên để chuẩn bị nguồn nhân lực khi thực hiện chương trình mới. Cần đảm bảo việc đào tạo giáo viên cho chương trình mới được tiến hành với công cuộc cải cách chương trình nhưng được thực hiện nhanh hơn. Nội dung đào tạo chủ yếu bao gồm tư tưởng chỉ đạo, quan niệm giáo dục, mục tiêu cải cách, các chính sách có liên quan, hiểu rõ tiêu chuẩn chương trình các môn học của cải cách chương trình mới, làm cho giáo viên nắm được những bước đột phá trong cải cách các môn học và các kiến nghị đối với giảng dạy. Cần tuân thủ nguyên tắc "đào tạo trước, lên lớp sau", đưa đào tạo vào nội dung quan trọng trong chương trình giáo viên tiểu học, trung học tiếp tục giáo dục. Phương pháp đào tạo là người được đào tạo phải đối thoại bình đẳng với giáo viên, giáo viên

bằng thực tế giảng dạy của mình hướng dẫn tham gia tích cực vào quá trình đào tạo. Tích cực tìm hiểu và vận dụng các phương pháp đào tạo có hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng của công tác đào tạo.

Tăng cường nghiên cứu khoa học, lấy những thành tựu nghiên cứu làm thực tiễn chỉ đạo cho việc cải cách chương trình. Thử nghiệm chương trình là một quá trình cải cách, sáng tạo cái mới, cần tăng cường điều tra nghiên cứu, kịp thời phát hiện và nghiên cứu giải quyết những vấn đề xuất hiện trong quá trình thử nghiệm. Cần phát huy vai trò của bộ phận nghiên cứu giáo dục tiểu học, trung học các cấp và các nòng cốt nghiên cứu trong các trường đại học sư phạm, hình thành lực lượng chỉ đạo chuyên nghiệp trong công cuộc cải cách chương trình. Những nhà nghiên cứu giáo dục phải thay đổi quan niệm giáo dục, kết hợp lý luận và thực tiễn, hợp tác chặt chẽ với các nơi có liên quan để đạt được hiệu quả cao trong công tác nghiên cứu.

Tăng cường tuyên truyền trong xã hội, kêu gọi được sự tham gia và phối hợp từ phụ huynh và các giới trong xã hội. Tạo ra cơ hội để các giới trong xã hội và phụ huynh tham gia một cách hiệu quả vào quá trình cải cách chương trình. Tích cực tận dụng các nguồn tài nguyên ở địa phương cần thiết cho cải cách chương trình, tích cực phỏng vấn và tiếp thu các ý kiến có liên quan. Cần trao cho ban phụ huynh một số chức năng trong việc xây dựng chương trình và quản lý trường học, phát huy tác dụng của giới truyền thông, thu hút các giới trong xã hội cùng quan tâm, thảo luận và ủng hộ chương trình cải cách.

Xây dựng cơ chế bảo đảm cho cải cách chương trình tiến hành thuận lợi. Cải cách chương trình thể hiện ý chí của quốc gia, cần sự tham gia tích cực từ phía Chính phủ. Các đơn vị, cơ quan hành chính của ngành giáo dục cần làm hết trách nhiệm, thực hiện đúng các chính sách và cung cấp đầy đủ kinh phí khi cần. Cần tăng cường tổ chức và chỉ đạo cải cách chương trình giáo dục cơ sở ở nông thôn. Cải cách chương trình ở nông thôn là biện pháp quan trọng để nâng cao giáo dục cơ sở nông thôn, có liên quan đến toàn bộ quá trình cải cách chương trình giáo dục cơ sở. Đồng thời, cải cách chương trình ở nông thôn thường là một vấn đề khó trong cải cách chương trình. Cơ quan hành chính giáo dục các cấp nên tiến hành nghiên cứu cải cách chương trình ở nông thôn địa phương mình, lập nên các phương án thực hiện phù hợp với thực tế, đồng thời cung cấp kịp thời kinh phí, chuyên gia, tài nguyên khi cần. Lãnh đạo Đảng, Chính phủ các cấp cần chủ động quan tâm cải cách chương trình, tăng cường điều tra, nghiên cứu, kịp thời phát hiện và hỗ trợ, tổng kết phổ biến các kinh nghiệm thành công, bảo đảm cải cách chương trình ở địa phương mình được tiến hành một cách thuận lợi.

### **3. Cải cách chương trình và giảng dạy giáo dục đại học, cao đẳng**

Trong quá trình tiến hành giáo dục tổ chức, cải cách nội dung giảng dạy giáo dục, hệ thống chương trình và phương pháp giảng dạy trong các trường đại học, cao



đẳng, đã có được những hiệu quả đáng kể. Những nhân tố cơ bản trong giảng dạy được tăng cường, tài nguyên giáo dục ưu tú tăng nhanh, bước đầu tạo nên chuyên ngành thương hiệu ba cấp: trường, tỉnh - thành phố, quốc gia; chuyên ngành chủ yếu, hệ thống chương trình và giáo trình hiệu quả. Tố chất giáo dục của sinh viên được nâng cao rõ rệt. Thông qua việc mở rộng chuyên ngành, tăng cường hợp tác, thực hiện hợp tác học tập trong và ngoài nước, trao đổi các chương trình học bổng, mở rộng không gian phát triển cho sinh viên, tạo ra kênh mới giúp sinh viên nâng cao tố chất tổng hợp. Hệ thống giảng dạy thực tiễn từng bước được kiện toàn, bước đầu lập ra các phòng thí nghiệm cơ sở công cộng, phòng thí nghiệm chuyên ngành, nơi thực tập thí nghiệm trong và ngoài trường. Hệ thống bảo đảm chất lượng giảng dạy cũng được kiện toàn. Các trường tạo ra hệ thống bảo đảm chất lượng giảng dạy gồm sinh viên, giảng viên, nhân viên quản lý cùng tham gia, có sự hợp tác giữa trong và ngoài trường, kết hợp giữa tự khuyến khích, tự giám sát, điều tiết và đánh giá; từng bước nâng cao chất lượng giáo dục và trình độ học vấn. Những vấn đề trên đều tạo nền móng cho cải cách hệ thống chương trình giảng dạy giáo dục đại học, cao đẳng.

Cải cách chương trình và giảng dạy mang tính lâu dài, gian khổ và phức tạp. Giáo dục đại học, cao đẳng ở Trung Quốc vẫn tồn tại một số vấn đề trong chương trình và giảng dạy như coi trọng kiến thức coi nhẹ năng lực, coi trọng kế thừa coi nhẹ sáng tạo, coi trọng sách vở coi nhẹ

thực tiễn, coi trọng giáo viên coi nhẹ sinh viên, coi trọng trí lực coi nhẹ phi trí lực, coi trọng yêu cầu thống nhất coi nhẹ phát triển cá tính; cải cách phương thức đào tạo nhân tài vẫn chưa đạt được hiệu quả cơ bản. Cải cách hệ thống chương trình giảng dạy giáo dục đại học, cao đẳng cần lấy tôn chỉ là đào tạo nhân tài có tố chất tốt, cần xoay quanh vấn đề cốt lõi là nâng cao chất lượng giảng dạy giáo dục, cần ghi nhớ trọng điểm là cải cách phương thức đào tạo nhân tài, từng bước đổi mới nội dung giảng dạy, cải cách chế độ quản lý, chú trọng giảng dạy thực tiễn, hoàn thiện phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực học tập, khả năng tư duy độc lập và khả năng sáng tạo của sinh viên.

Cần đổi mới nội dung giảng dạy, tối ưu hóa hệ thống chương trình. Cải cách nội dung giảng dạy và hệ thống chương trình là trọng điểm và cũng là khó khăn của cải cách giáo dục đại học, cao đẳng. Cần tăng cường xây dựng chương trình và giáo trình có chất lượng tốt dựa trên cơ sở xử lý hài hòa các mối quan hệ giữa giáo dục phổ thông và giáo dục chuyên ngành, giáo dục lý luận và giáo dục thực tiễn, môn học cơ sở và môn học ứng dụng. Cần thúc đẩy sự kết hợp giữa giáo dục chuyên ngành và giáo dục phổ thông, tăng cường sự liên kết giữa các ngành, tích cực xây dựng chương trình các môn học chuyên ngành có mối liên hệ với nhau. Tăng cường kết hợp môn học cơ sở và môn học ứng dụng, thúc đẩy môn học ứng dụng phát triển, nâng cao khả năng giải quyết vấn đề thực tế của sinh viên. Tăng cường sự cân bằng giữa giáo

đục khoa học và giáo dục nhân văn, tăng cường giảng dạy môn học nhân văn, nâng cao tố chất khoa học và tố chất nhân văn của sinh viên. Cần căn cứ vào yêu cầu của sự phát triển khoa học, điều chỉnh cơ cấu ngành và phương thức đào tạo nhân tài để tối ưu hóa hệ thống chương trình, tăng tỷ lệ môn học tự chọn, cung cấp nguồn chương trình chất lượng tốt cho quá trình học tập của sinh viên. Đẩy mạnh xây dựng chương trình hiệu quả ở ba cấp trường, tỉnh - thành phố và quốc gia, phát huy vai trò chủ đạo của nó, dần hình thành nguồn tài nguyên chương trình chất lượng tốt. Cần tiến hành xây dựng giáo trình cho các trường đại học, cao đẳng, tổ chức biên tập các giáo trình chất lượng gắn liền với sự tiến bộ của khoa học - kỹ thuật, theo kịp trình độ quốc tế, phản ánh đặc sắc của địa phương và đặc điểm của trường. Từng bước quy chuẩn cơ chế đánh giá và lựa chọn giáo trình, ưu tiên sử dụng giáo trình chất lượng, bảo đảm giáo trình tốt được đưa vào giảng dạy.

Tích cực triển khai cải cách hình thức tổ chức giáo dục với trọng tâm là chế độ bảng điểm, tăng cường đa dạng hóa mô thức đào tạo nhân tài. Chế độ bảng điểm là chế độ quản lý giáo dục với cơ sở là điểm các môn học, thể hiện nguyên tắc lấy người học làm trung tâm, thiết kế giáo trình và giảng dạy tùy đối tượng, hỗ trợ cho sự phát triển cá tính của sinh viên, có lợi cho các trường cao đẳng, đại học đào tạo nhân tài. Trong quá trình triển khai chế độ bảng điểm, cần đặt ra và hoàn thiện kế hoạch đào tạo nhân tài, cân bằng tỷ lệ hài hòa giữa

chương trình trọng tâm và môn học tự chọn ở các chuyên ngành khác nhau, cần tăng cường xây dựng chương trình và khai thác chương trình, nỗ lực cung cấp chương trình chất lượng tốt, số lượng đầy đủ, môn học phong phú để sinh viên lựa chọn; cần cho phép sinh viên tự chọn chương trình, tự sắp xếp chương trình học tập, chọn môn học ngoài khoa trong khuôn khổ kế hoạch đào tạo; cần kiện toàn chế độ giáo viên hướng dẫn, hướng dẫn sinh viên chọn môn học, chọn ngành học; cần xây dựng chế độ quản lý hồ sơ sinh viên bên cạnh chế độ bảng điểm. thực hiện chế độ học tín chỉ, cho phép sinh viên được kéo dài hoặc rút ngắn thời gian học theo quy định. Ngoài ra, cần tích cực triển khai việc công nhận bảng điểm giữa các trường, từng bước xây dựng hệ thống bảng điểm chung giữa các trường.

Triển khai giảng dạy mang tính nghiên cứu, chú trọng bồi dưỡng khả năng tự học và tự tìm tòi nghiên cứu của sinh viên. Giảng dạy trong trường đại học không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức, mà còn phải dạy cho sinh viên biết cách chủ động tiếp thu kiến thức, bồi dưỡng sinh viên khả năng độc lập nghiên cứu và thói quen tìm hiểu, khám phá. Mở rộng giảng dạy mang tính nghiên cứu là con đường quan trọng để đào tạo khả năng độc lập, tự chủ trong học tập của sinh viên. Khi triển khai giảng dạy mang tính nghiên cứu, giảng viên từ vai trò người truyền đạt kiến thức chuyển thành người hướng dẫn sinh viên học, hướng dẫn sinh viên tiếp nhận kiến thức, hình thành kỹ năng trong quá trình tìm hiểu và phát hiện. Cải cách

hình thức đánh giá và phương pháp giảng dạy coi trọng tổng kết, thi tổng kết, thay đổi tiêu chuẩn đánh giá chỉ căn cứ vào kết quả thi, tìm hiểu và phát triển các phương thức đánh giá đa dạng. Mở rộng hoạt động ngoại khóa với chủ đề chính là cập nhật kiến thức mới, sáng tạo kỹ thuật mới, tích cực ủng hộ các hoạt động này, bồi dưỡng cho sinh viên đam mê học tập, đam mê nghiên cứu và đam mê sáng tạo. Cần căn cứ vào đặc điểm của các trường, các chuyên ngành và chương trình học khác nhau để triển khai hoạt động giảng dạy mang tính nghiên cứu.

Tăng cường giảng dạy thực tiễn, nâng cao năng lực thực tiễn và khả năng sáng tạo của sinh viên. Cần đánh giá cao vai trò quan trọng của giảng dạy thực tiễn trong công tác đào tạo nhân tài, cải thiện điều kiện dạy học của giảng dạy thực tiễn. Cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy thực tiễn, kết hợp giữa giảng dạy thực tiễn và đề tài nghiên cứu, tăng tỷ lệ chương trình thí nghiệm mang tính tổng hợp và thiết kế. Tăng cường xây dựng phòng thử nghiệm giảng dạy với trọng điểm là các trung tâm sư phạm thử nghiệm giảng dạy, cơ chế linh hoạt và mang màu sắc riêng. Bên cạnh đó cũng cần tăng cường thiết lập nơi thực tập, mỗi trường, mỗi chuyên ngành đều cần lập nên nơi thực tập đáp ứng được yêu cầu của giảng dạy. Tăng cường kết hợp giữa học tập, nghiên cứu và sản xuất, mở rộng hợp tác giữa các trường đại học, cao đẳng với các doanh nghiệp và viện nghiên cứu, tận dụng tài nguyên tinh túy trong xã hội, lập nên nhiều nơi thực tập đa công năng. Tập trung xây dựng nơi thực tập có vai trò

mô phạm, đạt trình độ hàng đầu để góp phần tạo điều kiện nâng cao năng lực thực tiễn cho sinh viên. Hướng dẫn sinh viên cần kết hợp chặt chẽ nghiên cứu khoa học với thực tiễn công trình và thực tiễn xã hội, lựa chọn đề tài nghiên cứu và đưa vào thực tiễn.

Triển khai cải cách phương pháp giảng dạy, tích cực khai thác nguồn tài nguyên giảng dạy đa phương tiện, cùng chia sẻ nguồn tài nguyên chất lượng. Kỹ thuật công nghệ thông tin hiện đại đã góp phần không nhỏ nâng cao chất lượng và trình độ giảng dạy. Công nghệ hóa các trường đại học, cao đẳng cần phải hướng tới sinh viên, giảng viên, quản lý, phải mang tính thích ứng và đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa. Tăng cường các phương tiện cơ sở công nghệ thông tin hóa, xây dựng và hoàn thiện các phòng ứng dụng công nghệ vào giảng dạy, nâng cao trình độ số hóa dữ liệu trong trường. Tăng cường chinh đốn lại nguồn tài nguyên giảng dạy chất lượng, hình thành hệ thống tài nguyên phục vụ cho giảng dạy đa tầng, đa dạng, đa công năng, tạo nên kênh số hóa tài nguyên giảng dạy ưu việt. Dựa vào chương trình chất lượng tốt, xây dựng nên nguồn tài nguyên giảng dạy đa phương tiện giúp cho quá trình giảng dạy và học tập.

#### **4. Cải cách chương trình và giảng dạy giáo dục dạy nghề**

Giáo dục dạy nghề là một phần quan trọng trong giáo dục hiện đại, là cơ sở quan trọng để phát triển kinh tế quốc dân và xã hội, có mối liên hệ trực tiếp và mật thiết

với công cuộc xây dựng kinh tế và lao động hướng nghiệp. Cần tiến hành cải cách chương trình và giảng dạy giáo dục dạy nghề với định hướng là việc làm và tiêu chuẩn là khả năng đào tạo nên các nhân tài có tay nghề và các lao động có tố chất cao cho ngành sản xuất, kinh doanh, quản lý, dịch vụ.

Với định hướng là việc làm, cần phải thực hiện giáo dục dạy nghề, tiến hành đào tạo, bồi dưỡng đa dạng, linh hoạt, cởi mở. Tích cực mở rộng đào tạo, bồi dưỡng theo "hình thức đơn đặt hàng", "hình thức theo mẫu", căn cứ vào nhu cầu của ngành nghề cần người, điều chỉnh cơ cấu chương trình và kế hoạch giảng dạy cho phù hợp, khai thác chương trình và chuyên ngành chất lượng, tập trung tìm kiếm phương thức giảng dạy hướng tới yêu cầu của công việc. Quán triệt yêu cầu hướng tới thị trường, phục vụ rộng khắp, bên cạnh việc tiến hành giáo dục tại trường, cần triển khai rộng đào tạo và giáo dục đối với đối tượng lao động từ nông thôn, đối tượng thất nghiệp và đối tượng vẫn đang công tác, với mục tiêu phục vụ cho lực lượng lao động dồi dào ở nông thôn, phục vụ cho những người thất nghiệp tìm lại việc, phục vụ nâng cao kỹ năng cho những người đang công tác.

Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phục vụ cho các ngành chế tạo và ngành dịch vụ hiện đại đang thiếu nhân tài có kỹ năng. Nhân tài có tay nghề là lực lượng chủ chốt thúc đẩy áp dụng sáng tạo kỹ thuật và thành quả khoa học - kỹ thuật hiện đại vào thực tế sản xuất. Xây dựng đội ngũ nhân tài nắm được kỹ thuật hiện đại,

công nghệ tiên tiến và kỹ năng thao tác, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển ngành chế tạo và dịch vụ hiện đại. Đứng trước tình hình khan hiếm các công nhân kỹ thuật đặc biệt là nhân tài có kỹ năng như hiện nay, cần chọn lựa các ngành trong trường triển khai thí điểm đào tạo nhân tài đang thiếu như công nghệ điều khiển số, sửa chữa và bảo dưỡng ô tô, máy tính và kỹ thuật phần mềm, hộ lý. Căn cứ vào phương án đào tạo khai thác hoặc thay đổi chương trình hiện có, mời chuyên gia nổi tiếng và nhân viên kỹ thuật bậc nhất của các ngành và doanh nghiệp cùng lập ra phương án đào tạo. Với mục tiêu trở thành nơi thí điểm đào tạo nhân tài có tay nghề đang thiếu, các trường dạy nghề cần nâng cao trình độ và chất lượng giáo dục.

Triển khai mô hình đào tạo nhân tài kết hợp giữa học và làm, thực hành nhiều hơn học, đây là vấn đề mấu chốt trong việc phát triển giáo dục dạy nghề, là định hướng cải cách giáo dục dạy nghề và là biện pháp cơ bản để nâng cao chất lượng giáo dục dạy nghề. Cải cách mô hình đào tạo nhân tài truyền thống với trung tâm là lớp học, cần đẩy mạnh mối liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp. Thực hiện giảng dạy kết hợp với sản xuất, đặt ra mức thù lao hợp lý và chính sách thỏa đáng cho học viên kết hợp giữa học và làm, tạo cơ sở cho việc kết hợp giữa học và làm. Triển khai "đào tạo theo đơn đặt hàng", cung cấp nguồn nhân tài có tố chất, có tay nghề thích hợp cho các doanh nghiệp. Thực hiện chế độ giáo dục dạy nghề theo học phần, tích cực triển khai có hiệu quả kết hợp học và làm.



Tăng cường khâu thực tập thực tiễn, các trường trung cấp dạy nghề cần phải bảo đảm học viên được thực tập ở đơn vị cần người trong năm học cuối, các trường cao đẳng nghề bảo đảm thời gian thực tập của sinh viên không ít hơn nửa năm. Các trường có điều kiện nên thí điểm chế độ vừa học vừa làm và từng bước mở rộng mô hình này trên cơ sở đúc rút kinh nghiệm.

## V- TÍCH CỰC ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ THI VÀ ĐÁNH GIÁ

Hội nghị công tác giáo dục cơ sở toàn quốc ở Trung Quốc cho thấy, để triển khai có hiệu quả giáo dục tổ chất, cần nắm được bốn vấn đề cốt lõi và khâu quan trọng sau: tăng cường và cải tiến công tác giáo dục đức, thay đổi hiện trạng chương trình, cải cách chế độ thi cử và đánh giá đang thực hiện, tăng cường xây dựng đội ngũ giáo viên. Cải cách chế độ thi và đánh giá điều tiết quá trình giáo dục, tạo hướng phát triển cho giáo dục, là một trong những vấn đề quan trọng trong thực hiện giáo dục tổ chất.

### 1. Phương hướng cơ bản của cải cách chế độ thi và đánh giá

Cải cách chế độ thi và đánh giá liên quan đến các vấn đề như chức năng, nội dung, chủ thể và phương pháp thi, đánh giá. Thực hiện cải cách chế độ thi và đánh giá cần xuất phát từ yêu cầu cơ bản của giáo dục tổ chất, quán

triệt yếu cầu cơ bản và phương hướng cơ bản của cải cách chế độ thi và đánh giá.

Cần xuất phát từ yêu cầu cơ bản của giáo dục tố chất, thực hiện thay đổi chức năng của thi và đánh giá. Chế độ thi và đánh giá truyền thống chú trọng phân biệt và tuyển chọn người học, đơn thuần thực hiện chức năng phân loại của giáo dục. Cải cách chế độ thi và đánh giá, cần thực hiện thay đổi chức năng đánh giá, cần xuất phát từ sự trưởng thành của mỗi người học, phát huy tối đa vai trò của thi cử đánh giá đối với sự phát triển của người học. Thúc đẩy người học phát triển là vấn đề nổi bật của cải cách chế độ thi và đánh giá.

Thực hiện giáo dục tố chất, cần thay đổi xu hướng coi "kiến thức" đặc biệt là "kiến thức sách vở" là toàn bộ nội dung giáo dục, cần hiểu được nội dung của giáo dục từ góc độ phát triển hài hòa đức - trí - thể - mỹ. Bởi vậy, nội dung thi và đánh giá cũng yêu cầu trải rộng trên khắp các phương diện phát triển, các giai đoạn trong quá trình phát triển của người học. Những thể hiện trong thực tế của người học như kiến thức và kỹ năng, quá trình và phương pháp, tình cảm, thái độ, giá trị quan đều trở thành nội dung quan trọng của thi và đánh giá.

Cần xuất phát từ yêu cầu cơ bản của giáo dục tố chất, tiến hành đa nguyên hóa chủ thể đánh giá. Đánh giá truyền thống là đánh giá của giáo viên đối với người học, chủ thể đánh giá chỉ có một. Cải cách đánh giá bên cạnh việc phát huy vai trò đánh giá của giáo viên, cũng cần phát huy vai trò của bản thân người học, tập thể giáo viên,

phụ huynh và thành viên trong cộng đồng trong quá trình đánh giá.

Xuất phát từ yêu cầu cơ bản của giáo dục tổ chất, thực hiện đa dạng hóa phương thức đánh giá. Cần kết hợp giữa đánh giá mang tính tổng kết, kết quả với đánh giá mang tính quá trình, không chỉ chú trọng tới kết quả học tập của người học, mà còn phải chú trọng tới quá trình thực tế để đạt được những kết quả đó. Cần coi "biểu hiện của quá trình", "hồ sơ trưởng thành" là phương pháp đánh giá quan trọng, cần kết hợp hài hòa giữa đánh giá về lượng và đánh giá về chất.

## **2. Cải cách chế độ thi tốt nghiệp trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông**

Bộ Giáo dục Trung Quốc đã căn cứ vào "Quyết định của Quốc vụ viện về tăng cường cải cách giáo dục, đẩy mạnh giáo dục tổ chất" và "Đề cương cải cách chương trình giáo dục cơ sở (thử nghiệm)", ban hành "Thông báo về tích cực đẩy mạnh cải cách chế độ đánh giá và thi tiểu học, trung học", yêu cầu các địa phương với nền tảng là chương trình mới, tích cực tổ chức cải cách chế độ thi tốt nghiệp trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông, tạo điều kiện cho việc triển khai chương trình mới và sự phát triển toàn diện hài hòa của học sinh. Năm 2004, tỉnh Giang Tô đã đưa ra "Kiến nghị cải cách chế độ thi tốt nghiệp trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông", nội dung quan trọng của cải cách chế độ thi tốt nghiệp trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông bao gồm các điểm chính sau:

### *a) Thực hiện thi tốt nghiệp trung học cơ sở*

Kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở chủ yếu kiểm tra kiến thức cơ bản, kỹ năng cơ bản, phương pháp cơ bản để thúc đẩy học sinh học tập suốt đời, kiểm tra khả năng vận dụng tổng hợp của học sinh, chú trọng đến cả quá trình học tập và trưởng thành, ủng hộ sự sáng tạo và trải nghiệm thực tế của học sinh, tạo điều kiện cho học sinh thể hiện cá tính, hướng dẫn học sinh phát triển cá tính của mình. Nghiêm túc khống chế nội dung và độ khó của các môn thi căn cứ vào tiêu chuẩn chương trình.

Thực hiện đa dạng hóa phương thức thi. Có thể kết hợp "hợp nhất hai kỳ thi" thi tốt nghiệp và thi lên cấp, cũng có thể tách biệt hai kỳ thi. Các môn thi chung chủ yếu được lựa chọn trong các môn được học từ lớp 8, để giảm gánh nặng cho học sinh. Mức độ nặng nhẹ của các môn thi chung căn cứ vào tỷ lệ tiết học. Các môn ngoài môn thi chung do trường trung học phổ thông tổ chức thi. Ủng hộ phương thức thi kết hợp giữa mở và đóng tài liệu, kỹ năng nghe nói vào nội dung quan trọng trong môn thi ngoại ngữ, kết hợp một số thao tác thí nghiệm môn tự nhiên vào phạm vi thi chung, trong đề thi thiết kế một số lượng nhất định câu hỏi tự chọn.

Nâng cao trình độ chuyên nghiệp hóa tổ chức thi và ra đề thi. nỗ lực nâng cao trình độ ra đề thi, tránh tình trạng lệch đề, đề khó, dễ lạ. Đề thi cần dành chỗ thích hợp cho học sinh phát huy tính sáng tạo và phải có liên hệ với thực tế xã hội và đời sống của học sinh.

Tăng cường quản lý thi chung, hoàn thiện chế độ trách nhiệm và chuẩn hóa quy trình ra đề thi, duyệt đề thi và đọc đề thi.

Tăng cường giám sát và điều chỉnh cả quá trình cải cách, tiến hành chế độ đánh giá công tác tổ chức và ra đề thi tốt nghiệp trung học cơ sở ở các nơi, thông qua đào tạo và giao lưu, nâng cao khả năng chuyên môn cho nhân viên có liên quan, bảo đảm ra đề thi đi từ kinh nghiệm thành khoa học.

*b) Tiến hành đánh giá tổ chất tổng hợp đối với học sinh trung học cơ sở*

Thực hiện đánh giá tổ chất tổng hợp, kết hợp thể hiện trong học tập và ở các phương diện khác của học sinh, vừa chú ý đến kết quả học tập của học sinh khi tốt nghiệp, vừa quan tâm đến những biểu hiện của học sinh trong ba năm trung học cơ sở.

Nội dung đánh giá tổ chất tổng hợp bao gồm sáu phương diện: phẩm chất đạo đức, tổ chất công dân, năng lực học tập, khả năng giao lưu và hợp tác, sức khỏe và khả năng vận động, thẩm mỹ và thể hiện. Cấp độ đánh giá căn cứ vào tình hình học tập, đánh giá của bạn học, đánh giá của giáo viên, "ghi chép trưởng thành" của cá nhân trong ba năm học.

Các trường trung học cơ sở đưa ra chế độ công khai kết quả đánh giá, trước khi kết thúc mỗi năm học và trước khi tốt nghiệp, công bố tình hình đánh giá tổ chất tổng hợp cho học sinh và phụ huynh. Ngành giáo dục địa phương

cần có chế độ kiểm tra ngẫu nhiên với nguyên tắc toàn diện, khoa học, sửa sai.

*c) Cải cách chế độ tuyển sinh của các trường trung học phổ thông*

Các trường trung học phổ thông tiến hành tuyển sinh với căn cứ là kết quả thi tốt nghiệp trung học cơ sở và đánh giá tổ chất tổng hợp.

Thực hiện biện pháp các trường trọng điểm phân phối chỉ tiêu tuyển sinh thích hợp với các trường trung học cơ sở. Căn cứ vào số lượng học sinh tốt nghiệp, tình hình đánh giá mức nhập học, căn cứ theo tỷ lệ định hướng, phân phối hơn 50% kế hoạch tuyển sinh ở các trường trung học phổ thông công lập tới các trường trung học cơ sở, làm giảm mức cạnh tranh lên cấp giữa các trường trung học cơ sở, thúc đẩy cân bằng tỷ lệ nhập học giữa các trường trong giai đoạn phổ cập giáo dục.

Trên cơ sở đạt được yêu cầu nhất định về kết quả học tập và đánh giá tổ chất tổng hợp, các trường trung học phổ thông có thể tiến hành phỏng vấn hoặc qua giới thiệu của các trường trung học cơ sở, tuyển chọn những học sinh ưu tú và những học sinh có khả năng trong các lĩnh vực phát minh khoa học - kỹ thuật, nghệ thuật và các khả năng đặc biệt khác.

**3. Cải cách chế độ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học**

Từ giữa những năm 90 trở lại đây, tuân thủ theo nguyên tắc cơ bản có lợi cho trường tiểu học, trung học

thực hiện giáo dục tố chất, có lợi cho việc chọn lựa nhân tài, có lợi cho việc mở rộng quyền tự chủ tuyển sinh của các trường đại học, cao đẳng, Trung Quốc từng bước tiến hành cải cách chế độ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh ở các trường cao đẳng, đại học, các biện pháp cải tạo gồm ba phương diện sau: thứ nhất, thực hiện mô hình môn thi "3+X"; thứ hai, giao quyền tự chủ ra đề thi cho ngành giáo dục cấp 1 của tỉnh; thứ ba, ủng hộ các trường tự tuyển sinh trong phạm vi nhất định. Chương trình thử nghiệm mới ở các trường cao đẳng, đại học cũng đặt ra yêu cầu mới đối với chế độ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh cao đẳng, đại học. Để chế độ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học tương thích với cải cách chương trình ở bậc trung học phổ thông, trên cơ sở trưng cầu ý kiến của các giới trong xã hội, tỉnh Giang Tô đã nghiên cứu đề ra phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông mới.

*a) Tư tưởng chỉ đạo và nguyên tắc cơ bản của phương án cải cách thi tốt nghiệp trung học phổ thông*

Cải cách thi tốt nghiệp trung học phổ thông cần quán triệt phương châm giáo dục của quốc gia, thúc đẩy toàn diện giáo dục tố chất, xuất phát từ thực tế giáo dục cơ sở và giáo dục đại học của toàn tỉnh. Việc thực hiện phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông tạo điều kiện cho quá trình tiến hành cải cách chương trình trung học, nâng cao chất lượng giáo dục; giúp giảm bớt gánh nặng cho học

sinh, thúc đẩy học sinh phát triển toàn diện; có lợi cho việc tăng quyền tự chủ trong tuyển sinh của các trường, chọn lựa được nhân tài.

Phương án cải cách cần tuân thủ sáu nguyên tắc cơ bản sau:

*Nguyên tắc công bằng:* Căn cứ vào đặc điểm giáo dục trung học hướng tới đại chúng, cần cân nhắc đến sự khác biệt giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, giữa các trường, chú ý tới tình hình học tập thực tế của các cấp học sinh, bảo đảm sự công bằng, bình đẳng trong các khâu chọn môn thi, ghi tên, làm bài thi, chấm thi và trúng tuyển, bảo đảm phương án có cơ sở xã hội.

*Nguyên tắc chọn lựa:* Tôn trọng tối đa chọn lựa của học sinh, nỗ lực đáp ứng yêu cầu lựa chọn môn thi khác nhau căn cứ vào đam mê, sở thích, sở trường của học sinh; chú ý thể hiện chức năng tuyển chọn của kỳ thi, bảo đảm những học sinh có tố chất, khả năng tổng hợp tốt, tài đức vẹn toàn được tuyển vào những trường lý tưởng; chú ý phương thức tuyển chọn phải linh hoạt, cần lựa chọn phương thức tuyển sinh căn cứ vào yêu cầu khác nhau của các trường, khuyến khích các trường đa dạng hóa trong tuyển sinh.

*Nguyên tắc mang tính định hướng:* Phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông cần cố gắng hợp nhất với phương hướng cải cách giáo dục cơ sở và cải cách chương trình mới, thể hiện vai trò định hướng nhất định và có mối liên kết chặt chẽ với cải cách chương trình mới.



**Tận dụng phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông để định hướng cho toàn xã hội có đánh giá khoa học đối với các trường và học sinh, định hướng cho các trường tiểu học, trung học thực hiện toàn diện giáo dục tố chất, hướng dẫn các trường đại học dần tháo bỏ chế độ "tuyển sinh chỉ dựa vào điểm", chú trọng tuyển chọn nhân tài có tố chất tổng hợp ưu tú, khuyến khích học sinh phát triển toàn diện.**

*Nguyên tắc sáng tạo:* Tiếp tục kế thừa những ưu điểm của mô hình thi tốt nghiệp đang thực hiện, học tập kinh nghiệm thành công trong phương án thi tốt nghiệp trong và ngoài nước; vừa phải thể hiện yêu cầu của giáo dục cơ sở và kinh tế - xã hội phát triển ở tỉnh Giang Tô đối với nhân tài, vừa thể hiện phương hướng cải cách thi tốt nghiệp trung học và từng bước tăng quyền tự chủ trong tuyển sinh của các trường đại học, cao đẳng; nỗ lực tạo bước đột phá trong các khâu quan trọng như thiết kế môn thi, phương pháp thi, nội dung đánh giá.

*Nguyên tắc tổng hợp:* Chú trọng đánh giá cả quá trình và đánh giá tổng hợp, thay thế kỳ thi tuyển chọn một lần bằng đánh giá tổng hợp; chú trọng đánh giá lúc bình thường và "ghi chép trưởng thành" của học sinh, lập ra chế độ đánh giá tương đối hoàn chỉnh, kết hợp giữa thi kiểm tra trình độ học vấn và đánh giá tố chất tổng hợp, đặt nền móng cho việc thực hiện các trường và học sinh đôi bên cùng tự chủ lựa chọn.

*Nguyên tắc khả thi:* Cần tính đến cơ sở niềm tin trong xã hội, hiểu biết của xã hội về thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kết hợp với đặc điểm của công tác tuyển sinh tiến hành nghiên cứu và thiết kế phương án, bảo đảm ý nghĩa của phương án được thể hiện rõ ràng trong công tác tuyển sinh thực tế.

*b) Mô hình thiết kế môn thi của phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông*

Phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông sử dụng công thức "3 + thi kiểm tra trình độ học tập + đánh giá tố chất tổng hợp". Cụ thể các môn thi như sau:

Môn thi thống nhất gồm ba môn: ngữ văn, toán, ngoại ngữ:

Các môn thi kiểm tra trình độ học tập, gồm bảy môn: chính trị, lịch sử, địa lý, vật lý, hóa học, sinh học, kỹ thuật (gồm kỹ thuật thông dụng và công nghệ thông tin). Trong đó có hai môn thi tự chọn và năm môn thi bắt buộc. Môn thi tự chọn được thí sinh lựa chọn như sau: một trong hai môn lịch sử, vật lý; một trong bốn môn chính trị, địa lý, hóa học, sinh vật. Trong bảy môn thi kiểm tra trình độ học tập, ngoài hai môn thi tự chọn ra, năm môn còn lại là môn thi bắt buộc. Các thí sinh ngành nghệ thuật, thể thao có môn thi tự chọn là nghệ thuật hoặc thể thao, nếu không đăng ký vào các chuyên ngành thông thường, có thể chọn bảy môn thi bắt buộc.

Đánh giá tố chất tổng hợp, nội dung gồm sáu phương diện: phẩm chất đạo đức, tố chất công dân, năng lực học

tập, khả năng giao lưu và hợp tác, sức khỏe và khả năng vận động, thẩm mỹ và thể hiện.

*c) Ý tưởng cơ bản của thiết kế phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông*

Ý tưởng tổng thể của thiết kế phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông như sau: một là, thiết kế theo khung tổng thể phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông của quốc gia "3+X"; hai là, căn cứ vào phương án cải cách chương trình trung học quốc gia, phối hợp chặt chẽ với kết cấu chương trình mới coi trọng cơ sở, đa dạng hóa, đa tầng, mang tính tổng hợp; ba là, có mối liên kết với phương án thi tốt nghiệp đang thực hiện ở tỉnh, thực hiện bước quá độ ổn định.

Phương án đánh giá kết quả của học sinh dựa trên ba tiêu chuẩn: ba môn thi chung, thi kiểm tra trình độ học tập và đánh giá tố chất tổng hợp, có thể khảo sát và nắm bắt được tình hình phát triển đức - trí - thể - mỹ của học sinh, khuyến khích học sinh phát triển cá tính; tạo cho học sinh có không gian lựa chọn riêng, giảm gánh nặng học tập và thi cử; thúc đẩy các trường trung học nghiêm túc thực hiện chương trình kế hoạch, nâng cao chất lượng giáo dục, thay đổi khuynh hướng "giáo dục đối phó với kỳ thi".

Việc lấy ba môn là ngữ văn, toán, ngoại ngữ làm môn thi chung thể hiện vai trò của các môn học cơ sở. Đồng thời, xét đến khuynh hướng phát triển khác nhau của học sinh,

thiết kế thêm câu hỏi kèm theo, **đáp ứng yêu cầu tuyển chọn nhân tài trong các ngành của các trường, tạo điều kiện cho học sinh phát huy tiềm năng của mình.**

Thông qua thi kiểm tra trình độ học tập tiến hành đánh giá toàn bộ tình hình học tập của học sinh ở trường. Môn thi kiểm tra trình độ học tập được chia thành môn thi tự chọn và môn thi bắt buộc, vừa mang tính cơ sở, vừa mang tính chọn lựa, đáp ứng được yêu cầu của phương án chương trình mới và yêu cầu tuyển sinh vào các ngành khác nhau ở các trường. Học sinh có thể tham dự hai lần thi các môn bắt buộc trong thời gian học ở trường và được chọn kết quả tốt nhất. Môn thi bắt buộc và môn thi tự chọn đều sử dụng cách tính điểm theo cấp độ, làm giảm bớt sự cạnh tranh khốc liệt tính từng điểm.

Quy định đánh giá tổ chất tổng hợp để tiến hành khảo sát tổng hợp toàn thể tổ chất của học sinh. Phương án đánh giá được thiết kế chủ yếu căn cứ vào yêu cầu của Bộ Giáo dục, nội dung bao gồm sáu phương diện: phẩm chất đạo đức, tổ chất công dân, năng lực học tập, khả năng giao lưu và hợp tác, sức khỏe và khả năng vận động, thẩm mỹ và thể hiện. Đánh giá tổ chất tổng hợp vừa đặt ra yêu cầu tổ chất tổng hợp chung cho toàn bộ học sinh, vừa xét đến sự phát triển cá tính riêng của mỗi em. Đánh giá tổ chất tổng hợp có cơ sở là "ghi chép trường thành" của học sinh, thông qua tổng hợp các ghi chép đó, thực hiện thống nhất quá trình và kết quả đánh giá. Đặt ra chế độ hiệu trưởng kiểm tra ngẫu nhiên các khâu có liên quan, hàng năm

công khai và truy cứu trách nhiệm đối với những trường không trung thực, trên cơ sở đó nhấn mạnh "tính hữu dụng" của đánh giá tổ chất tổng hợp trong các trường trung học.

*d) Đặc điểm chủ yếu của phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông*

Phương án thực hiện kết hợp ba môn thi chung với thi kiểm tra trình độ học tập, đánh giá tổ chất tổng hợp. Kết hợp giữa điểm và cấp độ, thi chung và thi mang tính chọn lựa, tuyển sinh chung và tự chủ trong tuyển sinh, cho thấy đã xem xét đến từng khâu, từng nhân tố của thực tế cải cách chương trình và kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, từng bước đẩy mạnh cải cách kỳ thi tốt nghiệp.

Điều kiện chủ yếu để trúng tuyển là thành tích thi chung. Phương án đã quy định ba môn thi chung là ngữ văn, toán, ngoại ngữ, thực hiện thống nhất thi, coi kết quả thi chung làm căn cứ chủ yếu để phân loại, nộp hồ sơ và tuyển sinh. Cách làm này làm tăng cơ sở, có trọng điểm, làm giảm bớt gánh nặng thi cử cho học sinh, đặc biệt là tất cả thí sinh đều thi chung, bảo đảm công bằng về kết quả, thể hiện sự công bằng, bình đẳng.

Biến kỳ thi một lần thành đa dạng hóa kỳ thi. Ngoài các môn thi chung là ngữ văn, toán, ngoại ngữ, các môn khác là môn thi bắt buộc hoặc môn thi tự chọn. Trình độ của các môn thi tự chọn phù hợp với chương trình giảng dạy trong trường phổ thông. Kết quả thi kiểm tra trình độ

học tập có liên quan đến việc tuyển sinh của các trường cao đẳng, đại học. Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông chuyển từ thi một lần thành đa dạng hóa kỳ thi đã thay đổi nhược điểm "thi một lần quyết định cả đời", tạo điều kiện cho các trường trung học tiến hành giáo dục tổ chất theo yêu cầu của cải cách chương trình, chú trọng sự phát triển toàn diện của học sinh, nhấn mạnh cả quá trình học tập của học sinh, chú ý đến sự phát triển sở trường và tiềm năng của học sinh, bồi dưỡng ý thức và khả năng sáng tạo cho các em.

Đưa kiểm tra tổ chất tổng hợp vào kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông. Phương án đã chỉ rõ kiểm tra tổ chất tổng hợp là một phần quan trọng trong phương án thi tốt nghiệp, tình hình đánh giá kiểm tra tổ chất tổng hợp của thí sinh là cơ sở để các trường tuyển chọn nhân tài, đồng thời cũng đặt ra quy định, nguyên tắc về nội dung và phương pháp kiểm tra, mục đích chủ yếu để phát huy vai trò hướng dẫn của kỳ thi tốt nghiệp, đẩy mạnh giáo dục tổ chất trong các trường trung học.

Coi quyền tự chủ tuyển sinh của đại đa số các trường đại học, cao đẳng là phương hướng cải cách. Phương án đã kết hợp ba nhân tố là trường trung học tổ chức giảng dạy, bộ phận phụ trách thi tổ chức thi, trường đại học, cao đẳng tổ chức tuyển sinh; căn cứ yêu cầu của các trường, đưa ra biện pháp tổ chức tuyển sinh theo đợt, phân loại, phân tầng cấp, đây là hướng đi chính của cải cách thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, cao đẳng.

Do vậy, hoàn thiện cơ chế tự chủ trong tuyển sinh cho các trường đại học, cao đẳng là nội dung chính của phương án này. Phương án mới thể hiện hướng cải cách tuyển sinh của các trường "Tốp cao đa nguyên (các trường trọng điểm), tốp giữa ổn định (các trường đại học thông thường), tốp dưới mở cửa (cao đẳng hoặc trường dân lập)", để ra khoảng không để có thể tiếp tục tìm hiểu trong quá trình cải cách tuyển sinh.

## **Chương IX**

# **HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC VÀ SÁNG TẠO TRI THỨC**

Trong quá trình đẩy nhanh hiện đại hóa, các cấp giáo dục cần chú trọng chức năng truyền bá và sáng tạo tri thức, nỗ lực đào tạo nhân tài sáng tạo, có tố chất, trực tiếp tham gia các lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, văn hóa, dịch vụ, cung cấp nguồn trí lực và nhân tài dồi dào cho công cuộc xây dựng đất nước sáng tạo và xã hội học tập. So với trường ở các cấp, các cơ sở giáo dục khác, các trường đại học, cao đẳng kết hợp ba chức năng là đào tạo nhân tài, nghiên cứu khoa học và phục vụ cho xã hội. Đặc trưng sáng tạo tri thức càng trở nên rõ nét, trong quá trình đẩy mạnh hiện đại hóa giáo dục, cần tăng cường khả năng cống hiến tri thức của các trường đại học, cao đẳng.

### **I- KHẢ NĂNG SÁNG TẠO TRI THỨC LÀ TIÊU CHÍ QUAN TRỌNG THỂ HIỆN MỨC ĐỘ HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC**

Khả năng sáng tạo tri thức là tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hiện đại hóa giáo dục. Giáo dục hiện đại



phải là nền giáo dục cung cấp cho xã hội những cống hiến tri thức trình độ cao, chất lượng tốt. Trong thực tiễn xây dựng đất nước sáng tạo, giáo dục các cấp đặc biệt là giáo dục đại học, cao đẳng bên cạnh nhiệm vụ đào tạo nhân tài, còn phải tham gia công cuộc xây dựng hiện đại hóa dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo ra những cống hiến tri thức và phục vụ tri thức cho xã hội.

### **1. Công cuộc xây dựng đất nước sáng tạo đặt ra yêu cầu mới đối với giáo dục**

Trong Hội nghị Khoa học - Kỹ thuật toàn quốc diễn ra vào tháng 1-2006, Trung ương Đảng và Quốc vụ viện dựa trên cơ sở toàn cục chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc giai đoạn mới, thế kỷ mới, đề ra nhiệm vụ cao cả xây dựng đất nước theo mô hình sáng tạo. Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào đã nói: "Xây dựng đất nước kiểu sáng tạo, nòng cốt chính là coi tăng cường khả năng tự sáng tạo thành cơ sở chiến lược cho phát triển khoa học - kỹ thuật, tự chủ sáng tạo mang màu sắc Trung Quốc, thúc đẩy khoa học - kỹ thuật phát triển vượt bậc; chính là coi tăng cường khả năng tự sáng tạo là mắt xích quan trọng trong quá trình điều chỉnh cơ cấu ngành, thay đổi phương thức tăng trưởng, xây dựng một xã hội tiết kiệm tài nguyên, môi trường hữu hảo, làm cho nền kinh tế quốc dân phát triển vừa nhanh vừa hiệu quả; chính là coi tăng cường khả năng tự sáng tạo là chiến lược của quốc gia, xuyên suốt quá trình hiện đại hóa, kích thích tinh thần sáng tạo của toàn dân tộc, đào

tạo nhân tài sáng tạo trình độ cao, hình thành cơ chế, thể chế có lợi cho việc tự sáng tạo, thúc đẩy mạnh mẽ sáng tạo lý luận, sáng tạo chế độ, sáng tạo khoa học - kỹ thuật, không ngừng củng cố và phát triển sự nghiệp xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc"<sup>1</sup>. Trong thực tiễn xây dựng đất nước sáng tạo, giáo dục là cơ sở, doanh nghiệp là chủ thể, khoa học - kỹ thuật là chủ đạo. Nếu không có giáo dục bồi dưỡng tinh thần sáng tạo cho toàn dân tộc, không có giáo dục đào tạo nhân tài, không có sự tự chủ trong sáng tạo của các trường đại học, cao đẳng, công cuộc xây dựng đất nước sáng tạo sẽ không thể thực hiện được.

Các cấp, các cơ sở giáo dục có vị trí khác nhau, đảm nhận vai trò khác nhau trong công cuộc xây dựng đất nước sáng tạo. Nhiệm vụ cơ bản của giáo dục cơ sở là hình thành tố chất cơ bản cho nhân tài sáng tạo, đặc biệt là phải bồi dưỡng cho học sinh tinh thần sáng tạo và khả năng thực tiễn. Giáo dục dạy nghề có sứ mệnh đặc thù trong sự nghiệp khai thác và đào tạo khả năng làm việc, tìm việc của học viên, là con đường chính để đào tạo nhân tài sáng tạo kỹ thuật. Các trường đại học, cao đẳng đảm nhận sứ mệnh quan trọng trong thực tế xây dựng đất nước sáng tạo, là một bộ phận quan trọng trong hệ thống sáng tạo quốc gia. Các trường đại học,

---

1. "Kiên trì đi theo con đường tự chủ sáng tạo mang màu sắc Trung Quốc, phấn đấu không ngừng cho công cuộc xây dựng đất nước sáng tạo", *Nhật báo nhân dân*, ngày 10-1-2006.

cao đẳng một mặt phải nâng cao chất lượng giáo dục, mặt khác cần nỗ lực nâng cao khả năng tự sáng tạo của trường mình, nỗ lực trở thành động lực sáng tạo khoa học - kỹ thuật không bao giờ ngừng của đất nước. Các trường đại học, cao đẳng nên xác định đúng vị trí của mình, cố gắng cung cấp nguồn nhân lực và dịch vụ cho công cuộc xây dựng hệ thống sáng tạo của đất nước. Các trường đại học lớn với mô hình nghiên cứu cần coi phát triển khoa học - kỹ thuật và yêu cầu của đất nước làm định hướng, tăng cường xây dựng nền móng sáng tạo khoa học - kỹ thuật, tăng khả năng đảm nhận các dự án khoa học - kỹ thuật lớn của đất nước, nâng cao thực lực tổng hợp và sức cạnh tranh, tập trung sáng tạo ra những kỹ thuật quan trọng, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

## **2. Phát huy vai trò quan trọng của trường đại học, cao đẳng trong hệ thống sáng tạo khoa học - kỹ thuật**

Các trường đại học, cao đẳng là một bộ phận quan trọng trong hệ thống sáng tạo của đất nước. Theo suy nghĩ thông thường, hệ thống sáng tạo của đất nước bao gồm hệ thống sáng tạo tri thức, hệ thống sáng tạo kỹ thuật, hệ thống truyền bá tri thức và hệ thống ứng dụng tri thức. Bốn hệ thống nói trên tuy có đặc điểm riêng nhưng lại hỗ trợ lẫn nhau, có sự giao thoa, cùng tạo nên một chỉnh thể mở. Nhưng thực tế của một số nước phát triển cho thấy, hệ thống sáng tạo của đất nước bao gồm

các chủ thể sáng tạo là chính phủ, doanh nghiệp, các trường đại học, cao đẳng và cơ quan nghiên cứu. Trong đó, doanh nghiệp là chủ thể đầu tư, sản xuất và ứng dụng sáng tạo khoa học - kỹ thuật; cơ quan nghiên cứu phụ trách kiến tạo ra tri thức và sáng tạo tri thức, là nguồn tri thức để các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động sáng tạo; các trường chủ yếu đào tạo nhân tài sáng tạo, đồng thời đảm nhận khối lượng nghiên cứu khá lớn, không chỉ là cốt cán sáng tạo tri thức, mà còn là lực lượng quan trọng sáng tạo kỹ thuật; thông qua việc hoạch định các chính sách có liên quan, chính phủ có vai trò định hướng và thúc đẩy kiến tạo, truyền bá, ứng dụng tri thức, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sáng tạo được triển khai rộng rãi.

So với các chủ thể sáng tạo khác, các trường đại học, cao đẳng có bốn đặc điểm và ưu thế sau trong phương diện cố gắng kiến tạo tri thức: 1) Trường đại học, cao đẳng đặc biệt là các trường tổng hợp, có các môn học tương đối đầy đủ, vừa bao gồm các môn khoa học tự nhiên, khoa học công trình và khoa học quản lý, vừa bao gồm các môn khoa học xã hội và khoa học nhân văn, như vậy có điều kiện tập trung lực lượng nghiên cứu của các môn lại, tạo nên ưu thế tổng hợp, có khả năng giải quyết được vấn đề khoa học, kỹ thuật và xã hội phức tạp; 2) Trường đại học, cao đẳng có môi trường học thuật và truyền thống tự do tìm hiểu chân lý, tư duy học thuật linh hoạt, thích hợp để tiến hành tự do tìm hiểu, kích thích tính hiếu kỳ và các nghiên cứu cơ sở có sự giao thoa của nhiều môn học.

3) Trường đại học, cao đẳng đồng thời đảm nhận ba chức năng là giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cho xã hội, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân tài, bên cạnh việc triển khai sáng tạo khoa học - kỹ thuật và văn hóa, còn không ngừng cung cấp lượng lớn nhân tài chuyên môn hóa đã qua rèn luyện nghiên cứu khoa học nghiêm túc ở các ngành. Kết hợp nghiên cứu cơ sở, nghiên cứu ứng dụng và triển khai kỹ thuật, các nhà nghiên cứu khoa học ở các trường đã góp phần phát triển ngành sản xuất thông qua dịch vụ kỹ thuật, phát minh sáng chế và chuyển nhượng kỹ thuật. 4) Trong giao lưu học thuật, văn hóa với quốc tế, trường đại học, cao đẳng đóng vai trò rất quan trọng, điều này tạo điều kiện thuận lợi để các trường có thể tiếp thu các thành quả học thuật tiên tiến trên thế giới, công tác nghiên cứu khoa học được tiến hành trong môi trường học thuật quốc tế cũng sẽ được nâng tầm, tránh tình trạng trùng lặp với trình độ thấp.

Đẩy nhanh sáng tạo khoa học - kỹ thuật là sứ mệnh quan trọng của các trường đại học, cao đẳng hiện đại. Các trường hiện đại vừa là cái nôi đào tạo và tụ họp nhân tài, vừa là khởi nguồn quan trọng thực hiện sáng tạo khoa học. Trên vai gánh vác hai trọng trách đào tạo nhân tài và nâng cao khả năng tự sáng tạo, các trường nên trở thành nơi phát động sáng tạo tri thức, trở thành tiên phong trong công cuộc xây dựng hệ thống sáng tạo, trở thành lực lượng hậu thuẫn hùng mạnh cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Nhìn lại lịch sử phát triển khoa học - kỹ

thuật của Trung Quốc, rất nhiều đột phá khoa học quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đều do các trường đại học, cao đẳng đóng góp. Tính đến nay, 70% thành quả nghiên cứu khoa học quan trọng có ảnh hưởng đến cách sống của nhân loại đều xuất phát từ các trường đại học. Khả năng sáng tạo khoa học - kỹ thuật ra sao, vừa là tiêu chí chủ yếu phản ánh trình độ của các trường, vừa là tiêu chí chủ yếu để đo mức độ ảnh hưởng của trường đối với xã hội, thực lực tổng hợp và cống hiến cho xã hội. Các trường cần phát huy ưu thế khoa học - kỹ thuật, cống hiến nhiều hơn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

Đẩy nhanh sáng tạo khoa học - kỹ thuật là nội hàm quan trọng trong hiện đại hóa giáo dục đại học, cao đẳng. Một trong những tiêu chí quan trọng hiện đại hóa giáo dục đại học, cao đẳng là khả năng sáng tạo khoa học - kỹ thuật của trường phải đạt được trình độ mới. Công tác nghiên cứu khoa học là bộ phận quan trọng trong sự nghiệp giáo dục đại học, cao đẳng, là cơ sở để thực hiện đào tạo nhân tài, sáng tạo tri thức, phục vụ cho xã hội, là nhân tố nòng cốt quyết định trình độ và mức độ ảnh hưởng đối với xã hội của trường, là biện pháp trực tiếp hỗ trợ cho công cuộc xây dựng kinh tế và phát triển xã hội. Chỉ có không ngừng tăng cường thực lực nghiên cứu khoa học, các trường mới có động lực phát triển bền bỉ và lâu dài.

Thực tiễn xây dựng đất nước sáng tạo đã mang lại cho các trường đại học, cao đẳng cơ hội phát triển hiếm có.

Xây dựng đất nước sáng tạo, bước trên con đường tự chủ sáng tạo mang đặc sắc Trung Quốc, là yêu cầu tất yếu cho sự phát triển kinh tế - xã hội và sự an toàn của đất nước, là lựa chọn tất yếu trong cuộc cạnh tranh khốc liệt với khoa học - kỹ thuật quốc tế. Trong Hội nghị Khoa học - Kỹ thuật toàn quốc, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào đã nêu rõ, muốn thúc đẩy xây dựng hệ thống sáng tạo đất nước, cần phát huy tối đa vai trò cơ sở và chủ lực của các trường đại học. Hiện nay, đã hình thành một phong trào quan tâm, ủng hộ và trọng dụng sáng tạo khoa học của các trường đại học, việc này đã tạo điều kiện và mở ra không gian rộng lớn cho công tác sáng tạo khoa học và phát triển sự nghiệp khoa học ở các trường.

Các trường đại học, cao đẳng có ưu thế về nguồn tài nguyên khoa học - kỹ thuật và cơ sở nguồn nhân tài, hoàn toàn có khả năng tự chủ trong sáng tạo. Sáng tạo khoa học - kỹ thuật thời nay có đặc điểm là sự dung hợp khăng khít giữa khoa học và kỹ thuật, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn, đặc điểm này làm nổi bật lên ưu thế các ngành khoa học đa dạng ở các trường. Trong giai đoạn phát triển mới, các trường nên phát huy ưu thế ngành khoa học đa dạng, tập trung nhiều nhân tài, khả năng nghiên cứu tốt, có giao lưu trao đổi với quốc tế, từ đó đề ra tiêu chuẩn cao hơn, nâng vị trí cao hơn, nhanh chóng biến những ưu thế về khoa học - kỹ thuật, nhân tài và mở cửa thành ưu thế về sáng tạo, cạnh tranh và phát triển, đóng góp nhiều hơn nữa vào sự tiến bộ của khoa học - kỹ thuật và tự chủ sáng tạo.

### **3. Điều kiện và cơ sở thực tiễn sáng tạo khoa học - kỹ thuật của các trường đại học, cao đẳng ở Giang Tô**

Kể từ khi cải cách mở cửa cho tới nay, thời kỳ "Quy hoạch 5 năm lần thứ 10" là thời gian sự nghiệp giáo dục tỉnh Giang Tô phát triển nhanh nhất, tốt nhất. cũng là thời gian công tác khoa học - kỹ thuật của các trường đại học, cao đẳng của toàn tỉnh phát triển nhanh nhất, đạt được những thành tựu đáng kể. Các trường đại học, cao đẳng trên toàn tỉnh đã dốc sức thực hiện chiến lược giảng dạy khoa học xây dựng tỉnh, đẩy nhanh sự nghiệp khoa học - kỹ thuật phát triển, chiếm vị trí quan trọng trong toàn quốc trên các phương diện thực lực cơ sở sáng tạo khoa học - kỹ thuật, khả năng sáng tạo tri thức, khả năng sáng tạo kỹ thuật, khả năng chuyển hóa thành tựu khoa học, khả năng đào tạo nhân tài. Các trường trong tỉnh đã trở thành chủ lực trong công tác nghiên cứu khoa học, công tác triển khai nghiên cứu kỹ thuật cao và kỹ thuật quan trọng. Sáng tạo khoa học - kỹ thuật ở các trường ngày càng kết hợp chặt chẽ với công cuộc xây dựng kinh tế, phát triển xã hội.

Công tác nghiên cứu và triển khai khoa học - kỹ thuật ở các trường đại học, cao đẳng trên toàn tỉnh đã đạt được những thành tựu đáng kể. Xoay quanh nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật, chiếm lĩnh được kỹ thuật quan trọng, tạo nên những phát minh sáng chế tự chủ quan trọng. Trong thời kỳ "Kế hoạch 5 năm lần thứ 10", các trường đại học,



cao đẳng của tỉnh đã có 1.315 dự án được thưởng cấp tỉnh trở lên, trong đó có 77 dự án là thành quả khoa học - kỹ thuật cấp nhà nước; có 5.826 dự án được cấp bằng sáng chế, tăng gần 5 lần so với "kế hoạch 5 năm lần thứ 9"; 3.038 dự án thành quả khoa học - kỹ thuật được ký kết; 77.524 đề tài khoa học được triển khai thực tế, thực hiện chuyển nhượng 3.898 dự án kỹ thuật, công bố được 160.000 luận án nghiên cứu, lần lượt tăng 23,7%, 25,9% và 43,8% so với "Kế hoạch 5 năm lần thứ 9". Các trường ở Giang Tô đứng thứ ba toàn Trung Quốc về các chỉ tiêu quan trọng trong công tác khoa học - kỹ thuật, trong đó một số chỉ tiêu đã vươn lên dẫn đầu Trung Quốc.

Sự kết hợp giữa học tập, nghiên cứu và sản xuất, cùng với công tác chuyển hóa thành quả khoa học - kỹ thuật ở các trường đã được triển khai triệt để. Các trường đại học, cao đẳng trong tỉnh đã có hợp tác nhiều tầng, dưới nhiều hình thức với địa phương và các doanh nghiệp, 17 trường đã ký hiệp định hợp tác khoa học - kỹ thuật với chính quyền 7 thành phố ven sông, 1.000 dự án hợp tác đã đưa vào thực hiện, cơ chế hợp tác giữa các trường với doanh nghiệp, cơ quan nghiên cứu ngày càng hoàn thiện, cung cấp nguồn nhân tài và chủ lực khoa học cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Công tác xây dựng cơ sở vật chất cho sáng tạo khoa học - kỹ thuật ở các trường cũng có bước tiến đáng kể. Các trường đã trang bị được các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu kỹ thuật quan trọng, xây dựng các khu khoa học - kỹ thuật cấp tỉnh và nhà nước trong trường đại học,

tạo nên các cơ sở công cộng phục vụ cho công tác sáng tạo khoa học - kỹ thuật ở các trường. Các trường trên toàn tỉnh có 12 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, sáu trung tâm nghiên cứu công trình (khoa học) nhà nước, ba khu khoa học - kỹ thuật đại học cấp nhà nước, hai khu khoa học - kỹ thuật cấp tỉnh, 26 phòng thí nghiệm trọng điểm cấp bộ ủy quốc gia, 69 phòng thí nghiệm trọng điểm cấp tỉnh, 42 trung tâm nghiên cứu công trình (khoa học) cấp tỉnh, tám trung tâm khai thác nghiên cứu công trình (khoa học) cấp tỉnh, tất cả tạo nên mạng lưới cơ sở quan trọng cho công tác sáng tạo khoa học - kỹ thuật.

Thực lực khoa học - kỹ thuật ở các trường đại học, cao đẳng được nâng lên rõ rệt. Việc khuyến khích nhân tài các ngành tham gia thực hiện các đề tài khoa học, bồi dưỡng và thu hút được nhiều nhân tài cấp cao sáng tạo khởi nghiệp. Hiện nay, có gần sáu vạn nhân viên tham gia hoạt động khoa học - kỹ thuật trong các trường đại học, cao đẳng, trong đó hơn hai vạn người chuyên nghiên cứu và khai thác; có hai viện có 68 viện sĩ, có 58 giáo sư tại trường và giáo sư được mời theo kế hoạch học giả Trường Giang, tám nhà khoa học đứng đầu (973) dự án nghiên cứu cơ sở quan trọng cấp quốc gia, 97 người đạt học bổng của quỹ thanh niên xuất sắc quốc gia. Trong thời kỳ "kế hoạch 5 năm lần thứ 10", các trường trong toàn tỉnh đã cung cấp 1,2 triệu nhân tài các ngành cho xã hội. Đầu tư cho khoa học - kỹ thuật ở các trường tăng lên hàng năm, thời kỳ "kế hoạch 5 năm lần thứ 10", đầu tư kinh phí cho nghiên cứu khoa học - kỹ thuật ở các trường là 14,3 tỉ

nhân dân tệ, tăng 203,9% so với con số 4,7 tỉ của thời kỳ "kế hoạch 5 năm lần thứ 9", trong đó kinh phí các đơn vị sự nghiệp ủy thác cho nghiên cứu là 6,8 tỉ nhân dân tệ. Số dự án và kinh phí lấy từ địa phương và các doanh nghiệp tăng lên rõ rệt.

Thể chế sản xuất khoa học - kỹ thuật trong các trường đại học, cao đẳng không ngừng được cải cách. Với trọng điểm là cải cách thể chế doanh nghiệp trong các trường, quy mô và lĩnh vực phát triển sản xuất khoa học - kỹ thuật ở các trường không ngừng được mở rộng, năng lực phục vụ và sáng tạo khoa học - kỹ thuật được nâng lên nhiều. Hiện nay, công tác cải cách thể chế doanh nghiệp nhà trường đã đạt được thành quả mang tính giai đoạn, hơn 50% doanh nghiệp đã cải cách thể chế, các doanh nghiệp sau khi cải cách về cơ bản đã xây dựng được chế độ doanh nghiệp hiện đại, quy phạm. Các trường tích cực tìm hiểu và thích nghi với cách quản lý mới của doanh nghiệp cổ phần, điều chỉnh cơ cấu quản lý trong trường, thành lập bộ phận quản lý kinh doanh sản xuất, cử nhân viên vào đại hội cổ đông, hội đồng quản trị, tham gia các quyết sách quan trọng của doanh nghiệp, thực hiện quản lý quyền cổ đông doanh nghiệp, duy trì lợi ích của trường, thúc đẩy thành quả khoa học được đưa vào sản xuất. Công tác cải cách thể chế của doanh nghiệp khoa học trong các trường ở tỉnh Giang Tô được xếp hàng đầu Trung Quốc, một số trường có điều kiện đã lập nên các công ty kinh doanh tư sản, một loạt doanh nghiệp có xu hướng phát triển tốt, hàm lượng khoa học - kỹ thuật, trình độ quản lý, lợi ích

cống hiến dần được nâng cao. Năm 2004, trong số các doanh nghiệp kỹ thuật nhà trường trên toàn tỉnh, chín doanh nghiệp có mức doanh thu hơn một trăm triệu nhân dân tệ, chiếm 15,5% số các doanh nghiệp kỹ thuật nhà trường trên toàn Trung Quốc có doanh thu hơn trăm triệu, doanh nghiệp kỹ thuật nhà trường đã trở thành trụ cột trong sản xuất ở các trường học tại Giang Tô.

Bên cạnh việc khẳng định các thành tích đã đạt được, cũng cần nhận thức rõ, so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Giang Tô hiện nay, so với mục tiêu xây dựng tỉnh sáng tạo, so với tiềm lực phát triển nguồn tài nguyên khoa học - kỹ thuật ở các trường tỉnh Giang Tô, công tác khoa học ở các trường vẫn tồn tại một số vấn đề cấp thiết cần được giải quyết: *thứ nhất*, việc xây dựng đội ngũ nhân tài sáng tạo khoa học - kỹ thuật vẫn tương đối lạc hậu, số lượng nhân tài cấp cao, cột trụ học thuật, nhân tài mũi nhọn sáng tạo khoa học - kỹ thuật chưa đông, hoạt động sáng tạo khoa học - kỹ thuật và đào tạo nhân tài vẫn chưa có sự kết hợp chặt chẽ; *thứ hai*, các kết quả quan trọng mang tính sáng tạo trình độ cao, có bằng phát minh sáng chế chưa nhiều, năng lực sáng tạo khoa học - kỹ thuật hoàn chỉnh trong các trường chưa cao; *thứ ba*, sáng tạo khoa học - kỹ thuật đặc biệt là khai thác ứng dụng kỹ thuật trong các trường chưa đủ để tương ứng với sự phát triển kinh tế - xã hội, chưa thực sự kết hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp, tỷ lệ chuyển hóa kết quả khoa học - kỹ thuật chưa cao; *thứ tư*, thể chế quản lý khoa học - kỹ thuật, thể chế vận hành và cơ chế đánh giá chưa hoàn thiện, cần

**gấp rút tiến hành cải cách. Muốn đẩy mạnh sáng tạo khoa học - kỹ thuật trong các trường, cần phải giải quyết triệt để các vấn đề trên.**

## **II- TĂNG CƯỜNG NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SÁNG TẠO KHOA HỌC - KỸ THUẬT TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG**

Trong thời kỳ "Quy hoạch 5 năm lần thứ 11", Trung Quốc khởi động thực hiện quy hoạch phát triển khoa học - kỹ thuật trung và dài hạn, công cuộc xây dựng hệ thống sáng tạo quốc gia sẽ bước vào giai đoạn mới. Tăng cường khả năng tự chủ sáng tạo là trọng điểm chiến lược của mục tiêu thực hiện phát triển quy hoạch "Quy hoạch 5 năm lần thứ 11" và lâu dài nữa. Thời kỳ "Quy hoạch 5 năm lần thứ 11", các trường đại học, cao đẳng cần kiên trì phương châm chỉ đạo "tự chủ sáng tạo, trọng điểm vượt trội, giữ vững phát triển, đón trước tương lai", nỗ lực tăng cường xây dựng khả năng tự chủ sáng tạo khoa học - kỹ thuật, nâng cao năng lực sáng tạo tri thức, khả năng nghiên cứu kỹ thuật cao và khả năng chuyển hóa thành quả khoa học, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhân tài sáng tạo khoa học - kỹ thuật hàng đầu trong nước, cho ra đời hàng loạt thành quả sáng tạo tri thức và sáng tạo khoa học - kỹ thuật quan trọng, xây dựng các cơ sở sáng tạo khoa học hàng đầu trong nước, thực hiện sáng tạo khoa học - kỹ thuật trong nhà trường tương ứng với yêu cầu xây dựng hiện đại hóa địa phương, nâng cao khả năng cống

hiển của khoa học - kỹ thuật trong nhà trường đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp đội ngũ nhân tài và chủ lực khoa học - kỹ thuật cho sự nghiệp xây dựng đất nước sáng tạo.

### **1. Tăng cường xây dựng cơ sở sáng tạo khoa học - kỹ thuật trình độ cao trong trường**

Cơ sở sáng tạo khoa học - kỹ thuật trình độ cao là kênh quan trọng của tự chủ sáng tạo khoa học - kỹ thuật trong trường. Cần căn cứ vào yêu cầu của hệ thống sáng tạo của địa phương và quốc gia, xây dựng các cơ sở sáng tạo tri thức theo mục tiêu chủ yếu nghiên cứu khoa học mang tính sáng tạo và chiến lược nghiên cứu kỹ thuật cao, xây dựng các cơ sở sáng tạo kỹ thuật theo ngành nghề, khai thác sản phẩm và chuyển giao kỹ thuật, xây dựng các cơ sở công cộng theo mục tiêu phục vụ cho công cộng và cùng chia sẻ tài nguyên khoa học - kỹ thuật, tạo nên hệ thống cơ sở sáng tạo khoa học - kỹ thuật trong các trường với chủ thể là ba loại cơ sở: cơ sở sáng tạo tri thức, cơ sở sáng tạo kỹ thuật và cơ sở phục vụ. Nhiệm vụ chủ yếu của việc xây dựng cơ sở sáng tạo tri thức là ưu việt hóa cơ cấu các môn học, mở rộng quy mô xây dựng môn học trọng điểm, bảo đảm các môn học trọng điểm của tỉnh có mặt trong tất cả các ngành và khoa viện, tập trung vào các môn cần thiết cho việc phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Giang Tô. Bên cạnh việc cố gắng xây dựng mới các môn trọng điểm trong thời kỳ "Quy hoạch 5 năm lần thứ 11", cần chú ý bồi dưỡng và xây dựng các phòng thí nghiệm

trọng điểm cấp tỉnh, cấp quốc gia. Nhiệm vụ chủ yếu của việc xây dựng cơ sở sáng tạo kỹ thuật là xây dựng các trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học cấp tỉnh, cấp quốc gia, các khu khoa học - kỹ thuật nhà trường cấp tỉnh và quốc gia, đưa những cơ sở này thành điểm kết hợp giữa sáng tạo với lập nghiệp, tri thức với kinh tế, đồng thời thành nơi quan trọng sáng tạo tri thức, ươm mầm kỹ thuật, khai thác sản phẩm, tạo nên ngành sản xuất. Nhiệm vụ chủ yếu của việc xây dựng cơ sở phục vụ là để hiện đại hóa, thông tin hóa giáo dục và công tác nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở phục vụ mạng trình độ cao, số hóa tài nguyên thông tin nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở thí nghiệm công cộng, cơ sở chia sẻ thiết bị khoa học cỡ lớn, cơ sở chuyển hóa thành quả khoa học - kỹ thuật. Trên cơ sở đó, từng bước chỉnh đốn lại tài nguyên khoa học - kỹ thuật, lập nên cơ chế cùng chia sẻ tài nguyên khoa học - kỹ thuật trong trường, đẩy mạnh việc kết hợp mật thiết giữa hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động giảng dạy.

## **2. Tập trung xây dựng các cơ sở kết hợp giữa sản xuất, học tập và nghiên cứu**

Hợp tác giữa sản xuất, học tập, nghiên cứu là mối liên kết giữa trường đại học, cao đẳng, doanh nghiệp và cơ quan nghiên cứu cùng nghiên cứu khoa học, khai thác sản phẩm và đào tạo nhân tài, là biện pháp quan trọng để thúc đẩy giáo dục, kinh tế và khoa học - kỹ thuật kết hợp với nhau chặt chẽ. Hợp tác triển khai sản xuất, học tập và

ngiên cứu của các trường với doanh nghiệp và cơ quan nghiên cứu mở ra một không gian lớn đầy tiềm năng. Các doanh nghiệp tham gia vào dự án do trường đảm nhận có thể trở thành nhà ứng dụng đầu tiên các thành quả khoa học, thúc đẩy việc chuyển hóa các thành quả đó. Những ý tưởng sáng tạo và dự án khai thác kỹ thuật của doanh nghiệp nếu có các trường và cơ quan nghiên cứu hỗ trợ về kỹ thuật, sẽ rút ngắn được thời gian nghiên cứu, nâng cao năng suất. Các trường muốn xây dựng thị trường, cần tăng cường hợp tác với doanh nghiệp và cơ quan nghiên cứu thông qua các hình thức như liên kết, cùng xây dựng, cùng hợp tác vốn, lập nên cơ chế hợp tác "phân công giữa sản xuất và nghiên cứu, phát huy ưu thế của nhau, cùng chia sẻ lợi ích, cùng chịu mạo hiểm", tạo ra điểm mới và đặc sắc trong sáng tạo khoa học - kỹ thuật. Các trường có thể xây dựng bộ phận phát triển nghiên cứu ở các doanh nghiệp, doanh nghiệp cũng có thể xây dựng bộ phận phát triển nghiên cứu ở các trường. Cần phát huy hết năng lực sáng tạo khoa học - kỹ thuật của các trường, khuyến khích các trường kết hợp có hiệu quả giữa kỹ thuật và vốn, giữa kết quả nghiên cứu và thị trường, giữa tính sáng tạo của chuyên gia với tính tích cực của nhà doanh nghiệp. Cần định hướng và khuyến khích các trường xây dựng hợp tác về khoa học - kỹ thuật lâu dài, ổn định, toàn diện với các ngành và doanh nghiệp, tạo nên liên minh chiến lược giữa sản xuất, học tập và nghiên cứu. Cần ủng hộ các trường và doanh nghiệp hợp tác xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu công trình (khoa học), các trường và



cơ quan nghiên cứu cùng xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học, cùng phối hợp đảm nhận các dự án khoa học - kỹ thuật và đào tạo nghiên cứu sinh. Để nâng cao khả năng sáng tạo và chủ động khai thác, khuyến khích các trường hợp tác với các cơ quan nghiên cứu quốc tế, trường quốc tế và công ty đa quốc gia, cùng xây dựng cơ quan phát triển nghiên cứu, cùng tổ chức các dự án nghiên cứu kỹ thuật.

### **3. Tích cực khai thác các sản phẩm kỹ thuật cao có bằng phát minh sáng chế**

Bên cạnh việc nỗ lực triển khai sáng tạo theo các lĩnh vực, phương hướng và nhiệm vụ trọng điểm của địa phương và quốc gia, để đáp ứng với yêu cầu của các ngành trong xã hội, các doanh nghiệp và thị trường, trong quá trình thích ứng với yêu cầu đa dạng hóa của công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, các trường đại học, cao đẳng nên tích cực tăng cường sáng tạo kỹ thuật, phát triển cơ sở, nỗ lực xây dựng chiến lược phát triển khoa học - kỹ thuật. Các trường có trọng điểm xây dựng "công trình 985" và "công trình 211", cùng các trường được phép đào tạo tiến sĩ, cần lựa chọn mục tiêu có hạn, tập hợp lực lượng ưu tú, nắm rõ yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội quốc dân, tích cực chiếm lĩnh đỉnh cao trong nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, cung cấp lực lượng nòng cốt cho công cuộc tự chủ sáng tạo trên các lĩnh vực, đột phá trong kỹ thuật quan trọng và phát triển kỹ thuật sản xuất. Các trường có nhiệm vụ chính là giảng dạy cần làm nổi bật trọng điểm, tăng cường khai thác ứng dụng nghiên cứu và kỹ thuật,

cần chọn các đề tài nghiên cứu **đáp ứng được yêu cầu** cải tạo, nâng cấp kỹ thuật sản xuất của địa phương và quốc gia. Các trường cao đẳng cần tích cực **kết hợp** với doanh nghiệp, lấy thị trường làm định hướng, **tăng cường** phục vụ khoa học - kỹ thuật, đẩy nhanh đào tạo nhân tài có tay nghề cao. Nếu muốn lấy phương hướng chủ đạo là cải tạo, nâng cấp ngành chính, ngành mới, ngành kỹ thuật cao, ngành dịch vụ hiện đại và ngành truyền thống, cần tích cực triển khai nghiên cứu và phát triển các kỹ thuật nòng cốt và kỹ thuật cao trong các ngành, tạo nên lớp kỹ thuật quan trọng, kỹ thuật nòng cốt, kỹ thuật **kết hợp** và sản phẩm trọng điểm có ảnh hưởng lớn đến công cuộc xây dựng kinh tế, thực hiện kỹ thuật trình độ cao vượt qua các lĩnh vực giới hạn, cho ra những thành quả kỹ thuật cao, có triển vọng và các sản phẩm kỹ thuật cao có bằng phát minh sáng chế. Kiên trì **kết hợp** giữa mục tiêu gần và mục tiêu lâu dài, **kết hợp** giữa sáng tạo tri thức và sáng tạo kỹ thuật, tăng cường nghiên cứu khoa học với mục tiêu chính là ứng dụng nghiên cứu, tạo động lực cho việc khai thác kỹ thuật và ứng dụng nghiên cứu, nâng cao khả năng sáng tạo.

#### **4. Tích cực áp dụng thành quả khoa học - kỹ thuật trọng điểm vào hiện thực sản xuất**

Các trường đại học, cao đẳng có nguồn sáng tạo khoa học - kỹ thuật phong phú, ẩn chứa nhiều tiềm năng sáng tạo khoa học - kỹ thuật, nhưng tỷ lệ chuyển hóa các thành quả nghiên cứu lại không cao, đại bộ phận các thành quả

ngiên cứu có triển vọng đưa vào sản xuất bị bỏ quên, "bị xếp vào nơi không ai biết". Nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng này là: thứ nhất, các trường chưa liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp, công tác nghiên cứu chưa tương ứng với thông tin thị trường; thứ hai, trình độ tổ chức chuyển hóa các thành quả kỹ thuật chưa cao, cơ chế chưa linh hoạt, các chính sách khuyến khích chưa đủ. Trong quá trình thúc đẩy sáng tạo khoa học - kỹ thuật, cần nghiêm túc nghiên cứu và giải được bài toán chuyển hóa thành quả nghiên cứu. Việc kết hợp giữa giảng dạy và nghiên cứu vừa là biện pháp tất yếu để nâng cao trình độ giảng dạy trong trường, vừa là con đường để nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất. Cái nôi kỹ thuật cao thung lũng Silicon nổi tiếng ở Mỹ chính là nhờ vào hai trường đại học Stanford và Đại học Berkeley theo mô hình nghiên cứu, đi theo con đường "trình độ cao + độ lan tỏa lớn", tạo nên cột trụ đôi bên cùng thúc đẩy nhau, hỗ trợ lẫn nhau giữa các trường đại học và các ngành nghề sản xuất. Cần nghiên cứu học tập kinh nghiệm kết hợp giữa giảng dạy và nghiên cứu của các nước phát triển, đặc biệt là hình thức và cơ chế hiệu quả của chuyển hóa thành quả khoa học - kỹ thuật trong các trường, tạo nên cơ chế sáng tạo có hiệu quả trong các ngành, mở ra con đường nhanh chóng chuyển hóa các thành quả nghiên cứu. Các trường có tỷ lệ chuyển hóa thành quả khoa học - kỹ thuật chưa cao, cần lựa chọn các sản phẩm kỹ thuật mới có hàm lượng kỹ thuật cao, có khả năng chiếm lĩnh thị trường, chú tâm nghiên cứu các điều kiện, con đường và hình thức chuyển

hóa thành quả, để thúc đẩy các thành quả nghiên cứu được nhanh chóng áp dụng vào thực tế sản xuất.

### **5. Bồi dưỡng đào tạo nhân tài sáng tạo khoa học - kỹ thuật trình độ cao**

Nhân tài là nhân tố mang tính quyết định của công cuộc sáng tạo khoa học - kỹ thuật. Xây dựng đội ngũ nhân tài có tinh thần sáng tạo, tạo ra môi trường tốt cho nhân tài, phát huy hết tài năng là bảo đảm cơ bản cho việc nâng cao khả năng sáng tạo khoa học - kỹ thuật trong các trường đại học, cao đẳng. Cần ghi nhớ quan niệm tài nguyên nhân tài là tài nguyên hàng đầu, thực hiện chiến lược phát triển nhân tài, tăng đầu tư vốn cho nhân lực, tăng cường xây dựng tài nguyên nhân lực, nỗ lực nhiều hơn nữa trong công tác xây dựng đội ngũ nhân tài sáng tạo. Đào tạo nhân tài, sáng tạo khoa học - kỹ thuật là hai nhiệm vụ quan trọng của các trường. Các trường cần tích cực đẩy mạnh kết hợp giữa sáng tạo khoa học - kỹ thuật và đào tạo nhân tài, coi sáng tạo khoa học - kỹ thuật là con đường cơ bản để nâng cao khả năng sáng tạo của giảng viên và là khâu quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo nhân tài, kiên trì phát hiện nhân tài trong thực tiễn sáng tạo khoa học, đào tạo nhân tài ngay trong hoạt động sáng tạo khoa học, hội tụ nhân tài trong sự nghiệp sáng tạo khoa học. Cần dựa vào các môn học trọng điểm, các dự án nghiên cứu khoa học lớn và cơ sở sáng tạo để thực hiện kế hoạch xây dựng đội ngũ sáng tạo khoa học - kỹ thuật trong các trường, tạo nên đội ngũ sáng tạo khoa

học - kỹ thuật đầy nhiệt huyết. Muốn cải cách và hoàn thiện hình thức tổ chức nghiên cứu khoa học hiện nay ở các trường, cần lấy nòng cốt là môn học, dự án, kỹ thuật và sản phẩm, tích cực tìm hiểu hình thức tập hợp nhân tài sáng tạo khoa học - kỹ thuật được tạo nên từ nhiều ngành học, phải tăng cường tập hợp các nhân viên ở các môn học có bối cảnh khác nhau, không cùng tầng cấp, không cùng chuyên ngành, tạo nên đội ngũ sáng tạo trình độ cao đa môn học, đa trường, đa ngành, đa lĩnh vực đào tạo và hình thành những người dẫn đầu và đội ngũ nhân tài cấp cao có ảnh hưởng lớn trong và ngoài nước. Cần nắm bắt thời cơ khi các du học sinh đi học từ nước ngoài về, áp dụng mọi biện pháp để thu hút nhân tài sáng tạo trình độ cao, bổ sung cho đội ngũ nghiên cứu khoa học ở trường. Tăng cường xây dựng đội ngũ quản lý khoa học - kỹ thuật có tố chất, chuyên môn hóa ở các trường, tăng cường đào tạo, nâng cao tố chất tư duy, ý thức phục vụ và trình độ quản lý cho nhân viên quản lý khoa học. Tập trung xây dựng đội ngũ phục vụ và trung gian khoa học - kỹ thuật có tố chất, có nghiệp vụ, năng lực tốt, cung cấp trụ cột nhân tài có năng lực cho sự phát triển khoa học - kỹ thuật trong trường trên các lĩnh vực đầu tư vốn, giao dịch quyền sản xuất, đại lý phát minh sáng chế, chuyển giao kỹ thuật, chuyển hóa thành quả, tư vấn luật, công bố thông tin, đào tạo nguồn nhân tài, hợp tác giữa trường và doanh nghiệp, sản xuất kỹ thuật. Nên coi sinh viên là lực lượng mới, quan trọng trong sáng tạo khoa học - kỹ thuật, tăng cường kết hợp giữa giảng dạy và hoạt động khoa học - kỹ thuật,

lấy trọng điểm để đào tạo sinh viên là bồi dưỡng tinh thần sáng tạo, nâng cao khả năng sáng tạo, tăng cường bản lĩnh lập nghiệp, đào tạo sinh viên thời đại mới thành những nhân tài kỹ thuật và nhà doanh nghiệp kỹ thuật đam mê sáng tạo, khát khao lập nghiệp. Tích cực thúc đẩy công tác khoa học - kỹ thuật "mở cửa" với sinh viên, nên khuyến khích thu hút sinh viên tham gia các dự án phù hợp với khả năng của họ.

### **III- NỖ LỰC TẠO MÔI TRƯỜNG CÓ LỢI CHO SÁNG TẠO KHOA HỌC - KỸ THUẬT Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG**

Muốn nâng cao khả năng sáng tạo khoa học - kỹ thuật trong trường đại học, cao đẳng, cần tập trung giải quyết các vấn đề còn tồn tại như tư tưởng sáng tạo khoa học - kỹ thuật trong trường, điều kiện môi trường, nỗ lực tạo ra môi trường chính sách, môi trường pháp chế, môi trường thị trường và môi trường xã hội tốt.

#### **1. Tăng cường tổ chức lãnh đạo sáng tạo khoa học - kỹ thuật trong nhà trường**

Muốn tăng cường công tác khoa học - kỹ thuật trong nhà trường, nâng cao khả năng tự chủ sáng tạo, cần tăng cường lãnh đạo, cẩn thận trong tổ chức, chú trọng vào các biện pháp và bảo đảm thực hiện. Chính quyền các cấp đảm nhận chức trách quản lý giáo dục đại học, cao đẳng cần quán triệt thực hiện phát triển khoa học - kỹ thuật,

tạo nên chiến lược hình thành hệ thống sáng tạo khoa học - kỹ thuật ở địa phương và quốc gia, tăng cường quy hoạch và chỉ đạo công tác sáng tạo khoa học - kỹ thuật trong trường, bảo đảm trong các phương diện chính sách, kinh phí, môi trường. Các bộ, ngành, chính quyền có liên quan cần tích cực điều chỉnh hợp tác khoa học - kỹ thuật giữa trường với địa phương và doanh nghiệp, tăng cường chỉ đạo và quản lý công tác khoa học - kỹ thuật trong trường, cung cấp dịch vụ có hiệu quả, chất lượng. Các trường cần coi việc nâng cao khả năng sáng tạo khoa học - kỹ thuật là công tác trọng điểm của trường, phải được đặt lên hàng đầu. Căn cứ vào nhu cầu của xã hội và nhà trường, lập ra quy hoạch công tác khoa học - kỹ thuật của trường, xác định rõ phương hướng, làm nổi bật trọng điểm công tác, tập hợp tài nguyên, nâng cao trình độ tổ chức, đưa ra và hoàn thiện các chính sách và chế độ, tích cực điều động và phát huy tính tích cực, tính sáng tạo của giảng viên và sinh viên, không ngừng nâng cao thực lực khoa học - kỹ thuật và khả năng sáng tạo của trường. Cần tăng cường kiểm tra công tác khoa học - kỹ thuật ở các trường, đưa tình hình công tác khoa học - kỹ thuật và thành tích sáng tạo khoa học - kỹ thuật vào chỉ tiêu quan trọng để kiểm tra đánh giá các trường. Các trường cần tích cực tăng cường lãnh đạo, tổ chức quy hoạch, nhận thức rõ nhiệm vụ, kịp thời phát hiện, giải quyết các vấn đề còn tồn tại, bảo đảm cho công tác tổ chức, chính sách, biện pháp và kinh phí trong công tác sáng tạo khoa học - kỹ thuật được thực hiện. Ban, ngành quản lý nghiên cứu

khoa học cần đổi mới quan niệm quản lý, hoàn thiện chức năng, cải tiến phương thức quản lý, tích cực khuyến khích phát huy tính tích cực và tính sáng tạo của các nhà nghiên cứu khoa học, không ngừng nâng cao hiệu quả và trình độ quản lý.

## **2. Tăng cường phân loại chỉ đạo công tác khoa học - kỹ thuật trong nhà trường**

Các trường khác nhau sẽ có công tác sáng tạo khoa học - kỹ thuật không giống nhau, nên cần căn cứ vào mục tiêu của các trường để tiến hành phân loại chỉ đạo. Một mặt phải tập trung lực lượng ưu tú xây dựng môn học trọng điểm và trường đại học trình độ cao, bảo đảm trường đảm nhận được trách nhiệm quan trọng trong công tác nghiên cứu khoa học cơ sở và nghiên cứu kỹ thuật cao, dẫn dắt nâng cao trình độ khoa học - kỹ thuật trong các trường; mặt khác cần dốc sức nâng cao khả năng sáng tạo khoa học - kỹ thuật trong các viện và trường cao đẳng, làm cho các trường có thể phát huy vai trò sáng tạo khoa học - kỹ thuật của mình trong các lĩnh vực, các cấp khác nhau. Cần căn cứ vào đặc điểm của các trường để tăng cường hướng dẫn, cố gắng phát triển mô hình "tầng cấp" trong công tác nghiên cứu khoa học ở trường đại học, cao đẳng. Tầng thứ nhất là các trường được phép đào tạo tiến sĩ. Các trường này thực hiện theo chiến lược phát triển "hai trung tâm" giảng dạy và nghiên cứu khoa học, trong đó các môn chính cần nỗ lực trở thành cơ sở nghiên cứu hoặc kho tư tưởng quan trọng



để dẫn dắt địa phương hoặc các ngành có liên quan phát triển, khả năng sáng tạo khoa học - kỹ thuật của các môn ưu việt và các thành quả mang tính mục tiêu của nó cần đạt đến trình độ dẫn đầu trong nước, cần có một cơ cấu nghiên cứu khả năng sáng tạo tốt, cơ chế vận hành tốt, có trình độ quản lý, mô hình phát triển mới. Tầng thứ hai là các trường theo mô hình giảng dạy. Các trường này cần đưa công tác khoa học - kỹ thuật vào chiến lược trọng điểm phát triển, tích cực tổ chức công tác nghiên cứu khoa học, hướng dẫn giảng viên tăng cường ý thức nghiên cứu khoa học, đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu. Từng bước kiện toàn cơ cấu quản lý và cơ cấu phục vụ khoa học - kỹ thuật, chuẩn bị đội ngũ nhân viên quản lý chuyên trách, xây dựng thể chế triển khai thúc đẩy công tác nghiên cứu và chế độ quản lý khoa học - kỹ thuật chuẩn mực, tạo ra môi trường sáng tạo khoa học ngay trong trường. Tầng thứ ba là các trường cao đẳng. Các trường này cần coi nghiên cứu phát triển khoa học - kỹ thuật và phục vụ cho khoa học - kỹ thuật và công tác trọng điểm, nỗ lực triển khai nghiên cứu phát triển và phục vụ khoa học - kỹ thuật trong các ngành, lĩnh vực chủ yếu, tích cực kết hợp với các doanh nghiệp, cùng thực hiện các dự án nghiên cứu kỹ thuật.

### **3. Tăng cường đầu tư vào công tác sáng tạo khoa học - kỹ thuật trong các nhà trường**

Chính quyền các cấp cần tăng cường đầu tư cho sáng tạo khoa học - kỹ thuật ở các trường, đặc biệt cần tăng

cường ủng hộ kinh phí chuyên dùng cho xây dựng các ngành học, phòng thí nghiệm trọng điểm, xây dựng đội ngũ sáng tạo khoa học - kỹ thuật trong trường. Cần mở rộng con đường đầu tư vào sáng tạo khoa học - kỹ thuật, tích cực tranh thủ đầu tư của các doanh nghiệp. Doanh nghiệp là chủ thể đầu tư sáng tạo khoa học - kỹ thuật. Các trường cần thông qua việc tiếp nhận các dự án khai thác của doanh nghiệp để thu hút nhiều hơn nữa kinh phí nghiên cứu. Công tác khoa học trong trường cần sự đầu tư từ phía doanh nghiệp, thị trường và từ ngay trong công việc của mình. Kêu gọi đầu tư từ xã hội, doanh nghiệp, thị trường vừa là xu thế tất yếu, vừa là tập quán của quốc tế. "Trung tâm nghiên cứu nano" của trường Đại học Bang New York (State University of New York) Mỹ có tổng số đầu tư khoảng 3 tỉ đôla Mỹ, trong đó chính phủ chỉ chi 500 triệu, số còn lại đều do trường kêu gọi đầu tư. Không gian và tiềm năng hợp tác nghiên cứu khoa học rất lớn, để làm tốt phương diện này, các trường cần dựa vào khả năng của chính mình "Bát tiên quá hải, mỗi vị có đều có thần thông". Cần lập ra và hoàn thiện các chính sách có liên quan, căn cứ theo quy định của thị trường về chế độ cổ phần, đầu tư mạo hiểm và chế độ quyền sản xuất, thúc đẩy sáng tạo khoa học trong trường kết hợp với vốn quốc tế, vốn tài chính, vốn xã hội và vốn tư nhân, tích cực tận dụng vốn để đầu tư tín dụng và đầu tư mạo hiểm, khuyến khích các doanh nghiệp và các giới trong xã hội lập các loại quỹ nghiên cứu khoa học trong các trường.

#### **4. Xây dựng, kiện toàn cơ chế chuyển hóa thành quả khoa học - kỹ thuật trong các trường**

Muốn tiến hành cải cách thể chế khoa học - kỹ thuật trong các trường, cần phải dốc sức vào sáng tạo cơ chế chuyển hóa thành quả nghiên cứu. Tích cực thúc đẩy xây dựng hệ thống phục vụ trung gian cho công tác khoa học - kỹ thuật trong trường. Tập trung cải thiện các vấn đề như quy mô ngành phục vụ trung gian nhỏ, chức năng đơn điệu, khả năng phục vụ kém, đẩy nhanh xây dựng hệ thống phục vụ cho khoa học - kỹ thuật xã hội hóa, mạng lưới hóa; tập trung lực lượng xây dựng cơ sở phục vụ công cộng, cơ sở giao dịch thành quả kỹ thuật, cơ sở phục vụ vốn sáng tạo lập nghiệp và cơ sở phục vụ xã hội hóa nhân tài, nỗ lực xây dựng cơ cấu trung gian khoa học - kỹ thuật chuyên nghiệp hóa của các trường, tăng cường liên kết "chuỗi hoạt động khoa học - kỹ thuật" và "chuỗi phát triển sản xuất", đẩy mạnh liên kết giữa mạng lưới phục vụ khoa học - kỹ thuật của các trường với mạng lưới phục vụ khoa học - kỹ thuật của các doanh nghiệp; xây dựng và kiện toàn hệ thống chuyển hóa thành quả khoa học trong trường nhanh chóng, tiện lợi, cung cấp dịch vụ tối ưu góp phần đẩy nhanh việc chuyển hóa. Để tạo điều kiện thuận lợi cho các trường và doanh nghiệp, bên góp trí tuệ và bên góp vốn có thể lựa chọn đối tác, cần tăng cường công bố thông tin khoa học - kỹ thuật trong trường, thông qua việc thiết lập mạng khoa học và tổ chức triển lãm thành quả khoa học, xây dựng kênh công bố thông

tin khoa học trong trường, **kiện toàn kho thông tin** về thành quả khoa học và **nhu cầu kêu gọi đầu tư góp vốn**. Cần kết hợp giữa thành quả khoa học - **kỹ thuật** với các loại vốn đầu tư, tăng cường hợp tác với cơ cấu tài chính, thị trường chứng khoán và cơ cấu đầu tư mạo hiểm. Cần tạo điều kiện thường xuyên cho nhân viên khoa học trong trường và các nhà doanh nghiệp gặp gỡ, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, qua đó mở ra các cơ hội hợp tác, từng bước đưa nhân viên khoa học trong trường bước chân vào thị trường, vào doanh nghiệp.

#### **5. Thực hiện các chính sách về sáng tạo khoa học - kỹ thuật trong nhà trường**

Muốn thúc đẩy sáng tạo khoa học - kỹ thuật trong các trường, cần phải có môi trường chính sách cởi mở, linh hoạt. Về vấn đề tự chủ sáng tạo và lập nghiệp bằng khoa học - kỹ thuật, Quốc vụ viện đã đề ra việc thực thi chính sách đi kèm với "Chương trình quy hoạch phát triển khoa học - kỹ thuật trung và dài hạn của quốc gia", yêu cầu căn cứ vào đặc điểm và tình hình cụ thể của khoa học - kỹ thuật trong trường đưa ra những quy tắc và ý kiến cụ thể về chính sách khoa học - kỹ thuật của nhà nước. Các trường cần căn cứ vào mục tiêu và nhiệm vụ sáng tạo khoa học - kỹ thuật, tiến hành cải cách, tăng cường quản lý, đồng thời kết hợp với tình hình thực tế ở trường để thay đổi, hoàn chỉnh các chính sách và biện pháp quản lý như quản lý giảng dạy, quản lý khoa học - kỹ thuật, quản

lý nhân sự, quản lý tài vụ; khuyến khích giảng viên, nhân viên khoa học - kỹ thuật và sinh viên sáng tạo. Cần tặng thưởng thích đáng cho những nhân viên khoa học - kỹ thuật trong trường có những nghiên cứu xuất sắc, có phát minh kỹ thuật và có thành quả nghiên cứu được chuyển hóa mang lại hiệu quả cao. Thay đổi chính sách về thu nhập của nhân viên khoa học, thành tích công việc và lợi ích kinh tế, cần phân bổ và bảo đảm sự tham gia đồng bộ của tri thức, kỹ thuật và quản lý. Cải cách và hoàn thiện quản lý dự án khoa học, bảo hộ quyền phát minh của các trường theo pháp luật, nghiêm túc trừng phạt các hành vi xâm phạm bản quyền.

## **6. Phát triển văn hóa sáng tạo khoa học - kỹ thuật trong nhà trường**

Hoạt động sáng tạo khoa học - kỹ thuật trong các trường đại học, cao đẳng không nên chỉ dựa vào bảo đảm vật chất từ xã hội, mà cần tạo môi trường văn hóa sáng tạo trong nhà trường. Cần tuyên truyền trong các nhà trường tinh thần dân tộc với chủ đạo là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần thời đại với nòng cốt là cải cách sáng tạo và tinh thần Giang Tô thời kỳ mới với trọng tâm là "lập nghiệp, sáng tạo, ưu tú" trong các trường; tăng cường xây dựng văn hóa sáng tạo với nội dung chủ yếu là "lấy dân làm gốc, lấy nhu cầu làm định hướng, lấy tinh hoa từ mọi nơi, hợp tác, cạnh tranh, khuyến khích sáng tạo, khoan dung với thất bại, chú trọng tích

lũy, dũng cảm vượt qua, cầu thị điều mới, bình tĩnh tự tin"; định hướng tinh thần yêu nước tự giác cống hiến, phấn đấu hết mình, tinh thần khoa học sáng tạo và thực sự cầu thị, tinh thần đồng đội hợp tác đoàn kết, không màng danh lợi; nên coi văn hóa sáng tạo là nội dung chính trong tư tưởng giáo dục, tư tưởng giảng dạy và xuyên suốt quá trình đào tạo nhân tài. Duy trì thái độ nghiên cứu chân lý không giới hạn, học thuật vô bờ, nghiên cứu không quyền lực, làm sống động tư tưởng học thuật, thúc đẩy giao lưu học thuật, khuyến khích học thuật phát triển, làm cho vườn hoa học thuật ngày càng rực rỡ sắc hương. Lập nên các kênh giao lưu học thuật đa dạng về chủ đề, tầng cấp và hình thức, tạo ra không khí nghiên cứu học thuật và môi trường khuyến khích sáng tạo, lập nghiệp; cần tôn trọng quyền tự chủ trong học thuật của các cơ quan nghiên cứu và tự do học thuật của nhân viên khoa học. Tăng cường xây dựng đạo đức nghiên cứu, ủng hộ tinh thần khoa học cầu thị, nghiêm túc, kiên quyết phản đối và chấn chỉnh những hành vi làm giả, vi phạm bản quyền, bá quyền trong học thuật và mưu lợi bản thân.

#### IV. TÍCH CỰC PHÁT HUY VAI TRÒ QUAN TRỌNG CỦA TRIẾT HỌC XÃ HỘI

Trình độ phát triển của triết học xã hội thể hiện khả năng tư duy, đời sống tinh thần và tố chất văn minh của

một dân tộc và quốc gia. Triết học xã hội là một bộ phận của hệ thống sáng tạo quốc gia, đứng trên góc độ xây dựng chiến lược đất nước sáng tạo, cần nhận thức rõ vai trò quan trọng của triết học xã hội, đặt nó vào vị trí xứng đáng và cần tập trung kiện toàn hệ thống sáng tạo lý luận khoa học của triết học xã hội trong các trường đại học, cao đẳng.

### **1. Vị trí và vai trò của triết học xã hội trong sự nghiệp hiện đại hóa**

Đối tượng của triết học xã hội chủ yếu là thực tiễn xã hội loài người, với tôn chỉ là tổng kết những bài học kinh nghiệm trong thực tiễn, nắm được quy luật cơ bản, bao gồm triết học, chính trị, lý luận, kỹ thuật, tôn giáo, lôgic học, ngôn ngữ, nhân loại học, xã hội học, lịch sử, luật, giáo dục học, tâm lý học, văn nghệ. Triết học xã hội đưa ra những lý luận chỉ đạo phát triển thực tiễn xã hội, bao gồm cả lý luận chỉ đạo để tìm hiểu thực tiễn của khoa học tự nhiên. Triết học xã hội và khoa học tự nhiên như hai bánh của xe, như đôi cánh của chim, trong lịch trình xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc, triết học xã hội có vị trí quan trọng tương đương với khoa học tự nhiên. Hiện đại hóa chủ nghĩa xã hội nên vừa có khoa học tự nhiên phát triển, cũng vừa có triết học xã hội tiến bộ. Thực hiện chiến lược giảng dạy khoa học xây dựng đất nước, xây dựng tỉnh, bao gồm phát triển cả khoa học tự nhiên và triết học xã hội.

Cần coi trọng cả khoa học tự nhiên và triết học xã hội. phát huy tối đa vai trò của triết học xã hội và nhân tài triết học xã hội, thúc đẩy văn minh vật chất xã hội chủ nghĩa, văn minh chính trị, văn minh tinh thần phát triển hài hòa, phát triển toàn diện con người, bảo đảm về tư tưởng, động lực tinh thần và ủng hộ về trí lực cho công cuộc xây dựng xã hội khá giả, đẩy mạnh việc thực hiện hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục phát triển sự nghiệp triết học xã hội của tỉnh Giang Tô, quán triệt tư tưởng "ba đại diện", thực hiện nội dung quan trọng của mục tiêu phấn đấu "hai định hướng" là tiếp tục phát triển khoa học, đẩy mạnh "hai định hướng". Trong quá trình thúc đẩy "hai định hướng", triết học xã hội của Giang Tô sẽ có những cơ hội phát triển thuận lợi, đồng thời sẽ đảm nhận sứ mệnh lịch sử cao cả.

Triết học xã hội trong các trường đại học, cao đẳng là bộ phận quan trọng của sự nghiệp triết học xã hội và sự nghiệp giáo dục. Thực tiễn cải cách mở cửa yêu cầu công tác nghiên cứu, giảng dạy triết học xã hội phải kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện công trình nghiên cứu và xây dựng lý luận chủ nghĩa Mác; tích cực triển khai công việc có liên quan tới xây dựng hệ thống môn triết học xã hội và hệ thống giáo trình, đào tạo nhân tài và nghiên cứu lý luận Mác; tập hợp hệ thống môn học, tạo nên cơ sở môn học, cống hiến cho sự phát triển của triết học xã hội.



## **2. Tình hình và nhiệm vụ của triết học xã hội trong trường đại học, cao đẳng**

Sáng tạo là linh hồn của triết học xã hội. Công cuộc xây dựng đất nước sáng tạo đã mở ra tương lai rộng lớn cho sự phát triển của triết học xã hội, nhưng đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu cao hơn đối với triết học xã hội. Trong lần học tập tập thể lần thứ 13 của Cục Chính trị Trung ương, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã từng chỉ rõ: "Dưới sự chỉ đạo của chủ nghĩa Mác, kết hợp chặt chẽ thực tiễn mới, sáng tạo mới là con đường tất yếu của sự nghiệp phát triển triết học xã hội của Trung Quốc. Giới triết học xã hội cần làm tròn trách nhiệm lịch sử của mình, định hướng cho học thuật phát triển, mở ra chân trời tri thức, khai thông không gian tư duy, vừa cập nhật hiện tại vừa kế thừa truyền thống, vừa linh hoạt trong nước vừa học tập quốc tế, đẩy mạnh sáng tạo quan điểm học thuật, sáng tạo hệ thống học thuật và sáng tạo phương pháp nghiên cứu, nỗ lực xây dựng triết học xã hội mang màu sắc Trung Quốc, phong cách Trung Quốc, khí chất Trung Quốc"<sup>1</sup>. Lời phát biểu này của đồng chí Hồ Cẩm Đào đã khái quát hoàn chỉnh nhiệm vụ thời đại, nội dung sáng tạo và phương hướng phấn

---

1. *Nhật báo nhân dân*, ngày 30-5-2004. "Hồ Cẩm Đào đã nhấn mạnh trong học tập tập thể lần thứ 13 của Cục Chính trị Trung ương: luôn kiên trì theo chủ nghĩa Mác, nỗ lực thúc đẩy triết học xã hội phát triển phồn vinh".

dấu của triết học xã hội Trung Quốc. Triết học xã hội trong các trường đại học, cao đẳng cần định hướng đúng đắn cho sự phát triển của học thuật, xác định lĩnh vực chính, nắm được chủ đề quan trọng, thực hiện chuyên mục quan trọng, xây dựng cơ sở sáng tạo, đào tạo đội ngũ sáng tạo, nâng cao năng lực sáng tạo, góp phần vào công cuộc xây dựng kinh tế và phát triển xã hội của đất nước và địa phương.

*Thứ nhất*, đào tạo nhân tài ưu tú có tinh thần sáng tạo. Thực hiện giáo dục tố chất, đào tạo đội ngũ nhân tài ưu tú có tinh thần sáng tạo. Theo yêu cầu xây dựng đội ngũ lý luận chủ nghĩa Mác vũng về chính trị, tinh thông nghiệp vụ, tác phong nghiêm túc, có thể đảm nhận các dự án nghiên cứu khoa học - kỹ thuật quan trọng và các công trình lớn, đẩy mạnh xây dựng đội ngũ sáng tạo, theo dõi để đào tạo trong giới thanh niên, trung niên lực lượng cốt cán về học thuật và những người dẫn đầu về triết học xã hội.

*Thứ hai*, xây dựng hệ thống sáng tạo lý luận triết học xã hội trong các trường đại học, cao đẳng. Thực hiện tốt công trình nghiên cứu và xây dựng lý luận chủ nghĩa Mác, bảo đảm những thành quả mới nhất trong công tác nghiên cứu chủ nghĩa Mác được đưa vào công tác xây dựng môn học và biên soạn giáo trình triết học xã hội trong các trường. Tập trung xây dựng hệ thống môn học và giáo trình lý luận chủ nghĩa Mác mang đậm đặc trưng thời đại, cần biên soạn các giáo trình lý luận cơ sở

triết học, kinh tế chính trị, khoa học xã hội chủ nghĩa và các giáo trình triết học xã hội như chính trị, xã hội học, luật, lịch sử, báo chí, văn học thể hiện rõ thành quả mới nhất về chủ nghĩa Mác của Trung Quốc hiện nay.

*Thứ ba*, tích cực nâng cao chất lượng nghiên cứu môn khoa học triết học xã hội trong các trường đại học, cao đẳng. Phát huy tối đa ưu thế của nhà trường là nơi tập trung đông đảo các chuyên gia học giả triết học, tổ chức triển khai các đề tài quan trọng, không ngừng thúc đẩy sáng tạo lý luận, cố gắng đạt được những thành quả nghiên cứu cơ sở quan trọng có giá trị học thuật, có sức ảnh hưởng trong xã hội và những ứng dụng thành quả nghiên cứu để giải quyết các vấn đề hiện thực quan trọng. Nắm được định hướng chính là xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc, cần kết hợp giữa nghiên cứu lý luận cơ sở và nghiên cứu vấn đề hiện thực, kiên trì với tư tưởng giải phóng, thực sự cầu thị, tân tiến cùng thời đại, nghiêm túc nghiên cứu các vấn đề quan trọng phải đối mặt trong quá trình xây dựng kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và xây dựng đảng xã hội chủ nghĩa, nâng cao khả năng sáng tạo tổng hợp triết học xã hội trong nhà trường.

### **3. Các biện pháp để phát triển triết học xã hội trong nhà trường**

Muốn phát triển triết học xã hội trong nhà trường, cần kiên trì với "kim chỉ nam" là chủ nghĩa Mác, tư tưởng

Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình và tư tưởng quan trọng "ba đại diện", tăng cường xây dựng cơ sở nghiên cứu và giảng dạy triết học xã hội, nâng cao khả năng nghiên cứu và giảng dạy triết học xã hội; tăng cường xây dựng đội ngũ nhân tài, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho công tác đào tạo nhân tài và nâng cao chất lượng nghiên cứu triết học xã hội; tăng cường lãnh đạo, nâng mức đầu tư, chú trọng cải cách. Để thúc đẩy sáng tạo hệ thống giáo trình và hệ thống lý luận triết học xã hội, cần đề ra các thể chế, cơ chế và điều kiện thuận lợi.

Đẩy mạnh việc xây dựng, nâng cao khả năng nghiên cứu và giảng dạy triết học xã hội. Tập trung lực lượng xây dựng cơ sở nghiên cứu trình độ cao. Các cơ sở này cần lấy trọng tâm nghiên cứu là các vấn đề định hướng cho các môn học, vấn đề lý luận và thực tiễn trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tập trung nguồn tài nguyên có ưu thế, hình thành khả năng sáng tạo tổng hợp nhiều môn giao thoa với nhau; cần đào tạo nhân tài và đội ngũ sáng tạo dẫn đầu trào lưu nghiên cứu học thuật trong nước, tăng cường khả năng đối thoại học thuật với quốc tế; cần đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phát huy vai trò "kho tư tưởng", "kho nhân tài".

Tăng cường xây dựng đội ngũ nhân tài triết học xã hội, tạo điều kiện cho việc đào tạo nhân tài sáng tạo và nâng cao chất lượng nghiên cứu triết học xã hội. Cần sáng tạo hình thức đào tạo nhân tài, kiện toàn hệ thống

**đào tạo nhân tài cơ sở và nhân tài trừ bị, hình thành ở họ tố chất lý luận tốt, bao quát rộng về lý luận, phương pháp phân tích chính xác. Cần tập trung đào tạo những nhân tài mũi nhọn có khả năng đứng đầu về học thuật, có khả năng nghiên cứu tốt. Cần tăng cường các biện pháp hỗ trợ cho việc tuyển lựa các nhân tài lý luận chủ nghĩa Mác, tạo nên những chuyên gia lý luận chủ nghĩa Mác thông hiểu Đông Tây, có sức ảnh hưởng lớn cả trong và ngoài nước. Cần tăng cường đào tạo những con người ưu tú trong học thuật còn đang tiềm ẩn, tạo nên các nhân vật dẫn đầu trong các môn, các chuyên ngành. Cần tăng cường đào tạo nhân tài chuyên ngành chủ nghĩa Mác trong các trường đại học, cao đẳng, tạo nên lớp nhân tài trừ bị có tố chất tốt, có chí hướng nghiên cứu lý luận chủ nghĩa Mác.**

Tăng cường lãnh đạo, nâng mức đầu tư, chú trọng cải cách, đề ra các thể chế, cơ chế và điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng nghiên cứu triết học xã hội trong nhà trường. Tăng cường và cải tiến lãnh đạo đối với triết học xã hội, cần có tổ chức bảo đảm cho sự phát triển của triết học xã hội trong nhà trường. Tiếp tục thực hiện kế hoạch phát triển triết học xã hội của các trường, bảo đảm phát triển bền vững, hài hòa và lâu dài. Nâng mức đầu tư kinh phí cho công tác nghiên cứu triết học xã hội, xây dựng, kiện toàn thể chế nhiều nguồn đầu tư kinh phí cho nghiên cứu mà nòng cốt là chính phủ, từng bước nâng cao tỷ lệ kinh phí dành cho nghiên cứu triết học xã hội so với các

nghiên cứu khoa học khác. Chú trọng cải cách thể chế nghiên cứu khoa học, hình thành cơ chế quản lý nghiên cứu triết học xã hội có định hướng rõ ràng, có đánh giá giám sát, cạnh tranh chuyển đổi có trình tự, chuyển hóa thành quả nhanh, tổ chức vận hành hiệu quả cao, kích thích tối đa tính tích cực, chủ động và sáng tạo của nhân viên nghiên cứu triết học xã hội. Thúc đẩy liên hệ, hợp tác giữa nhà trường với chính phủ, doanh nghiệp, đoàn thể, tạo mọi điều kiện để những người nghiên cứu triết học xã hội có thể thâm nhập thực tế, xã hội.

## *Chương X*

# **HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC VÀ MỞ CỬA GIÁO DỤC**

Giáo dục hiện đại chính là giáo dục mở. Trong quá trình thúc đẩy hiện đại hóa giáo dục, cần quán triệt yêu cầu "giáo dục cần hướng tới hiện đại hóa, hướng ra thế giới, hướng tới tương lai", từng bước mở rộng cửa với bên ngoài, lấy mở cửa thúc đẩy cải cách, thúc đẩy phát triển, bước vào con đường phát triển nâng cao chất lượng giáo dục ngày càng phù hợp với tình hình Trung Quốc và tình hình của tỉnh Giang Tô.

## **I- GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI HÓA LÀ GIÁO DỤC MỞ**

Mở cửa với bên ngoài là quốc sách cơ bản lâu dài của Trung Quốc, là tổng kết bài học, kinh nghiệm hai phương diện chính - phản trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hơn 50 năm của Trung Quốc. Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XVI đã tổng kết kinh nghiệm thực tiễn sau hơn 20 năm cải cách mở cửa đến nay, đề ra yêu cầu cao hơn đối với công tác cải cách mở cửa trong thời

kỳ mới, thế kỷ mới: "Thích ứng với tình hình mới kinh tế toàn cầu hóa và gia nhập tổ chức thương mại quốc tế, tham gia hợp tác và cạnh tranh kinh tế kỹ thuật với quốc tế ở phạm vi rộng hơn, trong nhiều lĩnh vực hơn, ở tầm cao hơn, tận dụng hai thị trường trong và ngoài nước. sử dụng tối ưu các tài nguyên, mở rộng không gian phát triển, lấy mở cửa thúc đẩy cải cách, thúc đẩy phát triển"<sup>1</sup>. Trích đoạn trong báo cáo ở Đại hội Đảng lần thứ XVI này đã định hướng rõ cho công cuộc mở cửa giáo dục trong thời kỳ mới. Mở rộng của nền giáo dục với bên ngoài là yêu cầu cấp thiết của xu thế phát triển giáo dục thế giới. là khâu quan trọng trong chiến lược phát triển giáo dục Trung Quốc trong thời kỳ mới, là lựa chọn tất yếu để nâng cao chất lượng giáo dục tỉnh Giang Tô. Sau khi gia nhập tổ chức thương mại quốc tế, mở cửa giáo dục cũng là cam kết và nghĩa vụ của Trung Quốc đối với quốc tế.

### **1. Mở cửa giáo dục là yêu cầu cấp thiết của xu thế giáo dục thế giới**

Hiện nay, một đặc điểm quan trọng để thế giới phát triển là toàn cầu hóa kinh tế, kinh tế kỹ thuật của các nước ngày càng gắn bó chặt chẽ hơn, sản xuất từ xã hội hóa chuyển dần sang quốc tế hóa. Toàn cầu hóa kinh tế

---

1. "Báo cáo của đồng chí Giang Trạch Dân trong Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XVI: xây dựng xã hội khá giả, mở ra cục diện mới cho sự nghiệp xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc", *Tập hợp văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XVI*, Nxb. Nhân dân, 2002, tr.28.



yêu cầu nhân viên quản lý và kỹ thuật có thể lưu động giữa các nước, yêu cầu các trường đại học, cao đẳng ở các nước phải đào tạo ra đủ số lượng nhân tài thông hiểu quy tắc quốc tế, có tinh thần sáng tạo và năng lực thực tiễn. Dưới tác động của toàn cầu hóa kinh tế, yếu tố cơ bản cấu thành nên giáo dục đang chuyển động trong phạm vi toàn cầu với quy mô chưa từng có. Ngày càng nhiều quốc gia căn cứ vào yêu cầu mở cửa, giao lưu và thông dụng, đặt cơ cấu giáo dục của nước mình vào trong giáo dục và văn hóa thế giới để tiến hành xây dựng và quản lý, bảo đảm một số vấn đề trong giáo dục nước mình tương đồng và được công nhận ở nền giáo dục của các nước khác như việc thiết kế các môn học và chuyên ngành học, kế hoạch chương trình, tiêu chuẩn giảng dạy, thành tích học tập; ngày càng nhiều trường thực hiện chính sách mở đối với công tác tuyển sinh, giảng dạy, nghiên cứu, dịch vụ, trong quá trình giao lưu cùng trao đổi học tập, lấy ưu bổ sung cho khuyết, nâng cao trình độ và danh tiếng của trường; ngày càng nhiều gia đình và học sinh chọn lựa dịch vụ giáo dục với phạm vi rộng hơn, lựa chọn con đường thích hợp hơn cho sự phát triển và thành tài của mình, lựa chọn tiếp nhận nền giáo dục ở nước ngoài một thời gian, bồi dưỡng tố chất văn hóa cần thiết để thích ứng với xu thế toàn cầu hóa kinh tế.

Căn cứ vào yêu cầu nhất thể hóa kinh tế của châu Âu, dưới tác động của EU, từ năm 1987, châu Âu đã bắt đầu thực hiện kế hoạch hành động lưu chuyển sinh viên châu Âu, yêu cầu khoảng 10% sinh viên phải có trải

nhịệm giáo dục ở nước ngoài từ nửa năm đến một năm, để mở rộng tâm mắt ra quốc tế. Năm 1997, các nước châu Âu và Mỹ đã ký công ước cùng chấp nhận tư cách học lực của các trường đại học, cao đẳng tại châu Âu và Mỹ, đưa ra chế độ để mở rộng giao lưu giáo dục. Với ưu thế có ngôn ngữ được dùng nhiều trên thế giới, Anh luôn là một trong những nước chính được lưu học sinh ngoại quốc lựa chọn trên thế giới. Năm 1995, Anh đã ban bố "Quy tắc chuẩn thực hiện hợp tác giáo dục đại học, cao đẳng với nước ngoài", mở rộng thị trường phục vụ giáo dục ra nước ngoài. Anh coi việc đẩy nhanh chiếm lĩnh thị trường quốc tế về giáo dục đại học, cao đẳng là chiến lược để phát triển giáo dục đại học, cao đẳng. Trong năm học 2002-2003, số sinh viên nước ngoài ở các trường đại học, cao đẳng của Anh là 27,5 vạn người, chiếm 12,7% tổng số sinh viên ở Anh, trong đó, 20% là sinh viên Trung Quốc đại học. Tháng 6-2005, thủ tướng Anh Tony Blair đã phát biểu rằng nước Anh sẽ coi mở cửa giáo dục là chiến lược lâu dài, từng bước nâng số lượng lưu học sinh ở Anh chiếm 1/4 số lượng lưu học sinh của thế giới. Từ trước tới nay, mảnh đất vốn là thuộc địa của Pháp - châu Phi luôn là nơi cố số lưu học sinh đến Pháp du học nhiều nhất, chiếm hơn 50% tổng số lưu học sinh ở Pháp. Đứng trước xu thế phát triển nhanh chóng của giáo dục lưu học sinh thế giới, năm 1997, Bộ Giáo dục Pháp đã chỉ rõ: phải mở cửa giáo dục đại học, cao đẳng với nước ngoài, thu hút ngày càng nhiều lưu học sinh, đưa tổng số lưu học sinh chiếm 1/3

tổng số sinh viên ở Pháp, đồng thời cũng cung cấp học bổng để sinh viên Pháp ra nước ngoài du học.

Mỹ từ lâu đã rất chú ý đến các nhân tài ưu tú nhất trên khắp thế giới, coi đây là chiến lược quốc gia và đã đạt được những thành công lớn. Ngay từ năm 1946, Mỹ đã đặt ra kế hoạch thu hút lưu học sinh nước ngoài, những năm 60 đưa ra *Luật giáo dục quốc tế*, mở rộng trao đổi lưu học sinh nước ngoài, đồng thời mở ra cánh cửa cho các lưu học sinh quyền được cư trú lâu dài và nhập quốc tịch Mỹ. Những năm gần đây, hằng năm, Mỹ đã cấp visa cho hơn 70 vạn lưu học sinh nước ngoài, học giả sang giao lưu và nhân tài có kỹ năng tốt. Ngoài ra, Mỹ đã nhiều lần thay đổi luật nhập cư, không ngừng nới lỏng giới hạn đối với dân nhập cư kỹ thuật, những năm gần đây, hằng năm cho phép 6.000 nhà khoa học và nhân viên khoa học - kỹ thuật nước ngoài trực tiếp đến Mỹ định cư hợp pháp. Giai đoạn hiện nay, Mỹ là nước thu hút nhiều lưu học sinh nước ngoài nhất, cũng là nước có lợi ích kinh tế lớn nhất thế giới. Theo thống kê của UNESCO năm 2004, tổng số lưu học sinh trên thế giới là 2,5 triệu, trong đó riêng Mỹ đã thu hút được 57 vạn, chiếm 23% tổng số lưu học sinh trên thế giới. Kế hoạch quốc gia của Mỹ là thu hút được 40% tổng số lưu học sinh trên thế giới. Bên cạnh việc tích cực phát triển giáo dục lưu học sinh, Mỹ cũng khuyến khích sinh viên trong nước ra nước ngoài du học để hiểu biết thêm về thế giới. "Mục tiêu giáo dục của Mỹ năm 2000" nêu rõ, đến năm 2010 có 10% học sinh Mỹ ra nước ngoài học tập.

Canada là một trong bảy nước công nghiệp lớn trên thế giới. Năm 1995, Hiệp hội học viện đại học đã tuyên bố thúc đẩy giao lưu hợp tác giáo dục đại học, cao đẳng với quốc tế, đồng thời đưa ra mục tiêu và phương án thực hiện lưu hợp tác giáo dục đại học, cao đẳng với quốc tế, nhằm thu hút học sinh quốc tế đến Canada du học. Tháng 9-2003, Canada ban bố luật nhập cư mới, khuyến khích dân nhập cư kỹ thuật. Canada đang từng bước trở thành quốc gia thu hút lưu học sinh tiếp sau Mỹ và Anh.

Ôxtrâyliya là một trong những nước sớm nhất đưa giáo dục lưu học sinh thành ngành thương mại dịch vụ. Năm 1985, Chính phủ liên bang Ôxtrâyliya công bố sách chỉ dẫn thu phí từ lưu học sinh nước ngoài, năm 1988, ban bố *Luật kinh phí giáo dục đại học, cao đẳng*, quy định tất cả lưu học sinh nước ngoài phải trả toàn bộ chi phí đào tạo. Sau đó, Chính phủ Ôxtrâyliya tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học, giáo dục với các nước, ủng hộ kế hoạch sinh viên ra nước ngoài du học. Theo thống kê, đến tháng 5-2003, có 1.569 dự án giáo dục đại học, cao đẳng mang tính quốc tế, tổng số lưu học sinh đạt 17,5 vạn người, trong đó có 11,5 vạn lưu học sinh đang ở Ôxtrâyliya, chiếm 20,3% tổng số sinh viên của Ôxtrâyliya.

Triển khai mở cửa giáo dục rõ ràng đem lại nhiều lợi ích cho các nước phát triển, các lợi ích chủ yếu bao gồm:

- 1) Tiên tệ, chủ yếu là học phí và các chi phí sinh hoạt như tiền nhà ở, tiền đi du lịch, phí giao thông, phí y tế;
- 2) Tài nguyên nhân lực, chủ yếu chỉ những người nhập cư kỹ

thuật và các lưu học sinh đang trong giai đoạn học đại học, cao đẳng, việc tiếp nhận những đối tượng này sẽ khiến quốc gia đó tiết kiệm được chi phí đào tạo và giáo dục, thu về được nhân tài và lực lượng lao động giá rẻ; 3) ảnh hưởng và thâm nhập văn hóa xã hội, các quốc gia khác nhau coi việc chiêu sinh lưu học sinh là kênh để truyền bá quan niệm giá trị của mình.

Đối với các nước đang phát triển, việc mở cửa giáo dục vừa có lợi vừa có hại, vừa là cơ hội vừa là thách thức. Tác giả của chủ nghĩa Mác kinh điển khi bàn về tính hai mặt của thị trường đã chỉ rõ: Một mặt nó tạo ra xu thế phụ thuộc, "nó khiến cho các nước chưa hoặc đang khai hóa phụ thuộc vào các nước văn minh, khiến cho dân tộc nông dân phụ thuộc vào dân tộc của giai cấp tư sản, khiến cho phương Đông phụ thuộc vào phương Tây"; mặt khác nó tạo ra xu thế tiến bộ, "do mở rộng thị trường thế giới, sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước đều mang tính toàn cầu... Sản xuất vật chất là vậy, sản xuất tinh thần cũng không thể khác được. Sản phẩm tinh thần của các dân tộc đều thành tài sản chung, không thể để tồn tại tính cục bộ và phiến diện"<sup>1</sup>. Thị trường dịch vụ giáo dục cũng có những đặc tính của thị trường thế giới. Một mặt, nó đem lại lợi ích rõ rệt cho các nước xuất khẩu dịch vụ giáo dục, chính bởi vậy, những nước phát triển có trình độ phát triển giáo

---

1. C. Mác - Ph. Ăngghen: "Tuyên ngôn Đảng Cộng sản", *Tuyển tập*", C. Mác - Ph. Ăngghen, Nxb. Nhân dân, 1994, t.1, tr.275-276.

dục cao, thực lực giáo dục mạnh đều tích cực chủ trương tự do hóa thương mại dịch vụ giáo dục, với mong muốn thông qua đó sẽ thu về được nhiều lợi ích hơn; mặt khác, nó đem lại những cơ hội hiếm có cho các nước đang phát triển, khiến cho các nước đó có thể nhân cơ hội này có liên hệ nhiều hơn với thế giới, thoát khỏi giới hạn về lịch sử, giới hạn về khu vực và giới hạn về dân tộc, cùng hưởng các thành quả ưu tú của các dân tộc, hòa vào nền giáo dục thế giới một cách nhanh nhất, từ đó rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển.

Giai đoạn hiện nay, cho dù mọi người tán thành hay phản đối việc mở cửa giáo dục, trên thực tế nó cũng giống như toàn cầu hóa kinh tế, trở thành xu thế khách quan không thể xoay chuyển theo ý của con người, trở thành trào lưu trên thế giới. Sự phát triển giáo dục của một quốc gia xét về khách quan đã tồn tại hai thị trường, hai tài nguyên. Cho dù là nước phát triển hay nước đang phát triển, đều cần nghiêm túc suy nghĩ sách lược để ứng phó, đều cần chủ động thay đổi cho thích ứng với nó, đón nhận nó, tận dụng nó, không thể đứng ngoài cuộc, không thể chống lại một cách tiêu cực. Chủ động sớm sẽ thích ứng sớm, gia nhập sớm sẽ được lợi sớm.

## **2. Mở cửa giáo dục là cam kết nghiêm túc của Trung Quốc đối với quốc tế**

Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 1994 đã hoàn thành xong vòng đàm phán Uruguay và thông qua "Hiệp

định thương mại dịch vụ". Văn kiện mang tính luật pháp quốc tế này đã đưa giáo dục vào phạm trù dịch vụ thương mại, quy định rõ ngoài hoạt động hỗ trợ toàn phần kinh phí của các nước, các hoạt động giảng dạy thu học phí, mang tính chất thương mại đều thuộc vào phạm trù dịch vụ thương mại giáo dục. Do dịch vụ giáo dục liên quan đến chủ quyền và truyền thống văn hóa của các nước, nên dịch vụ thương mại giáo dục chỉ yêu cầu đôi bên thông qua đàm phán được hưởng đãi ngộ như người bản địa trong phạm vi cho phép. Tính đến tháng 5-2002, trong 144 nước thành viên WTO, đã có 42 nước (12 nước châu Âu được tính là một thành viên) có cam kết ít nhất về ngành giáo dục. 25 trong số 30 nước thành viên trong tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế cũng có cam kết ít nhất đối với ngành giáo dục. Năm 2001, Trung Quốc gia nhập WTO, trên cơ sở công nhận "Hiệp định thương mại dịch vụ", cam kết mở rộng lĩnh vực dịch vụ thương mại giáo dục theo điều kiện và theo tuần tự. Căn cứ vào thỏa thuận đã đạt được giữa Trung Quốc - Mỹ và Trung Quốc - EU, Trung Quốc cam kết về dịch vụ giáo dục với các nội dung như sau:

*a) Cam kết phạm vi dịch vụ thương mại giáo dục*

Ngoài giáo dục các ngành có tính chất đặc thù như quân sự, cảnh sát, chính trị, trường Đảng và giáo dục nghĩa vụ quốc gia, Trung Quốc đều cam kết mở cửa trên các lĩnh vực giáo dục còn lại.

**Bảng 15: Biểu cam kết cụ thể thương mại dịch vụ giáo dục của Trung Quốc khi gia nhập WTO**

Nhóm và phân nhóm	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối ngoại quốc gia
<p>(Không bao gồm các dịch vụ giáo dục đặc thù, như quân sự, cảnh sát, chính trị, Đảng)</p> <p>Dịch vụ giáo dục tiểu học (không bao gồm giáo dục phổ cập)</p> <p>Dịch vụ giáo dục trung học (không bao gồm giáo dục phổ cập)</p> <p>Dịch vụ giáo dục đại học, cao đẳng</p> <p>Dịch vụ giáo dục trung cấp, dạy nghề</p> <p>Các dịch vụ giáo dục khác (bao gồm đào tạo ngôn ngữ tiếng Anh)</p>	<p>(1) Cung cấp qua biên giới: Không cam kết</p> <p>(2) Tiêu dùng ngoài lãnh thổ: Không hạn chế</p> <p>(3) Hiện diện thương mại: Sẽ cho phép hợp tác giữa Trung Quốc và nước ngoài, phía nước ngoài có thể được quyền đa số</p> <p>(4) Hiện diện thể nhân: Không cam kết ngoài trình độ có trong nội dung cam kết và các nội dung dưới đây: người cung cấp dịch vụ giáo dục cho người nước ngoài nếu được phía trường hoặc các cơ quan giáo dục khác của Trung Quốc mời hoặc thuê, có thể nhập cảnh cung cấp dịch vụ giáo dục</p>	<p>(1) Cung cấp qua biên giới: Không cam kết</p> <p>(2) Tiêu dùng ngoài lãnh thổ: Không hạn chế</p> <p>(3) Hiện diện thương mại: Không cam kết</p> <p>(4) Tư cách hiện diện thể nhân như sau:</p> <p>Có học vị cử nhân hoặc hơn; có bằng hoặc giấy chứng nhận tương ứng, có 2 năm kinh nghiệm công tác</p>

*Nguồn:* Trích từ Phụ lục 9 "Văn kiện pháp luật Trung Quốc gia nhập WTO, "Biểu cam kết cụ thể thương mại dịch vụ".



### ***b) Cam kết phương thức cung cấp dịch vụ giáo dục***

Thương mại dịch vụ giáo dục có bốn phương thức cung cấp:

***Phương thức thứ nhất*** là cung cấp qua biên giới. Cung cấp qua biên giới chủ yếu chỉ giáo dục qua mạng và giáo dục từ xa. Trung Quốc chưa cam kết về tiếp cận thị trường và đãi ngộ quốc gia, Trung Quốc có thể quyết định nới lỏng mức độ.

***Phương thức thứ hai*** là tiêu dùng ngoài lãnh thổ. Tiêu dùng ngoài lãnh thổ chủ yếu chỉ ra nước ngoài du học và đào tạo, Trung Quốc cam kết cho phép tiêu dùng ngoài lãnh thổ, không có hạn chế đối với đãi ngộ quốc gia.

***Phương thức thứ ba*** là hiện diện thương mại. Hiện diện thương mại chỉ tổ chức giáo dục của một nước thành viên đến một nước thành viên khác mở trường, tiến hành các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và giao lưu văn hóa. Trên thực tế, hiện diện thương mại xuất hiện dưới hình thức thương mại. Đối với phương thức cung cấp này, Trung Quốc cho phép hợp tác với nước ngoài, cho phép đối tác nước ngoài nắm giữ cổ phần và quyền quản lý chi phối. Trung Quốc không có cam kết về đãi ngộ quốc gia đối với phương thức hiện diện thương mại. Trung Quốc cho phép hợp tác với nước ngoài, cho phép phía đối tác nước ngoài có quyền quản lý chi phối, nhưng không cam kết đãi ngộ quốc gia với phía đối tác, cũng không cho phép các tổ chức nước ngoài độc lập một mình mở trường và các cơ quan giáo dục khác ở Trung Quốc. Ngoài ra, có quy định về mức thu phí đối với dịch vụ giáo dục, để tránh

tình hình giá dịch vụ giáo dục quá cao hoặc giá cả không hợp lý.

*Phương thức thứ tư* là hiện diện thể nhân. Hiện diện thể nhân chủ yếu chỉ hành vi cá thể của một người, trên thực tế là chỉ sự di chuyển của giáo viên với tư cách cá nhân tham gia dịch vụ giáo dục ở nước ngoài. Đối với phương thức hiện diện thể nhân, Trung Quốc cam kết có điều kiện đãi ngộ quốc gia.

"Hiệp định chung về thương mại dịch vụ" của WTO quy định rất nhiều nguyên tắc chung, như nguyên tắc thống nhất pháp chế, nguyên tắc không kỳ thị, nguyên tắc minh bạch công khai... Những quy tắc cơ bản này đều phải được tuân thủ trong dịch vụ giáo dục. Gia nhập WTO, cam kết mở cửa dịch vụ giáo dục vừa là thời cơ vừa là thách thức đối với Trung Quốc. Bên cạnh việc đối mặt với các thách thức, Trung Quốc cần nắm lấy cơ hội, đẩy nhanh phát triển, nâng cao trình độ trong quá trình mở cửa.

### **3. Mở cửa giáo dục là khâu quan trọng trong chiến lược phát triển giáo dục của Trung Quốc**

Mở cửa giáo dục không chỉ là yêu cầu cấp thiết của xu thế phát triển giáo dục trên thế giới, là cam kết của Trung Quốc đối với quốc tế, mà còn là khâu quan trọng trong chiến lược phát triển giáo dục của Trung Quốc trong thời kỳ mới, mở cửa là biện pháp quan trọng để thúc đẩy cải cách, thực hiện bước nhảy vọt.

Thông thường, phát triển giáo dục đặc biệt là phát triển giáo dục đại học, cao đẳng là một quá trình lịch sử tự

nhiên, cần xây dựng và tích lũy trong thời gian dài. Hiệu trưởng các trường đại học khi bàn về sự khác biệt giữa đại học ở Trung Quốc và nước ngoài đã cho rằng, trong khi các trường ở nước ngoài kỷ niệm 800 năm thành lập, thì trường của chúng ta kỷ niệm 100 năm thành lập, đó chính là sự khác biệt lớn nhất. Cần phải thừa nhận rằng sự phát triển của các trường đại học, cao đẳng là một quá trình lịch sử tự nhiên, nhưng cũng không thể phủ nhận sự phát triển vượt trội trong những thời kỳ đặc biệt, trong một điều kiện lịch sử nhất định, những đối tượng lạc hậu có khả năng đuổi kịp các đối tượng đi trước một cách đáng kinh ngạc. Thực tiễn phát triển của các trường đại học ở nước ngoài cho thấy, những trường thời gian thành lập ngắn nhưng có trình độ không phải là hiếm, một trong những biện pháp quan trọng là mở cửa. Trường Đại học Stanford nổi tiếng ngày nay khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai mới chỉ là đại học hạng hai. Đại học Khoa học - Kỹ thuật Hồng Công cũng không có bề dày lịch sử, mà tích cực thực hiện chiến lược quốc tế hóa, với sự nỗ lực không ngừng đưa ngôi trường bước vào top 100 trường hàng đầu trên thế giới khi kỷ niệm 10 năm ngày thành lập. Trường đại học quốc lập, Đại học công nghệ Nanyang của Xinghago cũng có lịch sử không dài, nhưng họ luôn tích cực thực hiện chiến lược liên kết với các trường đại học nổi tiếng trên thế giới, tăng cường giao lưu và hợp tác học thuật với quốc tế, thiết lập quan hệ với Mỹ, Ôxtrâyliya, Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, không những trân trọng mời các giảng viên trình độ cao ở khắp thế giới,

hợp tác với những trường đại học nổi tiếng lập ra các phân viện, mà còn cho nhập rất nhiều giáo trình tiên tiến của chuyên gia nước ngoài, thậm chí khi hoạch định để cương giảng dạy và tiêu chuẩn thi cũng mời các chuyên gia nước ngoài hướng dẫn và giúp đỡ. Những biện pháp này đã đưa hai trường nhanh chóng tiến kịp với các trường đại học nổi tiếng trên thế giới.

Nhìn từ quá trình phát triển giáo dục của nhiều nước trên thế giới, con đường duy nhất để tạo nên nền giáo dục hàng đầu thế giới là "mở cửa". "Mở cửa" nên trở thành quan niệm cơ bản để phát triển giáo dục Trung Quốc trong thời kỳ hiện nay. Chỉ "mở cửa" mới có thể học được các kinh nghiệm giáo dục, quan điểm giáo dục và kinh nghiệm quản lý tiên tiến trên thế giới; chỉ "mở cửa" mới có thể hiểu được xu thế phát triển giáo dục của thế giới, nắm được những động thái mới nhất của giáo dục ở các nước tiên tiến, từ đó thấy được điểm yếu của mình, đưa ra các biện pháp khắc phục; chỉ "mở cửa" mới có thể làm cho chuyên ngành đào tạo và nội dung giảng dạy đáp ứng được yêu cầu phát triển toàn cầu hóa kinh tế, đào tạo được những nhân tài có khả năng cạnh tranh với quốc tế; chỉ "mở cửa" mới có thể làm cho thế giới hiểu về nền giáo dục Trung Quốc, nâng cao danh tiếng trên thế giới, làm cho nhiều nước phải công nhận nền giáo dục của Trung Quốc; chỉ "mở cửa" mới có thể tận dụng được hai thị trường, hai nguồn tài nguyên ở phạm vi rộng, mở rộng không gian phát triển giáo dục, đưa nền giáo dục phát triển không ngừng.

Trong "Kế hoạch hành động phát triển giáo dục từ năm 2003-2007" do Quốc vụ viện phê chuẩn có nêu rõ: "Tăng cường hợp tác và giao lưu giáo dục quốc tế trên toàn phương diện, trong tầm cao mới. Cởi mở cửa giáo dục, tăng cường hợp tác giao lưu với quốc tế là khâu quan trọng trong chiến lược giáo dục của chúng ta. Thực hiện phương châm "chính phủ và nhân dân cùng làm, đôi bên và các bên cùng hành động, chú ý cân bằng chiến lược, bảo đảm trọng điểm, chú ý thực hiện có hiệu quả", thúc đẩy hợp tác và giao lưu giáo dục với quốc tế phát triển ở tầm cao, trên toàn phương diện và đa lĩnh vực"<sup>1</sup>.

Thể chế giáo dục hiện đại của Trung Quốc đã trải qua 100 năm xây dựng và phát triển, trong quá trình đó, có ba lần tiến hành mở cửa, học tập chế độ giáo dục nước ngoài với quy mô lớn. Lần thứ nhất vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trực tiếp học tập từ Nhật Bản, gián tiếp học tập châu Âu, Mỹ, trong quá trình học tập và đúc rút kinh nghiệm, Trung Quốc đã xóa bỏ chế độ khoa cử, xác định được vị trí của khoa học trong giáo dục ở các trường, tạo ra bước chuyển biến từ giáo dục truyền thống sang giáo dục hiện đại. Lần thứ hai vào đầu những năm 50 của thế kỷ XX, lấy cơ sở là giải phóng kinh nghiệm giáo dục trong nước, học tập kinh nghiệm giáo dục từ Liên Xô. Cho dù còn có rất nhiều kinh nghiệm cần học tập và tích

---

1. Bộ Giáo dục nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: "Tài liệu bổ trợ "Kế hoạch hành động phát triển giáo dục từ năm 2003-2007", Nxb. Khoa học giáo dục, 2004, tr.18.

lũy, nhưng hoạt động lần này đã làm cho Trung Quốc thay đổi từ nền giáo dục xã hội cũ chuyển sang nền giáo dục mới, đồng thời lấy chế độ giáo dục của Liên Xô làm cơ sở, xây dựng nên khung cơ bản cho chế độ xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc. Lần thứ ba là sau khi cải cách mở cửa. Tháng 6-1978, khi phiên họp thứ ba của Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XI vẫn chưa bắt đầu, đồng chí Đặng Tiểu Bình đã nêu ra cần tăng số lượng du học sinh lên nhiều lần. Tháng 10-1983, đồng chí đã đưa ra phương châm chỉ đạo "giáo dục cần hướng tới hiện đại hóa, hướng ra thế giới, hướng tới tương lai". "Hướng ra thế giới" chính là mở cửa nền giáo dục, quan tâm đặc biệt đến xu thế phát triển giáo dục trên thế giới, tích cực tiếp nhận các thành quả ưu tú của văn minh nhân loại, học tập kinh nghiệm giáo dục, kinh nghiệm quản lý tiên tiến trên thế giới, nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của Trung Quốc. Ba lần học tập kinh nghiệm của nước ngoài trong 100 năm qua đã đưa sự nghiệp giáo dục của Trung Quốc tiến bộ vượt bậc cả về chất và lượng, tạo cho nền giáo dục Trung Quốc một diện mạo mới. Lịch sử 100 năm đã cho thấy rõ: không thể không mở cửa giáo dục, mở cửa không hại gì đến chúng ta; mở cửa giáo dục có thể thúc đẩy sự nghiệp giáo dục phát triển vượt bậc.

Từ khi cải cách mở cửa cho tới nay, công tác giao lưu và hợp tác trong lĩnh vực giáo dục của tỉnh Giang Tô đã không ngừng được mở rộng về quy mô, nội dung ngày càng phong phú, kết quả đạt được rất rõ nét. Hơn 20 năm

qua, toàn tỉnh có hơn 4 vạn người ra nước ngoài du học, trong đó hơn 8.000 người do trường, tỉnh và Nhà nước cử đi, các du học sinh được cử đi đa phần đều trở về nước sau khi kết thúc khóa học, trở thành lực lượng cốt cán trong các lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, giáo dục, văn hóa, quản lý kinh tế. Hiện nay, hơn 80% người đứng đầu các ngành quan trọng và phòng thí nghiệm trọng điểm trong các trường đại học của tỉnh là du học sinh về nước, hơn 60% vai trò lãnh đạo bậc 2 của khoa, trường do du học sinh về nước đảm nhận. Đại đa số giáo viên hướng dẫn tiến sĩ trong các trường là du học sinh về nước từ sau năm 1978. Những người đứng đầu các công tác xây dựng chương trình mới, biên soạn giáo trình mới, sáng tạo môn mới, chuyên ngành mới, thúc đẩy nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy, đạt được các giải thưởng giảng dạy và sáng tạo ưu tú của Nhà nước, đa phần là du học sinh về nước. Giang Tô là một trong những tỉnh đi đầu Trung Quốc trong việc thực hiện kế hoạch cử giáo viên ra nước ngoài đào tạo, từ năm 2003 tới nay, liên tiếp 3 năm tỉnh cấp kinh phí cho giáo viên ra nước ngoài đào tạo ngắn hạn nâng cao trình độ. Giang Tô cũng là tỉnh dẫn đầu Trung Quốc triển khai kế hoạch đưa học sinh ra nước ngoài du lịch kết hợp học tập. Từ năm 1997, Giang Tô bắt đầu khôi phục chiêu sinh lưu học sinh nước ngoài và đã đào tạo gần 4 vạn lưu học sinh đến từ hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ. Những năm gần đây, số lượng lưu học sinh đến Trung Quốc ngày càng nhiều. Năm 2004, tỉnh Giang Tô đã tiếp nhận 9.000

lưu học sinh, trong đó 6.500 em học ở các trường đại học, cao đẳng, 2.400 em học ở bậc tiểu và trung học. Giang Tô là một trong những tỉnh triển khai hợp tác giáo dục sớm nhất ở Trung Quốc. Đại học Nam Kinh và Đại học Hopkins đã hợp tác thành lập Trung tâm Giao lưu văn hóa Trung - Mỹ, bắt đầu từ năm 1983 bắt đầu xây dựng, năm 1986 bắt đầu chiêu sinh học sinh Mỹ và Trung Quốc, do giáo viên hai nước cùng đảm nhận lên lớp, là trường đi tiên phong ở Trung Quốc. 19 năm qua, đã có 1.500 học sinh tốt nghiệp ở Trung tâm Giao lưu văn hóa Trung - Mỹ. Đến cuối năm 2005, toàn tỉnh Giang Tô có 201 dự án và cơ quan hợp tác giáo dục với 16 nước và lãnh thổ, trong đó có 30 cơ quan hợp tác giáo dục, 171 dự án hợp tác giáo dục. Giao lưu và hợp tác giáo dục với nước ngoài đã đem lại luồng sinh khí mới cho sự phát triển của sự nghiệp giáo dục Giang Tô. Có thể nói, nếu không tận dụng nguồn tài nguyên giáo dục trong và ngoài nước để đào tạo nhân tài, sẽ không thể có được cục diện mới cho nền giáo dục và công tác nghiên cứu khoa học của tỉnh Giang Tô như ngày nay.

## II- THU HÚT VÀ TẬN DỤNG NGUỒN TRÍ LỰC NƯỚC NGOÀI

Công tác quan trọng của mở cửa giáo dục là thu hút và tận dụng nguồn trí lực nước ngoài để đào tạo nhân tài. Công tác này bao gồm hai phương diện liên kết chặt chẽ với nhau: Một là "xin mời vào", thu hút và tận dụng nhân



tài nước ngoài nhằm phát triển và nâng cao sự nghiệp giáo dục; hai là "ra bên ngoài", đưa học sinh Trung Quốc ra nước ngoài du học, học tập văn hóa, tri thức tiên tiến của nước ngoài.

### **1. Thu hút và tận dụng nhân tài nước ngoài**

Trong quá trình mở cửa, không chỉ thu hút vốn, kỹ thuật và quản lý của nước ngoài mà còn phải thu hút cả nhân tài. Ngày 8-7-1983, Đặng Tiểu Bình từng nêu rõ: "Phải tận dụng trí lực nước ngoài, mời một số chuyên gia nước ngoài sang tham gia vào các công trình trọng điểm, trên các phương diện. Chúng ta chưa nhận thức đủ về vấn đề này, chưa thật sự có quyết tâm. Muốn thực hiện xây dựng hiện đại hóa, chúng ta vừa thiếu kinh nghiệm, vừa thiếu tri thức. Không nên sợ bỏ ra nhiều chi phí khi mời chuyên gia nước ngoài, họ có thể đến trong một thời gian dài hay ngắn đều được, đến chỉ vì một đề tài cũng được. Sau khi mời họ đến, nên phát huy tốt vai trò của họ. Trước kia, chúng ta thường tiệc tùng nhiều, khách khí nhiều, nhưng lại thỉnh giáo học ít, nhờ họ giúp cũng ít, trong khi họ rất sẵn lòng giúp đỡ chúng ta"<sup>1</sup>. Những câu nói nổi tiếng này của Đặng Tiểu Bình đã thể hiện rõ tư tưởng thu hút trí lực nước ngoài của Trung Quốc.

Cần phải thu hút nhiều chuyên gia, học giả nước ngoài đến Trung Quốc. Cần phải kích hoạt lại cơ chế thu hút

---

1. "Tận dụng trí lực nước ngoài và cải cách mở cửa", *Tuyển tập Đặng Tiểu Bình*, Nxb. Nhân dân, 1993, t.3, tr.32.

nhân tài, đối với các chuyên gia, học giả nước ngoài có cống hiến xuất sắc, cần phải được Nhà nước trọng thưởng. Cần thu hút các chuyên gia, học giả đến Trung Quốc làm việc với nhiều hình thức, mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả thu hút nhân tài.

Công tác trọng điểm của việc thu hút nguồn trí lực nước ngoài là kêu gọi các du học sinh ưu tú về phục vụ cho tổ quốc. Ngày 7-5-2002, Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Văn phòng Quốc vụ viện ban hành "Đề cương quy hoạch xây dựng đội ngũ nhân tài toàn quốc từ năm 2002-2005", trong đó nêu rõ: Khuyến khích du học sinh về nước công tác hoặc phục vụ cho Tổ quốc dưới các hình thức khác. Tích cực kêu gọi du học sinh về nước công tác dài hoặc ngắn hạn, khuyến khích họ phục vụ cho đất nước dưới các hình thức như hợp tác dự án, kiêm chức, khảo sát giảng dạy, cố vấn nghiệp vụ. Từng bước tăng cường và cải tiến công tác xây dựng cơ sở lập nghiệp cho du học sinh, tạo không gian phát triển cho du học sinh về nước công tác. "Quyết định của Quốc vụ viện về việc tăng cường công tác nhân tài" được ban bố vào ngày 26-12-2003 cũng chỉ rõ: "Tăng cường thu hút du học sinh và nhân tài cao cấp nước ngoài. Tiếp tục quán triệt phương châm ủng hộ du học, khuyến khích về nước, tự do đến và đi, khuyến khích du học sinh phục vụ cho đất nước với nhiều hình thức khác nhau. Căn cứ vào yêu cầu mở rộng con đường du học, thu hút nhân tài về nước, ủng hộ sáng tạo lập nghiệp, khuyến khích phục vụ cho tổ quốc, đưa ra và thực hiện

kế hoạch kêu gọi nhân tài du học về nước, chú ý thu hút nhân tài cao cấp và nhân tài ở những ngành đang thiếu. Sử dụng các hình thức như thu hút cả đội ngũ, thu hút nhân tài cao cấp, thu hút dự án triển khai kỹ thuật cao, xây dựng cơ chế thu hút sao cho phù hợp với đặc điểm của du học sinh". Cần nâng cao hiệu quả thu hút nhân tài du học về nước công tác. Kiện toàn các chính sách liên quan đến vấn đề du học sinh về phục vụ cho đất nước, khuyến khích họ cống hiến cho sự nghiệp xây dựng đất nước với các hình thức khác nhau. Xây dựng chế độ "mở" với đặc trưng giao lưu trí lực cho nhân tài, đồng thời từng bước sử dụng các chế độ đó là phương thức chính để thu hút nhân tài. Cần thu hút nhiều du học sinh về nước công tác tại các trường đại học, cao đẳng, hoặc phục vụ cho sự phát triển nền giáo dục của đất nước dưới mọi hình thức. Cát nhắc du học sinh về nước vào các vị trí lãnh đạo, đối với những đối tượng xuất sắc, có thể đặc cách cất nhắc theo nguyên tắc tín nhiệm, tin tưởng. Lựa chọn các du học sinh tài đức song toàn, có tiềm năng phát triển vào danh sách cán bộ nguồn, tiến hành bồi dưỡng. Hoàn thiện chính sách ưu đãi về thu nhập, nhà ở, y tế, bảo hiểm xã hội, con cái nhập học và công việc của người thân, tạo môi trường chính sách có lợi cho các du học sinh về nước, về tỉnh làm việc. Đối với các nhân tài quan trọng, cần sử dụng các biện pháp đặc biệt để thu hút, cố gắng đạt được thu hút một nhân tài, thúc đẩy một dự án nghiên cứu, cải tiến một ngành, hình thành một ưu thế. Xét trên thực tế,

điều kiện sinh hoạt và công tác của Trung Quốc và nước ngoài có khoảng cách nhất định, cần khuyến khích nhân viên các nước đến Trung Quốc làm việc dưới hình thức "chìm di trú" ngắn hạn, như hợp tác dự án, kiêm chức, khảo sát giảng dạy...

## **2. Khuyến khích và hướng dẫn du học**

Du học là con đường chính để học tập các thành quả văn minh của các nước trên thế giới, cũng là con đường chính để xây dựng đội ngũ nhân tài trình độ cao. Nhìn lại chặng đường hơn 100 năm lịch sử du học của Trung Quốc, trong các thời kỳ cách mạng, xây dựng, cải cách, xuất hiện từ các nhân tài du học từng lớp nhân tài lãnh đạo và chuyên gia khoa học kiệt xuất, từng lớp nhà khoa học nổi tiếng và người đặt nền móng cho sự nghiệp xây dựng nền giáo dục, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, y tế của Trung Quốc, như Chu Bối Nguyên, Trúc Khả Trinh, Tiền Học Lâm, Tiền Tam Cường, Đàm Gia Trinh, Mao Di Thăng, Ngô Hữu Huấn... Họ đã cống hiến hết mình cho công cuộc thay đổi diện mạo mới cho Trung Quốc.

Đối với nhiều nước đang phát triển, du học mang lại nhiều tác động khác nhau. Du học sinh thường là những người xuất sắc, nếu họ không trở về, đất nước sẽ mất đi những tinh hoa nhân tài, làm giảm khả năng phát triển của đất nước, công tác sáng tạo tri thức và sáng tạo kỹ thuật sẽ càng khó khăn. Thông thường, các nước đang phát triển sẽ bị chảy máu chất xám sang các nước phát

triển, trong khi đó chi phí giáo dục giành cho thời gian trước khi du học đều do nước đang phát triển chi trả, các nước phát triển được một lượng nhân tài mà không cần đầu tư, còn các nước đang phát triển do chảy máu chất xám nên không thu được lợi ích gì. Hiện tượng này gọi là "người trồng cây, kẻ hái quả". Nhưng đồng thời, nhân tài của các nước đang phát triển di chuyển sang các nước phát triển cũng tạo nên xu hướng tiến bộ quan trọng, làm cho các nước đang phát triển có thể nhân dịp đó liên hệ nhiều hơn với thế giới, được tiếp cận với tri thức tiên tiến của các nước phát triển. Theo một báo cáo của Mỹ, có 20% người nhập cư sau khi đến Mỹ 10 năm lại rời đi, nếu tính cả một đời người, sẽ có 1/3 người nhập cư rời khỏi Mỹ. Một báo cáo của tổ chức người nhập cư của thế giới cho rằng, một số lượng người nhập cư thường định kỳ đi lại giữa hai nước, còn một số nhân tài nước ngoài sau khi tích lũy đủ vốn sẽ có khả năng quyết định trở về quê hương, khi những người này mang tri thức, kỹ năng và tiền về nước, sẽ góp phần không nhỏ cho sự phát triển của quê hương họ. Như vậy, ở trường hợp này, thay vì nói là nhân tài đi mất, hãy nói đó là một sự giao lưu và chia sẻ tri thức, kỹ năng. Chính bởi vậy, ngày càng nhiều học giả phương Tây bắt đầu sử dụng khái niệm "tuần hoàn nhân tài" để thay thế cho "nhân tài đi mất". Ấn Độ là nước có nhân tài khoa học - kỹ thuật di chuyển sang các nước phát triển nhiều nhất, tình trạng này đã bị người dân trong nước cũng như quốc tế có nhiều dị nghị. Nhưng người được mệnh danh

là "thủ tướng máy tính" - ông Rajiv Gandhi cho rằng: Nhân tài xuất ngoại là cách nói đang phổ biến. Đó là một hiện tượng phức tạp, nhưng sẽ thỏa đáng hơn nếu coi đó là một hình thức khai thác tài nguyên nhân tài, là quá trình để một người tích lũy tri thức và kinh nghiệm, vì kỹ năng mà những người này có được sẽ rất quan trọng với tổ quốc. Khi những nước đang phát triển áp dụng các biện pháp ngăn chặn nhân tài di chuyển, Ấn Độ lại thân nhiên đối mặt với tình trạng "di chuyển" đó. Chính vì có hàng trăm nghìn người Ấn Độ tới thung lũng Silicon làm việc, ngành công nghiệp phần mềm của Ấn Độ mới phát triển như hiện nay.

Sau khi cải cách mở cửa, Trung Quốc đã đưa ra chính sách " ủng hộ du học, khuyến khích về nước, tự do đến và đi", có khoảng 80 vạn học giả và học sinh Trung Quốc ra nước ngoài tu nghiệp và học tập, đa phần những người đi theo chế độ học bổng của chính phủ đều về nước. Nhiều du học sinh sau khi học thành tài đã về nước làm việc hoặc tích cực tham gia vào sự nghiệp xây dựng hiện đại hóa đất nước dưới nhiều hình thức, cống hiến cho sự phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội của đất nước. Có hai hình thức du học cơ bản - học bổng của Nhà nước và tự phí. Năm 2003, tổng số du học sinh của Trung Quốc là 11,73 vạn người, trong đó 3.002 người do Nhà nước cử đi, 5.144 người do đơn vị cử đi, 10,92 vạn người là tự phí. Năm 2003, tổng số du học sinh về nước là 2,01 vạn người, trong đó 2.638 người do Nhà nước cử đi, tỷ lệ về nước là 87,87%; 4.292 người do đơn vị cử đi,

tỷ lệ về nước là 83,44%; 1,3 vạn người tự phí, tỷ lệ về nước là 12,09%<sup>1</sup>.

Cần coi việc ủng hộ và hướng dẫn du học là công tác cơ bản để mở cửa giáo dục, nỗ lực tạo ra môi trường có nhiều hình thức, thể loại và con đường du học. Ngoài việc tiếp tục triển khai hình thức Nhà nước cử nhân viên đi du học, cần khuyến khích các đơn vị cử người đi du học và du học tự phí, đồng thời hình thành nên hình thức kết hợp giữa tự phí và học bổng của Nhà nước. Cần thông qua ủng hộ và hướng dẫn du học, đào tạo ra thanh niên dẫn đầu về học thuật, nhân tài sáng tạo nòng cốt thanh niên và trung niên, đội ngũ sáng tạo ưu tú và giáo viên giỏi.

### III. TÍCH CỰC THỨC ĐẨY HỢP TÁC GIÁO DỤC GIỮA TRUNG QUỐC VÀ NƯỚC NGOÀI

Hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài xuất hiện trong lĩnh vực giáo dục từ sau khi Trung Quốc cải cách mở cửa và bắt đầu phát triển vào đầu những năm 90 của thế kỷ XX, mục đích để thu hút nguồn giáo dục ưu tú của nước ngoài, tạo điều kiện cho học sinh Trung Quốc không cần ra nước ngoài vẫn có thể tiếp cận được với nền giáo dục tiên tiến của quốc tế. Hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài dần trở thành hình thức giao lưu và hợp tác mới với nước ngoài của nền giáo dục Trung Quốc, trở thành con đường mới để đẩy nhanh

---

1. Trích từ *Báo Thanh niên Trung Quốc* ngày 16-2-2004.

việc đào tạo nhân tài cần thiết cho sự nghiệp xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa.

### **1. Quy định pháp luật về hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài**

Vào thời kỳ đầu của cải cách mở cửa, năm 1978, Trung Quốc đại lục đã bắt đầu tìm hiểu các hoạt động hợp tác giáo dục với nước ngoài. Từ năm 1980, đại lục đã tiến hành nhiều hình thức hợp tác giáo dục với các cá nhân, tổ chức giáo dục của Mỹ, Nhật Bản, Đức, Pháp, Anh, Canada và Hồng Kông. Ngày 26-1-1995, nguyên Ủy ban Giáo dục quốc gia công bố thực hiện "Quy định hiện hành hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài", chỉ đạo và quy chuẩn công tác hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài. Sau khi gia nhập WTO, một số điều khoản và quy định trong "Quy định hiện hành hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài" có khác biệt so với cam kết, do vậy, Chính phủ Trung Quốc đã tổ chức các đơn vị và nhân viên có liên quan tiến hành điều tra nghiên cứu, tháng 3-2003 ban hành "Điều lệ hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa", tháng 9 được chính thức đưa vào thực hiện. Năm 2004, Bộ Giáo dục Trung Quốc lại công bố "Biện pháp thực hiện Điều lệ hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Hiện nay, về cơ bản, Trung Quốc đã hình thành quy định pháp luật về hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài.



Đối với hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài, Trung Quốc thực hiện theo phương châm "mở cửa, mở trường chuẩn, quản lý bằng luật pháp, thúc đẩy phát triển". Nhà nước khuyến khích thu hút nguồn giáo dục chất lượng tốt của nước ngoài để hợp tác giáo dục; khuyến khích triển khai hợp tác giáo dục trong các lĩnh vực giáo dục đại học, cao đẳng và giáo dục dạy nghề; khuyến khích cơ quan giáo dục đại học, cao đẳng hợp tác giáo dục với các cơ quan giáo dục đại học, cao đẳng nổi tiếng của nước ngoài. Nhà nước luôn có đãi ngộ ưu đãi cho các cơ quan hợp tác giáo dục. Đối với các chính sách hợp tác giáo dục, Nhà nước tập trung vào việc tăng tài nguyên giáo dục, thu hút tài nguyên giáo dục chất lượng; bên cạnh đó cần chú ý bảo vệ đất nước và lợi ích chung, thực hiện cam kết quốc gia.

Về quyền hạn quản lý hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài, thực hiện phê chuẩn theo nguyên tắc phân tầng phân loại: các hợp tác đại học chính quy và cao hơn do Bộ Giáo dục phê chuẩn; cao đẳng và dạy nghề do chính quyền tỉnh, thành phố phê chuẩn; trung học và trợ giúp tự ôn thi; bổ túc văn hóa, giáo dục trước khi đi học do các ban, ngành hành chính của chính quyền tỉnh, thành phố phê chuẩn.

Phát triển và quy chuẩn hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài, nòng cốt là thu hút tài nguyên giáo dục chất lượng từ nước ngoài. Căn cứ theo yêu cầu của "Điều lệ hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài

của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa". Nhà nước khuyến khích các trường đại học, cao đẳng hợp tác giáo dục với các trường đại học, cao đẳng nổi tiếng trên thế giới; khuyến khích các cơ quan hợp tác giáo dục áp dụng chương trình và giáo trình tiên tiến của quốc tế. So với các nước có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, nền giáo dục của Trung Quốc, đặc biệt là giáo dục đại học, cao đẳng, giáo dục dạy nghề còn có khoảng cách nhất định về quan niệm giáo dục, phương pháp giáo dục, thể chế quản lý và thể chế vận hành giáo dục, thu hút tài nguyên giáo dục chất lượng sẽ làm cho sự nghiệp giáo dục của Trung Quốc thực sự tiến bộ, phát triển.

## **2. Hình thức cơ bản của hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài**

Hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài có hai hình thức cơ bản là hợp tác cơ cấu và hợp tác dự án.

Hợp tác cơ cấu chỉ các bên hợp tác trên cơ sở hiệp thương bình đẳng thành lập các trường mới. Hiện nay, cách làm chủ yếu của hợp tác cơ cấu là:

a) Trên cơ sở tận dụng tài nguyên giáo dục vốn có của phía Trung Quốc hợp tác thành lập cơ sở 2. Trong cơ sở mới hợp tác này, trường nước ngoài chủ yếu đầu tư nhân tố mềm như: cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy chuyên ngành và phần mềm tài liệu điện tử, kinh phí quảng cáo tuyển sinh..., trường Trung Quốc cung cấp cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy và giáo viên.

b) Thành lập trường mới: Trong hợp tác này, các trường ở nước ngoài chủ yếu đầu tư phần cứng như đầu tư tiền xây dựng, sửa chữa trường, cung cấp thiết bị giảng dạy, một bộ phận giáo viên, tài liệu..., phía Trung Quốc cung cấp mặt bằng xây dựng trường, kinh phí cho giáo viên và quảng cáo tuyển sinh.

Hình thức quản lý của hợp tác này thường là lập Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị do hai bên cử ra. Trường hợp tác sẽ do hiệu trưởng phụ trách dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Hiệu trưởng sẽ do hai bên giới thiệu và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Hiệu trưởng là người đưa ra phương án thiết lập cơ cấu quản lý và giảng dạy ở trường, đồng thời tiến cử những người phụ trách các phòng, ban với Hội đồng quản trị.

Hợp tác dự án là phương thức các cơ quan giáo dục Trung Quốc và cơ quan giáo dục nước ngoài không thành lập trường mà hợp tác khai triển các hoạt động giáo dục trên các phương diện môn học, ngành học, chương trình, đối tượng chiêu sinh chủ yếu là công dân Trung Quốc. Hiện nay, có các hình thức hợp tác dự án như sau:

a) Hình thức kết hợp: Trong quá trình đào tạo nhân tài kết hợp cả mô hình giảng dạy của hai trường phía Trung Quốc và phía nước ngoài. Cách làm là: sử dụng kế hoạch giảng dạy, đề cương giảng dạy, giáo trình và phương pháp giảng dạy của các trường hợp tác với nước ngoài; mời giáo viên nước ngoài đến Trung Quốc giảng bài, cử giáo viên Trung Quốc ra nước ngoài nâng cao trình độ; áp dụng các phương pháp giảng dạy của nước

ngoài như thảo luận trên lớp, giảng dạy theo án lệ, trải nghiệm thực tế; học sinh nghe giảng bằng hai thứ tiếng. Thông qua việc sử dụng hoàn toàn mô hình giảng dạy của nước ngoài, có thể đào tạo ra các nhân tài phù hợp với yêu cầu của thị trường quốc tế ở trong nước, đồng thời cũng đẩy mạnh cải cách nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy trong các trường Trung Quốc. Ưu điểm của phương thức này là đáp ứng yêu cầu của người dân được tiếp cận với nền giáo dục trình độ cao của nước ngoài, tránh được áp lực về kinh tế khi phải ra nước ngoài học tập; trong quá trình truyền đạt kiến thức, khắc phục được khoảng cách về giáo dục so với nước ngoài, có thể dần làm quen với phương pháp giảng dạy của nước ngoài, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục, đạt tiêu chuẩn quốc tế.

b) Hình thức liên kết: Giữ lại mô hình giảng dạy của đôi bên, mỗi bên sẽ đánh giá chương trình của đối tác, thông qua đó công nhận chứng nhận hoặc bằng học vị của phía đối tác. Hình thức liên kết chủ yếu có "hình thức 2+2", "1+2+1", "3+2". Hình thức "2+2" là học sinh học ở trong nước 2 năm, sau đó ra nước ngoài học 2 năm, đạt tiêu chuẩn sẽ được hai trường cấp bằng. Hình thức "1+2+1" là học sinh ở trong nước học 1 năm, ra nước ngoài học 2 năm, sau đó lại về nước học tiếp 1 năm, đạt tiêu chuẩn sẽ được hai trường cấp bằng. Hình thức "3+2" là học sinh ở trong nước học 3 năm, ra nước ngoài học 2 năm, đạt tiêu chuẩn sẽ được hai trường cấp bằng. Ngoài ra còn có hình thức "1+3", gần như hình thức dự bị đại học, học sinh ở trong

nước học 1 năm, chủ yếu học ngôn ngữ và một phần chương trình cơ sở, sau một năm, những ai đạt yêu cầu có thể đến các trường hợp tác ở nước ngoài để học tập. Ưu điểm của hình thức liên kết là kết hợp ưu thế của hai bên, có thể giúp học sinh trực tiếp ra nước ngoài tiếp nhận giáo dục của nước ngoài, hiểu biết thêm về môi trường, nếp sinh hoạt. Ngoài các kiến thức chuyên môn, còn có thể nâng cao trình độ ngoại ngữ, đồng thời đối với các học sinh mới tốt nghiệp phổ thông trung học, khi ra nước ngoài học sẽ tiết kiệm được khá nhiều chi phí.

c) Hình thức tản mạn: Thực hiện hội nhập giáo dục với quốc tế thông qua các hình thức mời các giáo viên nước ngoài sang Trung Quốc giảng dạy, giáo viên Trung Quốc ra nước ngoài học tập, tích lũy kinh nghiệm giảng dạy của nước ngoài, học sinh ra nước ngoài học tập, thực tập ngắn hạn. Đây là một hình thức tịnh tiến. Ưu điểm của hình thức này là có thể thông qua các con đường khác nhau học được kinh nghiệm tiên tiến của nước ngoài, tận dụng tài nguyên giáo dục của nước ngoài, nâng cao chất lượng giảng dạy của Trung Quốc, đào tạo ra các nhân tài phù hợp với yêu cầu của thị trường trong nước.

### **3. Tăng cường quản lý và giám sát hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài**

Cùng với sự xuất hiện ngày càng nhiều của các cơ quan giáo dục nước ngoài thông qua hình thức hợp tác với Trung Quốc, đã xuất hiện một số vấn đề đáng lưu tâm: cấp dự án không cao, trào lưu mở trường chỉ là bề mặt,

hiệu quả chưa rõ ràng; thiết kế chuyên ngành trùng lặp, chủ yếu tập trung ở các ngành nóng như ngoại ngữ, kinh tế, quản lý; hợp tác chưa quy chuẩn hoặc vi phạm pháp luật, một vài tài nguyên giáo dục nước ngoài chất lượng không cao.

Để giảm bớt các hiện tượng trên, bảo đảm hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài phát triển lành mạnh và có hiệu quả, cần căn cứ theo quy định của "Biện pháp thực hiện Điều lệ hợp tác mở trường giữa Trung Quốc và nước ngoài của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" tăng cường giám sát chặt chẽ.

Cần nghiêm túc thực hiện chế độ phê chuẩn các hợp tác mở trường và hợp tác dự án giữa Trung Quốc và nước ngoài. Trong các hợp tác, đối tác phía Trung Quốc cần căn cứ theo quy định, thông qua con đường hợp pháp thu hút tài nguyên giáo dục chất lượng cao của nước ngoài. Các giáo trình được sử dụng phải mang tính khoa học, tiên tiến, nội dung không được vi phạm hiến pháp và pháp luật Trung Quốc. Nên tiến hành kiểm tra chặt chẽ nội dung các giáo trình và chương trình du nhập vào Trung Quốc, kịp thời báo cáo ghi chép kết quả kiểm tra lên cơ quan phê chuẩn. Đối với một số chuyên ngành nhất định, đặc biệt là "chuyên ngành nóng", ngoài việc đáp ứng đủ nhu cầu của xã hội, nên cố gắng tránh tình trạng trùng lặp. Nên có chế độ quản lý hồ sơ học sinh theo quy định và phải báo cáo với cơ quan phê chuẩn. Ngoài ra, quảng cáo chiêu sinh, giới thiệu tuyển sinh cũng phải báo cáo với cơ quan phê chuẩn.

Cần kiểm tra theo định kỳ chất lượng giảng dạy và tình hình tài chính các cơ quan hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc với nước ngoài, công bố công khai kết quả điều tra trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đối với các trường và dự án hợp tác giữa Trung Quốc với nước ngoài có bằng tốt nghiệp được cấp bởi trường nước ngoài, đối tác bên Trung Quốc cũng phải là các trường có bậc giáo dục tương đương, chương trình và nội dung giảng dạy không được thấp hơn tiêu chuẩn và yêu cầu của trường nước ngoài, đồng thời bằng được cấp phải được nước phía trường nước ngoài công nhận. Các cơ quan và dự án hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài được cấp bằng học vị hằng năm cần thông qua mạng, báo chí công bố với xã hội tiêu chuẩn và tình hình cấp bậc, loại hình đào tạo, thiết kế chuyên ngành, quy mô tuyển sinh, mức phí. Các cơ quan hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài hằng năm cần công bố báo cáo tình hình tài chính và kết quả kiểm toán.

Cần từng bước quy chuẩn các hoạt động hợp tác, làm cho hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài thực sự trở thành con đường du học không cần ra nước ngoài. Trong hợp tác, đối tác bên phía Trung Quốc hằng năm cần báo cáo với cơ quan phê chuẩn tình hình hợp tác, nội dung bao gồm tình hình chiêu sinh, thiết kế chương trình, đội ngũ giáo viên, chất lượng giảng dạy, tình hình tài chính. Cơ quan phê chuẩn nên tổ chức hoặc ủy quyền cho tổ chức trung gian của xã hội tiến hành đánh giá chất lượng giáo dục của các hợp tác giáo dục có cấp bằng học vị theo

nguyên tắc công khai, công bằng, minh bạch, đồng thời công bố kết quả đánh giá với toàn xã hội.

#### IV- TRIỂN KHAI VÀ TĂNG CƯỜNG GIAO LƯU GIÁO DỤC GIỮA TRUNG QUỐC VÀ NƯỚC NGOÀI

Giao lưu giáo dục có thể chia thành "giao lưu nổi" và "giao lưu ngầm". "Giao lưu nổi" tức là những giao lưu có thể nhìn được bằng mắt, sờ được bằng tay người và sự vật, như các hợp tác đưa và đón lưu học sinh, trao đổi chuyên gia giáo dục, mô phỏng chế độ giáo dục, du nhập thiết bị giảng dạy tiên tiến, giao lưu tài liệu, tặng và nhận tài chính cho giáo dục, dự án giáo dục. "Giao lưu ngầm" chủ yếu chỉ những ảnh hưởng, dung hòa, thu nhận các quan niệm giáo dục, tư tưởng giáo dục, phương pháp giáo dục, những yếu tố này chỉ có thể cảm nhận, ý thức, khó có thể nhìn hay sờ thấy được. Có thể nói, "giao lưu nổi" và "giao lưu ngầm" là một chỉnh thể thống nhất, bất cứ giao lưu nào cũng có vật chất, hành vi, tư tưởng và quan niệm. Giáo dục nổi nếu xét về tầng cấp có thể chia thành giao lưu giữa các chính phủ, giao lưu giữa các tổ chức trong nhân dân và giao lưu giữa các trường. Triển khai và tăng cường giao lưu giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài, chính là sự sáng tạo về hình thức và nội dung, bao quát đến chính phủ, tổ chức trong nhân dân và các trường, hình thành giao lưu giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài trên mọi phương diện và qua nhiều con đường.



## **1. Triển khai giao lưu giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài trên mọi phương diện**

Giao lưu quốc tế là cơ sở của mở cửa giáo dục. Nếu không có giao lưu, đôi bên sẽ không hiểu về nhau, càng không thể hợp tác với nhau. Cần quán triệt nguyên tắc "Mở rộng các kênh giao lưu, thúc đẩy giao lưu, tập trung vào trọng điểm, thực sự đạt hiệu quả", tạo nên nhiều kênh giao lưu quốc tế, triển khai giao lưu giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài đa tầng cấp, đa hình thức, chú ý học tập và đúc rút kinh nghiệm giáo dục của nước ngoài. *Một là*, tận dụng các kênh giao lưu sẵn có của các tỉnh, thành phố, trường tốt, mở rộng phạm vi giao lưu, tạo nên quan hệ giao lưu ổn định, triển khai các hoạt động giao lưu tương đối ổn định. *Hai là*, tận dụng các điều kiện thuận lợi, tìm các đối tác giao lưu và hợp tác mới. Mỗi trường đại học, cao đẳng nên thiết lập quan hệ ít nhất với một trường nước ngoài, để tiến hành giao lưu, trao đổi về kinh nghiệm, chương trình, giáo viên. *Ba là*, khuyến khích các trường đại học, cao đẳng có điều kiện tổ chức đưa sinh viên ra nước ngoài học tập một thời gian, mở rộng tầm mắt, trải nghiệm trực tiếp các nền văn hóa khác nhau. *Bốn là*, tận dụng các hội thảo học thuật quốc tế và các hoạt động về học thuật do nước ngoài tổ chức, ủng hộ và khuyến khích giáo viên tham gia các giao lưu học thuật quốc tế, kịp thời nắm bắt được tin tức, động thái, xu hướng của các lĩnh vực có liên quan, mở rộng tầm nhìn của giáo viên với học thuật quốc tế, nhân dịp đó,

tiếp xúc, tìm hiểu đối tượng hợp tác, để tìm cơ hội hợp tác thích hợp.

## **2. Mở rộng thị trường dịch vụ giáo dục ra nước ngoài**

Phát huy ưu thế giáo dục của các trường đại học, cao đẳng của Trung Quốc và tỉnh Giang Tô, nỗ lực mở rộng thị trường dịch vụ giáo dục ra nước ngoài, làm tăng sức ảnh hưởng của giáo dục tỉnh Giang Tô đối với quốc tế. Thông qua các kênh thu hút học sinh đến Trung Quốc học tập, hợp tác với nước ngoài, phát triển giảng dạy Hán ngữ đối ngoại, tích cực tham gia cạnh tranh thương mại dịch vụ giáo dục quốc tế, chiếm thị phần trong thị trường dịch vụ giáo dục quốc tế, từng bước tạo được thế cân bằng giữa số lưu học sinh đến Trung Quốc và số du học sinh ra nước ngoài. Các trường "Công trình 211" và một bộ phận các trường đại học, cao đẳng có ưu thế, cần thu hút các lưu học sinh nước ngoài tham gia vào các công tác và quy hoạch phát triển của trường..., coi đó là nội dung quan trọng để trường tiếp cận với thế giới, nỗ lực nâng cao tỷ lệ lưu học sinh nước ngoài trong tổng số sinh viên của trường. Khuyến khích các trường có điều kiện mở "trại hè cho học sinh nước ngoài", "kế hoạch học tập vào kỳ nghỉ", để thu hút lưu học sinh nước ngoài đến Trung Quốc học ngắn hạn. Tổ chức định kỳ các triển lãm giáo dục ở nước ngoài, tăng cường tuyên truyền giáo dục Trung Quốc. Hoàn thiện các quy định về học bổng cho lưu học sinh, bảo hiểm y tế. quản lý học tập, ký túc xá, công bố với quốc tế cam kết về

chất lượng và dịch vụ giáo dục, tạo mọi điều kiện thuận lợi để mở rộng quy mô lưu học sinh. Khuyến khích các trường có điều kiện lập các cơ sở giáo dục ở nước ngoài. Trước bối cảnh sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, nhu cầu về nhân tài tiếng Hán ngày càng tăng lên, cần nắm bắt được cơ hội này, thành lập các trung tâm giảng dạy tiếng Hán và văn hóa Trung Hoa ở nước ngoài, giới thiệu đến bạn bè quốc tế văn hóa đặc sắc của dân tộc Trung Hoa.

### **3. Tận dụng tài nguyên ưu việt của nước ngoài đào tạo, bồi dưỡng giáo viên**

Giáo viên là gốc của trường, công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cần tận dụng hai thị trường, hai nguồn tài nguyên trong và ngoài nước. Cần đưa công tác đào tạo, bồi dưỡng vào quy hoạch tổng thể xây dựng đội ngũ nhân tài của địa phương và quy hoạch tổng thể xây dựng đội ngũ giáo viên của trường, kết hợp công tác này với việc xây dựng các môn trọng điểm, phòng thí nghiệm trọng điểm và dự án trọng điểm, dần dần nâng tỷ lệ người từng đi du học trong các vị trí lãnh đạo và người đứng đầu các ngành ở trường lên khoảng 50%, đồng thời nỗ lực đào tạo ra những người đứng đầu các ngành có trình độ tương đương với thế giới. Quán triệt phương châm "ủng hộ du học, khuyến khích về nước, tự do đến và đi", phát huy tác dụng của kênh du học tự phí, hướng dẫn và hỗ trợ về kinh phí cho du học tự phí thông qua các hình thức hợp lý, đào tạo và dự trữ nhân tài cho sự phát triển lâu dài của trường và địa phương. Quán triệt yêu cầu cơ bản "cam kết đưa đi, vi

phạm chịu phạt", mở rộng quy mô du học bằng học bổng, bên cạnh học bổng của Nhà nước, cần khuyến khích học bổng của địa phương và đơn vị. Thực hiện kết hợp giữa đào tạo ngắn và trung hạn với giáo dục cấp bằng học vị, đào tạo ngắn và trung hạn có thể cử đi theo nhóm, nâng cao số lượng giáo viên cốt cán, giáo viên còn thiếu trong một số ngành.

#### **4. Tăng cường nhập tài nguyên chương trình**

Giáo trình thể hiện nội dung giảng dạy, chất lượng giáo trình có ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nhân tài ở một mức nhất định. Cần đặt ra các kế hoạch, tổ chức đội ngũ, phân công hợp tác, nhập một số giáo trình tiên tiến trong các chuyên ngành kỹ thuật cao, chuyên ngành mang tính thông dụng trên quốc tế, qua đó đổi mới giáo trình, nâng cao trình độ giảng dạy.

## LỜI KẾT

Theo yêu cầu của Ủy ban biên soạn giáo trình chương trình đào tạo lãnh đạo, cán bộ Đảng, Chính phủ, tháng 2-2006, Sở Giáo dục tỉnh Giang Tô đảm nhận trách nhiệm biên soạn "Giáo trình hiện đại hóa giáo dục", thành lập đội ngũ biên tập do Giám đốc sở Vương Bân Thái làm chủ biên, thành viên bao gồm Hồng Lưu - Chủ nhiệm Văn phòng Sở Giáo dục tỉnh Giang Tô; Dương Cửu Tuấn - Viện phó Viện Nghiên cứu Khoa học giáo dục tỉnh Giang Tô; Ngụy Sở Khang - Chủ nhiệm Trung tâm Nghiên cứu phát triển giáo dục; Bành Cương - Trưởng phòng Nghiên cứu giáo dục cơ sở; Dương Hiểu Giang - Viện trưởng Viện Đánh giá giáo dục tỉnh Giang Tô. Ban biên tập dưới sự chỉ đạo của chủ biên đã học tập, lĩnh hội các văn bản có liên quan, nắm rõ yêu cầu biên soạn, trên cơ sở nhiều lần thảo luận nghiên cứu, xác định khung tổng thể, đưa ra đề cương, chọn thành viên nghiên cứu viết bài.

Các thành viên tham gia biên soạn như sau: Chương 1: Mã Duy Na; Chương 2: Dương Hiểu Giang, Ngô Nhân Lâm, Ngụy Sở Khang; Chương 3: Hứa Khang Dự, Ngụy Sở Khang, Ngô Nhân Lâm; Chương 4: Bành Cương, Vương

Nhất Quân; Chương 5: Nguyễn Sở Khang; Chương 6: Hoàng Chính Bình; Chương 7: Nguyễn Sở Khang, Mã Chính Lý; Chương 8: Tôn Khổng Ý, Tống Húc Phong; Chương 9: Tống Húc Phong; Chương 10: Ngô Nhân Lâm, Nguyễn Sở Khang, Vương Viêm.

Bản thảo sau nhiều lần chỉnh sửa, đã được tiến hành trưng cầu ý kiến. Chủ biên soát lại bản thảo, đưa ra ý kiến chỉnh sửa, các đồng chí ở phòng, ban, Sở Giáo dục, phòng nghiên cứu của Viện Giảng dạy Khoa học cũng đóng góp nhiều ý kiến có giá trị. Sau khi cơ bản hình thành, đồng chí Dương Cửu Tuấn, Nguyễn Sở Khang, Bành Cương cùng chỉnh sửa theo các ý kiến đã đóng góp, cuối cùng chủ biên duyệt và sửa toàn bộ giáo trình.

Trong quá trình biên soạn, đã nhận được sự chỉ đạo sát sao từ phía Ủy ban tỉnh Giang Tô, Ủy ban trường Đảng tỉnh Giang Tô, Ủy ban chỉ đạo biên soạn giáo trình chương trình đào tạo "trăm, nghìn, vạn" lãnh đạo, cán bộ Đảng, Chính phủ của tỉnh Giang Tô, nhiều lần mời chuyên gia đọc đề cương và bản thảo, đưa ra ý kiến chỉ đạo cụ thể.

Để hoàn thành nhiệm vụ biên soạn, ban biên tập đã nỗ lực hết mình, nhưng do còn thiếu kinh nghiệm biên soạn giáo trình cho các cán bộ, lãnh đạo, trình độ hiểu biết về hiện đại hóa giáo dục còn chưa cao, nên không tránh khỏi có sai sót. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp từ các bạn đọc, đặc biệt là các cán bộ, lãnh đạo.

# MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
Nỗ lực bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo cốt cán đủ sức đảm đương trọng trách "hai dẫn đầu" (Thay lời tựa) <i>Lý Nguyên Chiêu</i>	7
<i>Chương I</i>	
<b>Ý NGHĨA VÀ GIÁ TRỊ CỦA VIỆC HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC</b>	13
I- Nội hàm cơ bản và đặc trưng chủ yếu của hiện đại hóa giáo dục	14
II- Hiện đại hóa giáo dục là lựa chọn tất yếu để Giang Tô phát triển	57
<i>Chương II</i>	
<b>MỤC TIÊU HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC CỦA GIANG TÔ</b>	73
I- Xác định căn cứ chủ yếu của mục tiêu hiện đại hóa	74
II- Chỉ tiêu chủ yếu để Giang Tô thực hiện hiện đại hóa giáo dục	96
III- Xây dựng, hiện đại hóa giáo dục cấp huyện	115
	575

### *Chương III*

<b>HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG GIÁO DỤC</b>	<b>126</b>
I- Yêu cầu tổng thể của việc xây dựng hệ thống giáo dục	126
II- Xây dựng và không ngừng hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân	130
III- Xây dựng và không ngừng hoàn thiện hệ thống giáo dục suốt đời	149
IV- Xây dựng và không ngừng hoàn thiện hệ thống giáo dục chất lượng cao	170

### *Chương IV*

<b>HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC VÀ CÔNG BẰNG TRONG GIÁO DỤC</b>	<b>192</b>
I- Công bằng là bản chất cơ bản của giáo dục	192
II- Phân bổ hợp lý tài nguyên, thúc đẩy giáo dục phát triển cân bằng	201
III- Hoàn thiện xây dựng chế độ, bảo đảm giáo dục cho nhóm đối tượng yếu thế	216

### *Chương V*

<b>HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC VÀ ĐẦU TƯ GIÁO DỤC</b>	<b>229</b>
I- Đầu tư cho giáo dục là sự bảo đảm về mặt tài chính cho hiện đại hóa giáo dục	230
II- Đầu tư giáo dục chính là đầu tư chiến lược cho chủ thể phát triển	239
III- Muốn đẩy mạnh hiện đại hóa giáo dục cần tăng cường đầu tư cho giáo dục	244



IV- Xu thế mới trong đầu tư cho giáo dục của thế giới kể từ sau khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai tới nay	249
V- Sự đột phá về mặt thể chế trong đầu tư giáo dục ở Trung Quốc và những mâu thuẫn hiện thực	258
VI- Xây dựng cơ chế đầu tư đa dạng nhằm bảo đảm sự tăng trưởng ổn định cho kinh phí giáo dục	279

### *Chương VI*

## **HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC VỚI XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN**

I- Vai trò của xây dựng đội ngũ giáo viên trong hiện đại hóa giáo dục	305
II- Mục tiêu và nhiệm vụ trong xây dựng đội ngũ giáo viên	320
III- Xây dựng đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên	334
IV- Bảo đảm về mặt cơ chế cho xây dựng đội ngũ giáo viên	347

### *Chương VII*

## **HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC VỚI CẢI CÁCH CƠ CHẾ GIÁO DỤC**

I- Cải cách cơ chế giáo dục là động lực quan trọng của hiện đại hóa giáo dục	356
II- Xây dựng cơ chế mở trường đa dạng, lấy chính phủ làm chủ đạo	388
III- Xây dựng cơ chế quản lý vĩ mô phân định rõ chức trách và quyền hạn	401
IV- Kiện toàn cơ chế vận hành nhà trường tự chủ, tự chịu trách nhiệm	409

### *Chương VIII*

## **HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

### **NHÂN TÀI**

**422**

- I- Mục đích cơ bản của hiện đại hóa giáo dục là đào tạo nhiều nhân tài **422**
- II- Chính sách quốc gia thúc đẩy toàn diện giáo dục tổ chức **438**
- III- Tăng cường bồi dưỡng tư tưởng đạo đức cho thanh, thiếu niên **448**
- IV- Tích cực tiến hành cải cách chương trình và giảng dạy **462**
- V- Tích cực đẩy mạnh cải cách chế độ thi và đánh giá **481**

### *Chương IX*

## **HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC VÀ SÁNG TẠO**

### **TRI THỨC**

**496**

- I- Khả năng sáng tạo tri thức là tiêu chí quan trọng thể hiện mức độ hiện đại hóa giáo dục **496**
- II- Tăng cường nâng cao trình độ sáng tạo khoa học - kỹ thuật trong các trường đại học, cao đẳng **509**
- III- Nỗ lực tạo môi trường có lợi cho sáng tạo khoa học - kỹ thuật ở các trường đại học, cao đẳng **518**
- IV- Tích cực phát huy vai trò quan trọng của triết học xã hội **526**

### *Chương X*

## **HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC VÀ MỞ CỬA**

### **GIÁO DỤC**

**535**

- I- Giáo dục hiện đại hóa là giáo dục mở **535**

II- Thu hút và tận dụng nguồn trí lực nước ngoài	552
III- Tích cực thúc đẩy hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài	559
IV- Triển khai và tăng cường giao lưu giáo dục giữa Trung Quốc và nước ngoài	568
<i>Lời kết</i>	573

Chịu trách nhiệm xuất bản  
TS. NGUYỄN DUY HÙNG  
Chịu trách nhiệm nội dung  
ThS. NGUYỄN VĂN TRỌNG

Biên tập nội dung: TS. HOÀNG MẠNH THẮNG  
VŨ QUANG HUY  
Trình bày bìa: PHẠM THÚY LIỄU  
Chế bản: NGUYỄN QUỲNH LAN  
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT  
Đọc sách mẫu: VŨ QUANG HUY

---

In 400 cuốn khuôn khổ 14,5x20,5cm Tại công ty CP in truyền thông Việt Nam  
In theo số đăng ký xuất bản: 27-2014/CXB/32-60/CTQG  
Quyết định xuất bản số: 4170-QĐ/NXBCTQG cấp ngày 21 tháng 01 năm 2014  
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2014

